

VIỆT LINH



TAUUNGAN

EC SỞ PIÖRN

TRUYỀN HÌNH DẠO
KHOA HỌC 87 THUẬT

ĐIỀU HÀNH VÀO 2000

TRƯỜNG



Viết Linh

**BÍ MẬT TÀU NGẦM ÉC-SƠ-PLÔ-
RA**

Khổ sách: 13cmX19cm

Số trang: 222

Thể loại: tình báo khoa học kỹ thuật

Nhà xuất bản Hải phòng – 1985

Đánh máy: tamchec, muatatnang, conguyen, Totochan,
BacNguyen, Alice, lemontree123 và 4DHN

LỜI GIỚI THIỆU

Sau nền văn minh cổ đại, châu Âu bị giai cấp phong kiến chìm vào đêm, dài trung cổ suốt mười lăm thế kỷ. Nhiều lĩnh vực, trong đó có khoa học kỹ thuật đã bị kìm hãm.

Phát minh ra nghề in, việc dùng chữ đúc kim loại của người Đức Giô-han Quy-ten-béc năm 1455 khiến tư tưởng và tri thức được truyền bá nhanh chóng, rộng rãi; sự phát hiện ra châu Mỹ của nhà hàng hải Cri-xtốp Cô-lông năm 1490 đã mở rộng sự hiểu biết của con người, đã đánh thắng nhiều quan niệm lạc hậu. Hai sự kiện này có thể xem là một cái mốc nổi bật đánh dấu chuyển biến nhiều mặt trong đó có khoa học kỹ thuật ở châu Âu. Cả một châu lục từ thời trung cổ bước sang thời đại phục hưng. Từ đây, châu Âu ở vào một giai đoạn sôi nổi với những phát minh có tầm quan trọng đặc biệt dẫn đến sự chuyển mình lớn trong cuộc cách mạng kỹ thuật lần thứ nhất (còn gọi là cách mạng công nghiệp thế kỷ XVIII). Cuộc cách mạng này bắt đầu từ Anh và cũng sôi sục nhất ở nước này.

Để rút ngắn thời gian nghiên cứu và có thể nhanh chóng bắt tay vào sản xuất hàng loạt những mặt hàng quan trọng hòng tranh giành quyền lợi, bọn gián điệp khoa học kỹ thuật và kinh tế đã không ngừng hoạt động với bất kỳ một thủ đoạn nào đã mua bán hoặc đánh cắp những bí mật của nhau đồng thời ra sức tìm mọi cách giấu kín bí mật của mình. Hành động của chúng đã dẫn đến không biết bao nhiêu bi kịch cho những tài năng, những nhà khoa học chân chính, yêu nước và người dân lương thiện.

Cách mạng tháng Mười Nga thành công chẳng những phá vỡ một mắt xích quan trọng trong hệ thống đế quốc mà còn đập tan giấc mộng làm giàu của nhiều tên tư bản nước ngoài, song âm mưu kiếm lời và nhòm ngó tài nguyên đất nước Xô viết của chúng vẫn không giảm. Với lòng yêu nước

nồng nàn và ý thức độc lập tự chủ, với tinh thần cảnh giác cao độ, nhân dân và các cán bộ khoa học Liên Xô đã bẻ gãy mọi ý đồ đen tối của chúng.

Nhân dân Liên Xô là những người đổ máu nhiều nhất trong Đại chiến thế giới lần thứ hai và chính họ đã góp phần lớn vào việc đánh bại chủ nghĩa phát xít nhưng lợi dụng sự thất bại của nước Đức Hít-le, bọn gián điệp Anh, nhất là Mỹ đã giành giật những bí mật quân sự của Đức và bắt đi nhiều nhà bác học Đức mang về nước mình để khai thác chất xám của họ phục vụ mục đích chiến tranh chống nhân loại của chúng. Chúng không từ một thủ đoạn dã man nào để đạt được ý đồ này nhằm rút ngắn thời gian chế tạo và hoàn chỉnh những vũ khí quân sự hiện đại hòng chống lại Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa mà sau Đại chiến lần thứ hai, thực sự đã thành một hệ thống ngày càng lớn mạnh.

Với bảy truyện ngắn sinh động, Bí mật tàu ngầm Éc-sơ-plô-ra đã đề cập đến một số sự kiện có thật xảy ra trong thời gian dài ở châu Âu suốt từ thế kỷ XVI đến năm 1945. Vượt khỏi nội dung thường gặp ở một số truyện thuộc thể loại tình báo, Bí mật tàu ngầm Éc-sơ-plô-ra đã cung cấp những tri thức nhất định và giúp người đọc có thái độ đúng khi nhìn nhận cuộc sống, có hành động đúng chống lại âm mưu phá hoại nhiều mặt của kẻ thù và bảo vệ những tài sản quý giá của Tổ quốc.

Xin trân trọng giới thiệu tập truyện với bạn đọc.

NHÀ XUẤT BẢN HẢI PHÒNG

NGƯỜI CHẾ TẠO ĐỒ SỬ

Nghe tiếng bánh xe ngựa lọc cọc, Bi-ốt-ghe vội mở mắt choàng tỉnh dậy. Trời! Chẳng lẽ đã sáng rõ đến thế này rồi cơ à? Bi-ốt-ghe dụi mắt, nhìn ra. Quả nhiên ánh nắng đã xuyên qua khung cửa sổ chiếu xuống cái giá trên tường dựng bát đĩa. Những cái đĩa xam xám, cũ kỹ ngày thường nom đã xấu xí; giá có ánh nắng rọi vào lại càng phô bày cái màu xám xịt như bám đầy cáu ghét vậy.

Bi-ốt-ghe tung chăn, xỏ chân vào đôi giày cũ đã há mồm cứ thế chạy một mạch tới hiệu bào chế thuốc Xoóc-nơ. Bi-ốt-ghe rất biết tính ông chủ mình. Chỉ cần cậu đến chậm độ mười lăm phút hoặc làm điều gì trái ý lão chủ một chút là có thể bị đuổi ngay khỏi hiệu.

Thời buổi khó khăn ở cái vương quốc Xắc-xôm này, công việc thì ít, người làm thì nhiều, bao người có nghề trong tay mà còn thất nghiệp huống chi là lũ trẻ mười ba, mười bốn đi học việc như Bi-ốt-ghe này!

Hiệu thuốc kia rồi! Mấy cánh cửa gỗ đã nhắc ra. Bi-ốt-ghe vội rón rén đi vào. Thì ra bác vú đi ở cho nhà lão Xoóc-nơ, vốn thương chú bé học việc nên đã mở giúp cửa cho cậu. Thấy Bi-ốt-ghe tới, bác ta đang lau dờ tấm cửa kính ngoài quầy hàng vội đưa miếng giẻ lau cho Bi-ốt-ghe rồi khẽ đưa mắt vào nhà trong như ra hiệu cho chú bé giúp việc hãy coi chừng.

Quả nhiên chỉ một lúc sau, lúc bác vú vừa xuống bếp thì trong phòng ngủ của ông chủ đã vang lên tiếng ngáp rõ dài, kèm theo là một câu hỏi cầu nhàu:

- Cái thằng chết dẫm Bi-ốt-ghe đã đến chưa ấy nhỉ?

Bi-ốt-ghe vội đáp:

- Cháu đã đến rồi ạ! Cháu đang lau tủ kính ạ!

- Có nhanh tay lên không mà còn rửa chai lọ chứ! Tao sắp dậy pha thuốc đây! Hừm... - Lão chủ vừa càu nhàu khặc nhổ bừa bãi.

- Vâng ạ! - Bi-ốt-ghe lau xong mặt kính bưng một sọt chai lọ ra bể nước trong sân. Cậu vừa đi vừa mỉm cười sung sướng: “May mà lão ta không biết mình đến muộn”.

Tiếng là học việc ở hiệu bào chế thuốc nhưng có bao giờ Bi-ốt-ghe được pha thuốc. Công việc chủ yếu của cậu tạ là rửa chai lọ, lau chùi dụng cụ, đồ đạc trong hiệu thuốc.

Bi-ốt-ghe thấy thềm cái cảnh được mặc một chiếc áo choàng trắng, đội mũ trắng bỏ một thứ bột thuốc nào đó vào một cái ống đo rồi dùng một chiếc thìa thủy tinh vừa khẽ khuấy đều vừa đổ một thứ thuốc nước khác vào, thế là trong cái ống đo thủy tinh đó: thứ nước xanh màu nước biển tự nhiên bốc khói như sôi lên sùng sục rồi chuyển dần sang màu đỏ tươi. Thế là từ thứ thuốc màu đỏ này, người ta sẽ pha thêm nước cất hoặc cồn vào rồi đổ ra những cái lọ con đem bán. Khách hàng chỉ việc mua về, đem bôi lên chỗ mụn nhọt là khỏi.

“Không biết đến bao giờ, mình mới được đổ thứ thuốc này vào với thứ thuốc kia để pha chế thuốc thành một loại thuốc chữa bệnh”. Bi-ốt-ghe vừa buồn rầu suy nghĩ vừa rửa chai lọ. Có lẽ vì biết được những loại “thuốc” kỳ diệu này, nên Bi-ốt-ghe đã không rửa chai lọ bình thường vì làm như vậy rửa đỡ tốn công, mất nhiều thì giờ. Anh thường ngâm chai lọ vào nước tro bếp một đêm, để rồi sáng hôm sau mới dùng cát, tro để súc kỹ. Những chai thuốc! Có khi thứ thuốc chỉ đáng giá có năm hào thì lão chủ sẽ bán thành năm đồng, nghĩa là tăng giá lên gấp mười lần sau khi đã trang trí vào vỏ chai cho đẹp lên, chú ý từ cái nhãn hiệu dán ngoài tới cái nút chụp giấy bóng đỏ, cắt thành những cái dải nhỏ loăn xoăn rất đẹp.

Không hiểu sao dạo này đi đến đâu, Bi-ốt-ghe cũng nghe người ta nói tới việc chế tạo vàng. Chỉ cần có được “hòn đá triết lý” trong tay, thế là đem bất cứ thứ kim loại gì tới, sắt hay đồng, chì hay thiếc cứ hễ đụng phải là biến ra vàng cả.

Chiều nay, Bi-ốt-ghe đi làm về muộn vì mấy ông khách tới mua thuốc chậm. Đóng cửa xong, Bi-ốt-ghe rảo bước đi. Tới một cái xó tối hơi khuất ở góc phố, bỗng Bi-ốt-ghe nom thấy có bọc gì của ai đánh rơi ở đó. Cậu cúi xuống nhặt lên và mở ra: một cuốn sách chép tay của một nhà giả kim thuật nào đó dạy cách chế tạo vàng.

Tối hôm đó, cơm nước xong. Bi-ốt-ghe thắp đèn lên, đóng cửa lại đọc ngấu ngiến những dòng chữ chi chít ghi trong cuốn sách.

Bi-ốt-ghe gấp cuốn sách lại, mặt lộ đầy vẻ trầm ngâm suy nghĩ. Trước mắt Bi-ốt-ghe như đang hiện ra một thành phố cổ kính nào đó đường phố thì hẹp đến mức tưởng chừng một chiếc xe ngựa cũng không đi nổi; phố nào cũng ngoằn nghèo hai bên mọc lên hàng dãy nhà nhỏ bé tường mốc xanh rì đang cố chen chúc nhau bằng cách vươn cao những mái nhọn kiểu gô-tich lên trời. Nhà nào nhà nấy cửa đóng im im suốt ngày đêm.

Chỉ những người tinh mắt và để ý theo dõi thật kỹ trong đêm khuya mới thấy thỉnh thoảng có một làn khói xanh huyền ảo bốc lên từ một mái nhà nào đó. Bi-ốt-ghe giở cuốn sách ra xem. Anh chăm chú nhìn vào bên trong một trong những ngôi nhà tỏa khói đó. Bức tranh vẽ nên cảnh một nhà giả kim thuật làm việc trong phòng thí nghiệm.

Đó là một ông lão đã già, râu tóc bạc phơ, trán hói lên tận đầu. Ông ta mặc một chiếc áo dài như một vị tu sĩ, một tay cầm một cái giống như cái muôi không hiểu là đang hứng một chất lỏng gì từ trong một cái vòi thủy tinh đang chảy ra, nhỏ giọt; tay kia của nhà giả kim thuật lại đặt vào một cái bình cát đặt trên lò lửa cháy rùng rục.

Xung quanh ông ta bên phải, bên trái, trên giá cao, trên tường chỗ nào cũng thấy để la liệt những chai lọ, những bình cầu, bình cổ cong, nào ai mà biết được trong đó có đựng chất gì.

Một cái sọ người trắng hếu đặt trên, cái giá gỗ nhỏ lúc nào cũng như nhăn rãnh ra cười và giương hai hốc mắt sâu hoắm ra nhìn công việc say sưa của nhà giả kim thuật. Mà nào đã hết, còn có những con dơi to, cá sấu,

chim cú nhồi rơm, da mồi đen sì càng làm cho nơi này trở nên huyền bí hơn.

Giá như không có tiếng kéo bễ phì phò tại một bếp than hồng gần đấy, thì có lẽ cũng khó mà nhận ra một người giúp việc còn trẻ, hai tay áo xắn cao, mặt đầy mồ hôi nhễ nhại đang nai lưng ra làm. Bên cạnh cũng đủ cả kìm, kẹp nom tựa tựa như một lò rèn nhưng cạnh đấy lại có cối, chày, thuyền tán, bình, chậu... để trên một cái ghế dài.

Trong một chiếc nồi cất, nước vẫn sôi sùng sục. Đôi mắt nhà giả kim thuật vẫn không rời khỏi cái muôi, hết đổ nó vào bình này lắc lắc; ông ta lại chuyển sang một cái bình khác để khuấy trộn. Thình thoảng ông ta lại giở sách ra tra cứu mà sách càng bày la liệt trên bàn đủ các loại dày, mỏng, to, nhỏ.

Những lúc mệt mỏi, nhà giả kim thuật lại ngả lưng tựa vào chiếc ghế bành, tay sờ vào bộ râu rậm. Rồi ông ta lầm rầm đọc thần chú như cầu xin một đấng thần thánh cao siêu nào đó phù hộ cho ông sớm luyện được ra vàng.

Bi-ốt-ghe thấy vận may đã đến với anh. Mình làm việc ở hiệu thuốc thì thiếu gì chai lọ, bình để pha chế để tìm ra hòn đá triết lý. Trước việc cậu bé giúp việc xin ngủ lại ở ngay hiệu thuốc, lão chủ thấy chẳng có gì là phiền toái cả: hiệu thuốc đến đêm đóng cửa, Bi-ốt-ghe cứ lấy mấy tấm ván ra kê ở giữa nhà mà ngủ cũng chẳng có sao! Hơn nữa, nó lại trông nhà cho.

Vả lại Bi-ốt-ghe tiếng là học việc đấy nhưng thật ra công việc chủ yếu của nó là rửa chai lọ, quét dọn nhà cửa và làm tất cả công việc vặt trong nhà y như kẻ hầu người hạ vậy. Tối đến nhà có khách, có sai nó ra đầu phố mua cân thịt quay hay chai rượu, chắc cũng chẳng khó khăn gì.

Từ ngày Bi-ốt-ghe tới ở hiệu thuốc, Lão chủ cũng phải công nhận đó là một cậu bé hiếu học, tối nào cũng chong đèn đọc sách tới khuya. Hôm nào không đọc sách thì Bi-ốt-ghe tắt đèn đi ngủ sớm chứ không chơi bời, la cà ngoài phố như đám trẻ hư hỏng khác.

Nhưng mấy hôm nay có điều hơi lạ là lão chủ rõ ràng nom thấy Bi-ốt-ghe tắt đèn đi ngủ từ sớm thế mà ngày hôm sau, cậu học việc này mắt cứ đỏ hoe, rửa chai lọ được một tý đã uể oải, ngáp ngáp ngáp dài. Khi sai Bi-ốt-ghe lấy chày cối ra tán một loại thuốc bột, lão chủ để ý thấy cậu học việc này có lúc lại bỏ cả chày ra ngoài... cối mà nghiền: thì ra Bi-ốt-ghe ngủ gật. Thật là... thật là lạ.

Nếu vậy thì... lão chủ bắt đầu nghi ngờ Bi-ốt-ghe. Vậy thì ban đêm hẳn đi đâu? Hay hẳn làm gì lúc nửa đêm? Việc này phải tìm cho ra lẽ mới được!

Chiều nay, ngay trong lúc pha chế thuốc, lão chủ đã nói dóng cho mọi người biết là lão đi dự tiệc mừng sinh nhật một người bạn, cũng làm nghề bào chế thuốc như lão ở cách xa đây tới mấy chục dặm. Do đó lão sẽ ngủ lại đêm ở đấy và gần trưa mai lão mới về.

Lão còn gọi riêng Bi-ốt-ghe ra một chỗ và bảo:

- Theo như dự báo thời tiết thì tối nay trở trời có thể có mưa, do đó cửa hàng phải cài then chặn kỹ ở phía trong.

Chiều hôm đó, mọi người làm việc ở hiệu bào chế thuốc Xoóc-nơ quả là có nom thấy ông chủ nghỉ việc sớm, ăn mặc khá sang trọng; bước lên xe ngựa, đi dự tiệc.

Nhìn cỗ xe lăn bánh, Bi-ốt-ghe thấy sung sướng trong lòng khi nghĩ tới công việc nghiên cứu của mình đêm nay...

... Sự thật thì lão chủ sau khi đã lên xe ngựa, lão bảo bác đánh xe đưa lão đến một quán rượu cách đấy không xa lắm. Cơm no rượu say xong, tới khuya, lão ta mới lững thững bách bộ quay về. Những người dân ở phố xá đã ngủ say, nhà nào nhà nấy đóng cửa im im. Lão đi tới đầu phố và thấy ở cửa hiệu thuốc của mình có ánh đèn hắt ra. Lão rón rén lại gần, ghé mắt vào khe cửa. Quả nhiên dưới ánh đèn lờ mờ, lão nom thấy cậu học việc của mình đang chăm chú nhìn vào cái cân tiểu ly, trên một đĩa cân là những viên, những hạt suyn-phát đồng xanh xanh. Lão tức uất lên tận cổ.

Thảo nào ít lâu nay cái bình đựng suyn-phát đồng cứ mỗi ngày một vơi dần. Với ngần kia suyn-phát đồng, lão có thể pha ra hàng trăm lọ thuốc đau mắt. Thế mà tên súc sinh này: thật đúng là “nuôi ong tay áo”. Lão cố nén cơn giận lại để xem tên này còn bày trò gì nữa, thì thấy Bi-ốt-ghe bỏ chỗ suyn-phát đồng này vào một cái bình cổ cong đựng một thứ nước ánh vàng đang sủi bọt sôi sùng sục. Phía dưới bình là một cái bếp đèn cồn, ngọn lửa bùng cháy xanh lè.

Thình thoảng Bi-ốt-ghe lại lấy chiếc đĩa thủy tinh ngoáy ngoáy vào bình rồi giơ lại gần ngọn đèn để nhìn cho rõ.

Lão xót xa nhìn cái bình thủy tinh mới mua khá đắt tiền mà hàng ngày lão quý như vàng. Loại bình này lão vừa đặt xưởng thủy tinh làm riêng cho lão, theo một kích thước đã quy định sẵn.

Bên cạnh Bi-ốt-ghe thấy bày la liệt những chai lọ đựng hóa chất. Rồi cả lưu huỳnh, chì, kẽm, thiếc và cả thủy ngân nữa.

“Không khéo tên này phá hoại cơ nghiệp nhà mình chắc?”. Lão chủ không nén được nữa, lão đập cửa thình thịch, miệng hét tướng lên:

- Mở cửa ngay! Mở cửa ngay! Bi-ốt-ghe!

Nhận ra đúng lão chủ, Bi-ốt-ghe hoảng quá. Cậu luống cuống, chưa biết thu dọn thế nào thì lão chủ đã đẩy được cửa, bước vào. Lão trợn mắt, quát tướng lên:

- Mà làm trò gì thế? Đồ súc sinh! Ra nuôi cái quân này từ trước đến nay, để cho nó phá hại à? Mà có biết cái bình thủy tinh của tao đáng giá bao nhiêu không? Cả gia sản nhà mà cũng không đủ mua được nó đâu!

Bi-ốt-ghe lúng túng đáp:

- Dạ, bẩm ông, cháu đang tìm cách chế ra.... vàng ạ!

- Ồi trời ơi! Chế ra vàng? - Lão chủ cười hô hố một lúc rồi mĩa mai nói - Này, mà nói đùa hay nói thật đấy! Chế ra vàng! Đâu đến loại khố rách áo ôm như mà! Nếu chế ra vàng được dễ dàng thì ời người đã làm giàu trước mà rồi. Thế mà có nhớ công việc của mà ở cái cửa hiệu

thuốc này không? Rửa chai lọ! Rửa chai lọ! Chỉ có thể thôi! Nếu như mà không bằng lòng với công việc đó thì cuốn gói khỏi đây, ngay lập tức.

Bi-ốt-ghe vốn biết tính lão chủ, hễ đuổi ai là lão đuổi thẳng cánh, đừng hòng lạy van xin xỏ gì cả.

Thế là ngay đêm hôm đó, Bi-ốt-ghe lững thững ra đi, tay xách túi quần áo cũ và cuốn sách dạy về chế tạo vàng.

Biết đi đâu bây giờ? Giữa đêm hôm khuya khoắt thế này? Anh kiếm lấy một cái hàng hiên, ngồi xuống vỉa hè, gục xuống ngủ đi chờ đến sáng hôm sau, quay về nhà.

Trong đêm tối lờ mờ, rõ ràng Bi-ốt-ghe nhìn thấy cổng nhà mình rồi mà anh vẫn còn chần chừ, chưa muốn bước vào.

Vừa lúc đó, bố anh đi làm đêm về, nom thấy con, ông vội hỏi:

- Sao con về nhà sớm thế?

Bi-ốt-ghe đành kể hết đầu đuôi câu chuyện cho bố nghe.

Nghe xong, ông bố thở dài, nói:

- Con đã mười bốn, mười lăm tuổi đầu rồi mà vẫn còn dại dột ngây ngô. Vàng là vàng, nếu chế được ra vàng thì ngay đến lão chủ của bố, lão cũng làm được từ lâu rồi. Thôi về nhà, chứ đứng ngoài này làm gì cho nó ốm người ra.

Biết suốt đêm qua, bố mình đi làm về đã mệt nhọc, giờ lại thấy Bi-ốt-ghe bị đuổi về, chắc là buồn lắm, anh đành lững thững theo bố bước vào nhà.

Vừa nom thấy Bi-ốt-ghe xách cái túi về, bà mẹ đã thở dài nảo nuột:

- Thế là con bị mất việc rồi à?

Ông bố vội đỡ lời hộ Bi-ốt-ghe:

- Nó... kể ra cũng là một đứa con trai thích nghiên cứu tìm tòi đây, nhưng giờ mà còn định chế ra vàng thì...

Bác hàng xóm Vác-ne nghe thấy vậy thì mỉm cười nói với vợ:

- Ra cái cậu này cũng có mộng làm giàu. Kế chế được ra vàng thì ông bố nghỉ việc, không phải đi làm vất vả ở xưởng đúc tiền nữa. Tha hồ mà phong lưu.

Thế là ngay sáng hôm đó, từ cửa miệng bác Vác-ne mà bà con hàng xóm quanh đây không ai là không biết chuyện Bi-ốt-ghe vì say mê nghiên cứu cách chế tạo vàng nên đã bị lão chủ hiệu thuốc Xoóc-nơ đuổi về.

Hàng ngày đời sống gia đình Bi-ốt-ghe vốn đã túng quẫn rồi, giờ lại phải nuôi thêm một miệng ăn nữa nên càng túng quẫn hơn. Bi-ốt-ghe lại càng đau khổ hơn khi nghe thấy những lời diễu cợt của hàng xóm. Có lần, Bi-ốt-ghe đang ngồi một mình, nhắm nháp một mẫu bánh mì con thì bác Vác-ne chợt nom thấy và bảo:

- Thôi, cậu Bi-ốt-ghe ạ! Hãy ăn tạm mẫu bánh đen đó, chờ cho khi nào chế được vàng rồi thì tha hồ ăn cao lương mỹ vị.

Ba tháng trời rỗng rã trôi qua ... Một hôm thấy cảnh gia đình túng thiếu quá, ông bố bèn gọi Bi-ốt-ghe lại và bảo:

- Con ạ! Có lẽ bố đành phải dẫn con đến gặp ông chủ hiệu thuốc để xin việc cho con vậy! Nhưng lần này thì thôi đừng có đại dột mà nghiên cứu, nghiên cứu kiếc gì nữa nhé.

Bi-ốt-ghe buộc lòng, phải lững thững đi theo bố đến hiệu thuốc Xoóc-nơ. Tới cửa hiệu, anh phải đứng ở ngoài để bố vào nhà nói trước với lão chủ cái đã. Mãi đến gần nửa giờ sau, lão chủ và bố Bi-ốt-ghe mới quay ra. Chờ cho ông bố cậu học việc về hẳn rồi, lão chủ mới bảo Bi-ốt-ghe vào một căn phòng thâm nghiêm ở nhà lão là nơi có đặt tượng đức chúa Giê-su và các vị thánh tông đồ, đứng giữa những cây nến trắng và bảo:

- Muốn học việc ở đây thì mày phải quỳ xuống thề trước đức Chúa trời là từ nay không được làm những thí nghiệm ma quái, bí mật ở hiệu thuốc Xoóc-nơ này nữa!

Bi-ốt-ghe quỳ xuống như một cái máy và lăm bắm làm dấu. Nhưng rồi chưa đầy hai tuần lễ sau, vào một đêm thanh vắng, lòng say mê nghiên cứu của anh lại trở dậy. Anh lần mò thắp đèn lên và lại lấy cái bình cổ cong ra, đặt những lọ hóa chất xuống cạnh đấy để pha pha chế chế.

Trong lúc anh đang đổ nước cất vào một cái ống đo thủy tinh chưa kịp lấy cái đĩa thủy tinh khuấy lên thì bỗng cánh cửa kẹt mở: lão chủ xúng xính trong bộ quần áo ngủ đã cầm đèn bước vào. Lão nghiêng răng ken két, nói:

- Hôm quay lại đây, mà đã thề trước Chúa rồi cơ mà!

Bi-ốt-ghe không nói không rằng. Anh hiểu rõ điều gì sẽ đến với anh. Anh vội thu dọn mấy cái quần áo cũ của mình bỏ vào cái túi vải rồi cũng chẳng buồn chào lão chủ nữa, anh mở cửa đi thẳng ra phố. May mà lúc này, trời đã gần sáng.

Bi-ốt-ghe đi lang thang ngoài đường, lòng anh thật rối như canh hẹ. Lúc này biết về đâu bây giờ? Chẳng lẽ về nhà ăn bám vào bố mẹ mà bố mình cũng chẳng có đủ cơm gạo mà nuôi. Đi làm thì không ai mượn. Nghe lão chủ hiệu Xoóc-nơ nói thì hẳn chẳng một hiệu thuốc nào dám mượn mình.

Bi-ốt-ghe đang đi thẩn thờ ngoài đường chợt thấy cỗ xe ngựa đang lững thững đi. Qua khung cửa xe, Bi-ốt-ghe nom rõ hoàng thân Phôn Phiu-xten-be. Anh nhớ lại đã có lần anh đem thuốc đến lầu đài của ông ta. Đúng là một tòa lầu đài lộng lẫy, xung quanh mọc đầy hoa, trong lầu đài có tới mấy chục buồng mà một buồng ở đó ít ra cũng rộng bằng cả một hiệu thuốc Xoóc-nơ.

Cỗ xe đang lăn bánh bỗng đứng sững lại. Người đánh xe dù quát mạnh đến mấy, hai con ngựa lồng lên mà xem ra cỗ xe vẫn không nhúc nhích được. Thì ra một bên bánh xe bị sa lầy vào một vũng bùn.

Bác đánh xe xuống xe xắn tay áo vào bắt bánh xe nhưng vẫn không ăn thua gì. Vợ chồng Phôn Phiu-xten-be rón rén mở cửa phía bên kia bước ra.

Trong khi hoàng thân, phu nhân còn đang vén tà áo lên rón rén bước đi thì Phôn Phiu-xten-be đã nhận ra Bi-ốt-ghe:

- Đi đâu thế anh bạn trẻ? Hay là đi đem thuốc cho ai sớm vậy?

Bi-ốt-ghe rầu rầu nét mặt, đáp:

- Thưa hoàng thân kính mến, tôi không còn làm ở cửa hàng bào chế thuốc Xoóc-nơ nữa!

- Sao vậy? - Hoàng thân ngạc nhiên hỏi - hay là anh chê ông chủ Xoóc-nơ trả lương ít?

- Đâu có thế ạ! - Bi-ốt-ghe bèn kể hết tình đầu cho Phôn Phiu-xten-be nghe.

- Bị mất việc chỉ vì có đầu óc ham nghiên cứu tìm tòi, kể cũng bất công, vô lý thật! - Vị hoàng thân chép miệng như có ý tiếc rẻ - Mà nhất lại là nghiên cứu để chế ra vàng. Hay là thế này nhé! Anh sẽ đến lâu đài của tôi mà làm việc vậy, nhưng liệu anh có đảm bảo là chế được ra vàng không?

Đôi mắt Bi-ốt-ghe sáng hẳn lên:

- Thưa hoàng thân kính mến, nhất định là bảo đảm chứ ạ! Chính tôi bắt được một cuốn sách dạy về cách chế ra vàng.

Vừa lúc đó bánh xe ngựa đã lăn khỏi chỗ lầy. Vị hoàng thân bảo Bi-ốt-ghe:

- Thôi nhé! Sáng mai, anh có thể đến gặp tôi ở lâu đài.

Bi-ốt-ghe cúi đầu chào, cảm ơn. Lòng anh thấy rộn ràng sung sướng. Đối với anh, trên đời này còn gì hạnh phúc bằng được vui đầu vào làm việc trong phòng thí nghiệm. Anh có thể say sưa nghiên cứu tới mức quên ăn quên ngủ được.

Nhìn cỗ xe đang mất hút trên quãng đường thẳng tắp, tim anh vẫn còn thấy bồi hồi.

*

Phôn Phiu-xten-be: có kẻ nào sống trên đời này mà lại không mơ ước có nhiều vàng bạc châu báu trong tay. Vàng bạc và quyền lực thường đi đôi với nhau. Đã từ lâu vị hoàng thân này mơ ước, với sự giúp đỡ của những người có đầu óc thông thái, rồi đây hẳn không phải vất vả gì mà kho vàng trong lâu đài hẳn sẽ ngày một đầy ắp lên. Ai mà không muốn làm giàu, ngay cả những bậc nổi tiếng là cao đạo -như bản thân giáo hoàng La-mã cũng mong muốn ngày càng có nhiều vàng. Vua Anh Hen-ri IV chẳng đã từng cho lập những phòng thí nghiệm riêng ở ngay trong hoàng cung để hy vọng các nhà giả kim thuật chế ra vàng là gì. Trước đây giáo hoàng La-mã chẳng đã từng phong cho các tu sĩ kiêm nhà giả kim thuật nổi tiếng vào hàng các vị thánh để làm gì, nếu không vì vàng.

Phôn Phiu-xten-be cũng vậy! Dạo này chi tiêu trong lâu đài mỗi ngày một tăng, khách khứa mỗi ngày một đông, nếu không có cách chế ra vàng thì làm sao có thể bù đắp được cho kho bạc mỗi ngày một hao hụt.

Thật ra thì trước đây Phôn Phiu-xten-be có nghe lão chủ Xoóc-nơ nói lao xao Bi-ốt-ghe. Hoàng thân cho rằng lão Xoóc-nơ là một tay buôn bán keo kiệt không có tầm nhìn xa trông rộng. Nếu vớ được một người say mê nghiên cứu cách chế ra vàng như Bi-ốt-ghe thì dù có phải nuôi Bi-ốt-ghe trong một chục năm ròng rã cũng chẳng sao miễn là cuối cùng có được vàng. Chỉ cần một thỏi vàng là xong xuôi hết! Mà đâu chỉ có một thỏi. Một khi đi nắm được phương pháp điều chế vàng rồi thì lúc đó muốn bao nhiêu mà chẳng có.

Phôn Phiu-xten-be đang ngồi trầm ngâm suy nghĩ thì người hầu bước vào báo cho biết có Bi-ốt-ghe vừa tới.

Phôn Phiu-xten-be khẽ vẫy tay ra hiệu:

- Cho vào!

Nhìn Bi-rốt-ghe mặc bộ quần áo tồi tàn. Vị hoàng thân bảo một người hầu khác vào lấy cho anh một bộ quần áo mới và nói:

- Khác với ông chủ hiệu thuốc của anh, tôi sẽ không tiếc anh một thứ gì, nếu như đúng anh sẽ chế được ra vàng trong tương lai.

Bi-ốt-ghe đáp:

- Thưa hoàng thân kính mến, tôi tin là trước sau tôi sẽ chế được ra vàng. Ngay trước đây, tôi phải mày mò trong đêm hôm nghiên cứu vụng trộm, thiếu hẳn mọi phương tiện mà tôi đã thấy le lói nhiều tia hy vọng, huống chi là bây giờ tôi được nghiên cứu đàng hoàng...

- Được, thế giờ anh đi theo tôi! - Phôn Phiu-xten-be đứng dậy đi trước, Bi-ốt-ghe lững thững bước theo sau. Vị hoàng thân này mở cửa chỉ cho Bi-ốt-ghe xem một phòng rộng rãi trong lâu đài giờ đã được sửa sang lại và biến thành phòng thí nghiệm với hàng dãy bình lọ thủy tinh trong suốt.

Phôn Phiu-xten-be trao chìa khóa cho Bi-ốt-ghe và bảo:

- Từ nay anh sẽ làm chủ cái phòng thí nghiệm này. Ngoài ra nếu cần mua sắm thứ gì, anh chỉ cần nói với tôi một tiếng là xong.

Rồi chỉ sang căn phòng xinh xắn ngay cạnh đấy, hoàng thân bảo:

- Còn đây là phòng nghỉ của anh. Riêng vấn đề ăn uống hàng ngày, anh không phải bận tâm, nghĩa là chúng tôi ăn uống thế nào thì anh cũng sẽ ăn uống như thế.

Đứng trước phòng thí nghiệm khá đầy đủ tiện nghi, Bi-ốt-ghe lặng hẳn người đi vì sung sướng. Anh thật không ngờ trong đời mình lại có lúc được làm việc như thế này. Bi-ốt-ghe mân mê từng cái bình thủy tinh trong suốt, từng cái cối, từng cái thuyền tán. Hết ngắm nghía những cái bình cổ cong loại đất tiền, anh lại xem xét cái lò nhỏ có nắp đậy kia đủ đảm bảo giữ được nhiệt độ cao trong một thời gian dài. Ấy là không kể một dãy lọ trên cao chứa đủ thứ: nào là thủy ngân, đồng đỏ, nào là thiếc, chì, nào là lưu huỳnh. Nhìn những cái vò to đựng nước cất đặt trong những cái sọt đan và cái cân tiểu ly thật chính xác, Bi-ốt-ghe biết rằng ngay cả đến hiệu thuốc của lão Xoóc-nơ cũng không có được những thứ này. Một phòng thí nghiệm riêng của mình tha hồ mà nghiên cứu suốt ngày đêm! Bi-ốt-ghe sờ vào bộ quần áo đang mặc: ống tay dài, có nẹp bằng nhung, đúng loại quần áo của những nhà giàu sang quyền quý. Anh còn nghe nói đâu hoàng thân Phôn Phiu-

xten-be sắp bảo anh phải đeo cả tóc giả nữa để xứng đáng với chức vị cao quý của một nhà giả kim thuật sống trong lâu đài của hoàng thân...

Tính ra từ hôm Bi-ốt-ghe bị đuổi khỏi hiệu thuốc Xoóc-nơ cho tới nay chưa đầy một tháng. Bi-ốt-ghe ngồi trong xe cùng với hoàng thân Phôn Phiu-xten-be dạo chơi trong phố có một đôi lần mà tiếng đồn về nhà giả kim thuật trẻ tuổi đã vang đi khắp nơi. Chẳng thế mà mỗi khi có khách hàng tới mua thuốc ở cửa hiệu mình thì thế nào lão chủ Xoóc-nơ cũng khoe khoang rối rít với mọi người:

- Nay bác, bác có nghe tiếng nhà giả kim thuật trẻ tuổi sống trên lâu đài của hoàng thân Phôn Phiu-xten-be không? Bi-ốt-ghe đấy! Anh ta còn trẻ lắm, chưa đầy hai mươi tuổi học trò cũ của tôi đấy!

Hoặc lão vỗ ngực mình, nói:

- Bác có biết ông thầy của nhà giả kim thuật trẻ tuổi Bi-ốt-ghe là ai không? Chính tôi đấy! Biết bao nhiêu công phu đào tạo ròng rã suốt mấy năm trời. Bi-ốt-ghe rồi đây sẽ nổi tiếng! Kế cũng bỏ công mình!

Riêng về phần Bi-ốt-ghe, hình như tất cả những lời đồn đại về anh, anh đều bỏ ngoài tai hết, có thể nói là suốt ngày đêm, Bi-ốt-ghe đều miệt mài làm việc trong phòng thí nghiệm.

Chiều nay hoàng thân Phôn Phiu-xten-be cùng với mấy gia nô đi săn trong rừng về, bắn được một xâu vừa gà gô vừa trĩ. Hoàng thân rất ngạc nhiên khi ngó qua cửa kính phòng thí nghiệm, trước lúc đi săn, ông đã nom thấy Bi-ốt-ghe miệt mài làm việc, giờ đi săn về, trừ bữa cơm ra, nghe người nhà kể lại, ông mới rõ, Bi-ốt-ghe chưa chịu rời khỏi phòng lấy nửa bước.

Trước khi tắm rửa thay quần áo, hoàng thân có bảo người nhà bày một bữa tiệc nhỏ ngay trong vườn. Phôn Phiu-xten-be, đích thân đến gõ cửa phòng thí nghiệm của Bi-ốt-ghe và nói:

- Xin mời nhà giả kim thuật trẻ tuổi ra dự tiệc. Hôm nay có món gà gô nấu nấm.

Hoàng thân âu yếm nhìn Bi-ốt-ghe và nói:

- Có lẽ tuần sau, tôi phải mời anh vào rừng đi săn cùng với chúng tôi mới được! Làm việc, nghiên cứu nhiều quá cũng phải có lúc giải trí cho tinh thần sáng khoái chứ!

Bi-ốt-ghe sung sướng nhìn vị ân nhân của mình, lòng đầy cảm kích biết ơn, bữa tiệc tối hôm đó, Bi-ốt-ghe ăn thấy rất ngon miệng. Qua câu chuyện với Phôn Phiu-xten-be trong bữa tiệc, Bi-ốt-ghe càng hiểu thêm hoàng thân vốn là người nhìn xa trông rộng. Chính hoàng thân cũng đã nói với mấy người ngồi uống rượu:

- Việc chế tạo vàng không thể tiến hành trong ngày một, ngày hai được. Công việc phải tính từng năm là ít.

Nghe thấy vậy, Bi-ốt-ghe càng cảm thấy hạnh phúc khi được nghiên cứu thí nghiệm dưới sự bảo trợ của một vị hoàng thân am tường, biết người biết của.

Năm năm trời đằng đằng trôi qua... Hàng ngày Bi-ốt-ghe hầu như không mấy khi rời khỏi phòng thí nghiệm. Hình như trước tấm lòng tốt của Phôn Phiu-xten-be, Bi-ốt-ghe, càng say mê nghiên cứu.

Sáu năm...

Tám năm...

Mười năm trời sống trong lâu đài, sáng nay Bi-ốt-ghe rửa mặt, soi mình trước gương, anh thật không ngờ cảm mình đã mọc đầy râu. Người hầu trong lâu đài mang món ăn điểm tâm đến cho anh. Trong lúc ngồi uống nước chè ở bàn, Bi-ốt-ghe nghe tiếng hoàng thân phu nhân từ trên lầu cao vọng xuống lồm bồm:

- Mười năm trời rồi... vàng vẫn chẳng thấy đâu... Mà ngày nào cũng phải cung phụng như một ông hoàng...

Thật ra không phải chỉ hôm nay mà đã gần một năm nay, sống mãi ở đây thảnh thơi Bi-ốt-ghe vẫn nghe thấy lời ra tiếng vào về mình. Nào là “nuôi loại người ấy chỉ tốn cơm” nào là “Đó chẳng qua chỉ là một tên lừa đảo!”. Trước những lời bàn tán này. Bi-ốt-ghe không phải là không suy

ngĩ nhất là trước tấm lòng tốt của Phôn Phiu-xten-be, Bi-ốt-ghe lại càng suy nghĩ hơn. Sự thật thì Bi-ốt-ghe vẫn làm việc vô cùng hăng say. Có thể nói là tất cả những chỉ dẫn trong cuốn sách dạy về cách chế tạo ra vàng, Bi-ốt-ghe đều làm theo rất cẩn thận, tỉ mỉ từng tí một. Thế mà cuối cùng vàng vẫn chẳng thấy đâu cả, Bi-ốt-ghe hiểu rõ trong suốt hơn chục năm trời, hoàng thân nuôi mình tốn kém mất rất nhiều công của, thế mà giờ đây vẫn chưa thấy mình thu được một chút kết quả gì.

Một buổi tối nhân đi qua phòng trà, Bi-ốt-ghe nghe thấy Phôn Phiu-xten-be đang thăm thì to nhỏ với một người khách về mình:

- Có thể nói lúc đầu tôi rất quý mến gã ấy nhưng rồi mãi gần đây tôi bắt đầu nghi ngờ. Rất có thể, cuối cùng gã ấy cũng chỉ là một tên lừa đảo.

Nghe thấy vậy, Bi-ốt-ghe choáng váng cả người. Ngay đêm hôm đó, Bi-ốt-ghe về phòng mình thu xếp quần áo chờ mãi tới canh ba, trong lầu đài đèn đóm tắt hết rồi, Bi-ốt-ghe mới rón rén ra đi. Khi bước gần tới cái cổng tò vò đen sì thì từ trong bóng tối trên cao có tiếng của Phôn Phiu-xten-be nói vọng xuống:

- Bi-ốt-ghe! Anh định trốn khỏi đây à?

Bi-ốt-ghe đứng sững người lại. Từ trên cao lại vọng xuống tiếng ngâm nga của Phôn Phiu-xten-be:

“Nợ đời nếu trả chưa xong,

Chim lồng, cá chậu: chớ hòng thoát thân!”

Bi-ốt-ghe toát mồ hôi, đành lúng túng quay về. Ngay sáng hôm sau, hoàng thân đã cho người mời anh lên và bảo:

- Nếu chưa chế tạo ra được vàng thì anh đừng hòng trốn khỏi đây! Đối với anh lúc này, tốt nhất là nên tiếp tục công việc của mình!

Bi-ốt-ghe chưa biết trả lời ra sao thì Phôn Phiu-xten-be nhếch mép cười khẩy:

- Xem ra tạo hóa xoay vần không biết thế nào. Hồi anh còn học việc ở nhà lão chủ hiệu thuốc Xoóc-nơ thì anh nghiên cứu thí nghiệm vụng trộm đến nỗi anh bị lão chủ đuổi đi. Giờ ngược lại, anh có phòng thí nghiệm riêng với đầy đủ phương tiện để nghiên cứu thì tự nhiên lại đến lượt anh bỏ đi. Thế là thế nào?

Nói tới đây Phôn Phiu-xten-be nghiêm nét mặt lại chỉ ra ngoài mấy cây bạch dương cao và bảo:

- Hẳn anh đã thừa biết: số phận của các nhà giả kim thuật sẽ được định đoạt như thế nào, nếu không giữ đúng lời cam kết chế tạo ra vàng.

Bi-ốt-ghe giật mình khi nghĩ đến cái giá treo cổ mạ vàng dành riêng cho các nhà giả kim thuật bị xử tử.

- Thưa hoàng thân kính mến, tôi xin cố gắng... một thời gian nữa! Tôi không phải là một tên lừa đảo - Bi-ốt-ghe nói xong vội quay về phòng thí nghiệm của mình làm việc.

Một hôm Bi-ốt-ghe lên gặp hoàng thân Phôn Phiu-xten-be và trình bày thẳng thắn:

- Thưa hoàng thân kính mến, có thể nói hơn hai chục năm qua tôi đã cố gắng hết sức mình nhưng rồi kết quả như thế nào chắc hoàng thân đã rõ.

Phôn Phiu-xten-be cười:

- Thế chẳng hóa ra mấy chục năm trời vừa qua của tôi là công cốc à?

Bi-ốt-ghe lúng túng đáp:

- Kính thưa hoàng thân, quả thực là tôi cũng không biết làm gì hơn nữa!

Phôn Phiu-xten-be nói:

- Thôi thì thế này. Dù sao thù cũng đã mấy chục năm anh vùi đầu trong phòng thí nghiệm để nghiên cứu cách chế ra vàng. Vậy, thì... chẳng lẽ anh không để tại một tí gì cho tôi à? Anh hãy viết cho tôi một cuốn sách nói về tất cả các phương pháp luyện vàng của mình. Anh thấy thế nào?

Thấy Bi-ốt-ghe vẫn đứng yên, hoàng thân bảo:

- Để thế tạo ra vàng, anh đã dùng những phương pháp gì thì cứ thế viết ra có gì là khó đâu!

Bi-ốt-ghe biết mình không thể nào từ chối được, anh bèn nhận lời.

Từ hôm đó, tất cả những người trong lâu đài của Phôn Phiu-xten-be đều thấy Bi-ốt-ghe lúi húi trong phòng làm việc của mình cả ngày lẫn đêm để viết sách.

Thế mà cũng phải mất hai năm sau, Bi-ốt-ghe mới viết xong cuốn sách của mình và đệ trình lên hoàng thân Phôn Phiu-xten-be. Đó là một cuốn sách khá dày, viết rất công phu. Chữ Bi-ốt-ghe viết rất đẹp. Xen lẫn vào những trang sách viết có rất nhiều bức tranh vẽ rất tỉ mỉ những dấu hiệu riêng do Bi-ốt-ghe nghĩ ra trong quá trình nghiên cứu.

Lần đầu cầm cuốn sách nói về phương pháp luyện vàng của Bi-ốt-ghe viết, Phôn Phiu-xten-be đọc thử vài trang và chịu không sao hiểu nổi. Chỗ này thì toàn những dấu hiệu loằng ngoằng nom chẳng ra làm sao cả: hết hình tròn có chấm ở giữa, lại tới hình tròn có mũi tên chĩa sang bên phải hoặc bản chéo lên, rồi cả hình mặt trăng, hình “cặp kính” đeo mắt. Chỗ kia nom mới lại khiếp chứ! Một bộ xương người đứng trên một quả cầu lửa, có lẽ tượng trưng cho mặt trời bùng cháy. Bên trên bàn tay phải của bộ xương là một con chim nom tựa tựa như con quạ, rồi lại tới con rồng đang ăn cái đuôi của mình. Phôn Phiu-xten-be hỏi:

- Nay ông Bi-ốt-ghe! Hình vẽ với những dấu hiệu này là những cái gì vậy?

Bi-ốt-ghe đáp:

- Thưa hoàng thân, hình tròn có chấm nom tựa mặt trời là biểu thị tượng trưng của vàng, còn bạc tượng trưng là mặt trăng. Chỗ này là biểu tượng ký hiệu của suyn-phát đồng: sắt tượng trưng là sao hóa...

Vị hoàng thân sốt ruột hỏi:

- Thế còn hình vẽ bộ xương này?

Bi-ốt-ghe đáp:

- Thừa hoàng thân, đó là hình vẽ tượng trưng của phản ứng phân hủy các chất khí đốt nóng. Mặt trời rực cháy là sự đốt nóng, sau khi được đốt nóng, trong bình ắt còn đọng lại một chất tro: chính là bộ xương đây. Còn con chim này là chỉ khí bốc ra.

- Rõ rắc rối quá! - Phôn Phiu-xten-be hơi cau mặt lại hỏi - Thế con rồng ăn đuôi này?

Bi-ốt-ghe đáp:

- Thứ bột đen của đi-ô-xýt chì khi đốt nóng với than, nó sẽ biến thành chì và được tượng trưng bằng con rồng đó.

Phôn Phiu-xten-be lắc đầu:

- Sư tử xanh, sư tử đỏ rồi cả vong hồn vua Xa-lô-mông! Ai mà hiểu nổi! Giữa ông vua I-xra-en tài trí thông minh sống trước công nguyên này với việc chế tạo vàng thì liệu có liên quan gì đến nhau?

Bi-ốt-ghe vẫn kiên trì đáp:

- Kính thưa hoàng thân, muốn có vàng: rõ ràng là cần phải có hòn đá triết lý. Ri-ple, một nhà giả kim thuật nổi tiếng đã từng dạy:

“Để chế tạo hòn đá điểm vàng của nhà thông thái, gọi là hòn đá triết lý, các con hãy lấy chì và đốt lên cho đến lúc chì biến thành sư tử xanh. Sau đó hãy đốt mạnh hơn nữa, chì sẽ biến thành sư tử đỏ. Đun sôi sư tử đỏ trên bếp cát với rượu nho chua...”

- Thôi đủ rồi! - Phôn Phiu-xten-be cắt ngang luôn - ông chắc đã đun cả sư tử đỏ lẫn sư tử xanh rồi cả vong hồn Xa-lô-mông nữa mà sao ông vẫn chưa điều chế ra được hòn đá triết lý đó?

Bi-ốt-ghe không trả lời ngay vào câu hỏi của vị hoàng thân, mà vẫn tiếp tục kể về các đơn thuốc của Ri-ple.

Phôn Phiu-xten-be nghe chán tai quay ra quát:

- Quân lính đâu, hãy tống giam ngay lão Bi-ốt-ghe này lại!

Ngay chiều hôm đó, tin đồn về nhà giả kim thuật Bi-ốt-ghe bị hoàng thân Phôn Phiu-xten-be tống giam chẳng mấy chốc mà lan ra khắp phố. Từ lúc biết tin này, lão chủ hiệu thuốc Xoóc-nơ hễ gặp khách hàng nào vào mua thuốc, lão đều thông báo cho họ biết chuyện này và không quên nói kèm theo vài lời bình phẩm:

- Cái thằng chó chết Bi-ốt-ghe ấy trước sau cũng chỉ là đồ lừa đảo thôi mà! Cứ nhìn đôi mắt hẩn thì đủ biết, lúc nào cũng liếc ngang liếc dọc, như đồ chào chớp ấy. Ngỡ ấy thì kim thuật kim thuật gì!

Ngồi trong nhà tù ở phía sau lâu đài, Bi-ốt-ghe rất buồn, ông cảm thấy sau mấy chục năm nghiên cứu với những phương tiện khá đầy đủ, mình cũng không đến nỗi là kẻ dốt nát lắm, thế mà không hiểu tại sao vẫn chưa chế tạo được ra vàng. Chẳng lẽ đó lại là một cửa ải không thể vượt qua được sao. Bi-ốt-ghe nghĩ bụng: Giá trong suốt thời gian đó, mình để tâm nghiên cứu về một vấn đề gì khác thì rất có thể đã thành công rồi. Nhưng giờ thì đã ngồi tù, Bi-ốt-ghe đưa tay lên sờ cằm đã mọc đầy râu lởm chởm. Không khéo mình đến chết rục xương trong tù mất!

Từ ngày bị tù, hàng ngày Bi-ốt-ghe chỉ được tên lính gác quăng vào hai mẫu bánh mì đen và lưng một bình nước lã. Chỉ nhìn đến cái bình sành, Bi-ốt-ghe đã cảm thấy ghê người vì nước lạnh và bẩn.

Bỗng một hôm tên lính đến mở khóa lách cách. Nhìn bóng nắng. Bi-ốt-ghe biết hầy còn sớm, chưa đến giờ ăn. Ông lo là có thể bị dẫn ra giá treo cổ nhưng tên lính đã cười với Bi-ốt-ghe nói nhỏ:

- Số ông lại đến vận đỏ rồi!

- Sao thế? - Bi-ốt-ghe ngạc nhiên hỏi lại - anh định dẫn tôi đi đâu thế?

Tên lính nói:

- Ông được thả rồi! Nghe nói đâu chính hoàng đế Áp-gút-xơ cũng mãnh hạ lệnh cho hoàng thân Phôn Phiu-xten-be phải thả ông ra.

Bi-ốt-ghe quay lại hỏi:

- Rồi tôi sẽ đi đâu?

- Người ta sẽ dùng ông vào việc gì đấy, cũng hệ trọng chẳng kém gì việc chế tạo vàng đâu!

Bi-ốt-ghe lại trở về phòng riêng của mình. Mãi mấy hôm sau ông mới rõ lý do tại sao ông được tha. Thì ra cái tin ông bị hoàng thân Phôn Phiuxten-be tổng giam, qua cửa miệng lão chủ hiệu thuốc Xoóc-nơ, chẳng mấy chốc mà lan đi khắp nơi, rồi đến tai cả bá tước Xiếc-gao-den. Vốn là một người đã biết chuyện Bi-ốt-ghe và phần nào hiểu được tài năng của nhà khoa học này, đã mấy lần Xiếc-gao-den định cứu Bi-ốt-ghe nhưng ông biết rõ tính cương quyết của hoàng thân Phôn Phiuxten-be. Bá tước Xiếc-gao-den bèn vào cung để trình bày với hoàng đế Áp-gút-xơ về việc này, bá tước nói:

- Theo thần nghĩ thì trên đời này thiếu gì những thứ quý hơn vàng. Thế mà không hiểu sao thiên hạ cứ đổ xô vào việc nghiên cứu chế tạo vàng.

Hoàng đế Áp-gút-xơ vội hỏi:

- Thế theo ý khanh thì hiện nay có thứ gì quý hơn vàng?

Bá tước Xiếc-gao-den bèn chỉ luôn vào cái bình sứ để trên một cái bàn bằng đá cẩm thạch và nói:

- Chẳng hạn như cái bình sứ này. Nó đâu có nặng được một cân. Thế mà hoàng thượng phải mua nó bằng một cân rưỡi vàng đấy.

Hoàng đế Áp-gút-xơ gật gù nói:

- Khanh nói quả đúng thật! Chỗ vàng dùng để mua cái bình sứ này thừa đủ để nuôi một gia đình sáu người sống trong vài ba năm. Mà có khanh nhắc tới giá trị của đồ sứ nên làm trầm nghĩ tới trong cung điện của nhà vua Pháp có một cái bình sứ châu Á mà trầm nghe nói đâu tính ra phải đổi cả gia sản của một bá tước ở phía bắc xứ Noóc-măng-đi đấy!

Bá tước Xiếc-gao-den chép miệng nói:

- ... Giá như mình có cách gì học được lấy nghề làm đồ sứ nhỉ? Nếu không học được thì tìm cách đánh cắp lấy bí mật của họ!

- Đánh cắp bí mật? - Hoàng đế Áp-gút-xtơ mỉm cười - Khanh tưởng chuyện dễ dàng lắm à? Châu Á xa xôi mà nghe nói đâu ở Trung Quốc để giữ bí mật một số nghề, nhà vua bên đó đã ra lệnh nghiêm trị kẻ nào để lọt “bí mật quốc gia” ra nước ngoài. Chẳng hạn như nghề nuôi tằm: kẻ nào đem tằm hoặc trứng tằm ra khỏi Trung Quốc nếu bị bắt sẽ bị chém đầu. Trong hoàn cảnh bảo vệ chặt chẽ như vậy nên mặc dầu ở châu Á đã có một số nghề như nghề in chẳng hạn mà châu Âu vẫn phải xoay mò từ đầu. Cho nên ở Đức khi Quy-ten-béc tìm ra cách in, Âu châu vẫn phải công nhận Quy-ten-béc là ông tổ nghề in.

Bá tước Xiếc-gao-den nói:

- Thừa hoàng thượng, giá như chúng ta cũng biết được nghề làm đồ sứ chẳng hạn, thì vương quốc Xắc-xôm này chẳng bao lâu sẽ trở nên giàu có, độc quyền bán đồ sứ ra khắp châu Âu.

Hoàng đế Áp-gút-xtơ cười khà khà:

- Khanh nói nghe dễ dàng quá! Ở xứ Xắc-xôm này đã có ai biết nghề sứ đâu mà bảo sản xuất được đồ sứ.

Bá tước Xiếc-gao-den nói:

- Thừa hoàng thượng, giờ ta chỉ còn có cách là tự mày mò đi tìm trở lại những bí mật của phát minh ấy! Như Quy-ten-béc vậy.

- Ai sẽ làm việc này? - Hoàng đế Áp-gút-xtơ hỏi - Việc tìm tòi phát minh đâu phải chuyện giản đơn.

- Thừa hoàng thượng, thần biết ngay trong vương quốc ta có người có thể làm được việc này! - Bá tước Xiếc-gao-den nói - Đó là nhà giả kim thuật Bi-ốt-ghe, hiện nay ông ta đang bị hoàng thân Phôn Phiu-xten-be giam giữ. Nếu như hoàng thượng cứu được nhà giả kim thuật này ra khỏi lâu đài của Phôn Phiu-xten-be, thần sẽ xin đón ông ta về ở lâu đài của thần.

Hoàng đế Áp-gút-xtơ gật gù:

- Ý của khanh rất hay mà cùng hợp với ta. Nhất là trong vương quốc ta có vùng Mây-xen là nơi có loại đất sét trắng rất mịn, đẹp... nếu dùng nặn đồ

sứ hản sẽ đẹp lắm nhưng cái khó khăn cơ bản là phải làm sao đây tìm cách chế tạo được ra men sứ!

Bá tước Xiếc-gao-den đáp:

- Thừa hoàng thượng, thần tin chắc là Bi-ốt-ghe có thể làm được...

Từ ngày được bá tước Xiếc-gao-den ra lệnh cho Bi-ốt-ghe để tâm nghiên cứu về đồ gốm, tự nhiên trong đầu Bi-ốt-ghe nảy ra khá nhiều suy nghĩ. Trước hết Bi-ốt-ghe cảm thấy dù sao việc này, ông cũng thấy nó dễ dàng hơn việc chế tạo vàng. Đành rằng trong một thời gian dài ông đã húc đầu vào tường, tường cuối cùng đến phải chết dưới giá treo cổ, dù đó là cái giá treo cổ mạ vàng nhưng trong những chuỗi ngày đó chẳng phải là Bi-ốt-ghe đã tìm ra khá nhiều điều bổ ích rất mới lạ đối với ông.

Bi-ốt-ghe tự an ủi: “Biết đâu mình cũng vậy, vàng không chế tạo được nhưng nếu, tìm được ra cách làm đồ gốm chẳng hạn, thì dù sao cũng còn có ích”.

Đồ gốm: thật ra trước đây, Bi-ốt-ghe đã từng nghe nói ở Âu châu hình như đã có một nhà khoa học nào đó chế tạo ra được đồ gốm. Thôi đúng rồi: nhà bác học Đéc-na Pa-lít-xy ở Pháp, nhưng dĩ nhiên ông ta sẽ chôn giấu, trong lòng tất cả những điều bí mật về biện pháp kỹ thuật đó, cũng như những nhà làm đồ sứ châu Á trước đây đã từng giữ bí mật việc này khiến các nhà phát minh Âu châu lại phải tự lần mò lấy để tìm cho ra.

Từ ngày được về sống trong lâu đài của bá tước Xiếc-gao-den, Bi-ốt-ghe lại vui đầu suốt ngày trong phòng thí nghiệm để nghiên cứu về đồ sứ.

Ông sai đắp riêng hẳn một cái lò nhỏ để nung thí nghiệm. Lần đầu cầm trong tay cái vò nặn rất khéo bằng thứ đất sét trắng ở Muy-xen. Bi-ốt-ghe đưa vào lò nung. Vò nung xong rõ ràng có bền chắc hơn nhưng đem đựng nước vẫn chảy.

Nhìn những bình sứ hoa đẹp, Bi-ốt-ghe biết rằng: trước khi tìm ra được nước men bóng đẹp màu sắc sỡ như thế nào thì ít nhất cũng phải tìm bằng được một nước men đơn giản dù là xấu xí cũng được nhưng ít

nhất nó cũng phải phủ lên mặt sành một lớp màng mỏng, cứng chắc bóng loáng và trong suốt để mỗi khi đựng nước, nước sẽ không thấm, chảy được ra ngoài. Bi-ốt-ghe nhận thấy bất cứ loại vò hay chậu đất sét nào muốn nung không bị nứt nẻ thì phải trộn thêm với cát vì chính những hạt cát nhỏ bé này trộn đều trong đất sét khi nung sẽ tạo thành một cái khung rắn chắc và nhờ có cái khung này mà khi nung nước trong đất sét có bốc hơi nhưng vẫn không thể làm cho vò hay chậu bị co lại quá mạnh thành méo mó hay nứt nẻ. Bi-ốt-ghe bèn lấy muối trộn với cát rồi khuấy đều hòa vào nước. Ông lấy một cái chổi nhỏ mịn dúng vào thứ dung dịch này quét nhẹ lên mặt vò trước khi nung.

Quả nhiên khi dỡ cái vò trong lò ra, Bi-ốt-ghe sờ vào vò thấy mịn và bóng, đổ nước vào, nước không thấm ra ngoài.

Trước khi quét thứ “men” này lên, vò đất sét dù có chuyển thành vò sành nhưng nó vẫn không rắn chắc và thấm nước vì nhìn bằng mắt thường người ta cũng dễ thấy thành vò có nhiều lỗ xốp, hổng giữa các hạt sét. Giờ đây nhờ có “men” mà khi cho vào lò nung nóng, muối sẽ chảy ra, để cùng với cát và đất sét tạo nên một lớp men mịn mà, đặc sệt ngăn không cho nước thấm qua được.

Thí nghiệm đầu tiên thành công đã làm Bi-ốt-ghe thấy phấn khởi. Rồi đây, nếu như khéo tìm ra được những loại muối kim loại khác thích hợp hơn chẳng hạn như chì, thiếc, phen-xpát, ti-tan... thì rất có thể Bi-ốt-ghe sẽ có được những nước men đẹp hơn, tốt hơn.

Các loại bình, vò, bát, đĩa, liễn, lọ... nặn bằng loại đất sét lấy ở Muxen nung xong kìn kìn chuyển tới lầu đài của bá tước Xiếc-gao-den. Vấn đề bây giờ là phải tìm sao cho ra được một hỗn hợp các chất phen-xpát, các đi-ô-xýt chì, thiếc, ti-tan... đem tráng vào các loại bình, vò, bát, đĩa... này rồi đưa vào lò nung ở một nhiệt độ cao hơn mà thôi.

Bi-ốt-ghe lại mày mò nghiên cứu. Lúc nào người ta cũng thấy ông lúi húi trong phòng thí nghiệm lúc thí nghiệm thứ bột xam xám này, lúc thì tán

một loại bột óng ánh trắng hoặc xanh biếc kia đem trộn với nhau rồi hòa với nước, quét lên một cái lọ khác đưa vào lò nung.

Một hôm dỡ lò, Bi-ốt-ghe tìm thấy một cái lọ màu xanh nhạt, nước men bóng nhưng có lẽ vì quét thứ nước có hòa lẫn hợp một số chất kim loại không đều hoặc nung lửa không đều nên lớp men chỗ dày chỗ mỏng, chỗ đậm chỗ nhạt, nom rõ ràng thứ nước men láng bóng chưa đều tuy nhiên đã tạo thành một màu sắc thiên nhiên khá đẹp.

Lại có những bình hoa quét nước men đã đều, nung trong lò vẫn giữ được độ nóng đều nhưng vì khi ngọn lửa cháy to; những bụi đá trong lò nổ bắn vào làm hỏng cả nhưng bình hoa rất đẹp. Bi-ốt-ghe đã nảy sinh ra ý nghĩ làm cho mỗi một cái lọ hoặc bình hoa một cái “áo” bọc ngoài. Đó là một cái “hộp” bằng đất chịu lửa. Khi nung nóng, cái vỏ này vẫn chịu được nhiệt độ cao không vỡ, lọ hoa đựng ở trong vẫn nóng đều đủ để nung chảy lớp men. Nhờ có vỏ “áo” bọc ngoài nên nước men láng bóng đều không gợn một vết xước nhỏ hoặc bị mảnh đất đá trong lò bắn phải.

Hôm đầu, bá tước Xiếc-gao-den nom thấy chiếc bình sứ tráng men màu da trời láng bóng, bá tước vội nói luôn với Bi-ốt-ghe:

- Đây, ông Bi-ốt-ghe, có lẽ tôi phải vào ngay hoàng cung bây giờ để đệ trình lên hoàng thượng chiếc bình sứ này cho người mừng.

Bi-ốt-ghe vội giãy nảy lên, đáp:

- Thưa bá tước, công việc nghiên cứu của tôi đã được hoàn thiện đâu.

- Thì cũng coi như thành công bước đầu! - Bá tước Xiếc-gao-den vẫn đem cái bình đi.

Ngày ngày hôm sau, bá tước Xiếc-gao-den đã tìm gặp Bi-ốt-ghe và bảo:

- Đức hoàng thượng rất hài lòng về việc nghiên cứu của ông và người có nhờ tôi chuyển tới tay ông một bức thư.

Bi-ốt-ghe sung sướng bóc thư ra xem, thì ra hoàng đế Áp-gút-xtơ chúc mừng thành công của Bi-ốt-ghe và mời ông ngay tối nay cùng với bá tước

Xiếc-gao-den vào cung dự tiệc.

Bá tước Xiếc-gao-den nói:

- Có lẽ giờ ông nên nghỉ tay sửa soạn quần áo. Buổi chiều tôi sẽ cùng với ông đi xe ngựa vào hoàng cung thăm hoàng thượng.

Ngay sau đó, Bi-ốt-ghe lại lấy ra một cái lọ nhỏ trắng men màu tím hồng mà ông vừa lấy trong lò ra. Lau chùi sạch sẽ xong, ông lấy một mảnh lụa mới bọc lấy cái lọ xếp vào một cái hộp gỗ, chèn kỹ để đem đi tiến hoàng thượng.

Lần đầu tiên vào dự tiệc trong hoàng cung, ngồi cùng với các bá tước, hoàng thân, quý tộc và nhiều nhà quyền quý khác, Bi-ốt-ghe đâm ra lúng túng.

Lúc hoàng đế Áp-gút-xơ đứng dậy nâng cốc chúc mọi người khi hưởng cốc rượu về phía Bi-ốt-ghe, người có nói:

- Chúng ta hãy nâng cốc chúc mừng nhà giả kim thuật Bi-ốt-ghe người đã phát minh ra đồ sứ ở vương quốc Xắc-xôm này! Chúa lại phù hộ cho vương quốc chúng ta có được loại đất sét tốt ở Mây-xen, như vậy hẳn rồi đây đồ xứ của vương quốc Xắc-xôm này sẽ nổi tiếng khắp thế giới.

Tiếng cốc chạm nhau lanh canh. Mọi con mắt đều đổ dồn về phía Bi-ốt-ghe làm cho nhà giả kim thuật đã đỏ mặt, lại càng lúng túng đỏ mặt hơn.

Trong bữa tiệc mọi người chuyền tay nhau xem những chiếc bình, lọ sứ của Bi-ốt-ghe mới sản xuất ra. Người nào cũng không hết lời ca ngợi. Theo lời giới thiệu của bá tước Xiếc-gao-den, khách dự tiệc càng ngạc nhiên hơn nữa khi biết hầu hết những bát đĩa liễn sứ dùng trên bàn bữa nay đều do bàn tay của Bi-ốt-ghe làm ra.

Bữa tiệc gần tàn. Trước lúc các quan khách sắp sửa ra về thì hoàng đế Áp-gút-xơ cho mời Bi-ốt-ghe lại gần để người ban cho một túi vàng tặng thưởng, Bi-ốt-ghe rưng rưng cảm động khi đỡ lấy túi vàng. Hoàng đế Áp-gút-xơ nói với Bi-ốt-ghe:

- Nay khanh, liệu khanh có biết rằng phương pháp chế tạo đồ sứ của khanh hiện nay được coi như một bí mật quốc gia trọng đại không? Tuyệt đối không thể để lọt ra ngoài phương pháp chế tạo đồ sứ này được. Tóm lại là ngay ngày mai, khanh và một vài người giúp việc nữa sẽ được mời vào sống trong cung và làm việc ngay ở đó. Người thay trẫm trông coi công việc này vẫn là bá tước Xiếc-gao-den.

Đêm hôm đó, rời hoàng cung ra về. Bi-ốt-ghe ôm túi vàng ngồi trong xe ngựa, bên cạnh bá tước Xiếc-gao-den, Bi-ốt-ghe biết mình đã được nhà vua trọng thưởng nhưng đồng thời ông càng cảm thấy lờ mờ là mình bắt đầu mất quyền tự do kể từ ngày mai.

Hoàng cung rộng rãi xây dựng rất đẹp nhưng quả là chốn thâm nghiêm thật! Lâu đài nào nom cũng nguy nga tráng lệ, kể cả lâu đài của Bi-ốt-ghe và mấy người giúp việc cũng vậy. Xung quanh nơi ở có tới mấy tầng lính gác. Có lúc Bi-ốt-ghe thấy mình như một bá tước giàu sang, có cả lính gác ở ngoài nhưng có lúc ông lại thấy mình chẳng khác gì một tên tù bị giam lỏng cả.

Với một cái lò nung không to lắm, công việc của Bi-ốt-ghe và mấy người giúp việc là làm sao sản xuất, cho dù những mặt hàng đồ sứ dùng trong cung: bát đĩa, lọ, bình, vò, liễn, thống sứ... Từ ngày Bi-ốt-ghe sản xuất ra được đồ sứ, hoàng đế Áp-gút-xơ không những chẳng phải bỏ một món tiền lớn để mua đồ sứ của nước ngoài mà hoàng đế còn có thể hạ lệnh cho Bi-ốt-ghe sản xuất những mặt hàng đặc biệt: khi thì chiếc bình hoa, lúc lại chiếc lọ sứ để gửi làm quà biếu các nhà vua láng giềng. Hễ tặng phẩm gửi đến nước nào thì nhà vua nước ấy lại gửi thư hết lời ca ngợi thứ đồ sứ Xắc-xôm này. Trong số những bức thư này, có một nhà vua khuyên hoàng đế Áp-gút-xơ nên gửi một số mặt hàng tới dự triển lãm hội chợ ở Lai-xích vào năm 1707 sắp tới. Hoàng đế Áp-gút-xơ nhận thấy đó là một ý kiến hay. Người bèn trao đổi với bá tước Xiếc-gao-den hạ lệnh cho Bi-ốt-ghe chuẩn bị sẵn một số mặt hàng mới để dự triển lãm. Quả nhiên, sau khi cho gửi một số mặt hàng đi dự triển lãm, khách hàng từ nhiều nước ở Âu châu tới dự triển lãm không ngớt lời ca ngợi đồ xứ Xắc-xôm. Khi hội chợ bế

mạc, gian hàng trưng bày đồ sứ của vương quốc Xắc-xôm đã được tặng bằng khen và rất nhiều khách hàng ở các nước muốn đặt mua một số mặt hàng thông dụng.

Được tin này, hoàng đế Áp-gút-xơ cho mời bá tước Xiếc-gao-den tới và bảo:

- Nay bá tước thử suy nghĩ xem. Khách hàng ở nhiều nước trên thế giới rất thích một số mặt hàng sứ của ta, trầm thấy rằng cái lò nung của Bi-ốt-ghe đặt trong hoàng cung quá nhỏ bé; hàng sản xuất chẳng được là bao. Ấy là không kể lại phải chuyển đất sét từ Mây-xen về rất lách cách và tốn kém. Ý bá tước thấy thế nào?

- Thưa hoàng thượng, ý của thần từ mấy tháng trước cũng định tâu lên hoàng thượng để xin lập hẳn một công xưởng sản xuất đồ sứ của hoàng gia ở ngay Mây-xen.

Nghe bá tước Xiếc-gao-den trình bày, hoàng thượng Áp-gút-xơ gật gù nói:

- Ý bá tước thật trùng với ý của trẫm, nhưng có điều cốt thiết phải bàn là hiện nay ở vùng này chỉ có một vương quốc mình là có được nghề sứ. Trước đây vì Bi-ốt-ghe và mấy người giúp việc còn sản xuất đồ sứ ở ngay trong cung nên việc giữ bí mật còn dễ dàng. Giờ đưa về Mây-xen lập thành công xưởng số thợ thuyền sẽ đông hơn, kẻ ra người vào tấp nập khó bề giữ gìn được.

Bá tước Xiếc-gao-den đáp:

- Thưa hoàng thượng, tất cả những điều bí mật đều nằm cả ở Bi-ốt-ghe, còn thợ thuyền dù đông mấy cũng chỉ là những người giúp việc mà thôi! Do đó, muốn giữ bí mật về nghề này, chỉ cần tăng cường canh gác kỹ nơi làm việc của Bi-ốt-ghe. Một, hai vọng gác không xong thì tăng lên ba vọng, lính tráng tuần tra thường xuyên.

Hoàng đế Áp-gút-xơ nói:

- Thôi việc này, trẫm lại giao cho bá tước thay mặt trẫm trông coi cả cái công xưởng này.

Từ ngày rời hoàng cung về xây dựng công xưởng sản xuất đồ sứ ở Mây-xen, Bi-ốt-ghe hiểu ngay nghề sứ này đang có cơ phát triển ở vương quốc Xắc-xôm. Nhìn mấy cái lò nung được xây dựng to hơn trước. Bi-ốt-ghe càng thấy lo lắng. Trong khi nghiên cứu đồ sứ của nước ngoài Bi-ốt-ghe đã thấy rõ người thợ làm đồ sứ bên đó lại kiêm luôn cả nghệ sĩ trang trí. Cứ nhìn phong cảnh vẽ trên những chiếc bình sứ thì đủ rõ: một cánh chim bay giữa khoảng trời mây bao la, một con thuyền nhỏ bé lênh đênh mặt nước, một ông lão quắc thước trán hói, da mặt hồng hào tay cầm gậy trúc đứng bên một cô tiên, xiêm áo thướt tha, cạnh đấy là mấy dòng bay bướm nét thanh tú đen nhánh.

Bi-ốt-ghe gọi đó là những bức tranh màu trên sứ. Từ nếp áo, sắc mặt từng người đến mây, nước, mỗi thứ đều có một màu sắc riêng biệt. Tại sao ông quan này lại mặt trắng, ông quan kia mặt xanh, ông tướng này mặt đỏ? Tất cả những điều này đều làm cho Bi-ốt-ghe suy nghĩ. Nếu như nắm được bí quyết này thì hẳn người thợ đồ sứ Xắc-xôm cũng có thể vẽ được những bức tranh dựa theo các danh họa như Ra-pha-en, Mi-ken-lăng-giơ và ngay cả chân dung của hoàng đế Áp-gút-xtơ dũng mãnh.

Hoàng thân Phôn Phiu-xten-be hoặc bá tước Xiếc-gao-den hoặc bất cứ một vị hoàng thân, bá tước nào hẳn sẽ vô cùng sung sướng khi nhận được một chiếc bình sứ trên có mang chân dung mình. Thế nhưng trước khi có được những chiếc bình sứ tuyệt tác muôn màu sắc sỡ đó, phải hoàn thiện bằng được nghệ thuật chế tạo ra đồ sứ trắng phôi đã. Muốn vẽ hoa lá, những cánh bướm muôn màu sắc sỡ, những con hươu nai lông vàng ngơ ngác... công việc trước tiên là phải tạo ra được một cái nền: đó là sứ men trắng như ngọc. Trong khi những người thợ nề xây dựng tường cao bao quanh công xưởng thì Bi-ốt-ghe vẫn cặm cụi nghiên cứu trong phòng thí nghiệm. Cho nên khi chiếc lò nung đầu tiên vừa làm xong, ngay mẻ đầu, dỡ bình, lộ ở lò ra Bi-ốt-ghe đã có được những chiếc bình bằng sứ trắng rất đẹp.

Lần đầu tiên cầm hai chiếc bình sứ trên tay, bá tước Xiếc-gao-den không sao nhận ra được đâu là bình sứ Trung Quốc, đâu là bình sứ của Bi-ốt-ghe vừa sản xuất ra xong.

- Đồ sứ của ta giờ đây không thua kém gì đồ sứ châu Á - Bá tước Xiếc-gao-den nói với Bi-ốt-ghe. - Tôi tin rằng rồi đây đồ sứ của chúng ta cũng sẽ trở nên nổi tiếng, trên thế giới cho mà xem. Công lao này là nhờ ở ông cả, ông Bi-ốt-ghe ạ!

Nói tới đây, Xiếc-gao-den lấy một chiếc túi gấm đựng đầy tiền vàng đưa cho Bi-ốt-ghe và bảo:

- Đây là món tiền thưởng của hoàng đế người định trao tặng ông từ sau hội chợ Lai-xich nhưng chưa có dịp thuận tiện. Giờ ông nhận cho.

Bá tước Xiếc-gao-den tưởng sẽ nhìn thấy đôi mắt Bi-ốt-ghe ánh lên vì sung sướng khi đón nhận những đồng tiền vàng này nhưng bá tước chỉ thấy Bi-ốt-ghe thăm thì cảm ơn, bàn tay hững hờ chờ lấy túi vàng.

Bi-ốt-ghe cho thợ dỡ lò ra, ông cầm từng cái lọ, từng cái bình đưa lại gần mắt ngắm cho kỹ. Hết ngắm nghĩa ông lại đưa tay sờ mó kỹ nước men nhẵn bóng, nom y hệt một nghệ sỹ thưởng thức tác phẩm của mình.

Chợt Bi-ốt-ghe đặt cái bình xuống bàn, ông nhớ lại trước đây hồi còn nhỏ đã có lần ông đánh vỡ một cái lọ, hôm đó ông bị mẹ mắng sa sả, suốt mấy hôm sau mẹ ông vẫn day dứt về chuyện cái lọ mà giờ nghĩ lại, nào nó có đẹp để quý giá gì đâu? Một cái lọ sành xấu xí có chỗ đất nung còn sống, nham nhở... Sao ta không nghĩ tới chuyện đem biếu mẹ mình một cái bình đẹp nhỉ, để bà cụ cắm hoa.

Chưa chi Bi-ốt-ghe đã tưởng tượng ra cái lúc bố mẹ ông già lụ khụ, lưng còng gần như cúi gục xuống, rung rung hai bàn tay nhăn nheo ra đỡ lấy cái bình.

Bi-ốt-ghe vội đi kiếm một cái hộp, khế đặt cái bình vào rồi lấy vỏ bào nhét xung quanh. Ông đang định hôm nào nghỉ rỗi rãi, ông sẽ đưa cái bình đẹp về biếu mẹ.

Bi-ốt-ghe đưa chiếc bình về phòng riêng của mình rồi, ông còn rất cẩn thận bỏ vào tủ khóa kín lại.

Qua khung cửa sổ, Bi-ốt-ghe nom thấy bóng dáng một tên lính làng vắng đi ngoài xa, ông chợt nhớ ra: mình đâu có quyền ra khỏi đây, mình đâu có quyền được trao tận tay cái bình này cho mẹ mình? Nghĩ tới đây, Bi-ốt-ghe thấy đau nhói trong lòng. Bất giác ông thở dài. Không sao, thiếu gì cách: ta có thể nhờ ngay bác đánh xe ngựa, làm gì mà bác ta lại chẳng chuyển giúp hộ mình cái bình hoa này về quê hương. Mà không hiểu ở quê mình mùa này vụ nho đã hái hết chưa? Ngôi nhà cũ ai sửa lại? Mấy cây sồi trước nhà có còn hay không? Bi-ốt-ghe chạnh lòng nhớ tới quê hương.

Có lúc ông mơ ước được về ngôi nhà cũ, ngồi ngay xuống cái bậc thềm mát lạnh, nghe tiếng cọt két nước dưới giếng, dùng ngay bữa ăn trưa dưới bóng mát dàn nho, dù đó chỉ là một bữa ăn đạm bạc chỉ có một mẩu bánh với đĩa xúp bắp cải không có tí váng mỡ nào.

Tất cả những điều giản đơn này ai cũng có quyền hưởng một cách dễ dàng thì đối với Bi-ốt-ghe chúng đã trở thành những điều mơ ước. Thật lạ lùng.

Hôm nay lại đến lượt tên lính Ốp-dơ-xen đến gác.

Tên này vừa có vẻ ốm yếu, vừa lười. Đến phiên hẩn gác, hẩn thường đặt lưng dựa vào tường rồi gục đầu xuống ngủ.

Có lần thấy Ốp-dơ-xen ngồi ôm súng ngủ, Bi-ốt-ghe lại gần, khẽ vỗ vai hẩn và bảo:

- Này anh bạn! Anh bạn sao lại ngủ kỹ thế?

Mới đầu Ốp-dơ-xen cứ tưởng tên cai đốc gác đến kiểm tra mình, gã đã sợ, nhưng rồi nhận ra “nhà ông đồ men” thì hẩn há hốc mồm ra cười nhe cả mấy cái răng khểnh nói:

- Không sợ ông ạ! Xung quanh đây có mấy thằng lính gác cơ mà! Với lại ông có phải là người tù đâu.

Nghe nhắc đến hai chữ “người tù”, Bi-ốt-ghe không khỏi chạnh lòng nghĩ đến số phận mình. Đúng là mình bị tù thật, không được rời khỏi đây nửa bước. Bạn bè, họ hàng chẳng một ai được đến thăm hỏi. Quê hương bản quán, hàng chục năm trời cũng chẳng được về, nghĩ tới đây bất giác Bi-ốt-ghe thở dài đánh sượt một cái:

- Không phải người tù, mà lại hóa ra người tù.

Nghe thấy vậy, Ốp-dơ-xen nhìn ông và bảo:

- Ông là người tù thế nào được! Chẳng qua là nhà vua và bá tước muốn chúng tôi bảo vệ ông đấy thôi chứ tù nào mà lại có loại tù được cơm bưng nước rót, ngày đủ ba bữa thế này! Muốn gà quay, ngỗng quay; có gà quay, ngỗng quay, rồi rượu ngon... Giá ông có ăn mỗi bữa cả một con lợn sữa quay, uống mỗi bữa một vò rượu cũng được. Quần áo thì toàn một loại dạ ấm đắt tiền. Ông có biết hàng ngày tôi được ăn uống những gì không? Lưng một cà mèn súp loãng, lưng cũng một cục xương, tí bắp cải chua với một mẩu bánh mì đen.

Bi-ốt-ghe cười, nói:

- Nay, thế giờ tôi đổi cho anh vậy, ngay bây giờ.

Bi-ốt-ghe vừa nói vừa lần tay cởi cúc áo ngoài. Ốp-dơ-xen vội xua tay, hối hả nói:

- Nhưng mà tôi có biết làm được những cái bát đĩa đẹp như của ông đâu!

Vừa lúc đó một người hầu bưng vào một cái khay đầy thức ăn để lên bàn. Bữa ăn hôm nay. Bi-ốt-ghe đã cất hẳn một chai rượu vang và bọc già nửa con gà quay vào một mảnh giấy đưa cho Ốp-dơ-xen trước khi hẳn thay phiên gác.

Từ công xưởng sản xuất đồ sứ ở Mây-xen những cái sọt đựng hàng được kìn kìn chở ra, chuyển đi khắp nơi.

Trưa nay ở xưởng về nhà nghỉ, Bi-ốt-ghe đưa mắt nhìn vào quyển lịch treo trên tường và chợt nhận ra ngày hôm nay đúng là ngày sinh nhật của

mình. Trời! Quên khuấy đi mất! Sao ta không tổ chức một bữa tiệc rỗ to vào ngày hôm nay nhỉ! Đối với một nhà phát minh ra đồ sứ thì kể tổ chức một bữa tiệc linh đình mừng ngày sinh nhật chắc cũng được chứ sao! Rồi bạn bè đến chúc mừng. Trên một dãy bàn dài trải khăn bàn thêu đặng-ten trắng toát, sẽ bày la liệt những món sơn hào hải vị đựng trong những bát đĩa tráng men loại quý nhất, cạnh những chai rượu nho sông Ranh là những bình quý đựng hoa. Thế rồi mọi người cùng đứng dậy, chạm cốc chúc mừng nhau, tiếng cười nói, tiếng mở nút rượu, tiếng từng tràng vỗ tay...

Trời! Sao hôm nay ở đây lại quá vắng lặng thế này, một buổi trưa im ắng giống như những buổi trưa khác.

Anh em thợ thuyền đã nghỉ. Có lẽ trong xưởng chỉ còn mấy ống cao của lò nung còn nghi ngút khói.

Một bữa tiệc linh đình với bạn bè đông đủ tới dự, với Bi-ốt-ghe điều này hẳn không bao giờ có thể có được, ngay cả đến lúc mình nhắm mắt buông xuôi.

Bi-ốt-ghe nằm ngả người xuống đệm đang lim dim mắt định ngủ thì chợt nghe thấy tiếng lịch kịch phía cửa, Bi-ốt-ghe nhìn ra thì thấy tên lính Ốp-dơ-len đang đưa mắt nhìn ra xung quanh xem có ai không rồi hẳn đưa vào một cái khay nhỏ trong đặt một cái phong bì rất đẹp. Ốp-xơ-den nói:

- Thưa ông, có một ông khách nhà tôi chuyển đến ông chiếc phong bì này!

- Cảm ơn ông nhé! - Bi-ốt-ghe cầm chiếc phong bì mở ra xem. Ông gần như lặng người đi khi nhận ra đó là một tấm danh thiếp của một người lạ, tự xưng là bá tước Đi-xmắc, nước Phổ gửi tới chúc mừng sinh nhật của Bi-ốt-ghe.

Đi-xmắc là ai? Sao vị bá tước này lại nằm vững được cả ngày sinh của mình?

Tay Bi-ốt-ghe như vẫn còn run run, ông thấy xúc động thực sự. Có lẽ trong đời mình, đây là lần đầu tiên ông nhận được một tấm danh thiếp chúc

mừng sinh nhật. Bức danh thiếp in rõ đẹp và trang trí công phu, rõ ràng là vị bá tước này chỉ đặt in một bức danh thiếp mà thôi.

Đi-xmắc là ai? Hẳn đó phải là một vị bá tước giàu sang có một tâm hồn phóng khoáng cao thượng! Nếu như ông ta biết rõ ngày sinh của mình thì hẳn ông ta chắc biết rõ cả số phận hăm hiu của mình hiện nay. Làm cách nào để gặp được ông ta bây giờ nhỉ? Ít ra cũng phải có một đôi lời cảm ơn chứ! Bi-ốt-ghe đưa mắt tìm tên lính nhưng hẳn đã lên ra từ lúc nào.

Bi-ốt-ghe nằm xuống nghĩ miên man. Không rõ vị bá tước nước Phổ kia định làm quen với mình để làm gì đây?

Bi-ốt-ghe vớ chai rượu trên bàn rót ra cốc uống một hơi rồi bước vào phòng thí nghiệm. Đối với ông, cách giải buồn tốt nhất là làm việc, làm việc...

Nghe tiếng kèn đồng rúc từng hồi dài, lẫn với tiếng vó ngựa, tiếng chó sủa, Bi-ốt-ghe biết ngay là bá tước Xiếc-gao-den đang đi săn ở một khu rừng gần đây. Quả nhiên chỉ một lát sau, bá tước đã bước vào xưởng cùng với một người bạn. Xiếc-gao-den biết rõ. Bi-ốt-ghe đang làm việc trong phòng thí nghiệm. Những lúc ấy bá tước thường tránh, không bước vào phòng để Bi-ốt-ghe nghiên cứu được yên tĩnh. Hai vị bá tước đi thăm khắp nơi trong xưởng.

Người bạn của Xiếc-gao-den rất muốn vào thăm Bi-ốt-ghe nhưng vì thấy cửa đóng kín nên lại thôi. Khi bước qua cửa trước, vị bá tước này thấy Bi-ốt-ghe cứ nhìn mình chăm chăm. Ông bèn hỏi Xiếc-gao-den:

- Này ông bạn! Tại sao nhà giả kim thuật của bá tước cứ nhìn tôi chăm chăm thế? Hay là ông ta nghi tôi có bỏ vào túi vài ba cái bình sứ gì chẳng?

Bá tước Xiếc-gao-den cười:

- Đâu phải thế!

Rồi chỉ vào bộ quần áo chên bó sát người bạn, Xiếc-gao-den nói:

- Rất có thể, ông ta thích bộ quần áo đi săn của bá tước đấy!

- Nếu vậy thì bá tước mua luôn cho ông ta một bộ! Nghe bạn nói. Xiếc-gao-den bảo - Có thể nói là tôi chẳng tiếc ông ta một thứ gì! Lúc nào bá tước thử vào thăm phòng ông ta ở mà xem. Thảm len rải trong phòng, bộ đồ nước bằng pha lê viền vàng, ghế bọc bằng da bò... có thể nói là Bi-ốt-ghe muốn gì được nấy. Chính hoàng đế Áp-gút-xtơ cũng ra lệnh cho tôi phải trọng đãi ông ta hết sức, chỉ trừ một điều: không cho ông tá để lộ bí mật làm đờ sứ ra ngoài. Có thể nói như thế này: Bi-ốt-ghe sống ở đây như một ông hoàng mà cũng như một người tù giam lỏng vậy.

Tiếng hai người trò chuyện bay tới tai Bi-ốt-ghe lồm bồm câu được câu chẳng. Nhưng khi hai người đi khỏi tiếng vó ngựa, tiếng kèn đồng, tiếng chó sủa lại như gọi lên cho Bi-ốt-ghe cảnh một khu rừng bạt ngàn, lộng gió với thảm cỏ xanh rì, tiếng suối, róc rách chảy, bóng những chú hươu nai tung bốn chân rạp mình xuống chạy như bay để tránh những họng súng của bọn đi săn, nghĩ tới cuộc sống tù túng của mình, ông thấy cuộc đời ngoài kia phóng khoáng, tự do biết bao.

Ngày mai đã là ngày lễ các Thánh, ở quê Bi-ốt-ghe vào ngày này, nhà thờ đã tập nập nhiều người ra vào. Chuông nhà thờ đã dóng dả rung ngay từ chiều hôm nay. Thế mà ở đây yên tĩnh. Thợ thuyền trong công xưởng chiều được về sớm để ngày mai nghỉ việc đi dự lễ nhà thờ. Đối với Bi-ốt-ghe, ông sợ nhất những ngày chủ nhật và ngày lễ vì chính những ngày đó, ông càng cảm thấy trống trải cô đơn, tù túng nhất.

Ông lại chạnh lòng nghĩ đến mẹ và ý muốn biếu mẹ một chiếc bình sứ trước đây. Bao nhiêu năm tháng trôi qua, chiếc bình sứ để đâu vẫn còn đó! Ông cảm thấy công việc của mình như vô nghĩa. Tại sao ông lại không có quyền làm những chiếc bình sứ cho tất cả mọi người mà chỉ làm riêng cho nhà vua và bá tước Xiếc-gao-den để họ kiếm lời trong khi trên đời này mẹ ông và không biết bao nhiêu người khác không đủ tiền mua để dùng. Lúc này, Bi-ốt-ghe thềm có một người bạn để nói chuyện. Rượu ngon không thiếu, chim ngói, gà quay, thỏ hầm không thiếu, chỉ thiếu bạn hiền để trò chuyện tâm sự. Bỗng có tiếng lộc cộc đi vào. Bi-ốt-ghe nhìn ra. Đi theo sau lên lính gác là bác thợ cạo, cứ quen lệ, một tháng hai lần, bác ta lại xách cái

hòm đồ nghề vào xưởng. Bi-ốt-ghe tranh thủ hỏi thăm tình hình ngoài phố: Chợ búa ra sao, giá cả thế nào, những chuyến xe ngựa từ Mây-xen đi các nơi hàng ngày vẫn đông khách chứ?

Chờ cho tên lính đi khỏi, bác thợ cạo bèn rút ở cái nắp hộp xà phòng cạo râu ra đưa cho Bi-ốt-ghe một bức thư viết vào một mảnh giấy chỉ nhỏ bằng nửa bàn tay mà lời và ý thật dồi dào, bóng gió. Người viết bức thư đó chẳng phải ai xa lạ mà vẫn là bá tước Đi-xmắc.

Ngồi vào ghế Bi-ốt-ghe ngắm mình vào chiếc gương soi trước mắt. Ông thật không ngờ mình lại chóng già đến thế! Mái tóc đã bạc phơ, bộ râu cũng trắng như cước. Thì ra mãi mê làm việc trong phòng thí nghiệm, tuổi già xộc đến lúc nào không biết.

Dễ thường, mình cũng chẳng còn sống được bao năm nữa, mà kéo dài cuộc sống tù túng thế này, đâu có gọi là sống được. Chưa bao giờ Bi-ốt-ghe lại khao khát tự do như thế này.

Chính vì mình đã già yếu rồi nên mới càng cần được sống trong tự do phóng khoáng. Sống một năm tự do còn hơn kéo dài cả cuộc đời trong tù túng.

Bi-ốt-ghe gạt đồng đơn đặt hàng từ khắp nơi tới tấp gửi về xưởng Mây-xen. Họ đặt nào là loại bình hoa loại to men trắng, nào là loại thống sứ để trồng cây cảnh, nào là loại đĩa bầu dục có thể đựng gọn một con cá chiều dài gần một thước.

Nhìn trước nhìn sau không có ai, Bi-ốt-ghe bèn bóc thư ra xem rõ nhanh rồi châm lửa đốt luôn. Ngoài ra Bi-ốt-ghe còn cẩn thận vò nát cả tro thư đổ vào sọt. Tim ông bắt đầu đập mạnh.

Qua một số thư từ trước đây, Bi-ốt-ghe vẫn chờ đợi ngày hôm nay. Vì thế ông đã chuẩn bị sẵn tất cả những tài liệu gì mà ông đã ghi chép được trong quá trình tìm ra men sứ, kể cả phương pháp chế tạo và một số nguyên vật liệu cần thiết. Ngay cả kiểu lò nung, ông cũng vẽ lại khá tỷ mỉ. Bi-ốt-ghe cảm thấy chỉ với những tài liệu quý giá này, một người thợ nặn đất bình thường cũng có thể sản xuất đồ sứ được.

Đúng như kế hoạch thì đêm nay khoảng mười một giờ, Ốp-dơ-xen sẽ tới gác. Hắn sẽ tìm cách hoặc chuốc rượu hoặc đánh lừa hai tên lính gác rồi đưa Bi-ốt-ghe men theo lối nhà kho, bắc thang lên nóc nhà tới phía sau lò nung. Tại đây, Bi-ốt-ghe sẽ trao cho người do Đi-xmắc cử tới tất cả bí mật của nghề làm đồ sứ. Như vậy, chẳng bao lâu nữa tất cả mọi người đều biết làm đồ sứ. Hoàng đế Áp-gút-xtơ và bá tước Xiếc-gao-den sẽ không còn độc quyền nữa. Đến khi ấy, chắc chắn ông sẽ được tự do. Ông sẽ về quê hương, sẽ đi thăm thú khắp nơi trong nước cho bỏ những ngày tù túng, sẽ truyền bá nghề làm đồ sứ cho mọi người. Bi-ốt-ghe bồi hồi nghĩ đến những lò sứ nhan nhản khắp nơi. Đây đó, chốn đồng bằng, nơi thảo nguyên, từ thành thị đến thôn xã, ông đi trong mùi khói lò luyện sứ, các chợ búa la liệt đồ sứ. Và bạn bè, người thân của ông - những người nghèo khổ đã một thời không dám nghĩ đến việc sắm một chiếc bình sứ - giờ cũng có một vài đồ sứ trong nhà. Những chiếc bình sứ đẹp đẽ giờ không còn vô giá và bí ẩn đối với họ nữa...

Ngoài trời, đêm tối đang xuống dần. Mấy tên lính gác vẫn kiên nhẫn đi đi lại lại. Sau khi xem lại gói tài liệu một lần nữa, Bi-ốt-ghe lên giường nằm. Ông cố chợp mắt ngủ lấy sức nhưng không sao nhắm mắt được.

Mỗi tiếng động nhỏ trong xưởng đều làm cho Bi-ốt-ghe giật mình. Nhìn lên bầu trời lấm tấm mấy vì sao xa xa, Bi-ốt-ghe mừng thầm đêm nay hắn có cơ trốn thoát nơi này. Tiếng đồng hồ tích tắc đầu giường càng làm cho Bi-ốt-ghe thao thức. Chẳng lẽ cứ dong đèn mãi thế này không tiện, Bi-ốt-ghe tắt phụt đèn đi, nằm xuống trần trọc mãi.

Cuối cùng rồi đồng hồ cũng chỉ mười giờ bốn mươi năm phút. Chỉ còn mười lăm phút nữa, Ốp-dơ-xen sẽ có mặt ở đây và dĩ nhiên mọi việc sẽ ổn thỏa.

Bi-ốt-ghe vớ chiếc áo ấm mặc vào người rồi xỏ chân vào đôi giày vải để lát nữa lần bước trên mái ngói sẽ không gây tiếng động.

Đúng mười một giờ. Vẫn không thấy động tĩnh gì, Bi-ốt-ghe đứng dậy khẽ đi đi lại lại trong phòng. Ông bỗng ngồi xuống tự an ủi:

“Mười một giờ mới là giờ Ốp-dơ-xen đổi gác. Mười hai giờ mới là giờ hành động cơ mà”.

Vừa lúc đó có bóng một tên lính lù lù cầm súng đi lại. Hẳn là Ốp-dơ-xen rồi!

Chờ cho tên lính sắp lại gần, Bi-ốt-ghe bèn lấy tài liệu ra, rón rén lại gần cửa khẽ hỏi:

- Ốp-dơ-xen phải không?

Bóng đen khẽ đáp:

- Ốp-dơ-xen bị cảm lạnh đột ngột rồi, tôi phải gác thay cho hẳn, mà ông cầm cái gói gì thế?

- À... bọc quần áo cũ định cho anh ấy đấy!

Tên lính đáp:

- Thôi ông để mai đưa cũng được!

Bi-ốt-ghe thở phào nhẹ nhõm:

- Ủ, thôi để mai vậy!

Chờ cho tên lính gác quay đi, Bi-ốt-ghe mới ngồi thừ ra. Ốp-dơ-xen ốm! Biết làm thế nào bây giờ? Đây là dịp may hiếm có. Chẳng lẽ lại để mất thời cơ này! Hay là ta cứ thử liều một chuyến xem sao. Đường ngang ngõ tắt trong xưởng xem ra cũng không đến nỗi rắc rối lắm. Chỉ ngại mình tuổi già sức yếu leo trèo khó khăn nhất là đi lại trên nóc nhà lại mò mẫm trong đêm tối.

Mà nếu ở lại... Liệu tên lính lúc này có nghi ngờ gì không? Nếu sáng mai hẳn báo cho Xiếc-gao-den thì có lẽ suốt đời ta vẫn bị quản thúc mất.

Vừa lúc đó hình như có ám hiệu gõ vào tường ba tiếng, hẳn xe ngựa đã tới và người của bá tước Đi-xmắc đang tìm cách liên lạc với Ốp-dơ-xen. Bi-ốt-ghe vội đứng dậy lần bước đi. Vừa được một đoạn, Bi-ốt-ghe đã nom thấy bóng tên lính lù lù ngồi dưới một gốc cây. Không hiểu hẳn thức hay ngủ, chỉ biết hẳn ngồi thừ một chỗ. Thế này thì còn đi vào đâu được nữa.

Lại có tiếng gõ chỗ lò nung, Bi-ốt-ghe cầm một hòn sỏi khê ném về phía bên phải. Quả nhiên thấy động, tên lính nhóm dậy vác súng lững thững đi về phía đó, chờ cho hẳn vừa quay ra, Bi-ốt-ghe vội men theo bóng tối. Lần bước mãi, vượt qua một vọng gác nữa, cuối cùng Bi-ốt-ghe cũng tới được nhà kho. Tiếc là không có thang. Bi-ốt-ghe vội khê gõ vào tường ba tiếng, tức thời có tiếng đáp luôn.

- Thang! - Bi-ốt-ghe khê nói vọng ra ngoài như vậy.

Chỉ một lát sau đã có một sợi dây thừng to ném vào. Bi-ốt-ghe nắm lấy đầu dây nhưng vì sức yếu, ông loay hoay mãi vẫn không leo được. Nhưng rồi ông cũng bấu chặt được vào đầu dây cho người ở phía ngoài kéo dần lên. Lên tới nóc nhà, không hiểu bị lúng túng thế nào mà Bi-ốt-ghe bước hụt một cái làm xô mái, ngói rơi loảng xoảng. Dưới chân tường có tiếng chân rầm rập kèm theo tiếng quát rõ to:

- Ai làm gì trên đó?

Dù Bi-ốt-ghe cố nằm yên nhưng rồi mấy tên lính canh đã đốt đuốc lên soi rõ người nằm trên mái ngói.

Phía ngoài có lẽ vì thấy động nên người đánh xe ngựa đã ra roi cho cỗ xe ngựa lao vút đi trong đêm tối. Một phát súng nổ từ vọng gác ngoài. Sau đó nổ liền hai phát súng nữa. Có tiếng bước chân chạy rầm rập ngoài phố. Tiếng xe ngựa tự nhiên câm bật.

Bi-ốt-ghe tỉnh dậy đã thấy mình nằm trong nhà giam, tay chân đều bị trói. Quờ tay ra xung quanh toàn đá giá lạnh, tự nhiên ông cảm thấy rét run lên cầm cập. Trong bóng tối, Bi-ốt-ghe cũng không phân biệt nổi là ngày hay đêm nữa. Ông chú ý lắng nghe, nhưng cũng không thấy một tiếng động nào vọng đến cả. Bi-ốt-ghe khê cửa quậ, mình mẩy đau ê ẩm. Ông cảm thấy hình như những khớp xương trong người sắp rời ra. Chợt có tiếng kẹt cửa. Một vệt sáng lờ mờ từ trên cao hắt xuống. Có tiếng quát:

- Lên đây!

Bi-ốt-ghe nhồm dậy hướng theo phía cửa sắt hé mở, lần bước lên bậc thang đá trơn nhầy nhựa.

Ánh sáng trên mặt đất có làm cho Bi-ốt-ghe lóa mắt đi trong giây lát. Ông đi theo tên lính và chỉ một lát sau đã bước vào một căn phòng: bá tước Xiếc-gao-den đã ngồi sẵn ở đó chờ ông:

- Thế nào, đêm qua ông định đi đâu vậy? - Bá tước Xiếc-gao-den khẽ hất hàm hỏi Bi-ốt-ghe. - Ông hãy trả lời cho tôi biết chứ!

Bi-ốt-ghe vẫn đứng yên. Xiếc-gao-den sai tên lính cởi trói cho ông xong rồi đưa cái ghế tới cho ông ngồi.

Bá tước Xiếc-gao-den lại hỏi:

- Thế nào, ông định trao bí mật chế tạo đồ sứ cho ai?

Bi-ốt-ghe không hé răng nói một câu. Chẳng lẽ hẳn đã biết chuyện rồi hay sao?

Bá tước Xiếc-gao-den khẽ đưa mắt cho tên lính dẫn vào một người to lớn mà Bi-ốt-ghe chưa hề gặp mặt bao giờ. Xiếc-gao-den chỉ người lạ mặt nói với Bi-ốt-ghe:

- Đây là người của bá tước Đì-xmắc ở vương quốc Phổ đêm hôm qua được cử sang để đón ông. Không may chiếc xe ngựa bị giữ lại. Điều này chứng tỏ, trước đây ông đã liên lạc nhiều lần với Đì-xmắc. Ông định trao toàn bộ tài liệu về phương pháp chế tạo đồ sứ cho Đì-xmắc.

Xiếc-gao-den mở ngăn kéo lấy ra toàn bộ tài liệu mà Bi-ốt-ghe định mang đi nhưng không thoát.

- Không còn tang chứng nào hùng hồn hơn nữa. Và dĩ nhiên ông cũng không thể cãi vào đâu được nữa! Người của Đì-xmắc thú nhận chúng là những tên gián điệp chuyên ăn cắp những bí mật kỹ thuật.

Nghe đến đây, Bi-ốt-ghe giật mình. Xiếc-gao-den lại gần Bi-ốt-ghe và hỏi:

- Ông sống chưa đủ sung sướng hay sao? Hoàng đế Áp-gút-xtơ trọng đãi ông như vậy vẫn chưa đủ hay sao? Ít ra ông cũng trả lời tôi lấy một tiếng cho tôi biết chứ!

Bi-ốt-ghe nói chậm rãi song đồng dục:

- Tôi muốn phục vụ nhân dân quê hương tôi chứ không muốn phục vụ cho riêng ai.

Bá tước Xiếc-gao-den cười khẩy chỉ tay vào một chiếc giá treo cổ mạ vàng mới dựng ở cuối lâu đài:

- Số phận của bọn giả kim thuật lừa đảo đã được định sẵn. Dù sao thì ông vẫn sướng hơn kẻ khác: treo cổ dưới giá mạ vàng.

Bi-ốt-ghe nhìn cái giá treo cổ không hề sợ hãi. Xiếc-gao-den nói tiếp:

- Trước khi bước lên giá treo cổ, ông có thể sống thêm ít ngày nữa! - Đột ngột Xiếc-gao-den quát tên lính. - Dẫn hắn đi!

Vừa về đến nhà giam thì Bi-ốt-ghe ngã gục xuống vì mệt mỏi, toàn thân giá lạnh như vừa được vớt dưới băng giá lên. Câu nói lúc nãy của Xiếc-gao-gien như một gáo nước lạnh dội vào người làm ông choáng váng. Hóa ra Đi-xmắc chẳng qua cũng chỉ là một tên bá tước, một tên gián điệp lừa lọc. Điều này nghĩ kỹ hoàn toàn đúng. Hắn ta chẳng qua cũng cùng một giuộc với Xiếc-gao-den. Trong khi Bi-ốt-ghe lại muốn hiến trí tuệ cho cả dân tộc mình. Mệt mỏi, chán chường, Bi-ốt-ghe bị ốm nặng, mê man không biết gì. Ông cảm thấy sức khỏe của mình mỗi lúc một giảm sút. Một ngày nào đó, có lẽ cũng không xa, ông sẽ nhắm mắt nằm xuống.

Mỗi khi tỉnh ông đều nghĩ có nên mang bí mật làm đồ sứ lên thiên đường hay không? Ông thấy không thể như thế được.

Phải truyền lại bí mật này cho nhân dân, cho người đời sau mới được. Nhưng truyền cho ai bây giờ? Đi-xmắc là một bài học đau đớn cho ông. Ông không thể hướng về những kẻ như Đi-xmắc. Cơ-rít-tốp Hôn-gơ chẳng? Rõ ràng bác ấy là người giúp việc gần gũi của mình trong việc nghiên cứu về đồ sứ nhưng liệu bác ta có xứng đáng để ta truyền lại cái

nghề quý giá này chẳng? Hay là nhà khoa học Na-mít. Với tài học rộng, vốn hiểu biết sâu sắc, Bi-ốt-ghe tin là Na-mít có thể trở thành người kế tục công việc của mình được. Hãy truyền lại cho Na-mít một bí mật vô cùng quan trọng: cách làm bóng đồ sứ. Còn nửa phần đầu cơ bản: cách làm đồ sứ, ta sẽ truyền lại cho Hác-ten-mê. Được đấy! Hác-ten-mê là người ta có thể tin cậy được. Ta sẽ sẽ không viết ra giấy. Ta thề từ nay sẽ không để lại một dấu vết nhỏ gì trên giấy cả. Những người học trò thân tín của ta sẽ được truyền lại nghề này bằng cách học nhập tâm vậy. Chỉ có cách này mới đảm bảo bí mật nhất.

Nghĩ được như vậy, ông lão Bi-ốt-ghe cảm thấy trong lòng nhẹ nhõm hẳn. Bi-ốt-ghe tự an ủi mình: “Thế xác ta dù bị giam cầm, nhưng dù sao đầu óc phát minh của ta vẫn được tự do, thoát khỏi mấy bức tường cao ngất này!”

Đêm hôm đó là một đêm Bi-ốt-ghe ngủ ngon nhất sau nhiều đêm trằn trọc mãi.

Một tháng rồi hai tháng trôi qua, bí mật chế tạo đồ sứ không chỉ còn ở Bi-ốt-ghe nữa, nó đã đến với Na-mít, Hác-ten-mê... Khi tên lính mở cửa nhà giam thì Bi-ốt-ghe chỉ còn thoi thóp thở, toàn thân nóng như lửa.

Cho tới một hôm, theo như thường lệ, tên lính gác đưa cơm vào trại giam thì nhà giả kim thuật tài năng kia chỉ còn là một cái xác không hồn đã giá lạnh tự bao giờ. Nhưng những gì ông truyền lại cho người đời sẽ vượt khỏi chốn song sắt đến với mọi người, đến với nhân dân.

>> id="calibre_pb_5">> >> >>

NHỮNG CHUYỂN RA ĐI CỦA PHÔ-LÊ

Cầm thanh thép lên tay hết lật đi lật lại để ngắm cho kỹ, chủ xưởng Phô-lê ở Xtua-Brit-giơ khẽ lắc đầu tỏ ý không bằng lòng. Kể ra ở khắp U-óc-sét-téc-sai-rơ không một ai mà không biết ông chủ xưởng rèn này đang

mơ ước có một thứ thép tốt. Theo Phô-lê thì thép tốt phải “dẻo” khi nấu chảy thì thoát tiên nó ở thể nửa chảy, sau đó mới biến thành thép lỏng. Tiếc rằng thứ thép mơ ước này khắp nước Anh không đâu tìm ra.

Trong những năm phát triển công nghiệp ở Anh, Phô-lê đã thấy rõ: rồi đây trong tương lai gang, thép, sắt sẽ là những kim loại được loài người dùng nhiều nhất. Phô-lê hiểu rằng với một chủ lò rèn như anh, chỉ cần nắm được một trong ba thứ này cũng đã đòi hỏi phải có một chí khí cao rồi. Phô-lê chọn thép.

Làm nghề rèn nên Phô-lê càng biết rõ một điều là thép bền hơn đồng tới mấy chục lần, chịu được nóng, chịu được a-xít mà giá lại rẻ hơn đồng, hơn chì... Giá như có phép lạ gì chế biến được sắt thép ở ngay Xtua-brit-giơ này thôi là sẽ có biết bao nhiêu chuyện xảy ra.

Phô-lê vẫn thường nói với bạn bè quen thuộc:

- Giá tìm ra được cách gì để có được loại thép Anh tốt thì dù có mất cả cái gia sản này tôi cũng bằng lòng.

Một buổi chiều, như thường lệ, Phô-lê với lấy cây vi-ô-lông treo trên tường khẽ kéo một bản nhạc.

Nghe tiếng nhạc nhè nhẹ, buồn buồn, ưu tư, một người đi qua vốn biết những điều trần trở của Phô-lê bèn đứng chân tại nhà Phô-lê và nói:

- Kể ra có đánh đổi cái gia sản này lấy được bí mật loại thép quý cũng không có gì là quá đáng cả!

Phô-lê treo cây đàn lên tường nói:

- Tôi sẵn sàng đánh đổi đấy, nhưng thưa quý khách biết làm cách nào bây giờ? Mong quý khách làm ơn chỉ giúp cho tôi xin đa tạ.

Ông khách lạ vuốt lại mái tóc sẫm cho khỏi xơ xuống trán rồi nói:

- Nếu ông cứ ngồi nhà mà rên rỉ nỉ non thì dù có rỏ nước mắt suốt cả đời mình cũng chẳng làm nên cơm cháo gì. Giờ đây chỉ có cách rời khỏi đất Anh “tìm thầy học đạo”. Trên thế giới này thiếu gì những cái hay cái lạ.

Chỉ riêng một châu Âu, thép của Bỉ, của Đức, của Bô-he-mơ, của Ý, của Tây Ban Nha... thiếu gì những cái họ hay họ giỏi hơn mình.

- Thật là một ý kiến hay! Phô-lê nắm chặt lấy tay người khách hỏi. - Chẳng hay ông tên là gì ạ?

Người khách khẽ nhíu lông mi đen nhánh lại, lim dim cặp mắt xanh biếc mỉm cười nói:

- Ông chỉ cần biết tôi là một người Anh! Thế là đủ.

Khách nói xong, đứng dậy cáo từ ra đi.

Phô-lê tiến ra tận cửa, đưa mắt nhìn theo mãi. Cho tới khi người đó đi khuất hẳn sau dàn nho nhà bác Lê-ông Ôn-tơ mới thôi. Nghe giọng nói và nhất là nhìn mái tóc sẫm cùng với đôi mắt xanh. Phô-lê đoán chừng ông khách lạ này có lẽ thuộc giống người Xen-tơ ở miền Coóc-uên, một quận phía Tây nước Anh.

Câu nói của người khách lạ không khỏi làm Phô-lê suy nghĩ. Gần như suốt đêm đó, anh ta không ngủ được.

Sang châu Âu? Bỏ lại cả xưởng rèn: không sao cả! Có được thứ thép tốt thì chẳng lo sống nghèo khổ. Nhưng bỏ cả vợ, con ra đi biết bao giờ cho học được nghề? Phô-lê trăn trở mãi. Mãi gần sáng, anh mới đánh thức vợ dậy để bàn cho kỹ. Chị vợ hiền lành chỉ một mực đáp:

- Tùy anh, anh suy nghĩ cho chín đi rồi muốn làm thế nào thì làm.

Sáng nay Phô-lê từ biệt vợ con bè bạn lên đường. Chân đi đất, đầu trần không mũ, Phô-lê mặc một bộ quần áo rách vá ở hai đầu gối, anh cười rồi vui vẻ nói với mọi người:

- Thế nào, các bạn thử xem tôi đã giống một người hát rong chưa?

Nói xong Phô-lê cặp cây đàn vào nách lên đường.

Tối hôm đó, dừng chân tại một quán trọ bên đường, Phô-lê vẫn không ngủ được mặc dầu cả ngày anh đi đã mệt. Anh thấy nhớ nhà một cách lạ lùng: từ xưởng rèn, tiếng bệ thổi phì phò, tiếng búa đập xuống đe chan chát,

tiếng con khóc, rồi dần nhỏ, giếng nước, tiếng bước chân đàn cừu... Bất giác Phô-lê không cầm nổi nước mắt.

Thép! Chỉ vì một nước thép mà Phô-lê rời bỏ cả quê hương ra đi...

*

Từ thủ đô Bơ-ruy-xen-lơ đi về phía nam chừng ba chục ki-lô-mét, không một ai là không biết tiếng Đơ-rao-tinh. Ông ta là chủ một xưởng máy có lò đúc thép. Thứ thép của ông ta khá tốt.

Phô-lê tìm tới một quán trọ ở gần lò đúc thép của Đơ-rao-tinh. Từ đó lúc nào trong quán cũng réo rắt tiếng đàn của Phô-lê. Chủ quán chỉ tính tiền trọ vì từ ngày Phô-lê tới ở, quán mỗi ngày một đông khách. Rượu, cà phê thì vẫn hai thứ ấy. Thức nhắm thì cũng chẳng có thứ gì hơn. Có lẽ nhờ tiếng đàn mà cánh thợ thuyền của ông Đơ-rao-tinh kéo đến mỗi ngày một đông. Còn Phô-lê, bất cứ lúc nào hạ cây đàn xuống là anh lại nhớ tới nhiệm vụ chính của mình.

Dĩ nhiên Phô-lê vốn hiểu rõ gang do còn chứa một số tạp chất có hại như các-bon, lưu huỳnh, phốt-pho... nên thường bị giòn mà muốn chế tạo ra được các thứ máy móc, dụng cụ thì đòi hỏi phải có một thứ kim loại nào đó vừa dẻo, vừa dai và phải cứng nữa, do đó phải luyện gang thành thép.

Cái bí mật là nằm ở chỗ luyện gang thành thép.

Một tuần lễ trôi qua... Chiều nay, cũng như mọi ngày cây đàn trong tay Phô-lê như nhảy nhót theo một điệu múa nhộn nhịp Tây Ban Nha. Phô-lê đưa mắt nhìn ra xung quanh: khán giả vẫn ngần ấy bộ mặt quen thuộc. Anh hạ cây đàn bắt đầu ngâm nga:

“Nếu số phận anh đây phải chết!

Bóng đêm dày ta quyết đón ngày

Như em yêu quý đắm say...”

Chợt có tiếng một người reo lên:

- Sếch-xpia!

- Đúng! Phô-lê đáp - Mấy câu thơ này trích trong vở kịch “Ăn miếng trả miếng” của Sếch-spia.

Lúc này đám đông rẽ ra, một người ăn mặc sang trọng bước vào. Phô-lê nhận ra ngay Đơ-rao-tinh. Anh kính cẩn cúi đầu chào.

- Này, anh bạn nghệ sĩ quê hương của Sếch-xpia! Bấy lâu nay anh đã làm mê hoặc những người thợ của tôi rồi đấy!

Phô-lê hơi đỏ mặt vì lời khen của ông Đơ-rao-tinh:

- Cảm ơn những lời khen của ông.

Đơ-rao-tinh gật gù nói:

- Này, anh bạn! Liệu một hôm nào đấy, anh có thể vào tận lò thép của tôi biểu diễn cho anh em thợ thuyền xem được không?

- Thưa ông nhất định là được rồi! - Phô-lê nói - Và trước hết tôi muốn hân hạnh được đến thăm ông.

- Dĩ nhiên là được rồi! - Nói xong Đơ-rao-tinh vui vẻ quay ra.

Sáng nay Đơ-rao-tinh vừa tỉnh dậy, còn đang lim dim mắt thì nghe thấy tiếng nhạc từ trong vườn như đang tan dần trong màn sương sớm. Lão ta vẫn nằm yên. Nhận ra tiếng đàn quen thuộc của Phô-lê, Đơ-rao-tinh không muốn nhúc nhích người, sợ gây thành tiếng động mạnh.

Chờ cho tiếng đàn dứt hẳn, Đơ-rao-tinh mới nhồm dậy.

Có lẽ vì hàng ngày bận bịu nhiều với công việc nên những buổi sáng như hôm nay đối với Đơ-rao-tinh thật là hiếm có.

Khi Phô-lê ôm cây đàn bước vào thì Đơ-rao-tinh đã ngồi chờ sẵn, trên bàn đặt một cái ví dầy cộp.

Đơ-rao-tinh nói:

- Cuộc đời nghệ sĩ nay đây mai đó của anh hẳn là thú vị lắm?

Phô-lê đáp:

- Thưa ông, quả đúng thế!

Đơ-rao-tinh khẽ hỏi:

- Thế chuyến này anh định ngao du tận đâu?

Phô-lê đặt cây đàn lên bàn nói:

- Tôi chỉ cốt đến thăm ông và học lấy nghề của ông.

Đơ-rao-tinh ngạc nhiên hỏi lại:

- Anh bạn không nói đùa đấy chứ?

Phô-lê đáp thật thà:

- Thưa đúng nói thật đấy ạ!

Đơ-rao-tinh nhìn những ngón tay của Phô-lê, lão vẫn chưa hết nghi ngờ “làm gì có chuyện ấy! Một nghệ sĩ tài tử với cái nghề nấu thép này có cái gì dính líu đến nhau đâu nhỉ?”

Không thấy Đơ-rao-tinh nói gì, Phô-lê nói:

- Tôi sẽ vô cùng sung sướng nếu được làm học trò của ông trong cái nghề nấu thép này.

Đơ-rao-tinh không nói gì mà mở ví đưa tiền ra cho Phô-lê:

- Dù sao thì anh bạn cũng phải cầm lấy ít tiền mà chi tiêu trên mảnh đất Bỉ này chứ?

Phô-lê xua tay:

- Cảm ơn ông, tôi vẫn còn tiền. Điều quan trọng nhất là lời yêu cầu của tôi liệu có được ông chấp nhận hay không?

- Được thôi! Đơ-rao-tinh nhún vai nói. - Nhưng làm cái nghề này vất vả lắm. Tuy nhiên nếu như anh muốn thật bụng học nó thì cũng được.

Đơ-rao-tinh trả lời như vậy vì lão cho rằng, chẳng qua là anh chàng này muốn vào thăm xưởng máy đây chứ cái công nghiệp này đâu phải chuyện dễ dàng học được, nếu không phải là người có trình độ chuyên môn.

Đơ-rao-tinh gật gù nói tiếp:

- Thôi được rồi! Dù sao anh bạn cũng ở lại đây ăn điểm tâm với tôi sáng nay đã rồi sáng mai anh bạn vào thăm tôi trong xưởng máy và dĩ nhiên lúc đó nếu anh muốn đem theo cây đàn cũng được.

Người nhà lúc này đã bưng ra bánh pa-tê và cà phê sữa. Đơ-rao-tinh lẩm bẩm nói:

- Luyện thép! Tôi thật không ngờ cái nghề của tôi mà lại được một người nước ngoài đầu tiên tới đây học tập. Luyện thép... biết giải thích nó như thế nào nhỉ? Có thể nói tóm gọn được như thế này: luyện thép là dùng bằng cách nào đó bỏ tất cả những chất có hại trong gang ra và cuối cùng thu được loại thép tốt.

Phô-lê gật đầu khẽ đáp “Vâng” nhưng trong bụng lại nghĩ “Điều này về nguyên lý thì ai mà chẳng biết, cái khó là bí mật của việc “dùng bằng cách nào đó” để có được thép tốt”.

Vừa lúc đó, có khách tới, Phô-lê đứng dậy ra về trong lòng vẫn thấy tiếc rẻ. Phô-lê lững thững đi, về tới quán trọ lúc nào không biết.

Riêng bác chủ quán hơi lấy làm lạ: hình như cái nhà ông nhạc sĩ này hôm nay có điều gì vui mà cứ luôn miệng hát suốt ngày, bữa ăn lại gọi thêm cả một cốc rượu nữa.

Đối với Phô-lê, chuyến đi này quả là bổ ích thật!

Anh em thợ thuyền trong xưởng đón tiếp Phô-lê niềm nở đã đành, mà ngay cả ông chủ xem ra cũng chẳng tỏ ra giấu giếm gì cả. Lão ta dẫn Phô-lê đi thăm khắp nơi trong xưởng. Gặp cái gì chưa rõ, Phô-lê đều hỏi đến nơi đến chốn.

Qua những câu hỏi của nghệ sĩ Anh này, Đơ-rao-tinh nghĩ hình như anh bạn này trước đây cũng có làm nghề gì dính líu đến nghề này hay ít ra cũng có biết sơ qua về nghề này.

“Hay là hẳn ta thật bụng đi học bí mật nghề luyện thép Bỉ này chẳng?” Song Đơ-rao-tinh lại cho rằng: chẳng qua là mình quá lo xa thế thôi chứ giá

có năm được tường tận những bí mật ở đây cũng khó mà có thể thực hiện được điều đó.

Còn Phô-lê, anh chú ý theo dõi từng việc nhỏ ở đây, không bỏ qua một chi tiết nào cả. Những người thợ tốt bụng họ không hề tiếc anh một điều gì.

Trưa hôm đó, lão chủ quán rất ngạc nhiên thấy ông nghệ sĩ khách trọ đi lẫn trong đám thợ thuyền từ trong xưởng thép về.

Về nhà trọ Phô-lê cố nhớ lại trong đầu óc mình để ghi chép lại trên giấy đúng như mọi chi tiết đã được dịp quan sát kỹ mấy hôm nay.

Trước hết Phô-lê vẽ lại lò nấu thép. Có lẽ nó nguyên là một thân lò chõ đúc gang, tường lát gạch chịu lửa dày, ngoài bọc vỏ tôn dày, thân lò hình trụ, cao khoảng một mét và đường kính bằng độ nửa chiều cao. Ống hút tựa như một cái thùng phuy nhỏ bằng tôn đục thủng hai đầu.

Phô-lê vẽ tiếp ghi lò, anh nhớ mặt ghi hình tròn nhưng lại do hai ghi hình bán nguyệt chắp lại, thành ghi cách nhau hai mươi mi-li-mét. Ngoài ra còn có bốn cái trụ đỡ ghi lò giống nhau đúc bằng gang.

Tất cả những gì dính líu tới cách chạy lò, Phô-lê đều ghi chép lại thật cẩn thận: từ chất mẻ nấu đến đốt mẻ nấu. Nếu tính theo thứ tự chất mẻ nấu từ mặt ghi trở lên thì Phô-lê thấy có chừng một sọt vỏ bào hay củi khô cỡ nhỏ dùng làm môi lửa rồi độ tám cục than hoa, một sọt than gầy rồi đến tám sọt than gầy nữa chất đầy miệng thân lò, cỡ to chất dưới, cỡ nhỏ chất lên trên.

Phô-lê đặc biệt chú ý tới lúc đốt mẻ nấu: giai đoạn đầu nhóm lò chỉ lâu chừng nửa giờ đến một giờ. Khi nào trên miệng ống hút bắt đầu xuất hiện khói xanh tức là thấy hết khói trắng và khói đen thì người ta lấy một tấm tôn đập miệng ống hút lại, chỉ cần để hở một vài lỗ nhỏ đủ để than trong lò âm ỉ cháy còn thì lấy đất trét kín các khe hở giữa nắp và miệng ống hút lại.

Sang giai đoạn hai: hầm than, ba giờ sau khi nhóm lò, nếu thấy lỗ thăm dưới rục hồng, lỗ thăm giữa còn tối là tốt, thì chỉ việc chất than gầy vào lên tới nửa chiều cao ống hút, nhớ đập nắp miệng ống lại.

Giai đoạn hai này kết thúc vào lúc lỗ thăm trên hoàn toàn rực hồng, vào quãng từ bảy, tám giờ sau khi nhóm lò.

Vào giai đoạn ba ra than, cần chú ý rắc tro hay cát lên mặt đất xung quanh ghi để than nóng đỏ không gặp lạnh đột ngột dễ nở vỡ. Than nóng đỏ được cào ra và dùng bình tưới nước làm nguội. Ra than thì mặt ghi cào sạch ngay, hạ thân lò xuống vị trí cũ, đợi nguội, khi thân lò hết hồng chuyển sang đen thì tiếp tục chạy mẻ thứ hai, một ngày như vậy chỉ nên làm hai mẻ.

Câu nói của Đơ-rao-tinh như vẫn còn văng vẳng bên tai Phô-lê:

- Nhiệt độ lò nhớ khống chế cho lên chậm, sau độ tám, chín giờ lỗ thăm trên rực hồng khoảng 1.100 độ. Nhớ đừng để nhiệt độ lên nhanh quá mà than cháy tốn nhiều, dễ nứt vỡ vì hơi ẩm và các chất trong than bốc ra quá nhanh và sẽ vỡ cục than.

Đơ-rao-tinh còn chỉ vào cục than nhiệt luyện và bảo:

- Cục than chỉ cần cháy sém một lớp bên ngoài là được, không yêu cầu cháy tới ruột. Tốt nhất là chọn được cục than ít vết nứt to nhưng nhiều vết rạn nhỏ li ti thì càng tốt.

Phô-lê nhắm tính nếu mỗi mẻ lò này sản xuất được hai trăm ki-lô-gam thì mỗi ngày hai mẻ sẽ được tới bốn trăm ki-lô-gam.

Sớm nay bầu trời sập sùi như sắp mưa, Phô-lê ngồi trầm ngâm một mình trong quán trọ. Bác thợ lò Ê-xê-ki-en có lẽ là người hiểu rõ nỗi lòng của Phô-lê ngay từ ngày đầu anh đặt chân tới quán này. Thật ra thì chẳng riêng gì Phô-lê mà Ê-xê-ki-en vốn rất mến những người có chí khí, có quyết tâm cao, nhất là nếu người đó lại xuất thân từ người lao động chân lấm tay dầu. Vừa nom thấy Ê-xê-ki-en bước vào, Phô-lê làm ra vẻ như không nom thấy, lẩm bẫm nói một mình:

- Thép Bỉ tốt thật!

Ê-xê-ki-en gật đầu đáp:

- Đúng! Thép Bỉ có tốt nhưng chưa phải là tốt nhất ở Âu châu!

Phô-lê vội hỏi:

- Thế theo bác thì còn loại thép ở đâu tốt nữa?

Ê-xê-ki-en gật gù:

- Theo tôi thì nước Đức từ xưa đến nay vốn có trình độ kỹ nghệ cao. Nhất định là thép của họ phải tốt.

Những câu nói của Ê-xê-ki-en không khỏi làm Phô-lê suy nghĩ. Không khéo lại phải sang Đức một chuyến mới được.

Theo như Phô-lê ngẫm nghĩ thì một khi đi học nghề, nếu không có sáng tạo thêm thì nghề mình làm giỏi mấy cũng khó có thể bằng thầy được. Nếu sau này thứ thép Anh có tốt bằng thép Bỉ thì chưa chắc đã có thể cạnh tranh được với thép Bỉ. Và Phô-lê sang Đức.

*

Miền Rúa đây rồi!

Phô-lê đi mãi và có cảm tưởng đúng là mình lạc vào xứ than: chỗ nào cũng giếng than, núi than, chỗ nào cũng ống khói tỏa mù mịt khắp trời.

Hết Đoóc-mun rồi đến Bô-sum, Bu-e, Et-xen, Duy-xen-đoóc-phơ... Phô-lê tưởng tới Dui-dơ-bua, một hải cảng trên sông Ranh chắc sẽ dễ chịu hơn ở đây bụi than cũng bay mù trời...

Dui-dơ-bua, thành phố chính của cả miền Rúa này chính là nơi Phô-lê cần dừng chân lại để tìm thầy học nghề.

Với cây đàn của mình, Phô-lê dễ dàng làm quen được với một anh thợ Đức tên là Oen-lơ-béc. Ngay từ hôm đầu, Oen-lơ-béc đã bảo Phô-lê:

- Người Đức vốn yêu âm nhạc.

Phô-lê đáp luôn:

- Người Anh vốn quý loại thép tốt, đấy mới chỉ là ý kiến của cá nhân tôi lúc này.

Sau đó Phô-lê rủ rì tâm sự với bạn:

- Cuộc sống lang thang nay đây mai đó của tôi nghĩ lại cũng chán. Cuộc đời một con người trước sau rồi cũng phải bỏ neo tại một hải cảng nào đó chứ.

Oen-lơ-béc hỏi:

- Thế anh định làm ăn sinh sống ở đây chắc?

Phô-lê gật đầu, đáp:

- Đúng thế! Tôi muốn làm cái nghề luyện thép của anh. Liệu anh có thể giúp đỡ cho tôi được không?

- Có thể được! - Oen-lơ-béc nói. - Nhưng có lẽ anh nên đóng vai một người dân Đức từ miền khác tới đây tìm việc làm thì hơn. Điều này, anh phải giữ kín mới được!

Sáng hôm sau, Oen-lơ-béc dẫn Phô-lê tới gặp một viên cai tên là Các-lơ Ê-ghe. Có lẽ vì mấy xưởng này đang cần thợ nên Phô-lê xin vào học việc xem ra cũng không có gì khó khăn lắm.

Cứ như con mắt của Các-lơ Ê-ghe thì những ngày đầu, anh chàng học việc ở miền Ca-vi-e này tỏ ra rất chăm chỉ nhưng chỉ ít lâu sau, anh ta hay la cà chỗ này một tí chỗ kia một tí. Viên cai bắt đầu chê trách anh ta, nhưng được cái Phô-lê là một người học việc khôn khéo. Từ đó, Phô-lê lúc nào cũng tìm cách bám sát lấy Oen-lơ-béc và những người thợ giỏi tay nghề ở đây, Phô-lê nhớ lấy những điều theo anh thì dù là nhỏ nhặt nhưng lại khá quan trọng, chẳng hạn như muối nhúng thép.

Phải chăng như lời nói của Oen-lơ-béc thì nhúng thép vào trong muối này chừng dăm phút sau đem ra ngoài không khí để nguội hoàn toàn, cách làm này vừa rẻ mà lại giảm khỏi bị nứt vênh.

Đã nhiều lần Phô-lê định tới thăm lò nung nhưng Oen-lơ-béc có ý gài lại và bảo:

- Trước sau rồi anh cũng tới được đó nhưng lúc đầu nên thận trọng một chút. Riêng tôi, tôi cảm thấy giọng nói của anh chẳng giống mấy với giọng nói miền Ba-vi-e cả.

Phô-lê lo lắng hỏi:

- Biết làm thế nào bây giờ? Nếu như chẳng may tên đội Các-lơ Ê-ghe phát hiện ra điều đó thì sao?

Oen-lơ-béc nói:

- Thì lúc ấy anh phải chuồn khỏi đây tức khắc. Còn từ nay trở đi anh hạn chế càng ít nói được càng tốt và hết sức chú ý tới những vấn đề nhỏ nhặt. Có khi chỉ cần một điều nhỏ nhặt đó là một người thợ cừ có thể sống ung dung suốt cả một đời người được.

Phô-lê sốt ruột nói:

- Tôi sẽ nghe theo lời khuyên của anh nhưng sau đây, theo anh tôi nên học hỏi điều gì?

- Vấn đề tôi các dụng cụ bằng loại thép ở đây.

Nói xong Oen-lơ-béc đứng dậy, chùi bàn tay dính dầu vào một miếng giẻ. Vừa lúc đó Các-lơ Ê-ghe lững thững đi tới. Oen-lơ-béc khẽ nháy mắt ra hiệu cho bạn. Cả hai cùng lúi húi làm việc có vẻ say sưa lắm. Đôi mắt Phô-lê không rời khỏi công việc của Oen-lơ-béc. Tên cai cũng chỉ thủng thỉnh đi qua chứ không hề dừng lại soi mói gì cả.

Phô-lê hết sức chú ý tới những yêu cầu khi tôi các dụng cụ bằng loại thép này. Phô-lê theo dõi tỉ mỉ và để ý thấy khi bị nung mặt ngoài, loại thép này dễ bị bong vảy nên người ta phải dùng chất bảo vệ.

Vấn đề còn lại bây giờ là phải làm sao đây để cố gắng lấy được ít ra là một vài chất bảo vệ.

Oen-lơ-béc đưa cho Phô-lê xem một thanh thép nữa. Phô-lê lấy một miếng giẻ sạch lau qua một lượt và hỏi bạn:

- Tôi muốn xin anh thanh thép này để làm kỷ niệm có được không?

Oen-lơ-béc không nói gì chỉ khẽ gật đầu.

Nhìn loại thép này, Phô-lê biết ngay đó là loại vật liệu dùng làm dụng cụ cắt gọt thì rất tốt, làm việc được tới năm, sáu trăm độ.

Vậy thì trong loại thép này có chứa những gì để có được những tính chất rất đặc biệt như vậy?

Phô-lê vội hỏi Oen-lơ-béc, anh thợ Đức đáp:

- Câu hỏi này tôi sẽ trả lời anh sau nhưng riêng tôi, theo kinh nghiệm làm việc ở đây tôi biết, nếu như tên Các-lơ Ê-ghe lừ lừ đi qua chỗ nào mà không hé răng lấy một lời là anh hãy coi chừng đó.

Phô-lê hỏi:

- Cùng lắm là tôi sẽ chuồn khỏi đây? Theo anh thì trên thế giới còn nước nào có thứ thép quý nữa?

Oen-lơ-béc nói:

- Ý, Tây Ban Nha... Cứ như tôi nghĩ: một người có chí như anh, với cây đàn hẫu không sợ chết đói thì anh có thể đi một vòng khắp thế giới kỳ cho học được nghề thành tài mới thôi.

Quả đúng như Oen-lơ-béc nói: chỉ nửa giờ sau Phô-lê bị tên cai Các-lơ Ê-ghe gọi lên và chất vấn anh về cái giọng nói không phải Ba-vi-e. Phô-lê biết ngay, trước sau thế nào cũng bị tên này gây rắc rối. Tìm cách ở lại bây giờ cũng hơi lồi thối. Phô-lê bèn quay về chỗ làm việc khẽ nói nhỏ với Oen-lơ-béc:

- Đúng như anh nói. Tên cai vừa gọi tôi. Có lẽ tôi phải theo đúng lời anh khuyên đây. Anh làm sao cho tôi biết được thứ mà tôi đã đề nghị với anh nhiều lần, nếu được cả thứ thuốc tôi thì tốt.

Oen-lơ-béc gật đầu.

Chiều hôm đó trong lúc đang thu dọn đồ nghề thì Phô-lê nhận được một mảnh giấy nhỏ nói về những thành phần của loại thép này. Phô-lê liếc mắt đọc qua thấy hàng trên có năm chữ:

C W V Cr Fe

Hàng dưới thấy có:

P18 0,75%...

Vừa lúc đó có tiếng người đi vào. Thì ra Oen-lơ-béc. Oen-lơ-béc đưa cho Phô-lê một cái hộp nhỏ và nói khẽ vào tai:

- Thời gian nung: bắt buộc anh phải cố nhớ lấy, còn đây là hai thứ thuốc để tôi.

Oen-lơ-béc vừa đi khỏi, Phô-lê vội vã đóng cửa lại. Anh mở cái hộp ra xem thì thấy một loại dầu máy, một loại muối khi nấu chảy giữ ở nhiệt độ bốn, năm mươi độ.

*

Phô-lê lại tới được Tua-ranh, một trong ba thành phố lớn nhất của nước Ý. Đây là một miền phì nhiêu giàu có của nước Ý. Xa xa, dãy núi An-pơ đang cố vươn cao những đỉnh trắng tuyết lấp lánh. Ở đây có những vải vóc, tơ lụa, hàng dệt khá đẹp rồi giấy, thực phẩm, nhưng thứ mà Phô-lê cần lại không phải là những mặt hàng trưng bày nhan nhản ở đây.

Với kinh nghiệm của hai chuyến đi trước, Phô-lê lọt được vào làm việc trong một xưởng luyện thép ở Tua-ranh. Lần này Phô-lê tỏ ra khôn ngoan hơn: trong khi học tập, thu thập những điều bổ ích nhất về kỹ thuật luyện thép ở vùng Bắc Ý này, Phô-lê đã chuẩn bị sẵn để khi cần thiết sẽ khăn gói lên đường sang Tây Ban Nha.

Và Tây Ban Nha, đất nước đã một thời tung hoành trên các đại dương với những hạm đội vô địch, đất nước ấy cũng là đất nước của sắt, thép, súng đạn.

Phô-lê tới thủ đô Ma-đơ-rít vào đúng dịp lễ Pác-cơ. Vào cái quãng cuối tháng ba đầu tháng tư này thủ đô Tây Ban Nha như vắng lặng hẳn đi: các cơ quan và cả hiệu buôn đều đóng cửa im ỉm. Mọi người dân ở đây như dồn cả vào nhà thờ, nến cháy lung linh soi rõ khuôn mặt những con chiên đang hướng về phía đức chúa Giê-su lầm rầm cầu nguyện.

Đi chỗ nào, Phô-lê cũng đụng phải các cố đạo và bà sơ... Trong khi các con chiên kéo nhau cả về quảng trường Puy-éc-ta-đen-xôn, trung tâm

của Ma-đơ-rít thì Phô-lê đi ngược lại dòng người tới một góc phố tìm một cái bàn đá chỉ hướng hỏi thăm về phía Nam.

Với cây đàn của mình, Phô-lê dễ dàng làm quen với một người thợ luyện thép tên là Gôn-xa-lét mặc dầu anh ta rất thạo về đàn ghi-ta.

Gôn-xa-lét là một tay thợ cừ. Anh nhận Phô-lê là em họ, do đó Phô-lê xin vào làm việc không có gì là khó khăn lắm. Trong công việc, Phô-lê không còn ngỡ ngàng như hồi mới sang Bỉ nữa.

Hồi ở Anh, Phô-lê và một số bạn trong nghề rèn thường vẫn cho rằng trong lò luyện gang, thép... phải dùng các cục than lớn thì nước gang nấu ra mới tốt, nhiệt độ mới cao. Nhưng ở đây, Phô-lê nhận thấy Gôn-xa-lét chỉ dùng một loại than nhỏ xấp xỉ từ hai mươi đến bốn mươi mi-li-mét để nấu.

Thấy Phô-lê cứ nhìn như dán vào những cục than, Gôn-xa-lét nói:

- Dùng loại than nhỏ này để nấu thì... - Gôn-xa-lét chỉ vào ngọn lửa lan đều khắp rồi nói - rõ ràng là tăng được tiết diện cháy và do đó tốc độ cháy của than cũng tăng lên.

Gôn-xa-lét lại chỉ vào bụng lò nói:

- Khi nào than xuống đến bụng lò gang thì than cũng cùng cháy và cháy gần hết. Do than cháy hoàn toàn nên nhiệt lượng than thu được lớn, than đỡ hao phí, giảm được than mà nước gang ra vẫn tốt...

Gôn-xa-lét cảm thấy anh bạn Phô-lê là một con người khá thông minh sớm nắm được nghề nghiệp. Nhưng một buổi sáng chủ nhật khi Gôn-xa-lét tỉnh dậy, đã không thấy anh bạn thông minh đâu cả. Trên bàn chỉ có một lá thư của Phô-lê từ biệt anh và hẹn sẽ có ngày gặp nhau.

*

Đã sáu năm lưu lạc giang hồ, Phô-lê hết qua Bỉ lại sang Đức, hết Bô-he-mơ lại sang Bắc Ý rồi Tây Ban Nha, cuối cùng mãi hôm nay Phô-lê mới trở về nước Anh.

Dừng chân bên bờ sông Thêm-dơ, Phô-lê khẽ cúi xuống soi mình nhìn dòng nước: nom anh có già đi thật, nước da nâu hồng, mái tóc vàng không còn óng đẹp như xưa. Anh quờ tay sang bên cạnh khẽ đụng phải cây đàn đã cũ, mặt đàn có chỗ đã rạn nứt. Vỏ hộp đàn mất hẳn màu nâu bóng: giờ đã xáy xát: Giá không có ít sơn gắn lại thì chưa chừng hộp đàn đã vỡ tan từ lâu rồi.

Phô-lê không khỏi chạnh lòng nhớ nhà, anh vợ lấy cây đàn khẽ kéo một bài dân ca cổ. Chiều hôm đó, dừng chân tại một quán nhỏ bên đường, Phô-lê mua lấy ít lương thực dự trữ rồi anh lại rảo bước ra đi...

... U-oóc-sét-téc-sai-rơ kia rồi! Tim Phô-lê đập thành thịch... Anh nhớ tới bá tước Giêm Tuýt-lo ở Ấn Độ về, rồi Ê-đi Hây-li ở Nam Phi về, xe cộ chất đầy hòm xiềng vàng bạc châu báu. Còn anh, ngoài cây đàn ra không có lấy một đồng tiền vàng nào. Cửa đáng tội anh có đem về được năm mẫu thép mẫu lấy từ năm nước đã đi qua. Thế thôi! Ngay cả bộ quần áo anh mặc trên người cũng không còn lành lặn.

Xtua-bơ-rít-giơ kia rồi!

Người đầu tiên nom thấy Phô-lê là Phát-xtơ, một bạn cũ cùng học thời nhỏ.

- Trời! Tôi cứ ngỡ anh không có dịp quay về đây nữa! - Phát-xtơ ôm chầm lấy bạn hôn lấy hôn để, bộ râu rậm của anh chạm cả vào má Phô-lê.

- Nhất định là phải về chứ! Phô-lê nói - Còn vợ, con tôi, còn bạn bè tôi nữa chứ!

Phát-xtơ dừng lại một bước để ngắm bạn cho kỹ rồi hỏi:

- Thế nào, sau mấy năm chu du thiên hạ như vậy, anh đã đem được gì về nào?

- Vàng bạc châu báu thì không có nhưng... Phô-lê chỉ vào hai cánh tay và đầu mình nói - Khối óc và bàn tay. Rồi đây tôi tin rằng thứ thép Anh của chúng ta nhất định sẽ nổi tiếng trên thế giới.

Chợt có tiếng kêu:

- Bố ơi! Bố! Bố đã về!

Phô-lê nhìn ra: Đuyt-tê. Anh thật không ngờ sau sáu năm xa cách, đứa con thứ tư của anh lại chóng lớn đến thế.

Tối hôm đó tại ngôi nhà của Phô-lê, bạn bè tới thăm nườm nượp. Có kẻ tới nhìn trước nhìn sau không thấy một chút của nả gì trong nhà, bèn bỏ ra về và không khỏi xì xào về anh chàng Phô-lê nông cuồng.

Chỉ có cô vợ Phô-lê là hiểu anh hơn. Qua ánh mắt của chồng, cô cảm thấy một niềm tin mãnh liệt vào cơ đồ mai sau.

Phô-lê khẽ hỏi vợ:

- Tôi đi chuyến này mục đích thế nào chắc cô đã biết! Giờ cô thử thu vén xem còn đồng vốn nào, ta bắt tay luôn vào việc. Xây dựng một cái lò luyện thép.

Cô vợ dốc tất cả tiền vốn còn lại, tuy không nhiều nhận lãi nhưng được cái bạn bè cũ, mỗi người giúp cho một ít nên cuối cùng, cũng đâu vào đấy cả.

Một số bạn bè cũ làm việc với Phô-lê giờ lại quay về giúp anh.

Dù muốn hay không thì xưởng thép của Phô-lê bắt đầu hoạt động cũng gây cho những người ở gần đó một niềm hy vọng mới. Rồi đây nếu không phải là trên khắp nước Anh thì ít ra ở vùng này cũng sẽ có được một loại thép dẻo tốt. Người ta thấy Phô-lê lúc đứng chỗ này, lúc đứng chỗ kia nhưng khi mẻ thép đầu tiên sắp sửa ra lò thì Phô-lê không rời lò lấy nửa bước.

Suốt đêm hôm trước, anh thao thức không ngủ được. Xem ra anh còn sốt ruột hơn cả lần vợ đẻ đứa con đầu lòng.

Thật ra chẳng riêng gì một mình Phô-lê và những người trong xưởng thép mà tất cả những người ở gần đó và một số người có quan tâm đến việc này đều bị thu hút vào đó.

Con mắt mọi người đều dồn cả vào lò nấu chảy, thoát tiên nó ở thể nửa chảy, sau đó mới biến thành thép lỏng...

... Trong khi mọi người chuyên tay nhau xem thanh thép và trầm trồ khen ngợi nào là thép dẻo nào là rèn cán được dễ dàng thì chỉ duy có Phô-lê là xem ra không được vui.

Phô-lê đang ngồi trầm ngâm hút thuốc một mình thì Phát-xơ bước vào, chìa mấy thanh thép cũ ra đối chiếu với thanh thép mới nói:

- Kìa! Sao anh không vui lên thế? Thứ thép này hơn hẳn thép của ta.

Phô-lê đặt điếu thuốc xuống, khẽ lắc đầu nói:

- Tốt hơn thép cũ thì đã đành nhưng vẫn chưa phải là thứ thép tôi mong muốn.

Sau đó Phô-lê phân tích rõ ràng cho bạn xem từng ưu điểm nổi bật của mỗi loại thép Đức, thép Bỉ, thép Ý, thép Tây Ban Nha... Theo như mong ước của Phô-lê thì thứ thép Anh phải có được đầy đủ tất cả những ưu điểm đó. Tối hôm đó, chờ cho mọi người về hết, Phô-lê mới ngồi tính toán lại xem tất cả những điều mình học được đã áp dụng một cách đúng đắn vào đây chưa?

Đêm đã khuya, thấy Phô-lê hầy còn thức, cô vợ tưởng chồng xúc động về thành công của mẻ thép đầu tiên nên không dám bước vào phòng. Mãi tới khi thấy đồng hồ điểm đồng dục hai tiếng, cô mới lại gần chồng, khẽ đặt tay vào vai hỏi:

- Sao anh thức khuya vậy?

Phô-lê ngược mắt nhìn vợ:

- Nếu như ngày mai anh lại phải xa em và các con, em sẽ tính sao?

Cô vợ ngạc nhiên hỏi lại:

- Thế anh đi sáu năm vẫn chưa đủ hay sao?

Phô-lê đáp:

- Anh cảm thấy phải đi một chuyến nữa. Hình như trong từng khâu nào đó vẫn còn vấn đề trục trặc hay vướng mắc gì đó.

Không thấy vợ nói gì, Phô-lê nắm lấy tay vợ dịu dàng nói:

- Lần này anh sẽ đi chóng thôi, không đến sáu năm đâu nhưng thế nào anh cũng đi.

Cô vợ rân rấn nước mắt nói:

- Anh có biết không? Gia sản nhà ta đã khánh kiệt không còn đồng nào. Ở nhà chỉ còn độc một mình em, con cái ai lo?

Phô-lê an ủi vợ:

- Em đừng lo! Có được thứ thép gió Anh thì gia sản ta không lo thiếu, con cái sẽ làm nên danh giá. Chuyến này anh quay về, sẽ đầy đủ tất cả.

Cô vợ thôi không khóc nữa. Cô cứ ngồi yên để chồng thăm cho mình những giọt nước mắt lăn trên má.

Sáng hôm sau, mọi người ai cũng biết tin Phô-lê lại lên đường. Lần này anh không còn phải đóng vai một nghệ sĩ lang thang với cây đàn vi-ô-lông cũ kỹ nữa. Anh đi với một quyết tâm: gặp bằng được những thầy học cũ của mình để hỏi lại một số vấn đề còn thiếu sót trong kỹ thuật.

Chuyến thứ hai của Phô-lê không dài và vất vả như chuyến đi đầu tiên nhưng sau đó, khi Phô-lê trở về rõ ràng xưởng thép của anh đã thu được kết quả khá tốt. Ngay mẽ thép ra lò đầu tiên, mọi người đã phải công nhận đúng thứ thép tốt mà Phô-lê hằng mong ước từ bao năm nay.

Cầm một thanh thép mẫu, sau khi đã kiểm tra kỹ lưỡng chất lượng Phô-lê sung sướng nói với mọi người:

- Thứ thép gió này giờ mới xứng đáng gọi là thép Anh. Giờ thì ta có thể sản xuất thép gió đem bán ra khắp châu Âu được rồi!

Xưởng thép của Phô-lê mỗi ngày một phát triển rộng, khắp nơi tới tấp gửi đơn đặt hàng mua thứ thép Anh này. Cũng may mà đứa con thứ ba của

Phô-lê là Lo Phô-lê cùng với em là Lo Đuyt-lê cũng có thể giúp bố trông nom được một phần công việc.

Chiều nay, lúc Phô-lê ở lò thép quay về phòng giám đốc, chợt nhận thấy một lá thư từ Bỉ gửi sang.

Đó là thư của Ê-xê-ki-en, một người bạn ở Bỉ nói cho biết: lần đầu tiên thấy trên thị trường châu Âu xuất hiện loại thép Anh tốt hơn thép Bỉ, Đơ-rao-tinh đã nghĩ ngay tới người nghệ sĩ Anh ăn mặc rách rưới với cây đàn vi-ô-lông cũ kỹ.

Trong lá thư Ê-xi-ki-en còn khuyên Phô-lê nên giữ gìn bí mật của việc chế tạo ra thép Anh.

Đọc tới đây, Phô-lê mỉm cười, gấp bức thư lại nghĩ thầm trong bụng: “một khi mình đã biết được bí mật kỹ thuật của kẻ khác thì không đời nào mình lại để kẻ khác đoạt lấy bí mật kỹ thuật của mình được!”.

Phô-lê cảm thấy các ông chủ xưởng thép ở nước ngoài đã coi Phô-lê như một kẻ thù nguy hiểm.

Phô-lê đang định đứng dậy, chợt nhận thấy có một cái phong bì to của Bộ kỹ nghệ Anh đặt gần lọ mực pha lê. Phô-lê mở ra đọc lướt qua rõ nhanh: đó là giấy mời tối nay tới dự tiệc tại Bộ kỹ nghệ.

Vừa lúc ấy, bác cai Bin-tơn bước vào, đặt xuống trước mặt Phô-lê một bọc giấy đen và một tờ biên bản, nói:

- Thưa ông, vừa rồi ở xưởng thép chúng ta vừa thoát khỏi một tai nạn khủng khiếp.

Phô-lê hơi biến sắc mặt đi, hất hàm hỏi:

- Có chuyện gì vậy, bác cai?

Bin-tơn mở bọc giấy đen ra, lấy một cục to nom tựa tựa như một cục nhựa đen:

- Anh thợ lò Lốt-vi-len trong lúc cho than vào lò chợt nhận ra cục này! Đó là một loại chất nổ có kẻ phá hoại để lẫn trong than. Chỉ cần chạm năm

giây nữa, cả lò thép có thể phải ngừng hoạt động.

Phô-lê cầm gói chất nổ lên ngắm nghía rõ kỹ, lát sau mới gật gù nói:

- Loại này chế tạo ở Tây Ban Nha, thì ra những ông chủ thép nước ngoài không từ bỏ một thủ đoạn nào để làm hại người đồng nghiệp của mình cả.

Phô-lê xem xong tờ biên bản rồi nói với Bin-tơn:

- Tôi sẽ ký giấy thưởng mười ngày lương cho Lốt-vi-len nhưng có điều bác cần nhắc nhở mọi người là phải hết sức đề phòng bọn phát hoại nước ngoài.

Bin-tơn vừa ra xong, Phô-lê càng ngắm nghĩ càng thấy mình có tầm nhìn xa. Không phải ngẫu nhiên mà Phô-lê lại phải bỏ ra một số tiền để nuôi hẳn một số người cảnh vệ trong nhà máy. Mới hôm qua thôi, đội cảnh vệ này đã bắt được một người đàn ông chuyên vào xưởng thép mua giấy lộn bán cho một cửa hàng sách cũ người Ý tên Tô-lét-xti. Mặc dầu chưa có bằng cứ gì xác đáng nhưng Phô-lê cũng cảm thấy: biết đâu người Ý lại chẳng tìm cách moi bí mật của Phô-lê?

Chiều nay ở xưởng thép về, Phô-lê thay quần áo và cũng chẳng kịp kể lại những gì xảy ra ở xưởng cho vợ con nghe nữa. Phô-lê sửa soạn đi dự tiệc.

Bà vợ biết tin chồng tối nay đi dự tiệc nên ngay từ chiều đã mở tủ tìm lại bộ quần áo đẹp nhất để tối nay hai vợ chồng cùng mặc. Cỗ xe ngựa được bác xà ích lau bóng lộn.

Vì nhờ vợ ở nhà chuẩn bị sẵn từ trước nên trời vừa sập tối cỗ xe đã nằm chực sẵn ngoài đường, ngay trước cổng.

Hai vợ chồng Phô-lê đang định bước lên xe ngựa thì chợt nghe tiếng roi vút đen đét: một cỗ xe ngựa khác vừa đi tới.

Bà vợ Phô-lê nhận ra cỗ xe bốn ngựa kiểu mới của Nam tước Xlây-be.

Nam tước phu nhân vừa mở cửa xe vừa vẫy tay chào hai người:

- Chào ông bà chủ. Mời ông bà sang ngồi xe tôi cho tiện.

Phô-lê khẽ gật đầu chào cảm ơn, chưa biết đáp thế nào thì bà vợ Phô-lê đã nói với chồng:

- Hay chúng mình sang ngồi cùng xe với nam tước cho vui. Em muốn tâm sự với nam tước phu nhân về con đường danh lợi của em.

Phô-lê quay sang bảo bác xà ích của mình:

- Lát nữa, bác đến đón chúng tôi cũng được.

Bác xà ích vâng rồi bước lên xe. Chiều nay hơi mệt nên cũng chẳng muốn đi đâu, bác bèn đánh xe lững thững đi sau cỗ xe của nam tước Xlây-be cách độ một trăm mét. Bác định tới Bộ kỹ nghệ sẽ đỗ xe lại, kiếm một quán cà phê vào làm một cốc cho tỉnh. Nào ngờ cỗ xe vừa đi được độ năm phút thì trong xe bỗng có tiếng nổ rồ to. Cỗ xe đi trước vội dừng lại. Phô-lê mở cửa xe nhảy xuống lại gần cỗ xe của mình: bác xà ích bị thương nặng ở cánh tay, chiếc ghế đệm da sau xe rách bươm, cửa kính vỡ toang, mui xe bị một mảnh bom bắn thủng.

Lúc này, nam tước Xlây-be đã lại gần Phô-lê và hỏi:

- Đây hẳn là một vụ mưu sát?

- Thưa nam tước đúng vậy! - Phô-lê nhặt một mảnh bom lên tay chìa ra cho bạn nói - Xem ra chỉ có bọn Đức mới thích dùng cái trò này. Bọn phá hoại đã nhận tiền của mấy ông chủ thép ở Đức đây.

Nhìn cỗ xe mà mặt bà vợ Phô-lê tái mét như cắt không ra một hạt máu. Bà ta quay sang nắm lấy tay nam tước phu nhân cất giọng run run nói:

- Thưa nam tước phu nhân, nếu không có nam tước phu nhân thì không khéo vợ chồng tôi đến nguy mất rồi.

- Có gì mà cảm ơn! - Nam tước phu nhân an ủi bạn - Đó chẳng qua là may rủi thôi!

Cỗ xe bốn ngựa chở mọi người lại tiếp tục chuyển bánh. Có lẽ vì gặp chuyện rủi ro bất ngờ dọc đường nên khi một người tới nơi thì khách dự

tiệc đã có mặt đông đủ.

Trong lúc mọi người nâng cốc chúc tụng lẫn nhau, thì có một vị quan khách tóc đã bạc lại gần Phô-lê và nói:

- Xin nâng cốc chúc sức khỏe của ngài chủ xưởng thép.

Chờ cho vị khách kia đi khỏi Phô-lê quay sang phía bên phải hóm hình nói với Xlây-be:

- Thừa nam tước, không hiểu là ông ta chúc tôi chung chung như vậy hay là vì ông ta đã chứng kiến tai nạn rủi ro dọc đường vừa rồi của tôi.

Nam tước Xlây-be đứng dậy giơ cốc về phía Phô-lê nói:

- Còn tôi chạm cốc với ông để chúc ông dù kẻ thù ở châu Âu có âm mưu này nọ: ăn cắp, phá hoại, thậm chí cả ám sát nữa, cuối cùng thì ông vẫn sống mạnh khỏe và trên khắp châu Âu này, ở đâu người ta cũng biết đến thứ thép gió Anh, thứ thép nổi tiếng ít ra cũng trong lúc này.

Phô-lê chạm cốc đáp lễ, đưa cốc rượu cận kề gần môi mà ông vẫn còn xúc động.

Thép Anh! Phải rồi! Chỉ vì một thứ thép này mà Phô-lê đã phải đánh đổi cả tài sản và phần nỗ lực của cuộc đời mình.

CON ĐƯỜNG “GIA VỊ”

Người ta quen gọi Lơn-đơn là thành phố sương mù: đúng thật! Khách tung chăn, sờ tay ra xung quanh, chỗ nào cũng dính nhơm nhớp. Cửa trong phòng đã đóng kín hai lần mà sương mù vẫn ùa vào khắp nơi. Từ cửa sổ nhìn ra, Crip thấy cả người Lơn-đơn lẫn xe cộ đều chập chờn như những bóng ma, quỵện vào lớp sương mù đục đục.

Vừa lúc đó, một bóng người rón rén đi qua hành lang. Đó là Bốp. Anh hầu phòng này rất sợ tiếng chân của mình phá mất giấc ngủ của vị thượng khách mới đến trọ ở đây có vài hôm mà đã gây xôn xao cả khu Lê-xe-xơ. Thật ra khách sạn Xa-bơ-lon-ni-e đâu phải loại thường, khách thượng lưu tứ xứ tới trọ không phải ít, nhưng gần đây nơi này bỗng nhiên trở thành nơi hội tụ của nhiều nhà quý tộc công nghiệp Anh. Chủ khách sạn quý vị khách thượng lưu này đã đành, mà Bốp lại càng quý hơn. Không ngày nào là Bốp không được tiền thưởng, chỉ cần Bốp khẽ cúi đầu đỡ lấy tấm áo khoác treo lên mắc áo cho khách, hoặc mở cửa, đưa mũ, Bốp đều nhận được món tiền thưởng rất hậu.

Một vị khách Anh ở nước ngoài về - không rõ là từ Ấn Độ hay châu Phi - nhưng chắc chắn ông ta đã từng sống ở một xứ sở giàu có.

Thật thà mà nói bất cứ ai, thoáng gặp Crip lần đầu cũng dễ thấy hấp dẫn bởi dáng dấp phong lưu mã thượng của người khách trọ này. Ăn mặc sang trọng, toàn loại hàng đắt tiền đã đành, Crip lúc nào cũng đi một đôi ủng bóng lộn có cựa. Chỉ riêng một đôi ủng cũng đủ chứng tỏ nhà quý tộc Anh trẻ tuổi này đã từng phi trên mình ngựa băng qua những đồng cỏ xanh rì, để lại trong lòng các hiệp sĩ ở kinh đô nước Anh tiếng vó ngựa phi dồn dập pha trộn với tiếng gươm khua nơi chiến địa.

Trước cửa phòng trọ vẫn treo ngay ngắn tấm biển A. Crip, Bốp đưa mắt, ngó vào: à, ông khách đã dậy. Bốp gõ cửa rồi trịnh trọng đưa vào một

cái khay chất đầy các danh thiếp đặt lên bàn, nhận xong mấy đồng tiền thường, Bốp quay ra.

Crip cầm danh thiếp lên, lướt qua rất nhanh, loại bỏ gần hết chỉ giữ lại độ dăm, sáu cái. Crip khẽ vươn vai, đứng dậy bước lại gần cuốn lịch. Từ ngày rời Đức sang hòn đảo này, Crip hầu như không ăn tại khách sạn. Hết chỗ này đến chỗ kia mời! Trừ một số nhà quyền quý có con gái đẹp mà theo phép xã giao không thể từ chối được, Crip chỉ giao du chủ yếu với giới công nghiệp Anh. Hẳn rất chú ý đến các nhà luyện kim, những xưởng đúc thép, đặc biệt là những công trình đang nghiên cứu ở Anh về thép.

Crip đang lúi húi ghi chép vào cuốn sổ tay thì Bốp lại gõ cửa bước vào, trình trọng đưa tới một tấm danh thiếp của một nam tước, chủ một ngân hàng ở khu Xi-ty mời đến dự tiệc.

- Ta sang đây đâu phải chỉ ăn cho béo bụng!

Nói xong, Crip thấy mình là vô lý đối với người hầu phòng xa lạ, Bốp lúi thủi quay ra, đoán mãi không sao hiểu nổi ông “khách thượng lưu” giàu có này hôm nay lại khó tính đến thế vì như Bốp, giá có ai mời dự tiệc thì xa mấy Bốp cũng cố đi, huống hồ bữa tiệc này lại đặt ngay tại một khách sạn cỡ quốc tế ở chốn kinh đô sầm uất này.

Chiều hôm đó, trong lúc các nhà quyền quý tưởng ngài Crip đang dự tiệc ở chỗ này, chỗ nọ thì Crip lại đang hướng về Mít-lan, một trung tâm than đá tập trung tới hai chục thành phố chế tạo da, tơ, len, đồ sứ, cao su,... Crip hướng tới thủ đô sắt thép Bóc-min-ham, lần theo một đường dây ghi trong địa chỉ. Sau đó, Crip quay về Lơn-đơn, trong bộ quần áo lem luốc bẩn thỉu, Crip len lỏi giữa những khu ổ chuột ở It-en^[1] tìm vào một căn nhà rách nát, âm thấp, hôi hám bụi bặm tìm một ông lão hom hem, tên là Hin-đơn. Ông lão vừa nói vừa ôm ngực ho sù sụ. Không một ai có thể ngờ rằng: hai mươi năm về trước, Hin-đơn đã từng là một tay thợ luyện thép tài năng, vóc người vạm vỡ, cánh tay rắn chắc như thép. Câu chuyện nhỏ to diễn ra không lâu. Chỉ biết lúc kết thúc, ông lão nhận một ít tiền và cúi đầu cảm ơn Crip.

*

Bác xà ích Cra-xi ngồi trên xe ngựa, hút đã gần tàn một điếu thuốc mà chẳng thấy ai gọi xe cả: Chẳng lẽ đêm nay không có khách vào khu Oét-min-xơ để xem hát. Bác đã toan ra roi cho ngựa kéo đi về hướng công viên Hai-đơ-pác thì chợt thấy từ trong bụi cây tối om, một anh chàng rách rưới đang vẫy tay ra hiệu gọi xe đến.

“Thằng cha thất nghiệp chắc đang định xin mình điếu thuốc đây! Rõ xúi quẩy! Đêm nay toàn gặp chuyện rủi.” Cra-xi đang định cho xe quay đi thì anh chàng rách rưới nọ gọi, giọng hách dịch, gần như quát:

- Đưa ta về khách sạn Xa-bơ-lon-ni-e, nhanh lên!
- Mười lăm xtéc-linh, xin tiền trước!

Không đợi bác xà ích nhắc tới lần thứ hai, anh chàng rách rưới quẳng ra một tờ hai chục xtéc-linh.

Đôi mắt bác Cra-xi sáng hẳn lên, bác ta vội gò cương cho đôi ngựa kéo xe đến sát bụi cây để khách nhảy lên, tay khách vẫn ôm khư khư một cái bọc kỹ.

- Khu Lê-xe-xơ, biết rồi chứ?

Nghe khách nói, bác Cra-xi cúi đầu rồi rít đáp:

- Dạ, biết rồi ạ! Ở khách sạn ấy có một vị khách giàu lắm, chân lúc nào cũng đi ủng bóng lộn có cựa.

- Thôi, nhanh lên!

Thật ra thì chẳng đợi khách giục, bác Cra-xi đã quất roi đen đét cho đôi ngựa lao đi. Cỗ xe song mã chạy được một đoạn bỗng vấp phải một tảng đá: kênh hấn một bên bánh tưởng đổ xe, bác Cra-xi hốt hoảng quay lại và tưởng như trong truyện thần thoại, ngồi trong xe không phải là anh chàng rách rưới bẩn thỉu lúc nãy mà hẳn ta đã thay quần áo thành một vị khách phong lưu mã thượng, quần áo sang trọng và hình như ông ta cũng đi

úng, đôi ửng bóng lộn, còn như cựa sắt có hay không thì tối quá bác xà ích không nom thấy.

Đêm hôm đó, đưa khách về nơi nghỉ, bác Cra-xi may mắn còn được anh chàng hầu phòng tốt bụng đãi một cốc rượu đầy. Trời đã khuya rồi mà hai bên vẫn đánh cược với nhau xem ngài Crip là người giàu sang hay người nghèo. Dĩ nhiên Bốp vẫn khẳng định với Cra-xi đó là một “ông hoàng vàng”... Còn Cra-xi thì lại quả quyết đó là một anh chàng nghèo kiệt xác đang cố đóng vai một người giàu để âm mưu một cái gì đây. Ở châu Âu trong cơn sốt điên loạn của thế giới tư bản, những vụ “thủ mưu” như thế đâu phải chuyện lạ!

*

Trong lịch sử xa xưa, có con đường tơ lụa, đường hạt tiêu, đường hương liệu thì đối với An-phrê Cróp con đường từ Đức sang Anh phải gọi là con đường “gia vị”.

Không hoàn toàn đúng như nhận xét của bác xà ích Cra-xi tinh đời, An-phrê Cróp tuy chưa hẳn là anh chàng nghèo kiệt xác nhưng cũng là người đang mắc nợ khá nhiều. Trước hết là món nợ do ông bố để lại khoảng chín triệu Phrăng, sau đó là một cái gia tài “khổng lồ” ở thành phố Ét-xen: Công ty sản xuất thép Anh và các chế phẩm, trong đó dù có sự hùn vốn của một số họ hàng thân thuộc, sản phẩm bán ra ậm ịch không tiêu thụ nổi.

An-phrê rất thương bố. Theo hẳn, F. Cróp, bố A. Cróp xứng đáng là con người thép. Hẳn nhớ từ hồi nhỏ đã được nghe kể lại: một thời châu Âu xôn xao về tin vua Pháp hứa trao giải thưởng ba vạn phrăng cho bất cứ ai sản xuất được thép Anh, bất kể là phát minh của chính mình hay đánh cắp được bí mật kỹ thuật của Anh. Chất lượng thép Anh có một thời không những thua Đức, Tây Ban Nha mà còn thua cả Ý, Bỉ. Song sau khi ăn cắp bí mật luyện thép của những nước này thì nước Anh lại vượt lên, đứng đầu châu Âu. Ở nước Đức những tay rèn dao nổi tiếng ở thành phố Xô-lanh-gien đã tụ tập lại thành lập hẳn một hội “Những nhà phát minh ở Xô-lanh-

gien” để cử những con người ưu tú nhất sang Pháp giật giải. Các tay luyện kim bậc thầy ở Bỉ, Thụy Sĩ cũng có mặt nhưng đều thất bại. Theo dư luận người có khả năng giật giải chính là ông bố của An-phrê nhưng F. Cróop lại dùng dùng bỏ về Đức, sau khi... đã đánh cắp được phương pháp chế tạo thép của Anh và mua lại của bọn gián điệp kỹ thuật quốc tế khá nhiều những công thức bí mật.

Công ty sản xuất thép Anh và các chế phẩm ra đời ở thành phố Ét-xen ngày 20 tháng 11 năm 1811, đúng lúc “con người thép” đó tròn hai mươi bốn tuổi. Nhưng tiếc thay mang tiếng là thép Anh, nhưng thật ra chất lượng thép của F. Cróop còn thua xa thép Anh nên nhà máy phải đóng cửa, rồi hoạt động trở lại và đóng cửa một lần nữa. Nợ nần, nghèo túng chông chất.

Ngày mồng 8 tháng 10 năm 1826, ở cái tuổi ba mươi chín, trước lúc chết, F. Cróop đã di chúc lại cho con “Bằng bất cứ cách nào, phải lấy được toàn bộ kỹ thuật sản xuất thép của Anh và vượt xa họ.”

- Có lẽ ta thua họ là bởi các “gia vị” - F. Cróop nói nhưng thấy An-phrê chưa hiểu, ông lại cố giảng giải thêm:

- Trong nghệ thuật nấu bếp, phải có gia vị để làm món ăn thêm ngon. Muốn luyện được loại thép có chất lượng cao, mang được những tính chất quý giá, người nấu thép phải pha thêm những nguyên tố hợp kim khác nhau vào đó.

Thấy con trai đã hiểu ra, F. Cróop vui vẻ nói tiếp:

- Rắc hạt tiêu, cho thêm tí ớt vào cốt làm cho món ăn cay, có thứ gia vị cho vào để làm thơm tho và hấp dẫn, có những thứ thì cải tiến phẩm vị món ăn. Tóm lại mỗi thứ gia vị đều có một mục đích của nó. Và thật khó có thể kể hết ra đây những công dụng của mọi thứ gia vị.

Mấy hôm sau F. Cróop chết, vừa tròn ba mươi chín tuổi.

Qua làn nước mắt nóng hổi, An-phrê cũng còn đủ sáng suốt để nhận ra được: thép sẽ có tất cả các tính chất đặc biệt nếu như được pha thêm các “gia vị” - những nguyên tố hợp kim khác.

*

Crip giơ tay xem đồng hồ: còn mười phút nữa. Sáng nay Bốp ăn mặc chỉnh tề, đứng chờ dưới cổng khách sạn từ nửa tiếng rồi. Theo lời “ông hoàng vàng” dặn thì đúng chín giờ, Bốp có nhiệm vụ đón một vị lão bá tước từ cỗ xe tứ mã bước xuống rồi đưa thẳng về phòng ngài Crip, sau đó trở lại cổng khách sạn để cùng với người xà ích canh phòng cỗ xe thật cẩn mật.

Bốp chú ý lắng tai nghe, đón chờ từng tiếng vó ngựa nhưng Lợn-đơn sáng nay, ở cái khu Lê-xe-xơ này chỉ có tiếng lá rơi xào xạc, tiếng vó ngựa thỉnh thoảng cũng có đấy nhưng mà toàn loại xe song mã tầm thường.

Trên tầng cao khách sạn, lúc này Crip cũng đang đi đi lại lại trong phòng. Tập tiền đã gói sẵn đặt trong ngăn kéo. Nếu mua được tên thứ “gia vị” này thì Crip rút ngắn được rất nhiều thời gian và công sức nghiên cứu, đỡ phải mày mò đi xa. Nghe nói ở nước Nga có nhà luyện kim lỗi lạc P. P. A-nô-xốp đã đạt được những thí nghiệm thành công đầu tiên trong việc tìm ra điều bí ẩn nằm trong lưỡi gươm của bọn võ sĩ đạo Nhật Bản. Lưỡi gươm rất sắc, đúng là chém sắt như chém bùn. Bất cứ một hiệp sĩ nào thời nay cũng đều mơ ước có được một lưỡi gươm như thế.

Từ bao đời nay, trên đất nước Phù Tang, thứ thép quý đó đã được dùng để chế tạo các vũ khí trang bị cho các hiệp sĩ từ dòng họ này sang dòng họ khác. Thế mà tại nhiều nước trên thế giới, biết bao nhiêu nhà luyện kim đã tốn khá nhiều công sức mà vẫn không sao luyện ra được một loại thép như thế.

Sau A-nô-xốp, ở Anh tại thủ đô sắt thép Bóc-min-ham người ta đã tìm ra điều bí ẩn đó. Dĩ nhiên việc lọt được vào nước Nga băng tuyết xa xôi kia khó khăn hơn nhảy vào nước Anh nên Crip đã nán chờ Hin-đơn. Hãn nghe nói: thông thường độ cứng tăng lên thì tính dẻo cũng tăng theo, nhưng nếu có thêm “gia vị” thích hợp thép sẽ nâng cao cả độ cứng và độ dẻo của kim loại.

Chính sự kết hợp độ cứng cao cùng với độ dẻo là vô cùng cần thiết đối với thép để bọc. Khá nhiều nước đang mơ ước trong quân sự có được những cỗ xe bọc thép dày để chống đạn, nhưng nếu vớ được loại thép cứng và dòn thì đạn vẫn có thể dễ dàng xuyên qua được. Nếu có được vỏ thép bọc ngoài kết hợp được độ cứng cao cùng với độ dẻo thì vỏ không cần dày, xe chạy được nhanh mà vẫn chống được đạn xuyên thủng. Crip nghe nói đâu: thứ “gia vị”^[2] này kìm hãm sự lớn lên của hạt thép trong quá trình kết tinh cứng và chính vì thế làm cho thép có cấu tạo mịn hạt và đồng nhất đảm bảo cho kim loại có được phép màu nhiệm đó.

Theo Crip thì thứ thép lý tưởng này đâu chỉ có dùng làm vỏ bọc. Nòng đại bác và súng trường, một số chi tiết máy móc, nồi hơi, dụng cụ cắt và cả lưỡi dao cạo nữa, đều có thể làm từ thứ thép quý này ra.

Crip nghĩ đến đây thì có tiếng gõ cửa phía ngoài. Hẳn sửa lại quần áo từ từ bước ra. Cánh cửa vừa hé mở, Bốp đã thò cái đầu vào nhìn nhó nói:

- Thưa ngài chủ kính mến, đã quá hẹn một giờ vẫn chưa thấy có vị khách quý của ngài. Nhưng lại có tin: một cỗ xe tứ mã đổ cách đây ba dặm, khách đi xe bị thương nặng, vào nhà thương, tỉnh lại, khách kêu mất một cái cặp tài liệu quý.

Crip nhú lông mày lại:

- Gọi xe ngựa đưa ta đến nhà thương đó gấp.

“Chẳng lẽ công việc của mình lại bị lộ?”. Không! Hoàn toàn là ngẫu nhiên, sau khi đến nhà thương xem xét kỹ về cái chết của lão Hin-đơn, Crip đã kết luận như vậy. Nhưng không vì thế mà Crip lơ là việc giữ bí mật hành tung của mình.

Crip xem lại cuốn sổ tay, ghi tên khách đến thăm mình kể từ khi đặt chân tới Anh, hẳn thấy: ngoài một số nhà quyền quý ra, hầu hết là các ông chủ trong giới công nghiệp, một giám đốc công ty than xuất khẩu ở thành phố Niu Cát-xơn thuộc khu Noóc-tưm-bớc-lan, một phó giám đốc Liên hiệp mỏ than thuộc khu xứ Gan ở thành phố Các-đíp. Con gái một chủ mỏ

than vừa chết ở mỏ Mác-đi rồi một số chủ các nhà máy chế tạo da, tơ, len, đồ sứ, cao su ở vùng Mít-lan, một trung tâm than đá ở Anh, nhưng có lẽ tập nập nhất là các vị khách ở thủ đô sắt thép Bớt-min-ham...

Vừa lúc này, một cái đầu thò vào, Crip vội quát:

- Ta đã dặn, phải xin phép mới được vào...

Bốp đỏ mặt đáp:

- Thưa ngài, con đã gõ cửa tới mấy lần, chắc ngài không nghe thấy, vả lại ngài có dặn con tìm hộ ngài địa chỉ một người thợ chuyên sản xuất dao cạo hiện đang làm việc ở xưởng luyện thép...

- À, à... Ta nhớ ra rồi! - Crip chuyển sang giọng nói ôn tồn - Thế đâu?

Bốp đáp:

- Xuôi dọc theo sông Thê-m-dơ, rồi chạy men dưới chân dãy đồi Noóc-thơ Đao, có một làng nhỏ, trong làng có bác thợ rèn Hân-bơ rèn dao cạo nổi tiếng: lưỡi dao mỏng như lá lúa, xanh biếc ánh thép, một sợi tóc chạm phải đứt đôi. Những tay thợ cạo từ Lơn-đơn, Ô-xpho hoặc Kem-brít cũng phải mò về đây để mua dao cạo và quả quyết rằng: dao của Hân-bơ sắc không kém gì lưỡi gươm Đa-mát ở Xy-ri hoặc gươm võ sỹ đạo ở Nhật Bản. Các tay thợ rèn trong vùng đồn rằng Hân-bơ nắm được bí quyết gia truyền về luyện thép, chẳng hạn như những tảng quặng phải ngâm xuống dòng sông đủ một trăm ngày; phơi dưới ánh trăng cũng... một trăm ngày! Trước lúc luyện thép phải kiêng ăn thịt mỡ, uống rượu!

Crip mỉm cười rút túi tờ năm mươi xtéc-ling ra đưa cho Bốp:

- Đây ta thưởng cho anh cái mồm khéo tán.

Bốp láu lỉnh nói:

- Như vậy là công của con ngài chưa tính đâu nhé!

- Được rồi! Ta đâu có phải là người keo kiệt, giờ Hân-bơ hẳn vẫn sống sung túc ở làng quê chứ?

- Đâu có vậy! Một lão chủ công ty thép ở Bốc-min-ham đã cho người về tán tỉnh Hân-bơ lên làm ăn ở thủ đô thép. Bên có của, bên có công, họ sẽ hùn nhau lập ra một công ty chuyên sản xuất lưỡi dao cạo gửi ra bán khắp thế giới. Cho tới khi moi hết bí mật của Hân-bơ rồi, lão chủ biến Hân-bơ thành một tay thợ cả và dĩ nhiên là lĩnh lương thợ. Hân-bơ cay lắm, uất ức phát ốm, rồi biết bao tai hoạ đến với tay thợ nhẹ dạ cả tin này. Hấn cắn thù lão chủ nhưng đành bó tay...

- Ta rất muốn gặp Hân-bơ.

Bốp lần túi áo trong, hai tay đưa lên một mẫu giấy nhỏ cho Crip:

- Thưa ngài, đây là địa chỉ của Hân-bơ.

Crip mở ví đưa cho Bốp hai tờ giấy một trăm Xtéc-ling rồi bảo:

- Đây là tiền thưởng ban đầu.

- Xin cảm ơn ngài! - Bốp kính cẩn đỡ lấy hai tờ giấy bạc rồi mới vui vẻ nói - Vì ngài rất tốt với con, nên nhân đây con muốn thưa với ngài một chuyện.

- Cứ nói, nếu giúp được, ta sẽ cố...

- Dạ, thưa ngài, thế này ạ, tuần trước có một ngài giám đốc nhà máy... để con tìm tên ông ta.

Thấy Bốp loay hoay mãi, lộn trái cả hai túi áo ra vẫn không tìm thấy gì, Crip vội giục:

- Thôi cứ kể đi!

- Ông ta hứa sẽ thưởng tiền cho con nếu điều tra xem có phải cụ thân sinh ra ngài là một bá tước có cổ phần ở công ty gì bên Ấn Độ phải không ạ?

Crip cười:

- Rồi sao nữa?

Bốp khẽ gãi tai:

- Có người thì đoán chừng ngài có rất nhiều cổ phần ở một công ty thăm dò khai thác kim cương ở Nam Phi, có người cho biết ngài đứng đầu một công ty khai thác quặng sắt ở Li-bê-ri-a rồi các mỏ thiếc, măng-gan, mô-lip-đen ở tận nước Ca-mơ-run trên miền duyên hải vịnh Ghi-nê và cả Rô-đê-di nữa, đúng là ngài có mỏ vàng ở đấy rồi. Con nghe nói, muốn tìm vàng dân ở đó chỉ việc ra suối mà đãi.

Crip gật gù nói:

- Thôi được rồi! Cứ mặc cho họ muốn suy nghĩ gì về ta cũng được chỉ biết từ mai, ta sẽ đi vắng ít hôm, có ai hỏi thì nói là ta cùng nam tước Loóc Bớt-li đi săn tại lâu đài của nam tước ở thung lũng Rôn-đa nhé!

- Xin vâng ạ! - Bốp khẽ gãi tai - nhưng thưa ngài, con sẽ trả lời các ông các ông giám đốc đến hỏi con ra sao ạ?

Crip ngẩng lên:

- Thế họ có cho tiền anh không đã?

Bốp gật đầu đáp:

- Dạ có chứ ạ!

Crip cười hóm hình đáp:

- Thế thì ta cho anh cái quyền: muốn kể về ta thế nào cũng được, dĩ nhiên không được phép làm ô uế thanh danh ta.

*

Có người cho rằng Hân-bơ nghiện rượu từ ngày vợ chết, để lại cho bác một gánh nặng gia đình: cô con gái Rô-da tội nghiệp, có nốt ruồi ở thái dương phải. Sự thật thì không phải như vậy, Hân-bơ bắt đầu uống rượu sau một tháng kể từ ngày đặt chân đến nhà máy và biết rằng làng quê mình giờ đây đã biến thành một đồng cỏ chăn cừu.

Hân-bơ uống nhiều hơn vào ngày vợ chết - từ ngày mà bác cảm thấy cái mộng làm giàu của mình đã bị tan vỡ, cái năm xương tàn của mình sẽ vùi ở mảnh đất này. Nhưng khác với lũ bợm rượu, Hân-bơ càng uống vào

càng tình. Bác thấy thương vợ, thương con rồi thương đến chính bản thân mình. Nhà cao cửa rộng không thấy nhưng số phận bác rồi sẽ kết thúc bi thảm trong căn phòng tối tăm âm ỉ này.

Bác không muốn tục huyền, vì chẳng muốn kéo theo một người nữa đau khổ. Bác rất thương con gái và mong muốn sao cho con mình thoát khỏi cái địa ngục đen tối này, nhưng việc đó quả là vượt quá sức bác.

Với mớ tóc vàng óng, Rô-da lớn như thổi, đẹp lộng lẫy, nhưng phải cái nhẹ dạ, bác Hân-bơ đau khổ vì cái tính di truyền này.

Tuần lễ trước, nó đưa về một chàng trai, tuần lễ này lại là đứa khác: toàn cánh thợ đúc ở đây. Không phải bác ghét thợ thuyền - vì như vậy khác gì mình tự ghét mình mà là bác ghét cuộc sống khổ sở của người thợ nơi đây.

Tối nay ở quán rượu về, Hân-bơ vừa rời rằm châm được ngọn đèn thì thấy Rô-da dẫn về một anh chàng và giới thiệu luôn với bố:

- Bố ơi, anh Tô-mát, bạn con đến thăm bố, cũng là thợ...

- Thợ à? - Bác Hân-bơ nhìn Tô-mát trừng trừng.

Tô-mát khá điển trai, dáng dấp như một công tử con nhà quyền quý...

- Anh bảo anh là thợ?

- Dạ, thưa bác vâng ạ! - Tô-mát lễ phép hơi cúi đầu, một tay để vào ngực mình - Cháu là thợ rèn dao.

Hân-bơ trở mắt nhìn chàng trai.

- Thợ rèn dao à?

“Chú thỏ non kia đừng hòng lừa được lão cáo già này.” Hân-bơ đặt ra một vài câu hỏi về ánh lửa thép, về quặng, về than và phải chịu phạt Tô-mát có tay nghề giỏi. Chỉ cần đôi mắt thôi - chứ không cần đến nhiệt kế - Tô-mát có thể ước đoán chính xác nhiệt độ trong lò và nước thép khi nào là được.

- Chắc anh không phải là người vùng này?

Thấy Hân-bơ nhìn mình từ đầu đến chân, Tô-mát khẽ mỉm cười đáp:

- Thưa bác, cháu ở vùng Đông Ăng-gli sát bờ Bắc Hải nơi trồng lúa mì, lúa mạch và củ cải đường ấy mà!

Hân-bơ vẫn nhìn trừng trừng người khách trẻ:

- Nói thật đi! Anh đến đây có việc gì?

Tô-mát lúng túng nói:

- Cháu quen Rô-da...

Hân-bơ đứng dậy vớ lấy áo khoác từ từ bước vào nhà trong miệng khẽ lẩm bẫm:

- Thôi, hai người trò chuyện với nhau nhé! Tôi phải nằm nghỉ mai đi làm sớm.

Sợ mình sơ suất, thiếu tế nhị, Tô-mát đứng dậy giữ Hân-bơ lại nhưng Rô-da đã can luôn:

- Cứ để bố em đi ngủ, bao giờ uống rượu về, bố em cũng lăn ngay ra giường.

Hân-bơ chỉ kịp cởi giày, rồi cứ thế để cả quần áo lăn ra nằm nhưng không ngủ, bác vẫn hướng ra ngoài xem hai đứa trẻ tâm sự những gì. Họ chỉ toàn nói những câu chuyện tình yêu, về những biệt thự an dưỡng ở thành phố Brai-tơn trên bờ biển Măng-sơ, với những bãi tắm tuyệt vời.

Câu chuyện đẹp tới mức, quá nửa đêm, Hân-bơ cũng bước vào một giấc mơ tuyệt vời: sáng hôm ấy - một buổi sáng mùa xuân ấm áp - Hân-bơ sống trong một ngôi nhà nhỏ có vườn hoa, ríu rít tiếng chim. Rồi có tiếng vó ngựa từ xa đưa tới: một cỗ xe tứ mã lộng lẫy, riềm lụa trắng muốt lượn bay trong gió, một hoàng tử bước xuống và - Hân-bơ quay lại phía sau: trời Rô-da, chính bác cũng không nhận ra con gái mình nữa, đúng là một công chúa kiêu diễm trong bộ quần áo tuyệt đẹp y như cô Lọ Lem trong truyện cổ tích vậy.

Hoàng tử đến đón con đi - không rõ là hoàng tử xứ Gan hay con vua nước Pháp mà đón Rô-da đi đâu bác Hân-bơ cũng không cần biết nữa, miễn là con mình đã lấy được một hoàng tử và rời khỏi cái địa ngục trần gian Bóc-min-ham này...

... Tiếng vó ngựa! Có tiếng vó ngựa thực sự. Hân-bơ choàng tỉnh giấc. Trời đã sáng rõ, Hân-bơ hốt hoảng vớ vội lấy chiếc áo khoác, bác sờ đến túi áo. Trời! Cái con Rô-da chết tiệt này đoảng quá. Sáng nay nó lại quên sửa soạn cho bữa ăn trưa của mình. Muộn giờ quá! Không khéo nhà máy đã đóng cửa rồi. Hân-bơ vẫn hồi hả bước đi.

- Chào bác! Cháu chào bác!

Hân-bơ nhìn ra: Tô-mát đã đứng trước mặt, tay xách nách mang đủ thứ: hai cái giỏ đầy ắp thức ăn nguội, những hộp bơ, pho mát, pa-tê, bánh mì, hoa quả, nhưng có lẽ hấp dẫn nhất là hai chai rượu cặp nách đúng loại Săm-pa-nhờ của Pháp.

Thấy Hân-bơ chỉ khẽ gật đầu đáp lại, Tô-mát vội nói luôn:

- Đẳng nào cũng muộn bác ạ! Cháu đã bảo Rô-da đến nhà máy gặp ông đốc để bảo là bác bị ốm rồi.

Hân-bơ chìa hai bàn tay đầy chai sạn ra, càu nhàu:

- Liệu anh có biết, tôi chỉ trông mong vào đồng lương để sống?

- Cháu biết chứ! Thì cháu cũng là thợ mà. Cháu tính thế này cho bác nghe nhé! Mỗi ngày bác làm được năm mươi Xtéc-linh chứ gì! Cháu sẽ gửi bác tiền công mười ngày: năm trăm xtéc-linh để bác nghỉ ở nhà trò chuyện với cháu cho vui.

Nói rồi làm luôn, Tô-mát đếm đủ mười tờ năm chục xtéc-linh, dúi vào túi Hân-bơ. Cũng vừa lúc đó, Rô-da quay về, hình như Tô-mát đã dặn trước, cô xách lấy giỏ thức ăn, bày ra đầy bàn. Mọi người ngồi vào ăn. Nhìn các món ăn, Hân-bơ đã thấy ngon miệng: thú thật đây là lần đầu bác được nếm món Clót-xơ, dù đó là món pho mát sản phẩm nội địa, mà hương vị của nó đã gợi lên hình ảnh những đàn bò béo mập thung thăng

gặm cỏ trên mảnh đất phù sa màu mỡ do hai dòng sông Sơ-vớc và Tơ-ren tạo nên.

Rô-da ăn xong và đi ra. Chỉ còn lại hai người. Chờ cho Hân-bơ uống cạn tới cốc rượu thứ sáu, Tô-mát mới khẽ nói:

- Con đảm bảo với bố: Chỉ mười năm sau, con sẽ là người nổi tiếng khắp thế giới, nơi nào cũng biết mặt con.

Hân-bơ đặt cốc rượu xuống hỏi:

- Chú mày định ra ứng cử chức thủ tướng nước Anh à?

- Không! Vẫn chỉ là một người thợ mà nổi tiếng: một người thợ sản xuất ra lưỡi dao cạo.

Mặc dầu Tô-mát đã nhấn mạnh vào mấy chữ: một người thợ sản xuất ra lưỡi dao cạo nhưng Hân-bơ đã gạt đi luôn:

- Ở cái xã hội này, một người thợ cạo không thể nào nổi tiếng được. Phải là một ông chủ hãng...

- Phải rồi! Một ông chủ hãng sản xuất lưỡi dao cạo Tô-mát.

Hân-bơ hất hàm hỏi:

- Làm cách nào mà chú trở thành chủ hãng được?

- Đơn giản thôi! Phải nắm được bí mật của loại thép chuyên dụng đó! Một cái lưỡi dao cạo, thật ra chỉ cần sắc ở hai bên mép lưỡi dao thôi! Lượng thép mỏng hơn tờ giấy là bao. Một lớp giấy dầu chống gỉ, có khi cái vỏ nhẵn phía ngoài in ảnh con còn đắt hơn lưỡi dao. Đã gọi là đàn ông, ai chẳng phải cạo râu. Lưỡi dao thật sắc bán giá rẻ một chút người nào chẳng thích. Có được bí mật về loại thép dao cạo được rồi, con sẽ dọa tung tiền ra, lúc đó sẽ có vài nhà máy tình nguyện mời con về làm chủ hãng để chuyên sản xuất lưỡi dao cạo. Vốn của họ, cơ sở sản xuất của họ, nhưng chủ lại là con, vì con hơn họ một cái đầu.

Hân-bơ đặt cốc rượu xuống, hơi lúi người lại để ngắm cho kỹ chàng trai khôn ngoan này đã có nước cờ thật hay: dám đi ngược lại con đường

mình đã đi qua.

- Bố biết con... - Bác Hân-bơ đã chuyển sang giọng nói thân mật, chân thực từ đáy lòng - có chí nhưng liệu có đảm bảo hơn hẳn thiên hạ một cái đầu không? Con nên nhớ những nhà luyện thép giỏi không phải chỉ riêng nước Anh mới có mà cả người Pháp, người Nga, người Đức cũng giỏi. Mấy bố con lão Cróp cũng không phải tay vừa đâu.

Tô-mát cũng thân mật nắm lấy tay Hân-bơ nói:

- Con biết rõ điều đó. Tự con không thể hơn thiên hạ được, mà con muốn mượn cái đầu của bố. Chính bố sẽ đem lại giàu sang và vinh quang cho chúng con...

Nói đến đây chàng trai khẽ đưa mắt tìm Rô-da nhưng không thấy. Còn Hân-bơ, bác thợ già cứ ngồi yên lặng người đi vì xúc động. Chưa bao giờ bác cảm thấy sung sướng như lúc này: một người thợ giỏi như bác cũng có người biết đến, cũng có phút vinh quang. Bác cảm thấy tự hào nếu trên đời này có những ông giám đốc, chủ hãng, công ty vốn xuất thân là những người thợ như chàng trai này. Bác giờ cốc rượu lên run run, dừng lại, bác chợt nhận ra tay áo mình đã sờn rách, ba chiếc khuy đã rơi đâu mất.

Sự nghèo đói: đó là tất cả những cái gì lão chủ nhà máy đã đem lại cho mình. Trao lại tất cả những bí mật về nghề nghiệp của mình và người khác cho Tô-mát, chính là cách trả thù lão chủ tốt nhất, anh hùng nhất, xứng đáng nhất.

Vừa lúc đó, Rô-da bước vào. Cô nhanh nhẹn vớ lấy chai rượu rót đầy cốc hai người.

Tô-mát chạm cốc rượu của mình vào cốc “bố vợ” tương lai. Cả hai cùng cạn cốc rồi giang tay ôm chầm lấy nhau. Đó là ngày 12 tháng 7 năm 1838, ngày mà ngôi nhà lớn ở thành phố thép Béc-min-ham nước Anh đã bắt đầu xuất hiện một vết rạn mờ dưới móng - Các nhà tình báo sau này quy kết nguyên nhân đổ tại các nhà thăm dò địa chất công trình. Dĩ nhiên, các nhà thăm dò vẫn có thể đổ tại những chấn động địa cầu không thể lường trước được.

*

Đêm nay An-phrê Cróp tắt hết đèn trong phòng, khoá trái cửa lại, chỉ để một ngọn nến nhỏ leo lét trên giá cao. Hãn quỳ xuống, yên lặng không phải để cầu Chúa mà để tưởng nhớ đến cha mình với những lời di chúc thật đáng giá. Chuỗi ngày lặn lội ở Anh, An-phrê Cróp đã thấy rõ vai trò vô cùng quan trọng của các loại “gia vị”. Thép có được nhiều tính chất đặc biệt là tùy thuộc vào lượng các nguyên tố khác pha vào. Chẳng hạn thép có pha thêm Crôm (từ 25-30%) có thể chịu nổi nhiệt độ 1000°C, pha thêm một lượng rất nhỏ Crôm thôi sẽ làm tăng thêm độ cứng và tính chống mòn cho thép. Rồi Ti-tan, Ni-ken, Vôn-phram, mô-lip-đen,... Có thứ “gia vị” phải chép vào sổ tay, có thứ phải ghi vào óc để đảm bảo bí mật, có thứ phải viết vào lần lót áo.

Khi An-phrê Cróp xách chiếc va-li nhỏ trở về khu Lê-xe-xtơ ở Lớn-đơn thì chú hầu phòng trung thành dường như đã chờ sẵn ở cửa khách sạn Xa-bơ-lon-ni-e tự bao giờ.

- Kính chào ngài Crip - BỐp vừa đỡ va-li cho chủ vừa vui vẻ nói - Đúng như ngài dặn: con đã thừa lại với các vị khách tới thăm là ngài đã cùng với nam tước Loóc Bớt-li về sẵn tại lâu đài riêng ở thung lũng Rôn-đa.

- Đúng thế! Sẵn chồn, cáo, sẵn hải ly này! Ôi! Tiếng kèn sẵn giữa rừng, tiếng vó ngựa, tiếng chó sủa, tiếng môi sẵn nghe mới huyền ảo làm sao!

Nhìn những tấm lông thú đặt trong va-li của ngài Crip, dĩ nhiên BỐp không sao biết được, trên lượt da thú có ghi chép bằng mực hoá học những công thức bí mật về luyện thép chuyên dụng mà mắt thường làm sao đọc được.

*

Ở thành phố Ết-xen nước Đức không ai còn lạ gì bà vợ ông giám đốc công ty Cróp là một người đàn bà thuộc loại đẹp, con nhà dòng dõi và

người ta thường quen gọi là “Cróp phu nhân”.

Tuy không thạo lắm về công việc làm ăn của chồng, nhưng mẹ ta cũng sớm hiểu rằng: sự ra đời những khẩu đại bác nòng thép của công ty này rồi đây sẽ đem lại giàu sang cho vợ chồng mẹ. Hôm nọ, ở trường bắn, người ta đem bắn thử hàng nghìn phát đại bác mà nòng súng vẫn xanh ánh thép, không nứt, vỡ như các loại đại bác có nòng đúc bằng đồng đỏ hay gang trước đây. Tiếng súng đại bác có tiếng vang khá xa, vượt biển khơi, dội tới cả nước Anh - nơi từ xưa đến nay giới công nghiệp vẫn thường tự hào về thép Anh. Đó là câu chuyện năm ngoái: 1847. Sau đó có một vài nước - đáng ra đặt mua đại bác Anh - giờ đã chuyển sang đặt mua của công ty Cróp ở Đức.

Sang đến năm nay, mới đầu năm “Cróp phu nhân” đã nghe thấy chồng dẫn đến cửa hàng bánh kẹo nổi tiếng Crai-đen đặt làm một khẩu đại bác “đúc” bằng... sô-cô-la to như thật đặt ở giữa phòng khách vào ngày 24 tháng 2 năm 1848 này. Mẹ cố nhớ lại xem đó liệu có phải là kỷ niệm ngày sinh của vợ chồng mẹ, con cái hay ông thị trưởng Ét-xen, nhưng rồi mẹ chợt hiểu ra: đó là ngày chồng mẹ chính thức trở thành chủ nhân duy nhất, đứng đầu một vương quốc - hãng thép Cróp.

Ngày đó, An-phrê Cróp đã thanh toán xong mọi nợ nần, gạt bỏ tất cả những người hùn vốn - kể cả họ hàng thân thích. Thợ thuyền làm việc trong vương quốc này phải tuyên thệ và tuân theo một quy chế chặt chẽ gồm tới mấy chục khoản để bảo vệ tất cả những bí mật của nhà máy. Một mạng lưới mật vụ giăng khắp nơi từ trong ra ngoài nhà máy.

Vốn là người đi “kiếm” được những bí mật kỹ thuật ở nước ngoài về nên An-phrê Cróp sớm biết đưa lên hàng đầu việc bảo vệ những bí mật trong nhà máy từ những số liệu, nguyên liệu, vật liệu đến phế thải...

Dù đã đứng đầu một vương quốc có tiếng tăm, An-phrê Cróp vẫn không bỏ qua thời cơ để “kiếm” những bản thiết kế về một cái máy làm thìa, đĩa của một khách hàng.

*

... Trời đã sang xuân, An-phrê Cróp ngồi trong một chiếc ghế bành bọc da, lưng hơi còng xuống. Lão bảo viên thư ký trợ lý giám đốc đưa đến tập hồ sơ lưu, rồi tự tay khê lật từng trang một, lấy kính lúp ra để đọc kỹ và lẩm bẩm:

- Phó vương Ai Cập đặt công ty này làm 36 cỗ đại bác. Thế là nước Anh mất một món hàng béo bở. Vua Phổ: 312 cỗ. Người Nga... này I-un-ke, sao hôm ấy họ chỉ đặt mua có một khẩu đại bác thôi nhỉ?

Viên thư ký ngẩng đầu lên đáp:

- Thưa ngài, họ chỉ mua một cỗ mẫu đem bắn thử đủ bốn nghìn phát, không thấy hư hỏng gì bèn cất vào viện bảo tàng.

An-phrê Cróp hất hàm hỏi lại:

- Liệu có chắc là sau đó, cỗ đại bác được cất vào viện bảo tàng không, hay họ lại nghiên cứu tìm hiểu chất thép đúc nòng súng?

I-un-ke đáp:

- Thưa ngài, điều đó quả thật tôi không rõ.

- Phải tìm cho ra, có thể họ muốn biết những “gia vị” pha trong đó.

Nghe chủ nói, viên thư ký cứ ngỡ người ra, không hiểu đại bác được xếp vào loại món ăn nào mà lại có pha thêm “gia vị”.

- À! Cái năm ta được nhà vua Pháp tặng thưởng Bắc đẩu Bội tinh là năm nào nhỉ?

- Dạ, thưa ngài 1867 ạ! Dạo đó đức vua Na-pô-lê-ông III đặt công ty đúc một khẩu đại bác nặng năm mươi tấn, lớn nhất thế giới, trưng bày ở quảng trường diễu binh giữa thủ đô nước Pháp làm các nhà luyện thép nước Anh. Vì như vậy có khác gì vua Pháp “quảng cáo” hàng họ ta.

- Ta hỏi thật nhé! - An-phrê Cróp vui vẻ thủ thỉ nói - Trong những chuyến đi công cán thay ta ra nước ngoài, ông có nhớ được một vài kỷ niệm gì không?

I-un-ke vỗ trán, nheo mắt lại nói:

- Dạ, có ạ! Vào năm 1851, trong một cuộc triển lãm lớn giữa thủ đô Lơ-đơn, chính khẩu đại bác của ta đặt ở lầu Pha-lê, lại là nơi hội tụ các nhà luyện thép nổi tiếng khắp nước Anh. Họ tham luận bàn bạc rất sôi nổi.

Phút đó tôi cảm thấy rất sung sướng thấy mình là người của công ty Cróp, chỉ hơi tiếc một điều - nếu không đã là một ngày vui trọn vẹn.

- Điều gì vậy? Ông cứ nói đi!

- Lúc ra về, đến công triển lãm tôi bắt gặp một cô gái điên rất đẹp, có mái tóc vàng óng, đặc biệt bên thái dương phải có một nốt ruồi. Cô ta cứ nghe ngao hát, chắc là một khúc dân ca cổ của Anh thôi, đại ý lời ca thế này:

“Trách chàng sao khéo thờ ơ

Để em đau khổ, đợi chờ bấy nay

Bầu trời chim lướt cánh bay

Để em đau khổ bấy nay đợi chờ”

“Mái tóc vàng óng, nốt ruồi bên thái dương phải”, An-phrê Cróp nghĩ ngay tới Rô-da. Dù nay đã là một tên chủ giàu có với số vốn ước ba trăm triệu phrăng, với một viện bảo tàng tư nhân nổi tiếng khắp châu Âu về đồ cổ, đôi khi lão già An-phrê vẫn nhớ tới những Rô-da, Ma-ri-a, An-na, Li-đa... những mảnh tình rơi vãi suốt cuộc đời thời trai trẻ trên con đường đi tìm “gia vị” cho thép.

Bất giác An-phrê khẽ hỏi:

- Không hiểu Lơ-đơn giờ còn sương mù không nhỉ?

I-un-ke chân thật đáp:

- Thiếu sao được thứ súp đậu^[3] đó, thưa ngài, Lơ-đơn lúc nào cũng mờ mờ ảo ảo, sương mù và mây khói đã quyện lấy nhau.

- Và tất cả đều bị xoá nhoà sau màn sương đó!

An-phrê Cróp nói tới đây thì lim dim mắt, ngả đầu ra phía sau như chập chờn bước vào một giấc ngủ.

MỘT BẢN THIẾT KẾ

Mấy hôm nay Giôn Hơ-len có cảm giác như mình đang bị theo dõi. Lần quất xung quanh căn phòng số 16, cuối gác năm này mới xuất hiện một người ăn mặc khác hẳn khách trọ của khách sạn Mun-lai: áo dạ khoác sẫm màu cài khuy gỗ, có mũ trùm kín - một loại áo đặc biệt của dân miền núi, đôi ủng lót lông thú khá to và đặc biệt là đầu tóc, râu ria người đó lờm chờm nom thật gớm ghiếc.

Nếu như không có gì thay đổi: ngày 18 này. Giôn Hơ-len sẽ rời Anh sang Mỹ trên chuyến tàu khách Ớt-uốc-ly. Đêm nay, Hơ-len cố tình về khuya và đi lối cầu thang phía sau để lên gác năm.

Mở cửa phòng trọ, qua một vài dấu hiệu, Hơ-len biết rõ không có ai lọt vào đây trong thời gian mình đi vắng. Hơ-len thay quần áo và tắt đèn đi nằm. Chưa đầy mười phút sau, Hơ-len chợt nghe thấy tiếng nói ú ớ dưới gác tư:

- Phải lật đổ bọn thực dân nước ngoài... Cuộc đấu tranh sẽ quyết liệt... cảnh sát...

Theo thói quen, Hơ-len thò tay xuống gối lấy khẩu súng ngắn lên đạn và đưa mắt nhìn ra phía cửa sổ. Nếu cảnh sát Anh ập vào, mình sẽ chuồn ra phía sau, tụt ống máng xuống rồi trốn vào vườn hoa thành phố. Điều quan trọng là không để mất chiếc cặp.

Mười lăm phút sau có tiếng chân lên cầu thang gác tư. Trước cửa phòng người khả nghi kia, không phải cảnh sát mà là hai người mặc áo trắng.

Một khách trọ bị ốm! Ông ta đang nói mê trong cơn sốt. Hơ-len thờ phào nhẹ nhõm, cái chốt an toàn, giấu khẩu súng xuống dưới gối. Đêm hôm đó, mãi gần sáng, Hơ-len mới thiếp đi trong giấc ngủ chập chờn.

Sáng nay, nếu như mọi việc trót lọt, người hầu phòng sẽ đưa vé tàu biển đến cho Hơ-len. Đúng tám giờ, người hầu phòng bước vào - đáng nhẽ đưa vé thì anh ta lại ba hoa về ông khách trọ vùng “sơn cước” nọ. Và không cần phải anh ta nhiều lời, Hơ-len cũng đoán được đó là một người hoạt động cách mạng - gốc châu Mỹ la-tinh, vừa thoát khỏi bàn tay cảnh sát thuộc địa Anh - và đang tìm cách trốn sang Mỹ.

Ngày hôm đó, khi đồng hồ điểm chín tiếng đồng dạc, Lơ-đơn chìm trong sương mù đen tối, đúng lúc Hơ-len tắt hết niềm hy vọng sang Mỹ bằng chuyến tàu Ốt-uốc-ly sáng hôm sau, thì người “sơn cước” kia xuất hiện, tự giới thiệu luôn:

- Tôi là Gim, chờ vợ ở đây để đón tàu sang Mỹ, rất tiếc vì lý do nào đó, bà ấy không tới được và do đó thừa một vé.

- Rất cảm ơn ông, rất tiếc tôi không sang Mỹ mà là chờ tàu đi Ấn Độ!
- Hơ-len thoái thác trả lời, nhưng thật ra trong lòng khắp khởi mừng thầm. Anh muốn kiểm tra xem con người khả nghi này liệu có phải là người của cơ quan mật vụ Anh đến “chộp” anh không?

Một giờ sau, hình như họ đã hiểu được nhau, nhất là sau khi tàu rời cảng. Đôi bạn sống chung trong một phòng ở cuối tàu và họ luôn gần bó với nhau như bóng với hình.

- Tôi là người Ai-rơ-len, lật đổ bọn thực dân cai trị Anh trên đất nước tôi, tiến công vào nước Anh: đó chính là mơ ước của tôi! Giờ thì tôi có thể nói thẳng ra điều đó với anh được - Hơ-len thổ lộ.

Chờ cho Giôn Hơ-len dứt lời Gim mới khẽ hỏi:

- Lật bằng cách gì? Hai bàn tay trắng à?

- Hai bàn tay trắng thế nào? - Hơ-len say sưa nói - Đối với con sư tử đó, phải có một thứ vũ khí hiện đại, đủ để hạ nó đo ván ngay từ hiệp đầu...

Câu chuyện phút chốc trở nên sôi nổi, nhưng cả hai vẫn còn đủ sáng suốt để cùng nhất trí hạ thấp giọng xuống, dù phòng đóng kín mít.

- Không cần phải nói, lúc này đây tất cả chúng ta đều phải công nhận: nước Anh chiếm một địa vị hùng mạnh trên mặt biển. Tàu buôn, tàu quân sự của chúng có mặt ở khắp các đại dương. Nếu diệt được hạm tàu Anh, hạ ưu thế trên mặt biển của nó xuống, nước Anh sẽ lâm vào cảnh nghèo túng: thiếu lương thực, thiếu nguyên vật liệu, thiếu hàng hóa, thiếu tất cả...

Nghe nhà cách mạng Ai-rơ-len say sưa nói về khát vọng của đồng bào mình lật đổ ách thống trị của người Anh - Luật sư I-xắc Rai-xơ - người đóng vai Gim - gật gù nói:

- Con sư tử biển... Anh sẽ hạ nó bằng cách nào? Anh quên mất rằng nước Anh có những chiếc tàu chiến lớn với đầy đủ đại bác, có thể nã vào bất cứ nơi nào ở ven biển.

Hơn-len ung dung hỏi:

- Thế anh đã đọc cuốn truyện khoa học viễn tưởng của Giuyn Véc chưa?

- “Hai vạn dặm dưới biển”? Rai-xơ cười - chẳng hóa ra mơ ước của anh là trở thành thuyền trưởng Nê-mô à? Anh là nhà phát minh ra tàu ngầm? Anh nên nhớ cho: tiểu thuyết là tiểu thuyết còn cuộc đời là cuộc đời.

- Tôi là kỹ sư. Như vậy anh có thể tin rằng: Tôi không phải là một con người viễn vông.

- Tàu ngầm? Viên luật sư Mỹ lại cười - Xin anh thứ lỗi cho tôi mới dám nói: nếu là tàu ngầm thì trước anh, người ta đã chế ra rồi! Tôi tính sơ qua cho anh nghe nhé: Chiếc tàu ngầm đầu tiên ra đời từ năm 1620, nhà bác học Hà Lan chế vỏ tàu bằng gỗ bọc da tẩm dầu phía ngoài, để tránh ngấm nước. Lặn được vài ba giờ ở độ sâu bốn năm mét. “Công trình” của Van Đrep-ben đúng là một thứ đồ chơi nhằm cho vua Giắc I và các nhà quý tộc Anh làm thứ tiêu khiển...

Viên kỹ sư Ai-rơ-len hơi nhú lông mày như cố nén lòng mình lại, trước một sự “xúc phạm” đến thanh danh mình.

Hầu như không để ý đến điều đó, Rai-xơ vẫn tiếp tục kể:

- Một trăm lẻ một năm sau: 1721, chiếc tàu ngầm thứ hai của nhà phát minh Nga Ê-phim Nhi-cô-nốp ra đời dưới sự bảo trợ của Nga hoàng Pi-e đệ nhất. Rồi năm 1747, tàu ngầm Pháp của Xi-mông. Rồi Bớt-ni-en-lơ của Mỹ. Rồi “Nô-ti-luyt” của Phun-tơn...

Hơn-len sốt ruột nói:

- Rồi “con quỷ biển” của kỹ sư Đức Vin-hem Bao-e. Rồi tàu của A-léc-xan-đrốp-xki... Rồi... Rồi... Tất cả những cái đó tôi đều biết nhưng chỉ có tàu ngầm của tôi mới thực sự trở thành một phương tiện chiến đấu trên mặt biển.

- Anh nói sao? - Rai-xơ chậm rãi nhắc lại câu nói của viên kỹ sư Ai-rơ-len - thực sự trở thành một phương tiện chiến đấu trên mặt biển... Thế ra anh quên mất rằng: tàu ngầm của nhà phát minh người Nga A-léc-xan-đrốp-xki ngay từ năm 1866 đã được trang bị hai thủy lôi?

Hơn-len nhú lông mày lại, nổi giận:

- Thế anh cũng quên mất rằng: với động cơ chạy bằng không khí nén rất bất lợi, tàu ngầm của A-léc-xan-đrốp-xki không có khả năng giữ thăng bằng khi lặn và tốc độ không vượt quá... nửa hải lý một giờ sao? Rồi chiếc Đa-vít của kỹ sư Mỹ A-un-lê-i đã dùng ngư lôi đánh đắm chiếc tàu lớn Kla-u-da-tô-nic với trang bị sáu thủy lôi và một ngư lôi... Nhưng tất cả khuyết điểm của các loại tàu ngầm trên, tôi đều khắc phục được và một lần nữa khẳng định rằng: tàu ngầm của tôi ngày nay, mới thực sự trở thành một phương tiện chiến đấu trên mặt biển.

Hình như câu nói đầy tự tin của kỹ sư Ai-rơ-len có làm cho Rai-xơ bớt hoài nghi.

- Không phải đâu xa, phát minh đó hiện đã nằm trong tay tôi! Hơn-len kín đáo đưa mắt về phía chiếc tủ khóa kỹ trong có cất chiếc cặp da đen.

- Ông định bán bao nhiêu? - Gim đột ngột hỏi.

Câu hỏi của Rai-xơ làm cho nhà cách mạng Ai-rơ-len nổi giận thực sự:

- Xuất phát từ lòng yêu nước, tôi muốn “hạ” nước Anh bằng phát minh của mình. Nghĩa là, tôi không bán, nhưng sẵn sàng biểu không bất cứ nước nào dám tuyên chiến với Anh.

- Chẳng lẽ những người yêu nước các ông không đủ tiền quyên góp để đóng nổi những chiếc tàu ngầm đó sao? - Rai-xơ khẽ đưa mắt thăm dò viên kỹ sư nhiệt thành cách mạng.

- Điều này hơi khó - Hơ-len đáp - tiền, có thể chúng tôi sẽ chạy được, nhưng làm sao giữ bí mật được việc chế tạo chiếc tàu này khi mà chúng tôi còn phải sống lang thang nơi đất khách quê người. Trường hợp thuyền trưởng Nê-mô chỉ xảy ra trong tiểu thuyết.

Sau ít phút do dự, cân nhắc Gim nói:

- Thôi được rồi! Khi tới Mỹ, tôi sẽ giúp ông tìm cho ra cái nước, trong tương lai sẽ là “đối thủ” của nước Anh.

- Rất cảm ơn! - Hơ-len nắm lấy tay Rai-xơ nói giọng xúc động thật sự - không chỉ nhân danh cá nhân tôi, thay mặt cho những người yêu nước Ai-rơ-len, tôi xin chân thành cảm ơn anh...

Nếu có ai đi qua căn phòng ở cuối tàu Ót-uốc-ly sẽ nghe tiếng hai cốc rượu chạm vào nhau lanh canh.

*

Nước Mỹ giàu có! Hồi còn ở Ai-rơ-len, kỹ sư Hơ-len nghe nói: ăn mày ở Mỹ cũng có xe riêng, vì chỉ cần đi nhặt những mẩu vàng lọc ở đầu những điều thuốc lá quăng đi cũng đủ sống rồi. Nhưng khi đặt chân tới nước Mỹ, nhà cách mạng Ai-rơ-len thấy không đúng như tin đồn.

Xách chiếc cặp da đi khắp nơi, Hơ-len thấy ngay đi kiếm việc làm ở đây cũng không đơn giản. Một điều rất buồn đối với Hơ-len là người đồng hương và cùng chí hướng với mình ở đây rất hiếm, đa số họ lao vào công việc kiếm sống hàng ngày, những người nhiệt thành yêu nước lại càng hiếm. Sáng nay, Hơ-len quyết định tới thăm công ty Rai-xơ. Vừa nom

thấy ông bạn đồng hành trên tàu Ốt-uốc-ly, luật sư Rai-xơ sung sướng reo lên:

- Trời! Tôi đợi anh ghê quá! Hiện giờ anh trọ ở đâu?

Hơn-len mệt mõi đáp gọn lỏn:

- Đường 297 - Khách sạn Gôn-cốp.

Rai-xơ hơi nhú lông mày lại, cầm quyển danh bạ các khách sạn lớn, lật qua rất nhanh vài trang rồi khẽ nhún vai lắc đầu:

- Ở đây, tôi không nghe nhắc đến cái tên Gôn-cốp. Ở Mỹ nếu anh không thuê được một khách sạn sang trọng tôi e rằng khó mà đảm bảo được tài sản của anh.

Hơn-len thật thà đáp:

- Tôi có vàng bạc châu báu đâu mà sợ!

- Cái cặp của anh chính là một tài sản lớn đấy chứ! - Rai-xơ thần nhiên đáp - Một triệu đô-la là ít.

Đối với một người chân ướt chân ráo tới đây, chưa kiếm được việc làm, một xu dính túi không có như kỹ sư Hơn-len thì một triệu đô-la quả là một món tiền lớn thật.

Rai-xơ bấm chuông: viên thư ký riêng bước vào. Luật sư hất hàm ra hiệu:

- Anh hãy chọn một phòng thật sang trong khách sạn Me-ri-me-ri dành cho ngài kỹ sư đây!

Viên thư ký gật đầu quay ra, trong lúc Hơn-len còn đang lúng túng thì Rai-xơ như đã đọc hết được nỗi băn khoăn của vị khách:

- Anh đừng lo. Vì tình bạn mới quen biết, nhân danh một người Mỹ sống trên đất nước này tôi xin đảm bảo cho anh một cuộc sống sung túc, nếu không là giàu sang phú quý.

Hơn-len còn đang bâng khuâng thì Rai-xơ đã ghé vào tai khách hạ thấp giọng xuống nói:

- Theo tin tình báo mới nhất chúng tôi vừa nhận được một cách chi tiết thì chiếc tàu ngầm Nga đóng theo đồ án của A-léc-xan-đrốp-xki đã hoàn thành xong tại nhà máy Ban-tích ở Pê-téc-bua, rất hiện đại vì đây là chiếc tàu ngầm đầu tiên dùng không khí nén để tống nước ra khỏi két nước.

Rai-xơ tả lại khá tường tận máy móc trong tàu như thể chính mình cũng được đi thử trong tàu trên một chặng đường dài sáu trăm ki-lô-mét từ Pê-tơ-rô-páp-lốp đến vùng Xtăng-đa.

- Tàu cũng có la bàn để xác định phương hướng nhé! Để loại trừ ảnh hưởng của vỏ tàu bằng sắt, A-léc-xan-đrốp-xki đã khôn ngoan đặt la bàn trong khoang mũi làm bằng đồng đỏ.

- Hơn-len không khỏi choáng váng khi nghe Rai-xơ kể về cách hạ tàu địch của loại tàu ngầm Nga này: Sau khi đặt thủy lôi vào đáy tàu địch, tàu A-léc-xan-đrốp-xki sẽ lặn ra xa và bấm nút điện làm nổ thủy lôi.

Thì ra trong lúc Hơn-len vui đầu vào nghiên cứu thì nhiều nhà phát minh khác trên thế giới cũng thu được những thành tựu nhất định.

Chiếc tàu ngầm Pháp Plông-giơ do thuyền trưởng Buốc-goa chế tạo cùng với kỹ sư S.Bơ-run hạ thủy ở Rô-sơ-pho có hai bánh lái ngang và tốc độ khi lặn đã đạt được bốn hải lý một giờ, trong khi nổi là năm hải lý một giờ. Tàu cũng trang bị ngư lôi để chiến đấu.

Mới hôm qua thôi! - Rai xơ rầu rĩ nói - chúng tôi vừa nhận được một bản báo cáo khá tường tận về những tàu ngầm của hải quân đóng theo đồ án của Đgie-vi-ét-xki: không những nó là chiếc tàu ngầm đầu tiên trên thế giới chạy bằng điện, mà cũng là lần đầu tiên ở trong tàu, người ta “tái sinh” không khí bằng dung dịch xút. Suốt năm tháng ròng chạy thử ở Ô-đét-xa, đối với người Nga, tàu ngầm Đgie-vi-ét-xki là con chủ bài trên mặt biển Ban-tích đấy!

Hơn-len lắng tai nghe, thỉnh thoảng lại thở dài và nét mặt phút chốc trở nên rầu rĩ khi thấy Rai-xơ thủng thỉnh nói tiếp:

- Trong tình hình phát triển khoa học kỹ thuật hiện nay, một phát minh ở nước này có thể nảy sinh tương tự hoặc trùng lặp với nước khác. Điều này cũng dễ hiểu.

Câu chuyện đến đây thì viên thư ký quay về, báo cho Rai-xơ biết: phòng trọ đã thuê xong.

Rai-xơ đưa cho viên thư ký một số tiền và dặn:

- Nhà trọ Gôn-cốp, đường 297, anh hãy tới đó thanh toán hộ ngài kỹ sư Hơ-len.

Quay sang phía Hơ-len, Rai-xơ nói:

- Tôi sẽ tới thăm ông tối nay, tại nơi ở mới.

Sau khi đưa biểu Hơ-len một số tiền, gọi một cỗ xe bốn ngựa rồi tiễn khách ra tận cổng Công ty, Rai-xơ mới chịu quay về phòng 12, một trong những phòng phát minh của Công ty kinh doanh này ở tầng hai.

Bình nước sôi để pha cà phê đặt trên bếp đã bắt đầu reo. Hơ-len nóng ruột chờ viên luật sư Mỹ. Khách sạn Me-ri-me-ri vừa bị mất trộm tuần trước. Chiếc két sắt của lão chủ với bộ khóa hóc hiểm cũng bị tháo tung. Vì vậy, Hơ-len đã tính đến chuyện hay là nhờ luật sư Rai-xơ giữ bộ chiếc cặp da? Có sang tới đây, Hơ-len mới nhận thức được rõ: người Ai-rơ-len ở nước ngoài chưa có khả năng sử dụng được phát minh của mình để hạ nước Anh. Vậy, cuối cùng phát minh này nên trao cho nước nào? Pháp, Nga, Đức... đang có mâu thuẫn và có thể sau này sẽ trở thành kẻ thù của Anh, nhưng trong lĩnh vực tàu ngầm chiến đấu họ đã thu được một số thành tựu nhất định.

Vả lại sống trên một đất nước đầy biến động, trắc trở này, việc tìm cho ra những láis buôn vũ khí bí mật của Đức, Pháp, Nga... hoàn toàn không phải chuyện dễ dàng.

Vừa lúc đó, Rai-xơ bất ngờ xuất hiện trước cửa phòng của Hơ-len, tay xách chiếc cặp da màu vàng có khóa bạc.

Trong phòng thoáng thoảng mùi cà phê. Hời thăm sức khỏe theo phép xã giao xong. Rai-xơ uống cạn tách cà phê và lôi trong cặp ra hai bức ảnh chia cho Hơ-len xem:

- Tôi có thể đảm bảo với anh: nước Mỹ mới thực sự là quê hương xứ sở của tàu ngầm.

Hơ-len nhận ra ngay chiếc tàu ngầm con rùa hình quả trứng do Đa-vit Bốt-ni-en-lơ đóng xong năm 1776.

- Từ năm 1775, trong lúc hạm đội Anh phong tỏa bít kín lối ra vào các hải cảng Mỹ, dùng pháo bắn vào các thành phố ven biển hòng bóp nghẹt cuộc chiến đấu vì nền độc lập của Mỹ, chính “con rùa” này đã làm cho hạm đội Anh phải khiếp đảm kinh hồn.

Chỉ cần một người điều khiển thôi, tàu bơi ngầm bằng mái chèo mang theo 70 kg thủy lôi định giờ, khi lặn được xuống dưới tàu Anh rồi, người điều khiển tàu ngầm sẽ dùng khoan, khoan đáy tàu Anh, bắt chặt thủy lôi vào, cho máy định giờ làm việc rồi cho tàu ngầm cấp tốc rời khỏi vùng nguy hiểm, thủy lôi sẽ nổ, thế là xong!

Sau đó Rai-xơ giơ tấm ảnh thứ hai chụp chiếc tàu ngầm Nô-ti-luyt chế tạo ở xưởng đóng tàu của hải quân Anh Pe-ri-ê cách đây một thế kỷ và nói:

- Tiếng gọi là tàu ngầm Pháp nhưng tác giả đồ án thiết kế Nô-ti-luyt lại là Phun-tơn, một người Mỹ.

Hơ-len phần nào đã đoán được dự kiến của viên luật sư đang vồn vã tặc lưỡi này nhằm vào mục đích gì? Quả nhiên chỉ một lát sau, Rai-xơ thăm thì to nhỏ, ra vẻ giữ bí mật:

- Trong tương lai không xa, chiến tranh giữa Mỹ và Anh là điều không thể tránh được. Nếu trước đây, con sư tử Anh nhe nanh vuốt định bóp nghẹt nền độc lập Mỹ thì giờ đây chính nó giữ vai trò bá chủ trên mặt biển cũng đang bao vây sự phát triển của nền kinh tế Mỹ. Người Mỹ đâu có chịu ngồi yên. Phải nhấn chìm con sư tử già đó xuống biển để cho mặt trời phải lặn ngay ở cái nước Anh nhỏ bé ấy!

Hơn-len từ tốn nói:

- Bây giờ ngài luật sư có thể đi thẳng vào vấn đề định bàn giữa hai chúng ta.

- Xin nói thật nhé! - Rai-xơ khẽ mỉm cười - Công ty chúng tôi muốn mua hẳn bản đồ án thiết kế loại tàu ngầm bỏ túi của ông, để chuyển giao cho hạm đội chúng tôi, với giá là một triệu đô-la.

- Một triệu đô-la - Hơn-len nhắc lại.

- Hay ông chê ít?

- Không phải vậy!

- Tôi rất biết điều đó - Rai-xơ nói - ông sẵn sàng giao loại vũ khí bí mật này cho bất cứ nước nào có ý định đìm hạm đội Anh cũng như đìm nước Anh xuống đáy biển.

- Đúng thế! - Hơn-len gật đầu đáp.

- Nếu như ngay ngày mai, nước Mỹ chúng tôi tuyên chiến với Anh, chắc ông sẽ biểu không hạm đội chúng tôi bàn thiết kế này. Nhưng vì cái ngày tuyên chiến đó, còn phải chờ đợi - theo tôi nghĩ chắc cũng không xa đâu - nên ông cứ coi số tiền này ông dùng sống tạm để chờ cho đến lúc nước Anh bị tiêu diệt. Lá cờ Ai-rơ-len sẽ kéo lên trên đất nước ông.

Hơn-len cười.

- Ngài đúng là một luật sư có tài hùng biện.

Rai-xơ vội nắm lấy tay nhà phát minh, khẽ lắc:

- Công việc giữa hai chúng ta coi như kết thúc ở đây nhé!

Đêm hôm đó, Hơn-len tưởng mình sẽ được ngủ ngon, nào ngờ nhà phát minh vẫn cứ chập chờn nửa mê, nửa tỉnh.

*

Qua cuộc trao đổi văn tắt với thủy sư đô đốc Pát-téc-xơn ở trụ sở hải quân Mỹ, đại tá kỹ sư trưởng Cốc-út chỉ biết loáng thoáng xưởng đóng tàu

của mình sắp được lệnh chế tạo một loại vũ khí bí mật mang ký hiệu S.A.1. Nhưng khi nhận được bản đồ án thiết kế từ Công ty Rai-xơ chuyển sang, qua Bộ Hải quân, Cốc-út mới rõ: đó là một loại tàu ngầm chiến đấu loại nhỏ.

Việc này chứng tỏ: quan điểm của đô đốc Pát-téc-xơn đã thay thế trong Bộ tham mưu hải quân. Trước đó, đa số chuyên gia quân sự đều cho rằng: nước nào có hạm đội mạnh thì có thể làm bá chủ trên mặt biển. Do đó, họ thi nhau đóng các tàu lớn với những pháo lớn đủ mọi cỡ.

Pát-téc-xơn lại cho rằng: không chỉ hạm tàu lớn, mà cần phải có nhiều loại tàu phối hợp chặt chẽ với nhau mới có thể giành được thắng lợi quyết định trên mặt biển.

Theo ý Pát-téc-xơn thì: hạm tàu lớn trên mặt biển rất dễ làm mồi ngon cho tàu ngầm. Bao vây hải cảng đối phương, tàu ngầm còn có thể hợp đồng tác chiến sau này với không quân, với hạm tàu mặt nước, tiếp tế cho các căn cứ bị địch phong tỏa, hoặc các hạm tàu ở giữa đại dương.

Nhìn tên tác giả Giôn Hơ-len trên bản thiết kế S.A.1 Cốc-út nhớ lại: cách đây hai mươi lăm năm, chính Hơ-len đã đóng chiếc tàu ngầm đầu tiên của mình. Tàu trang bị một thủy lôi và do một người quay trục chân vịt điều khiển. Mười sáu năm sau, nhà phát minh Ai-rơ-len đó đã đóng một chiếc tàu ngầm khác chạy bằng động cơ dầu hỏa, đại bác đặt ở mũi tàu đạn bắn bằng không khí ép có thể bay xa tới bốn mươi mét.

Nhưng lần này, nhìn vào bản thiết kế mới S.A.1, chẳng riêng gì Cốc-út mà tất cả các kỹ sư đóng tàu đều phải công nhận Hơ-len đã rút kinh nghiệm các cuộc thí nghiệm, chế tạo tàu ngầm trong vòng một trăm năm, để tạo ra một chuyên biến mới. Mà chuyên biến này chỉ có thể nở ra vào thời đại mà ngành luyện kim đã có thể luyện ra được nhiều loại vỏ thép đóng tàu chắc chắn, trong ngành chế tạo máy cũng đã xuất hiện máy hơi nước và động cơ đốt trong, cùng với động cơ điện. Cốc-út thấy Hơ-len đã giải quyết khá thông minh vấn đề động cơ cho loại tàu ngầm này: thả nổi

trên mặt nước, tàu ngầm chạy bằng động cơ ga-dô-lin, thả lặn thì dùng động cơ điện.

Với một loại vỏ thép rất chắc chắn, tàu có thể lặn sâu tới ba mươi mét.

Hải quân Mỹ đã bỏ ra ba triệu đô-la để mua lại bản thiết kế tàu ngầm S.A.1 này của Công ty Rai-xơ, không phải là đắt.

*

Từ bản thiết kế trên giấy, chiếc tàu ngầm chiến đấu tí hon của mình nay mai sẽ ra đời. Mấy hôm nay, niềm vui đó cứ luôn quanh quẩn trong đầu Hơ-len. Khu vực chế tạo tàu được giữ kín, nơi để thí nghiệm tàu chạy thử càng được bảo vệ cẩn mật hơn. Ngoài một số tàu tuần tiễu trên mặt biển ra, dưới biển còn căng lưới thép để đảm bảo bí mật hoàn toàn.

Với kích thước nhỏ bé loại S.A.1 này tương lai sẽ hoạt động ở cảng và vịnh nước tương đối nông. Với bán kính hoạt động ngắn và năng lượng dự trữ ít, loại tàu ngầm tí hon này phải được loại tàu lớn chở đến nơi quy định.

Cứ như đầu óc giàu tưởng tượng của Hơ-len, nếu xảy ra chiến tranh Anh-Mỹ thì tàu ngầm Mỹ sẽ hoạt động thường xuyên trên mặt biển và sẽ đánh đắm tất cả các tàu chở hàng, tàu quân sự của Anh trên đường hàng hải xuyên qua Đại Tây Dương. Với những thiệt hại nặng nề trên biển, nước Anh sẽ sụp đổ vì thiếu lương thực, nguyên liệu và dụng cụ chiến tranh. Lúc đó sẽ là thời cơ nổi dậy của nhân dân Ai-rơ-len cũng như nhân dân các thuộc địa Anh khác trên thế giới.

Rồi đây lá cờ Ai-rơ-len sẽ phấp phới bay, tự hào, kiêu hãnh như tất thảy cờ các nước khác trên thế giới.

Đúng lúc Hơ-len nghĩ đến điều đó thì có tin Công ty Vích-cốc của Anh - không rõ đã ký hợp đồng với Công ty Rai-xơ của Mỹ tự bao giờ - đã bắt đầu đóng và cung cấp cho hải quân Anh một loại tàu ngầm giống như của Mỹ, nghĩa là cũng chạy bằng hai loại động cơ và có thể lặn sâu được ba mươi mét dưới biển. Hơ-len choáng váng cả người, ông vội tới ngay công ty Rai-xơ nhưng mấy lần đều không gặp giám đốc.

Tới lần thứ năm, Hơ-len may mắn gặp được Rai-xơ ở phòng phát minh số bốn tại công ty.

Trong buổi gặp gỡ này, Hơ-len gần như nổi giận hàng lông mày xéch hẳn lên:

- Ông phải nhớ: phát minh của tôi nhằm mục đích tiêu diệt nước Anh thì giờ đây nó lại quay ra phục vụ hải quân Anh. Thế là thế nào?

Chờ cho Hơ-len nói xong, Rai-xơ mới ung dung đáp:

- Ông bạn hơi quá nóng.

Sau đó, viên luật sư Mỹ mở tủ lòi ra một bản hợp đồng đã ký kết giữa đôi bên, lấy ngón tay chỉ vào dòng chữ:

“Bán hẳn bản thiết kế mẫu tàu ngầm này cho công ty Rai-xơ”.

Rai-xơ nói:

- Trong từ điển luật học, bán hẳn và bán đứt là một, như vậy quyền sở hữu thuộc về người mua là công ty chúng tôi.

Không cần đợi nhà phát minh trả lời, Rai-xơ lại mở tủ lấy ra bản thiết kế tàu ngầm chỉ vào ống phóng thủy lôi và kính tiềm vọng nói:

- Ông thấy nó có giống với bản thiết kế của ông không? Sau khi mua phát minh của ông chúng tôi còn bỏ tiền ra để cải tiến và hoàn chỉnh thêm kính tiềm vọng. Nhờ cải tiến lại mà góc độ nhìn được mở rộng ra nhiều. Ống phóng lôi cũng được đảm bảo ổn định để nâng cao độ chính xác khi phóng thủy lôi vào mục tiêu.

Hơ-len vẫn chưa nguôi giận:

- Nhờ thế công ty ông mới nâng giá bản thiết kế lên gấp ba lần nhưng về cơ bản phát minh này vẫn là của tôi. Tôi sẽ đưa việc này ra ủy ban điều tra phát minh Mỹ.

Rai-xơ cười:

- Đó là quyền tự do của ông.

Hơn-len tức giận ra về, còn nghe thấy sau lưng mình tiếng nói của Rai-xơ với mấy người ngồi trong phòng:

- Thật là kỳ quặc! Người kiện mình đáng ra phải là thủy sư đô đốc Mỹ Pát-téc-xơn thì lại là người đã bán đứt bản quyền phát minh cho mình!

Mọi khi bất cứ đi đâu về, kỹ sư Hơn-len vẫn có thói quen bế bổng đứa con nhỏ lên, rúc cái đầu vào bụng làm chú bé cười như nắc nẻ. Nhưng lần này, bà vợ Hơn-len rất ngạc nhiên khi thấy chồng vừa ở công ty Rai-xơ về, đi thẳng vào phòng riêng, sai người giúp việc đưa vào mấy chai rượu nặng.

Hơn-len uống hết cốc này đến cốc khác, hết chai này đến chai khác, bà vợ ngăn thế nào cũng không được. Ngôi nhà này thường là nơi lui tới của một số người yêu nước Ai-rơ-len. Chủ nhân thường trợ cấp cho đồng bào mình đang gặp hoạn nạn ở nước ngoài và lúc nào cũng mở rộng cửa đón tiếp người Ai-rơ-len vừa ở trong nước sang.

- Hay là tình hình cách mạng ở trong nước có gặp khó khăn gì đột xuất?

Thấy vợ gặng hỏi mãi, Hơn-len mới buộc lòng kể lại rõ sự việc vừa xảy ra với viên luật sư ở công ty Rai-xơ. Nghe xong, bà vợ cười vui vẻ nói:

- Tưởng gì chứ việc đó có thể giải quyết được. Ta sẽ có cách phục thù: phục thù công ty Rai-xơ, phục thù công ty Vích-cốc của Anh và trên hết vẫn là phục thù nước Anh...

Rồi bà ghé vào tai chồng thầm thì to nhỏ. Chỉ biết lúc Hơn-len tỉnh rượu, hiểu ra, gật gù tán thưởng thì trời cũng vừa sáng. Có tiếng xe ngựa lăn bánh ngoài phố.

*

Bất cứ ai đặt chân lên nước Mỹ, bước vào quán Gôn-xta trên cảng đều có thể dễ dàng nhìn thấy một ngôi nhà, trên cổng, dù mấy bông hoa tím dưới dàn sà xuống lấp ló tấm biển đá hoa cương, cũng đủ nhìn rõ dòng chữ khắc rất rõ:

Kỹ sư Giôn Hơn-len, người bạn của Hải quân.

Một người từ nơi khác, trên đất Mỹ tới đây lần đầu để tưởng: đó là một nhà hảo tâm; có một sự đóng góp nào đó - vì tiền tài chẳng hạn - cho hải quân Mỹ.

Nhưng đối với các nhà tình báo quân sự nước ngoài - nhất là những người được cử sang Mỹ để tìm mua bản thiết kế tàu ngầm chiến đấu loại mới nhất - họ đều hiểu: đây là nơi địa chỉ của nhà phát minh tàu ngầm lừng danh người Mỹ gốc Ai-rơ-len: Giôn Hơ-len.

Trong quán Gôn-xta lúc này, một người khách Đức: Gi-un-ke vừa nâng cốc rượu lên thì chợt nom thấy tấm biển đá hoa cương, ông ta đặt cốc rượu xuống, lục cuốn sổ tay trong túi áo ra xem lại một lần nữa rồi gấp cất đi.

Uống cạn cốc rượu. Gi-un-ke rời khỏi quán. Chờ tới khuya, Gi-un-ke mới quay lại khẽ gõ cửa, bước vào ngôi nhà Hơ-len. Ngay ngoài phòng khách đã thấy một cái bàn gỗ trắc, trên đặt một cái hộp thủy tinh trong có mô hình một chiếc tàu ngầm rất đẹp, bên sườn óng ánh dòng chữ mạ vàng Giôn Hơ-len.

Sau khi biết chắc chủ nhà đúng là nhà phát minh, khách nôn nóng đi thẳng vào vấn đề:

- Chúng tôi cần trang bị cho hải quân Đức một loại tàu ngầm hiện đại, giống như tàu ngầm của Anh cũng như Mỹ.

Hơ-len đáp:

- Tôi có thể hoàn toàn đáp ứng được điều đó: một bản thiết kế y hệt kiểu tàu ngầm mới nhất của công ty Vích-cốc. Về phần tạo dáng bên ngoài, có thể có một số cải tiến tí chút.

- Tại sao vậy? - Gi-un-ke nói - Tôi muốn có một bản thiết kế y hệt.

- Vâng, về cơ bản là y hệt: máy móc, vũ khí... Hơ-len định nói rõ việc cải tiến tí chút là để công ty Rai-xơ khỏi gây rắc rối cho mình về phương diện luật pháp sau nghĩ thế nào lại thôi. Vâng, y hệt.

Khách ra về, mặc dầu hợp đồng chưa ký kết, nhưng Hơ-len đã cảm thấy trong đời mình đây là một ngày vui lớn. Theo Hơ-len, chiến tranh giữa Anh với Đức là điều sẽ không tránh khỏi trong một tương lai không xa. Chỉ nhìn nét mặt của Hơ-len, bà vợ cũng đã hiểu thấu nỗi lòng chồng mình:

- Đấy mình xem, sáng kiến của em đâu có thua kém gì phát minh của mình.

Hơ-len lơ đãng hỏi lại:

- Sáng kiến gì nhỉ?

- Phá thế “độc quyền” của Rai-xơ và nhất là của công ty Vích-cóc.

- À... à... ! - Hơ-len gật đầu, cười vui vẻ nói - Đầu óc của em đâu có tầm thường. Tài sản của chúng ta sau này tăng tiến là nhờ ở em đấy!

Nghe vợ nhắc đến chữ “độc quyền” Hơ-len lại nhớ tới Hăm-phri Ê-đê-vi, nhà bác học Anh đã phát minh ra chiếc đèn an toàn cho thợ mỏ để chống lại nạn nổ gri-du^[4] trong các hầm lò có hiệu quả nhất, trước khi có đèn điện. Khi nghe tin chiếc đèn sắp chế tạo, một số công ty đã đến tìm gặp vị giáo sư Anh để mua bằng phát minh nhằm mục đích trục lợi. Nhưng Hăm-phri Ê-đê-vi vốn là một nhà bác học hào hiệp đã không bán phát minh của mình mà còn công bố rành rọt đầy đủ chi tiết để cho những kẻ xấu bụng không vì tư lợi mà đim phát minh này, mặc cho tính mệnh hàng vạn thợ mỏ bị uy hiếp trong các hầm lò.

Tiếc thay, bản thiết kế tàu ngầm mà hải quân Mỹ xếp vào loại vũ khí bí mật - Hơ-len không thể dễ dàng công bố phổ biến ra khắp thế giới được.

Hơ-len chỉ hơi tiếc nếu trước đây, sớm gặp được Gi-un-ke thì phát minh của mình không thể rơi vào tay công ty Vích-cóc.

Bất cứ người khách nào khó tính nhất cũng trở nên hài lòng khi bước vào ngôi nhà xinh xắn của Giôn Hơ-len. Có thể nói: người vợ đóng một vai trò quyết định trong một tổ ấm gia đình. Bà vợ nhà phát minh ngoài tài

ngoại giao ra, còn có tài tổ chức khéo tới mức: khách đã bước vào đây thì ấn tượng về nhà phát minh gốc Ai-rơ-len sẽ rất sâu sắc. Trên bàn, tủ sách, chiếc hộp đựng thuốc lá, cái gạt tàn, cây đèn bàn... chỗ nào cũng mang hình những kiểu tàu ngầm tuyệt đẹp với dòng chữ Giôn Hơ-len.

Khách ra về đều được biểu một tập tranh ảnh về các kiểu tàu ngầm, có chiếc đang lặn, có chiếc nổi lên lao về hướng tàu địch, có chiếc đang phóng thủy lôi, rẽ nước.

Hơ-len đang đưa mắt nhìn hòn đá chặn giấy trên bàn, mang hình một chiếc tàu ngầm như ngóc đầu đang bay thì chợt người giúp việc đưa vào một tấm danh thiếp nhỏ: “Ni-du-mi-ni, thương gia Nhật”

Một người Nhật! Lần đầu Hơ-len tiếp một người châu Á nhỏ nhắn, đeo kính trắng, thoáng gặp cũng có thể đoán biết đó là một người thông minh, hiểu biết rộng.

Và quả nhiên, chỉ sau vài câu xã giao với khách. Hơ-len đã nhận thấy nhận xét ban đầu của mình là đúng.

Ni-du-mi-ni nói khá nhiều về những dân tộc bị áp bức trên thế giới, nỗi đau khổ và sự khát vọng của những con người này. Tuy không nói toạc ra, nhưng Ni-du-mi-ni đã có thể lấp ló phần nào làm cho chủ nhà biết rằng: rồi đây, trong tương lai, nếu có một nước Nhật hùng cường ở châu Á thì những dân tộc bị áp bức - nhất là những nước bị Anh cai trị - sẽ có thể trông chờ vào đất nước Phù tang này được.

- Tất cả những nước nhỏ bé trên thế giới, trước sau rồi sẽ giành được nền độc lập của mình.

Hơ-len xúc động về câu nói này của khách.

Trong câu chuyện tiếp theo, Hơ-len có một đôi lần nhắc khéo tới đất nước Ai-rơ-len nhỏ bé của mình. Ni-du-mi-ni cũng khôn ngoan đề cập tới các nước ở châu Á là nơi Nhật sẽ quan tâm đến trước tiên.

Chính nỗi lòng chân thật này của Ni-du-mi-ni đã làm cho Hơ-len quý mến người khách lạ, mà ông xếp vào hạng “đại nghĩa”.

Chiến tranh giữa Anh - Nhật chắc chắn sẽ bùng nổ trước hết ở châu Á.

“Thì giá như trước đây - trước cả Gi-un-ke mình gặp được con người này...”.

Ba ngày sau, khi biết rõ: Ni-du-mi-ni, đóng vai nhà buôn, nhưng thực chất là trợ lý một thủy sư đô đốc Nhật, Hơ-len tiếp đón như một thượng khách.

Trong một bữa tiệc thân mật tại nhà riêng của Ni-du-mi-ni, chủ nhân đã nâng cốc rượu mừng nhà phát minh Hơ-len.

- Chúc cho vai trò quan trọng của tàu ngầm trong hải quân.

Ni-du-mi-ni lúc này đã trút bỏ vai trò nhà buôn và khoác áo sĩ quan hải quân Nhật, say sưa nói:

- Nếu có ai đó cho rằng: trong quân sự, tàu ngầm chỉ dùng để bảo vệ bờ biển hoặc tuần tiễu xung quanh các căn cứ hải quân thì đó là một cách nhìn phiến diện. Theo tôi, rồi đây qua những cuộc thử lửa, tàu ngầm còn có thể hiệp đồng với các hạm tàu mặt nước, tấn công tàu địch, hoặc một mình dùng ngư lôi hạ tàu địch. Hãy thí dụ như biển Mác-ma-ra vốn là một cái vịnh rất lớn và kín, một chiếc tàu ngầm có thể làm bá chủ ở vùng biển này được. Tại những eo biển hẹp như Đác-da-nen và Bô-xpho đủ bố trí một màn lưới cửa án ngữ, tàu ngầm vẫn có thể vượt qua thật dễ dàng dưới nước. Những nhiệm vụ cực kỳ quan trọng khác của tàu ngầm trong tương lai, chưa một chuyên gia quân sự nào có thể lường trước được.

Sau bữa tiệc, một bản hợp đồng đã được ký kết giữa Giôn Hơ-len và Ni-du-mi-ni.

Đêm hôm đó, bà vợ nhà phát minh cứ căn nhắc mãi với chồng về việc bán quá rẻ bản thiết kế tàu ngầm của mình. Hơ-len cũng cố giải bày cho vợ hiểu:

- Vì “đại nghĩa” chẳng lẽ tôi lại biểu không người Nhật.

*

Năm 1904.

Kể từ khi Hơ-len bán bản thiết kế tàu ngầm đầu tiên cho Rai-xơ tới nay đã được bốn năm.

Hơ-len chỉ còn một mơ ước nữa: bí mật loại tàu ngầm của mình nếu được tiết lộ với Nga; thì thế “độc quyền” về loại này của công ty Vích-cốc sẽ bị phá vỡ hoàn toàn.

Hơ-len tin rằng: nếu bản đồ án thiết kế của mình lọt được tới nước Nga bằng giá, chắc chắn nó sẽ được hoàn chỉnh hơn vì ông nghe nói tới tên tuổi một công trình sư Nga đầy tài năng: I.G.Búp-nốp.

Ba hôm sau, qua một tay mối lái trung gian, Hơ-len đã bán cho nước Nga đồ án về một chiếc tàu ngầm của mình.

Lại một ngày vui trong đời nhà phát minh.

*

Chưa bao giờ Hơ-len xếp luật sư I-xắc Rai-xơ vào loại lừa đảo, nhưng quả thật tay kinh doanh này không để lại một ấn tượng tốt đẹp trong đầu nhà phát minh.

Chính vì thế mà Hơ-len rất đỗi ngạc nhiên khi nhận được thư của Rai-xơ mời mình đến chơi tại ngay công ty.

Một chuyện mua bán? Chắc chỉ có vậy!

Rai-xơ tiếp Hơ-len khá niềm nở. Sau khi cả hai cùng uống cạn tách cà phê, Rai-xơ mới mở phong bì lớn đưa cho Hơ-len xem mấy bức ảnh chụp các kiểu tàu ngầm, Rai-xơ hỏi:

- Ông có nhận ra cái gì đây không?

- Chiếc Đen-phin của Nga đóng tại xưởng Ban-tích - Hơ-len nói rành rọt - đây là một trong những tàu ngầm chiến đấu đầu tiên của hải quân Nga do công trình sư tài năng I.G.Búp-nốp thiết kế.

Qua mấy con số ghi trên bản thiết kế, khách có thể dễ dàng nhận ra chiều dài của tàu ngầm là hai mươi mét, có thể lặn sâu được năm mươi mét.

- So với tàu của tôi hoạt động ở độ sâu ba mươi mét với một ống phóng lôi, công suất của máy chính khi chạy trên mặt nước là một trăm sáu mươi mã lực, khi lặn là bảy mươi mã lực thì tàu Đen-phin tốt hơn vì nó được trang bị hai ống phóng lôi, công suất của máy chính khi chạy trên mặt nước là ba trăm mã lực, và khi lặn là một trăm hai mươi mã lực.

Rai-xơ rất đỗi ngạc nhiên khi thấy Hơ-len thản nhiên ca ngợi những thành tựu của các công trình sư Nga trong lĩnh vực đóng tàu ngầm. Chính vì thế, Rai-xơ không giới thiệu tiếp chiếc Mi-nô-ga cũng của xưởng Ban-tích: đó là chiếc tàu ngầm đầu tiên trên thế giới chạy bằng động cơ đi-ê-den. Nhưng Hơ-len đã chỉ vào tấm ảnh nói:

- Khuyết điểm của chiếc tàu ngầm này là máy điện và máy đi-ê-den đều phải quay cùng một trục chân vịt. Rồi ông sẽ coi: thời gian tới công trình sư Búp-nốp đang dự kiến đóng một chiếc tàu ngầm hoàn thiện hơn với lượng giãn nước hơn ba trăm tấn, với ba máy đi-ê-den và một máy điện, tàu có thể chạy xa một nghìn hải lý và hoạt động độc lập trong hai tuần.

Rai-xơ cứ ngỡ người ra.

Cách đây mấy năm, có tin bản thiết kế tàu ngầm của công ty Vích-cốc bị đánh cắp. Rồi chính Rai-xơ cũng bán bản thiết kế đó vài lần nữa. Rồi từ những công ty đó, những bản sao thiết kế được bán đi bán lại với những cái tên khác - sau khi được cải tiến một số bộ phận và chi tiết nhỏ.

Giá bán những bản thiết kế tàu ngầm hạ xuống khá nhanh trong một thời gian ngắn.

Mãi lúc này Rai-xơ mới hiểu ra: chính nhà phát minh này đã thành công trong việc phá thế độc quyền của công ty Rai-xơ và Vích-cốc về... chính phát minh đầu tiên của mình.

Còn Hơ-len, ông ta đã đạt được những mục đích nhất định song cho mãi đến lúc chết, ông ta vẫn sống trong niềm khắc khoải, đau đáu: thực dân Anh vẫn chà đạp lên mảnh đất Ai-rơ-len của ông. Và bản thân ông vẫn còn là một kẻ lưu vong không Tổ quốc.

VÙNG TRỜI MA

Éc Lây-xơ thần thờ hỏi lại bạn một lần nữa:

- Thế nào cậu đã quyết định chưa! Dù sao cũng phải suy nghĩ kỹ vì đây là một bước ngoặt của cuộc đời mình.

- Suy nghĩ kỹ rồi đấy! - I-a-cốp gật đầu - Đối với mình thì không hiểu sao những vì sao xa xôi trên bầu trời bao la kia lại có một sức hấp dẫn kỳ diệu đến thế! Mình chọn nghề lái máy bay không phải là không có chủ bụng. Bạn hãy thử tưởng tượng xem: sáng nay mình với cậu còn ngồi ở Mát-xơ-va trò chuyện, chiều nay rất có thể mình đã dạo chơi ngoài đường phố ở kinh đô Pê-téc-bua^[5]. Rồi chỉ ít hôm nữa lại Béc-lanh, Pa-ri hay Luân đôn hay một thành phố to lớn, sầm uất nào đó trên thế giới.

I-a-cốp xòe bàn tay ra hiệu:

- Cậu hãy thử tưởng tượng xem: được bay liệng trên bầu trời như những cánh chim giữa những đám mây trắng bồng bênh, có lúc lại phải vượt qua những đỉnh núi cao vào những ngày xấu trời đầy sương mù ảm đạm để rồi hạ cánh an toàn xuống một phi trường heo hút xa xôi nào đó... Nhất định là thú vị lắm chứ! Ôi vinh quang thay những phi công lái máy bay!

Nghe giọng nói say sưa đầy mơ mộng của I-a-cốp, Éc Lây-xơ biết ngay bạn mình đã có một quyết định dứt khoát trong đời.

- Thế còn cậu, Éc Lây-xơ - Giờ lại đến lượt I-a-cốp hỏi bạn - trước sau rồi chúng ta vẫn cứ phải nộp đơn ngày một, ngày hai thôi mà!

- Mình ấy à? Éc Lây-xơ chậm rãi vừa nói vừa dậm dậm chân xuống đất - không phải tất cả những gì hấp dẫn nhất kỳ diệu nhất đều nằm cả trên trời mà theo mình suy nghĩ thì dưới chân chúng ta đây vẫn còn cả một vũ

trụ bao la huyền bí đang cần rất nhiều các nhà khoa học vén lên những tấm màn bí mật của thiên nhiên.

- A, nhà địa chất! - I-a-cốp gật gù, nói - Đúng, có người đã gọi lòng đất là “vũ trụ thứ ba”.

- Biết bao nhiêu kho tàng, châu báu, vàng bạc... còn dấu mình trong lòng đất. Nước Nga chúng ta đâu có thiếu mỏ than, mỏ sắt, mỏ đồng... Tại sao chính phủ vẫn cứ phải mua sắt thép của Anh và Đức trong khi chúng ta không thiếu mỏ sắt. Vấn đề bây giờ là phải tìm cho ra những kho tàng đó... Rồi vàng... người ta tính ra chỉ riêng một thế kỷ mười bảy, con người đã khai thác ở thiên nhiên 19 tấn vàng nhưng chỉ một trăm năm sau, số vàng khai thác đã lên tới 1.130 tấn. Mà nào đã ăn thua gì, thật ra khối lượng vàng thiên nhiên có đến hàng trăm tỉ tấn. Chỉ tính riêng trong nước biển của các đại dương, số vàng đã lên tới 30 triệu tấn dù cho trong mỗi tấn nước biển chỉ chứa có 0,05 mg vàng. Rồi bạc, rồi những viên ngọc Bê-rin óng ánh, những viên kim cương như viên “Quốc vương” hiện còn trưng bày ở viện bảo tàng Mát-xcơ-va những viên ngọc bích màu lục, những viên ngọc hải lam xanh biếc màu biển khơi, những viên hồng ngọc trong suốt màu vàng hoặc hồng hồng, rồi những viên cương ngọc đỏ thắm màu máu tươi, những viên ngọc xanh một màu xanh huyền ảo... Nhưng trong lòng đất còn những kho tàng quý báu hơn cả vàng và ngọc - Tự nhiên Éc Lây-xtơ thờ dài - mỗi người chúng ta đi một con đường khác nhau như vậy thì liệu trong cuộc đời, bao giờ lại có dịp chúng ta gặp được nhau. Mình nói thật đấy! Một đứa lúc nào cũng bay tít trên trời, tận mây xanh ấy. Một đứa gần như suốt đời cứ chui sâu mãi vào lòng đất đen kịt!...

- Cậu rõ khéo lo xa! - Éc Lây-xtơ đáp - Miễn là trong tim chúng ta còn tình bạn chân thành thì rồi ở đâu đâu, cuối cùng chúng ta cũng vẫn gặp được nhau cơ mà

Sau buổi gặp gỡ hôm đó, đôi bạn trẻ chia tay nhau. Éc Lây-xtơ theo học trường đại học địa chất, còn I-a-cốp theo học học viện hàng không. Họ vẫn gặp nhau và thư từ đều đặn nhưng tới đại chiến thế giới lần thứ nhất

bùng nổ thì đôi bạn thân thiết đó không hề nhận được thư từ, tin tức gì của nhau cả.

*

Trước mặt I-a-cốp lúc này là một đám mây trắng bồng bênh, anh khẽ kéo cần lái cho chiếc máy bay ngóc đầu lên cao. Bầu trời lại hiện ra trong vắt. Lòng anh tự nhiên thấy thanh thản, cách đây mấy hôm, tình cờ trong một chuyến bay từ Pê-téc-bua đi Mát-xcơ-va anh biết được tin của Éc Lây-xơ.

Chiếc máy bay như con én đang lướt đi nhẹ nhàng với tiếng động cơ đều đều...

Bỗng I-a-cốp tái mặt đi khi anh nhìn vào la bàn, chiếc kim không còn giữ đúng hướng Bắc Nam nữa mà đầu kim cứ chệch sang một bên như có một bàn tay vô hình nào đó bắt chiếc kim phải hướng về một phía cố định...

Hay là mình đã bay vào “vùng trời ma”?

I-a-cốp nhìn lên bản đồ: đúng là mình đang bay trên Cuốc-xơ thật! “Vùng trời ma” là cái tên mà một số phi công thường nói đùa để gọi vùng này vì khi bay qua đây, họ thường bị lạc đường do kim địa bàn chỉ sai lung tung.

I-a-cốp nhớ lại đường bay của mình và nghĩ tới sân bay, đúng ra anh sắp phải hạ cánh. I-a-cốp muốn cứ tiếp tục lái máy bay đi mà không bị hướng chỉ của chiếc kim địa bàn “ma quái” chi phối. Nhưng rồi giữa bầu trời mênh mông việc điều khiển lại cho chiếc máy bay đi theo hướng tinh trước không phải là không gặp khó khăn. Đây là lần đầu, phi công I-a-cốp bay qua vùng này. Anh rất tin vào kinh nghiệm bay dày dặn của mình nhưng lúc này, anh cũng không tránh khỏi lúng túng. Anh nhìn vào chiếc đồng hồ đo độ cao và nhiệt độ bên ngoài, bỗng anh giật mình đánh thót một cái khi nhìn tới chiếc đồng hồ chỉ nhiên liệu. Nhiên liệu trên máy bay sắp hết. Làm thế nào bây giờ?

I-a-cốp đưa mắt nhìn về hướng mặt trời: dù sao vẫn có thể định hướng được dù chiếc la bàn phản bội. Vẫn cho máy bay bay về sân bay được nhưng lúc này, chỉ tiếc không còn đủ nhiên liệu nữa. I-a-cốp nhìn xuống dưới: phía trước toàn một vùng đồi núi nhấp nhô.

Phải kiếm một nơi nào tương đối bằng phẳng để hạ cánh an toàn mới được! Dù sao cũng phải đánh điện xuống mặt đất.

Phụ lái Đa-khe ngồi bên cạnh biết rõ nỗi lòng của phi công lão luyện I-a-cốp, nhất là khi anh thấy chiếc máy bay bắt đầu lượn vòng và từ từ hạ thấp dần xuống.

Nhiên liệu mỗi lúc một cạn dần, nhìn đồng hồ Đa-khe cũng thấy giật mình và cảm thấy I-a-cốp quả là bình tĩnh thật!

Còn cách mặt đất năm trăm rồi ba trăm mét, nhìn xuống dưới, Đa-khe đã nom rõ từng lùm cây, từng mỏm núi xanh rì đang vun vút chạy lùi lại phía sau. Máy bay vẫn xuống thấp dần, thấp dần...

Một trăm mét... rồi năm mươi mét.

Đối với phi công, cái khoảng cách cuối cùng trước khi cho bánh máy bay chạm xuống mặt phẳng đường băng là vô cùng quan trọng vì chỉ cần sơ ý một chút, máy bay có thể lật đổ nghiêng đi và bốc cháy. Trên sân bay, biết bao nhiêu tai nạn đã xảy ra ở cái “khoảng cách cuối cùng” này. Huống hồ là ở đây, không phải sân bay bằng phẳng mà là một nơi xa lạ, có thể là chưa hề có bóng người đặt chân tới...

Tim Đa-khe đập thình thịch. Bỗng anh cảm thấy hơi bị xóc nhẹ: anh mỉm cười biết ngay là bánh máy bay đã chạm mặt đất. Tốc độ máy bay giảm dần, giảm dần... Nhưng đột nhiên có rặng núi án ngữ phía trước, Đa-khe giật bắn người lên. Với tốc độ hiện tại, dù rõ ràng đang được giảm dần nhưng chắc chắn máy bay vẫn bị húc vào núi vỡ tan tành... Anh nhắm mắt lại và tự nhiên cảm thấy người hơi bị xô nghiêng đi trong giây lát. Không một tín hiệu hướng dẫn, với địa thế bất lợi I-a-cốp đã cho máy bay hạ cánh an toàn xuống một bãi phẳng không rộng lắm. Khi Đa-khe mở mắt ra thì chiếc máy bay đã đổ hẳn, I-a-cốp mở cửa máy bay, cởi mũ ra, hít mấy hơi

dài. Anh phụ lái biết rõ phi công I-a-cốp vừa trải qua những giây phút căng thẳng. Thở hít xong vài cái, I-a-cốp ra lệnh cho người phụ trách điện đài:

- Pê-chi-a! Liên lạc gấp để xin nhiên liệu chứ chẳng lẽ chúng ta cứ bị “giam giữ” mãi ở đây?

Sau đó I-a-cốp cùng với Đa-khe đi lảng vảng quanh đó để tìm chỗ thuận tiện cho máy bay cất cánh nếu có nhiên liệu gửi tới...

Thế là cái “Vùng trời ma” này có vấn đề gì đây: Dĩ nhiên không phải chuyện ma quỷ rồi! Phải gặp Éc Lây-xtơ mới được! Trước hết là thăm anh ta, sau nữa là phải đưa cái “Vùng trời ma” ra mà hỏi anh ấy mới được. Bây giờ hẳn Éc Lây-xtơ đã là một nhà địa chất cừ rồi. Đối với anh ta, thì bất cứ chuyện gì trên trời của mình, anh ấy vẫn có thể kéo xuống đất được! Rất có thể rồi “vùng trời ma” này cũng như vậy mà thôi!

*

Đầu tro tàn ở điều thuốc lá lúc này dài đã tới hơn một xăng-ti-mét... Mặc cho làn khói thuốc từ từ uốn éo bốc lên, Éc Lây-xtơ vẫn chăm chú nghe bạn kể chuyện về hiện tượng lệch hướng của kim địa bàn mỗi khi máy bay bay qua vùng trời Cuốc-xơ.

Câu chuyện mỗi lúc một trở nên hấp dẫn hơn. Hình như để cho câu chuyện vừa rồi là chuyện thật hoàn toàn I-a-cốp nói:

- Hẳn anh còn nhớ Vi-xcốp, Xu-ma-lin Xu-tô-lép... hồi học ở trung học chứ? Tất cả cánh phi công chúng tôi mỗi lần bay qua vùng này đều thấy hiện tượng đó cả. Vậy đó là cái gì?

Éc Lây-xtơ chậm rãi nói:

- Theo danh từ chuyên môn của các nhà địa chất chúng tôi thì gọi hiện tượng đó là sự khác thường về từ.

Cầm điều thuốc lá trên tay, khẽ gạt cái tàn đi Éc Lây-xtơ rít một hơi rồi nói:

- Tôi không nói thì hẳn anh cũng biết: Sở dĩ kim nam châm trong địa bàn luôn luôn chỉ về hướng Bắc ấy là vì bản thân trái đất chúng đang sống đây, chẳng qua cũng chỉ là một cục nam châm khổng lồ mà Bắc cực và Nam cực chính là hai cực của cục Nam châm khổng lồ đó. Còn nếu như trong lòng đất có một mỏ quặng nào đó có từ tính, thì tức thời kim địa bàn ở đó sẽ bị khối “Nam châm” của mỏ làm cho lệch hướng đi. Kể ra cũng dễ hiểu thôi!

I-a-cốp vội hỏi:

- Thế ra anh cho rằng vùng Cuốc-xơ ấy có một chỗ quặng từ tính?

- Đúng! Éc Lây-xơ đáp - Rất có thể như vậy. Thế hôm đó, anh có gặp một chàng chần cừ nào tên là Ma-nhút không?

- Chẳng gặp một ai cả - I-a-cốp nhăn mặt lại nói - chúng tôi phải một đêm và gần một ngày bị rét run cả người và đói nữa. Cái trò đã đói thì lại càng rét. Mãi quá trưa ngày hôm sau mới cất cánh được! Thật là khóc dở... mếu dở.

Éc Lây-xơ cười:

- Khi nào anh khóc thì có nghĩa là tôi cười đấy!

I-a-cốp ngây người ra không hiểu.

- Thật đấy mà! Éc Lây-xơ giải thích cho bạn rõ - Gặp hiện tượng kim địa bàn bị lệch hướng, trong khi các phi công, các nhà du lịch hoặc thám hiểm lúng túng vì lạc đường hoặc gặp nguy hiểm thì những nhà địa chất chúng tôi lại vui mừng vì biết rằng rất có thể đó là cửa ngõ của một kho tàng quý giá.

I-a-cốp lại hỏi:

- Nay, thế sao anh lại bảo tôi là gặp cái anh chàng chần cừ Ma-nhút nào?

Éc Lây-xơ cười:

- Tại anh cứ mãi chuyện trên trời nên không biết chuyện dưới đất đây thôi. Thế này nhé! Ngày xưa đã lâu lắm rồi, có một anh chàng chần cừ tên là Ma-nhút, những lúc lùa đàn cừ đi ăn trên núi, anh ta thường chống một chiếc gậy đầu bịt sắt. Một hôm, tình cờ anh ta thọc gậy vào một tảng đá và lạ chưa, Ma-nhút không nhấc lên được. Thì ra tảng đá ấy đã dính chặt lấy đầu gậy. Anh ta hoảng quá, kêu cứu ầm lên. Dĩ nhiên cuối cùng, Ma-nhút cũng gỡ được gậy ra. Còn cái tảng đá kỳ lạ kia rơi vào tay một nhà địa chất, nhà khoa học này phát hiện ra tảng đá này chính là một loại quặng sắt mới. Nhà địa chất nọ lấy ngay tên của anh chần cừ này đặt cho loại quặng mới đó là Ma-nhê-tít.

I-a-cốp cười:

- À, ra thế!

Trước sau, tôi cũng sẽ đến vùng Cuốc-xơ, dĩ nhiên anh sẽ giúp tôi trong việc này! - Éc Lây-xtơ nói.

Sau đó hai người đứng dậy và lại gần tấm bản đồ. I-a-cốp vẽ khoanh vùng Cuốc-xơ lại và bảo:

- “Vùng trời ma” đây! Rồi tôi sẽ đưa anh đến tận nơi để tìm hiểu nó.

Éc Lây-xtơ thấy vùng này rộng tới 203.000 hec-ta, nằm ở giữa nước Nga, trong miền đất gần biên giới U-crai-na. Miền này vốn có nghề dệt, nghề thuộc da, làm lông thú. Nếu tìm ra được mỏ sắt thì hẳn sẽ được nâng lên một vị trí công nghiệp quan trọng ở nước Nga.

Ngọn núi trước mặt tuy không cao lắm nhưng nom sừng sững như một người khổng lồ uy nghi đang phóng tầm mắt về phía trước.

Éc Lây-xtơ khẽ đặt cái ba-lô xuống một tảng đá rồi trải tấm bản đồ ra nhìn. Lại một tảng quặng lóng lánh ánh kim loại nằm lẫn lóc dưới chân. Có thể nói là từ sáng đến giờ Éc Lây-xtơ mê mẩn cả người vì kho tàng tài nguyên bí mật này thật vô cùng phong phú. Anh nhặt tảng quặng lên, lấy kính lúp ra soi. Loại này hình thành từng khối, có màu đen sẫm. Anh lấy dao vạch mãi không được vì nó cứng quá. Nhìn bề ngoài thấy ánh kim loại rõ

rệt. Anh dí thử đầu dao vào thì thấy bị hút khá mạnh. Đúng loại ma-nhê-tít rồi!

Éc Lây-xtơ bước đi chậm rãi như sợ những dấu vết thiên nhiên vùng này bị xáo trộn đi. Cùng với một nhóm mấy người, Éc Lây-xtơ cho rằng họ có thể tạo thành một mạng lưới. Điều Éc Lây-xtơ lo nhất là không hiểu đến bao giờ, họ mới có thể khảo sát thăm dò sơ bộ dọc ngang được suốt cả một vùng rộng lớn này.

Hình như đã thành lệ, cứ cách vài trăm mét, mọi người lại dừng lại quan sát, đối chiếu với bản đồ. Không một điểm lộ của đất đá ở đây lại có thể lọt qua được con mắt của họ. Một điều khó khăn đã đến với mọi người là không thể dùng địa bàn để đo thể nằm của đá được.

- Làm cái nghề địa chất này phải trung thực! Éc Lây-xtơ lấy búa đập một tảng đá lấy quặng ra vừa lấy kính lúp soi vừa nói với mọi người - Đừng bỏ sót một cái gì.

Những vẩy màu đỏ đập vào mắt Éc Lây-xtơ, nhìn bề ngoài thấy ánh kim loại, sờ vào thấy khô cứng. Rất có thể đây là loại E-ma-tít.

Éc Lây-xtơ lấy hóa chất ra thử kỳ xong, anh mới gói chỗ quặng đó lại viết ra ngoài ký hiệu Fe₂O₃. Anh sung sướng khi nghĩ tới hàm lượng chứa ở nó khá cao: tới 70% sắt.

Éc Lây-xtơ hầu như không bỏ sót một mẫu đá tầm thường nào. Anh gói ghém mẫu đá rất cẩn thận, đánh số, ghi phiếu rồi mới bỏ vào ba-lô. Anh thừa hiểu là những vật tầm thường này chính là những vật chứng rất cần cho lớp người sau để họ có thể nghiên cứu sâu hơn.

Tối nay dừng lại giữa rừng, Éc Lây-xtơ vừa rửa mặt mũi chân tay dưới suối xong, anh đã kiếm một tảng đá ngồi rồi treo đèn lên, anh tự tay ghi chép vào cuốn nhật ký địa chất. Không những ghi chép ngắn gọn nhưng đầy đủ, Éc Lây-xtơ còn vẽ lại tất cả những gì đã quan sát được trong ngày.

Bếp lửa cháy bùng bùng như xóa tan bóng đêm giá lạnh đang muốn bao trùm lên tất cả. Lều bạt đã căng xong. Éc Lây-xtơ cởi giầy ra ngồi bóp

chân. Anh đang nghĩ tới chặng đường đi ngày hôm sau. Anh cảm thấy hình như kho hàng châu báu này càng đi sâu vào càng thấy nhiều và hấp dẫn vô cùng. Éc Lây-xtơ thầm cảm ơn I-a-cốp: “giả như I-a-cốp, không gặp tai nạn ở “vùng trời ma” này thì làm sao ta có thể sống được những cảm giác sung sướng như bây giờ”.

Tối hôm đó một người trong đoàn có đưa cho Éc Lây-xtơ xem một gói đựng một loại quặng màu nâu, có vết vạch màu vàng nâu thành hình khối, ngoài có đề $Fe_2O_3 \cdot nH_2O$ - một loại hỗn hợp của nhiều chất, hàm lượng thường không cố định.

Phải làm sao đây để cuối cùng, với tấm bản đồ địa chất của mình, những người khác có thể đi tìm mỏ được dễ dàng hơn. Có lẽ vì xuất phát từ ý nghĩ đó nên Éc Lây-xtơ tiên hành khảo sát khẩn trương nhưng vẫn làm rất cẩn thận.

Mấy ngày nay đội địa chất gần cạn hết lương thực, nồi xúp cứ mỗi ngày một loãng ra, lát phó mát cuối cùng và mỡ muối đã dùng hết từ bữa tối hôm kia. Trong đội địa chất của Éc Lây-xtơ có một cây súng săn, nhưng kết quả săn bắn cũng thất thường.

Nếu không có tiếp tế thực phẩm thì chỉ một, hai hôm nữa, mọi người buộc phải quay về.

- Này các bạn! - Chúng ta hãy cố đi thêm lấy một ngày nữa! Éc Lây-xtơ làm bộ như hít hít mãi - Tôi cảm thấy hình như phía trong núi có mùi thịt gà quay tơi!

Dĩ nhiên chẳng ai tin là trong núi lại có một khách sạn loại sang cả, nhưng lòng say mê nghiên cứu của trưởng đoàn Éc Lây-xtơ đã truyền sang họ từ lúc nào.

Sáng nay mọi người gặp một dòng suối ngầm, nước bị ứ lại, dồn lên mặt đất. Éc Lây-xtơ nói:

- Nếu như ở đây có mỏ muối ăn hay brôm, i-ốt hoặc ka-li, ma-nhê thì người ta chỉ việc dùng bơm hút lên, rồi đem chưng cất là được những chất

khoáng đó.

Một người khác nói chêm vào:

- Nếu là suối nước khoáng chữa bệnh thì ở đây sẽ mọc lên những ngôi nhà an dưỡng và nước sẽ được đóng chai đem bán.

Lúc này Éc Lây-xtơ đang chú ý tới đám ngải cứu có màu vàng lục mọc ven suối. Phải chăng đây là một tín hiệu báo cho Éc Lây-xtơ biết dưới lòng đất có sắt?

- Rất có thể dưới đất có sắt!

Éc Lây-xtơ giải thích cho mọi người biết rõ, cây cối thường vẫn hút những lượng chất khoáng trong đất. Thức ăn của cây, ngoài ô-xy và hy-đrô ra, thường còn có ni-tơ, sắt, ka-li, bạc, phốt-pho...

Mọi người chăm chú nghe một cách lý thú khi thấy Éc Lây-xtơ cho biết trong hạt ngô có chứa vàng, trong một ki-lô-gram quả thông có chứa 10 mi-li-gram vàng, trong tàn thuốc lá cũng có nguyên tố li-ti. Nhờ phân tích tro mà người Mỹ đã tìm ra được mỏ u-ran. Éc Lây-xtơ nói:

- Ở Trung Quốc, các nhà địa chất rất chú ý tới một rừng cây hương nhu và ở dưới chỗ đất đó, có thể có mỏ đồng; nơi nào có cây sa tiền thảo thì ở dưới có thể có mỏ kẽm.

Chợt có tiếng reo lên:

- Có một mỏ... thối đây rồi!

Thì ra tay súng trong đội địa chất, trong lúc lòng sục đi săn đã gặp được một gia đình thổ dân ở đây và hỏi mua được một con gà và ít ngô.

Trong lúc mọi người sung sướng bắt tay vào việc chuẩn bị một bữa ăn thịnh soạn sau một ngày đói thì Éc Lây-xtơ cứ bám sát lấy ông cụ chủ nhà. Theo lời ông cụ kể thì ở vùng này, ngày xưa có một ông thần khổng lồ có sức khỏe phi thường. Có một năm, giặc giã tới quấy nhiễu, đi tới đâu chúng cướp bóc đốt phá tới đấy. Người khổng lồ thấy vậy bèn chiêu hồi quân lính và phát cho mỗi người một bộ áo giáp sắt mũ sắt rất nặng mà người thường

không mặc nổi. Gươm giáo quân lính dĩ nhiên cũng bằng sắt. Đoàn quân này đi đến đâu là tiếng sắt kêu loảng xoảng tới đó. Trong trận đấu, những chiến sĩ mặc giáp sắt này đã chiến thắng vẻ vang vì quân thù có bắn trúng thì tên cũng rụng xuống, gươm chém không đứt, giáo đâm không thủng... Từ đó đoàn quân giáp sắt hễ đi đến đâu, quân giặc chỉ nghe thấy tiếng loảng xoảng đã bỏ chạy tán loạn.

Người anh hùng khổng lồ mặc giáp sắt, sau khi đánh tan quân giặc, đã về an nghỉ ở đây.

Theo vết tay chỉ của ông lão. Éc Lây-xtơ nhận ra một trái núi nhỏ nom hình tựa tựa một người nằm dài trên mặt đất.

Ông lão lại kể tiếp:

- Vào những đêm mưa to gió lớn, người khổng lồ giáp sắt lại trở về vùng này, tiếng gươm đao, tiếng giáp sắt đập vào nhau loảng xoảng...

Éc Lây-xtơ hầu như không bỏ sót một chi tiết nào trong câu chuyện này cả.

Trong bữa ăn, trao đổi với ông lão, Éc Lây-xtơ tin rằng, qua thực tế khảo sát và câu chuyện truyền thuyết vừa rồi, nhất định vùng này có khả năng có một mỏ sắt khá lớn.

Mới đi khảo sát vùng này nếu như Éc Lây-xtơ và đội địa chất không đụng phải, chỗ thì ma-nê-tít, chỗ thì e-ma-tít, chỗ thì li-mê-nít hoặc xi-đê-rít thì câu chuyện người anh hùng khổng lồ mặc giáp sắt kia cũng bị lãng quên đi. Nhưng ở đây rõ ràng có “một anh hùng khổng lồ” thật sự.

Mỗi lần bay về Mát-xơ-va, I-a-cốp đều ghé lại thăm Éc Lây-xtơ nhưng đến hơn một năm nay, anh không hề gặp bạn ở nhà.

Vào ngôi trong căn phòng làm việc của Éc Lây-xtơ, I-a-cốp chỉ thấy toàn những đá, những quặng... có thứ óng ánh rất đẹp, có thứ đen xì hoặc xám xịt. Đặc biệt có một số loại quặng I-a-cốp nom thấy quen quen hình như mình đã nhìn thấy ở đâu một đôi lần thì phải. Có loại hình hạt; hình

trứng cá, lấp lánh như thủy tinh, có loại quặng lại có lẫn hình vẩy cá màu đỏ như gan lợn, có loại sáng như gương.

Bên cạnh những mẫu đá đó là những gói, những bọc to bọc giấy ngoài ghi những ký hiệu hóa học và ngày tháng. Chỉ nhìn những ngày tháng liên tục ghi trên những bọc giấy đó, I-a-cốp biết ngay được nhịp độ làm việc rất khẩn trương của bạn.

Cạnh những mẫu đá, những bọc còn có những cây cỏ, những chai lọ đựng nước.

Một lần I-a-cốp đến nhà Éc Lây-xtơ thì thấy trên bàn có để lại một bức thư, I-a-cốp giở ra đọc thấy có câu:

“Hãy tìm mình ở Cuộc-xcơ, cuộc đời mình gắn bó với Cuộc-xcơ”.

*

I-a-cốp chọn mua một bó hoa tươi, vào ngày tết, hoa bao giờ cũng đắt và mua cũng khó nhưng rồi cuối cùng I-a-cốp cũng mua được. Anh vui vẻ tới nhà Éc Lây-xtơ hy vọng hẳn anh bạn này, dù có đi đâu thì ngày tết cũng về sum họp ở nhà nhưng không, Éc Lây-xtơ vẫn vắng bóng.

I-a-cốp sửa lại mấy bông hoa rồi cắm vào lọ. Anh ngồi thần thờ, lấy thuốc lá ra hút. Ngồi nghĩ lại, tự nhiên anh thấy giật mình: “Hừ, lại hóa ra mình làm khổ cả cuộc đời anh ấy! Giá như mình không kể cho Éc Lây-xtơ nghe về “Vùng trời ma” nhỉ.

Nhưng rồi I-a-cốp lại tự an ủi mình: “Dù không có mình thì rồi trước sau Éc Lây-xtơ cũng tìm ra vùng Cuộc-xcơ. Một nhà khoa học đã có lòng say mê như vậy thì dù gặp trở ngại mấy, anh ta vẫn có thể vượt qua được”.

Ngọn đèn ngoài đường bắt qua tấm cửa kính, đủ để Éc Lây-xtơ đọc rõ những dòng chữ viết trong thư “Cuộc đời mình gắn bó với Cuộc-xcơ.

Éc Lây-xtơ lững thững đi, lòng nặng trĩu buồn. Ông lê gót giầy bước uể oải, khiến người đi đường nếu có ai tinh ý cũng dễ nhận ra Éc Lây-xtơ là một người chán đời.

Những cây bạch dương cao lớn, trắng đốm như bạc ngày thường vươn lên hùng vĩ là thế mà giờ nom mới ủ rũ, buồn rầu làm sao!

Dòng sông Nê-va kia rồi, nước sông lấp lánh như những cái vẩy cá bạc, giờ đây mất hẳn vẻ hấp dẫn mọi ngày. Éc Lây-xtơ cảm thấy những đợt sóng nhỏ như đang cố chôn vùi những kỷ niệm, những hoài bão, mơ ước của con người.

Éc Lây-xtơ tìm một gốc cây to hơi khuất, đứng tựa lưng vào đó, quay người ra phía bờ sông, lặng ngắm từng đợt sóng xô vào bờ.

Tổ quốc Nga thân yêu!

Mãi lúc này Éc Lây-xtơ mới hiểu ra: dưới triều đại của Nga hoàng, muốn yêu nước Nga đã khó, muốn làm giàu cho đất nước Nga lại càng khó hơn. Éc Lây-xtơ sờ tay vào túi định tìm bao thuốc lá. Chợt ông nhớ ra thuốc lá cũng đã hết từ sáng hôm nay. Tuy vậy Éc Lây-xtơ vẫn lần tay vào túi áo trong hy vọng may ra có thể tìm được một chút gì đấy! Mấy cô-pêch chẳng hạn, hay vỏ bao thuốc, may ra còn sót lại một dúm sợi rời ra. A, đây rồi, một mẫu thuốc lá cong queo nằm ở đáy túi lọt vào tận lần áo lót trong. Ôi! Có được một mẫu thuốc lá lúc này, thật là đáng quý biết bao! Éc Lây-xtơ đưa mẫu thuốc lá lên miệng, sờ vào túi quần ông mới biết là diêm cũng đã hết sạch. Biết xin lửa ai bây giờ?

Vào những ngày hội lớn như thế này, ai là người lại lững thững đi ra bờ sông như mình. Trên đường phố lúc này quả là đông người. Thật, đèn thấp sáng trưng, xe cộ đi lại nườm nượp như nước chảy. Ngay từ chập tối, hàng đoàn xe ngựa lộng lẫy tấp nập hướng về phía cung điện Nga hoàng. Nghe nói, theo như tục lệ hàng năm, đêm nay Nga hoàng lại tổ chức chiêu đãi các sứ quân, các nhà ngoại giao và các vị khách quý nước ngoài hiện đang ở thăm nước Nga. Những hòm rượu vang loại quý, những hộp xì gà loại thượng hảo hạng, những chiếc thảm nhung loại đắt tiền đã được chở đến hoàng cung từ tháng trước.

Bất giác Éc Lây-xtơ thở dài. Dù sao thì mình cũng phải cần có một tí lửa lúc này. Éc Lây-xtơ vừa quay ra, cũng đúng lúc một cỗ xe ngựa chạy tới

đó, ánh sáng ở ngọn đèn cầm trên xa vừa đủ lướt qua vào mặt Éc Lây-xtơ.

- Éc Lây-xtơ!

Trên xe có tiếng người gọi rồi thoát một cái, cỗ xe chưa kịp đỗ hẳn, thì một bóng người cao lớn đã nhảy vọt từ trên xe xuống.

Éc Lây-xtơ còn đang bỡ ngỡ thì người cao lớn đã lại gần ông, cầm lấy ta nói:

- Trời, anh đi đâu mà để tôi mất công đi tìm hết hơi.

- À, I-a-cốp! Éc Lây-xtơ nhận ra bạn, khẽ mỉm cười đáp - Mình vẫn có thói quen hễ buồn là lững thững ra bờ sông chơi. Nay, anh đi đâu bây giờ mà lại ăn mặc sang trọng thế này!

id="calibre_pb_13">>

- Anh có biết tại sao tôi lại ăn mặc khác thường như thế này không? Có gì đâu: tối nay có giấy mời đi dự tiệc trong hoàng cung. Có lẽ nói thế này thì đúng hơn và cũng chính xác hơn: có một cặp vợ chồng một vị bá tước nọ; dĩ nhiên có quen tôi trong những chuyến bay ra nước ngoài, không hiểu vì lý do gì mà tối nay họ có giấy mời mà lại không đi dự dạ hội ở hoàng cung. Do đó tôi với anh sẽ là người thay thế họ.

Éc Lây-xtơ ngạc nhiên hỏi lại:

- Trời! Chúng lại phải đóng vai những vị bá tước? Mà tôi thì đâu có quen đóng những vai quan trọng đó.

Rồi nhìn vào bộ quần áo mình, Éc Lây-xtơ như dấy nảy lên:

- Nhất là tôi lại ăn mặc xuềnh xoàng thế này?

- Anh cứ yên trí! - I-a-cốp khẽ rỉ tai bạn nói - Chỉ cốt là qua được vụng gác của bọn cảnh vệ bên ngoài thôi. Khách tứ phương đêm nay, thiếu gì người. Các chính khách, các nhà ngoại giao Đức, Pháp, Anh, Ba Lan... Vào tới cung điện rồi chúng ta vẫn cứ là chúng ta. Anh: một nhà khoa học tạm thời gọi là thất thế. Tôi: phi công I-a-cốp vẫn hàng ngày bay trên bầu

trời này, chẳng lẽ chúng ta lại không xứng đáng hơn những vị bá tước hay sao?

- Còn quần áo, anh đừng lo. Ăn mặc như anh mới đúng là nhà khoa học thất thế!

Éc Lây-xtơ vẫn chưa hết ngạc nhiên:

- Anh nghĩ ngợi thế nào mà tự dưng đêm nay lại dắt tôi vào chốn cung điện này?

- Tôi có chủ bụng cả đấy! - I-a-cốp nói - Trong buổi dạ hội này, biết đâu anh chẳng may mắn gặp được Nga hoàng hoặc một vị bộ trưởng nào đó trong chính phủ và sau đó anh trình bày kế hoạch thăm dò vùng tài nguyên vô cùng giàu có của Tổ quốc ta.

- À! Ra thế! Anh thật là cao kiến! Éc Lây-xtơ nắm lấy tay bạn - Thú thật tôi chẳng bao giờ nghĩ ra được điều này!

Vừa lúc đó, cỗ xe ngựa đỗ xích ngay bên cạnh đường. I-a-cốp móc túi lấy tiền trả người đánh xe. Trước cửa cung điện, đèn thắp sáng trưng, xe cộ đỗ thẳng hàng dài suốt một góc quảng trường rộng. Các vị khách quý tấp nập kéo nhau vào.

Chưa chi I-a-cốp đã dặn bạn:

- Nay anh phải bình tĩnh nhé!

Thú thật từ lúc xuống xe, Éc Lây-xtơ đã cảm thấy lúng túng mỗi khi nhìn những bộ quần áo sang trọng rồi lại nghĩ đến bộ quần áo mình đang mặc trên người. Và lúc này, Éc Lây-xtơ cũng quên phắt cả mẫu thuốc lá còn sót trong túi nữa.

I-a-cốp khẽ vuốt lại mái tóc rồi khoác tay bạn nhập cùng với dòng người từ từ đi vào cung điện. Mùi phấn, mùi nước hoa sực nức. Đi gần tên lính cận vệ mặc lễ phục mới tinh, bông súng lười lê sáng loáng, tim Éc Lây-xtơ cứ đập thình thịch. May mà vào được đến đây, chẳng thấy một ai hỏi giấy tờ gì cả.

Lần đầu bước chân vào cung điện, Éc Lây-xơ thấy rợn ngợp cả người trước vẻ lộng lẫy của nó. Đèn thấp sáng trưng. Bàn tiệc đã bày sẵn từ lúc nào. Đưa mắt nhìn qua những món ăn bày la liệt, chật ních bàn, có nhiều món quả thật Éc Lây-xơ không nhận ra là món gì. Xì gà, rượu ở đây toàn một loại hảo hạng đắt tiền. Xì gà: đúng loại Ha-ba-na của Cu-ba. Éc Lây-xơ cảm thấy chỉ cần bữa tiệc này, nhà vua bỏ bớt đi một phần ba số tiền cũng đủ chi phí cho công trình địa chất của mình.

- Ta nên ngồi ở đây thôi! I-a-cốp kéo Éc Lây-xơ ngồi vào một cái bàn còn vắng khách.

Éc Lây-xơ tuân theo lời bạn như một cái máy và không hiểu sao, ông cứ có cảm giác như tất cả những người khách có mặt ở đây đều chú ý nhìn ông.

Éc Lây-xơ khẽ hỏi bạn:

- Đây I-a-cốp, thế nhà vua ngồi ở chỗ nào?

I-a-cốp chỉ vào phía đằng xa nói:

- Đức hoàng đến, ngài ngồi tận mãi tới đằng kia cơ! Nhưng rất có thể, lát nữa, ngài đi chúc mọi người.

Lúc này, khách kéo vào đông nườm nượp. Mấy dãy bàn xung quanh đã chật ních những người là người. Vừa lúc ấy có mấy người khách ngồi xuống bàn của Éc Lây-xơ. I-a-cốp lần lượt giới thiệu mình rồi đến Éc Lây-xơ, ông nói rất tự nhiên:

- Đây là giáo sư Éc Lây-xơ, một nhà khoa học, người Mát-xơ-va.

Mọi người bắt tay nhau, cười nói vui vẻ. Nghe mấy người khách ngồi ở dãy bàn phía sau trao đổi, Éc Lây-xơ đoán chừng họ là người Đức, có lẽ đây là một số nhân viên ngoại giao. Hình như cứ mỗi lần nghe I-a-cốp giới thiệu Éc Lây-xơ với một người khách quen nào đó, thì trong đoàn nhân viên Đức này, có một người vẫn chăm chú nhìn Éc Lây-xơ.

Chính Éc Lây-xơ cũng cảm thấy điều này. Rất có thể người đó thấy mình ăn mặc xuềnh xoàng khác hẳn những vị khách tới dự dạ hội. Nghĩ lại

Éc Lây-xơ thấy hơi giận I-a-cốp.

Mọi người chạm cốc, chúc mừng nhau. Chính Éc Lây-xơ cũng không nhớ là nhà vua tới cung điện từ lúc nào.

I-a-cốp uống cạn một cốc rượu rồi nói với người ngồi cạnh:

- Ông có tin là cuộc đời người ta có số không? Số đỏ, số đen... sao lại không có nhỉ?

Rồi I-a-cốp chỉ vào Éc Lây-xơ nói với mọi người:

- Như anh bạn tôi đây. Có thể nói là anh ấy đã bỏ gần hết cuộc đời mình để dồn hết tâm lực vào nghiên cứu công phu cả một vùng tài nguyên vô cùng giàu có của nước Nga... Ấy thế mà, cho đến nay, nhà vua hẳn còn bận nhiều việc quốc sự khác hệ trọng hơn. Thế là kế hoạch của anh ấy bị gác sang một bên. Bao nhiêu tài liệu khoa học quý báu đều bị xếp xó.

Nếu như kế hoạch đó được thực hiện... hẳn nước Nga của chúng ta sẽ trở nên cường thịnh và tiếng tăm của giáo sư Éc Lây-xơ sẽ vang đi khắp mọi nơi trên đất nước Nga này. Nhưng tiếc thay vận đỏ chưa đến, nào hồi “con sư tử nằm yên” chúng ta hãy chạm cốc chúc tương lai của anh.

Éc Lây-xơ luống cuống dơ cốc rượu lên và ông thấy tay I-a-cốp hơi run run. Có lẽ anh ta say, Éc Lây-xơ đâm ra lúng túng. Uống xong một hợp rượu ông cảm thấy mặt mình đỏ bừng lên, hai tai nóng dừ.

Thình thoảng trong cung lại vang lên tiếng vỗ tay, tiếng “hu-ra” nhưng I-a-cốp chờ mãi vẫn chẳng thấy nhà vua đi lại phía mình, thậm chí cũng chẳng thấy một vị cận thần hay một vị bộ trưởng nào đó trong chính phủ tới đây cả.

Bữa tiệc sắp tàn, Éc Lây-xơ thấy một nhân viên người Đức ngồi xoay ghế lại, lấy thuốc lá ra mời ông và I-a-cốp. Người này nói:

- Rất hân hạnh được làm quen với phi công lỗi lạc I-a-cốp và nhà khoa học xuất sắc Nga Éc Lây-xơ.

Éc Lây-xơ lúng túng vì những lời tâng bốc ông.

Vừa lúc đó, mọi người nhất tề đứng dậy ra về. Người nhân viên Đức chỉ kịp hỏi địa chỉ hai người rồi cùng nhập bọn với đoàn ngoại giao Đức bước lên xe.

Bữa tiệc đêm qua coi như không đem lại kết quả gì cho Éc Lây-xtơ cả.

Sáng nay, trời lại mưa tầm tã, bầu trời Pê-téc-bua xám xịt y như tâm trạng u uất của Éc Lây-xtơ vậy. Mưa này, còn có ai thích gì ra khỏi nhà nữa.

Éc Lây-xtơ ngồi hút thuốc, nhìn ra ngoài cửa sổ buồn bã trông cảnh mưa rơi. Vừa lúc đó có tiếng xe ngựa lăn trên đường. Hình như cỗ xe xích đồ gần đâu đây rồi lại chuyển bánh đi ngay. Cỗ xe bịt mũi kín mít vừa lao vút qua thì chỉ một lát sau, có tiếng gõ cửa nhẹ nhẹ. Éc Lây-xtơ vừa thấy thấp thoáng ngoài cửa một bóng người che kín mặt, tùm hụp trong một chiếc áo mưa rộng lưng thùng.

- Xin mời vào!

Éc Lây-xtơ thấy bước vào một bóng người quen quen đang vừa cởi áo mưa vừa cười với mình.

- Chào nhà khoa học Éc Lây-xtơ, chẳng lẽ ông lại không nhận được ra tôi hay sao?

Chờ cho người đó cởi hẳn áo ra, Éc Lây-xtơ với nhớ lại đúng tay người Đức tối qua dự tiệc có mời mình và I-a-cốp hút thuốc lá. Éc Lây-xtơ cười, chìa tay ra:

- Chào ông bạn người Đức.

Người Đức ngồi xuống ghế rồi mới tự giới thiệu với Éc Lây-xtơ:

- Tên tôi là Pê-te, hiện nay làm tùy viên kinh tế ở đại sứ quán Đức. Tôi vốn là một người bạn đồng nghiệp của ông.

Éc Lây-xtơ hỏi:

- Thế ra ông cũng là một nhà khoa học?

Pê-te gật đầu:

- Đúng vậy! Tôi sẽ rất sung sướng nếu được kết bạn với ông?

Éc Lây-xơ cười:

- Theo tôi có lẽ cũng chẳng có gì là khó khăn cả.

- Chà! Nếu vậy thì tốt quá! - Pê-te vừa nói vừa đưa mắt nhìn ra khắp nhà. Thấy đám đồ đạc cũ và phòng tiếp khách cũng như nơi làm việc chật chội của Éc Lây-xơ, Pê-te gật gù nói:

- Trong hoàn cảnh thiếu phương tiện như thế này mà giáo sư vẫn làm việc sáng tạo được thì quả là giỏi thật!

Éc Lây-xơ cười:

- Dù sao thì trong phòng làm việc của tôi còn có sách vở tra cứu, kính hiển vi và một số phương tiện khác, chứ những lúc tôi sống lang thang trong rừng rông rã hàng tháng với một cái ba-lô, một cái búa địa chất kiêm cả gậy chống thế mà tôi làm việc vẫn say sưa, có ngày quên cả ăn. Tôi đã nghiệm ra rằng: một nhà khoa học nếu không có lòng say mê, mơ ước thì không thể nào đi tới thành công được.

- Đúng vậy! - Pê-te nói - Tôi biết giáo sư rất say mê thế mà sao cuộc đời vẫn cứ... thế nào ấy.

Éc Lây-xơ thở dài:

- Nga hoàng đâu có đoái hoài tới những tài liệu quý giá của tôi.

- Ừ nhỉ! - Pê-te nói - một giáo sư dù có tài năng mấy cũng không sao có thể cho dựng hàng trăm mũi khoan trên một vùng đất đai rộng lớn được.

Éc Lây-xơ hơi sửng sốt:

- Thế ra ông cũng biết công việc nghiên cứu của tôi?

- Biết chứ! - Pê-te cười - Thì lúc nãy tôi chẳng nói với giáo sư: tôi vốn là bạn đồng nghiệp của ông! Ở nước Đức, chúng tôi rất quý trọng các nhà khoa học. Có lẽ tôi chẳng cần phải nêu tên một số nhà khoa học nổi tiếng của đất nước Đức chúng tôi ra đây làm gì. Nói chung, họ đều có phòng thí nghiệm riêng để làm việc. Chỉ phải cái nước Đức chúng tôi không rộng và

giàu tài nguyên như ở nước Nga các ông, thành thử tài liệu khoa học cũng không được dồi dào lắm!

Nói tới đây, Pê-te bất giác thở dài:

- Thế mà ở nước Nga lại có những tài liệu quý giá bị xếp xó. Lạ thật!

Éc Lây-xơ cũng chép miệng, thở dài theo:

- Có thể nói là tôi đã bỏ gần hết cuộc đời tôi để dày công nghiên cứu nên mới có được số tài liệu quý giá.

Pê-te nói:

- Thật đáng tiếc! Thú thật lần đầu tiên được gặp ông, tôi đã thấy chúng mình sẽ dễ dàng làm quen với nhau, vì là bạn đồng nghiệp. Nếu thật sự coi nhau là tình bạn, tôi muốn nói với ông một điều này, trước hết phải xin lỗi đã, nếu ông chưa hiểu hết lòng tôi. Tôi muốn tạo điều kiện để ông làm việc và được sống tốt hơn.

Nói tới đây, Pê-te rút trong túi ra một tấm séc trên đã đề rõ ràng tên: Éc Lây-xơ chìa ra:

- Ông có thể lĩnh tạm ở nhà băng năm vạn rúp để tiêu và mua phương tiện làm việc. Và dù sao một nhà khoa học cũng phải sống cho đỡ eo hẹp một chút chứ!

Éc Lây-xơ khẽ xoa tay:

- Cảm ơn ông. Tôi sống thế này cũng đủ rồi. Điều mong muốn của tôi lúc này không phải là tiền mà là được nom thấy những mũi khoan được dựng lên ở vùng đó. Có như vậy thì dù nhắm mắt tôi cũng vui lòng. Tôi muốn, rồi đây tại vùng đó sẽ mọc lên trung tâm khai thác quặng, những thành phố công nghiệp đồ sộ của nước Nga, một đất nước vô cùng giàu có và tươi đẹp của chúng tôi!

Mắt Éc Lây-xơ long lanh xúc động. Pê-te từ từ xé tấm séc vụn thành từng mảnh nhỏ.

Bầu không khí trong ngôi nhà tĩnh mịch của Éc Lây-xtơ phút chốc trở nên nặng nề ảm đạm. Pê-te nghe rõ cả tiếng ầm nước sôi.

Một lát sau, Pê-te mới nói giọng xót xa như một người có lỗi:

- Tôi rất mong giáo sư hiểu cho chuyện vặt vãnh vừa qua chỉ là xuất phát từ tấm lòng một người đồng nghiệp với giáo sư mà thôi. Chính vì sợ giáo sư hiểu lầm, nên tôi đã có lời xin lỗi trước rồi. Dĩ nhiên không bao giờ tôi lại có ý định mua tài liệu khoáng sản ở một nước khác? Nếu mua thì số tiền đã khác. Hơn nữa, chúng tôi mua để làm gì cơ chứ! Người Đức đâu có thể kéo nhau sang Nga để tìm quặng rồi khai thác quặng đưa về Đức được?

Éc Lây-xtơ gật đầu:

- Ông nói rất đúng! Có người nào điên rồ mới làm như vậy.

Pê-te nói:

- Giả sử vùng đất đai này nằm trên nước Đức thì chỗ tài liệu của ông dù có đắt gấp trăm lần chúng tôi vẫn có thể mua được.

Bỗng Pê-te cười:

- Chúng ta cứ mãi nói chuyện mãi, giáo sư quên cả mời tôi nước mà tôi cũng quên mất món tặng phẩm nhỏ này gửi tặng giáo sư.

- À nhỉ! Xin lỗi! - Éc Lây-xtơ cười - Chủ và khách cứ mãi chuyện mãi, ầm nước sôi từ bao giờ không biết.

Trong khi Éc Lây-xtơ rót nước mời khách thì khách lấy ra một bọc giấy đặt lên bàn, nói:

- Đây là món quà nhỏ của tôi tặng ông bạn đồng nghiệp.

Éc Lây-xtơ dỡ bọc giấy ra, đó là một tảng quặng sắt xi-đê-ri-tơ:

- Nhưng chỉ tiếc tay lượng sắt trong loại quặng sắt xi-đê-ri-tơ rất nghèo. Chỉ có 37,9% sắt. Ông bạn hãy xem đây.

Éc Lây-xtơ mở tủ lấy ra một tảng ma-nhê-tit có hình một cái đầu sư tử lông bờm xù lên rất đẹp, khiến Pê-te phải gật gù, xuýt xoa khen lấy khen để:

- Thứ quặng quý này, ông nhặt được ở đâu vậy? Nó có tới 72,4% sắt. Đó là thứ quặng luyện sắt tốt nhất.

Éc Lây-xơ đáp bằng giọng tự hào:

- Chỉ có trên nước Nga thôi!

Im lặng một lúc Pê-te rít xong điều thuốc lá chậm rãi nói:

- Nhưng đất nước Nga thật khó hiểu!

Éc Lây-xơ hỏi lại:

- Sao ông lại cho là khó hiểu?

Pê-te đáp:

- Có lẽ vì diện tích nước Nga rộng mênh mông, số lượng các nhà khoa học ở Nga lại không đông lắm, do đó chưa thể với tới được mọi vấn đề...

Éc Lây-xơ cười:

- Chắc hẳn ông chưa hiểu nước Nga, lại càng chưa hiểu các nhà khoa học Nga đấy thôi!

Pê-te gật gù đáp:

- Cũng có thể như vậy! Những nhà khoa học nước ngoài chúng tôi hễ có vấn đề gì đụng đến nước Nga là thấy như đụng phải một bức tường đá!

- Liệu ông có thể nói rõ hơn một chút được không?

- Lấy ví dụ ngay như vấn đề khoáng sản - Pê-te nói - Một số nhà địa lý, địa chất học ở nước chúng tôi đang muốn dựng một tấm bản đồ khoáng sản thế giới để tìm cho ra nguồn gốc, trữ lượng và mối liên quan giữa những kho tàng khoáng sản các nước trên thế giới nhưng mỗi lần đụng phải nước Nga là thấy khó khăn. Chẳng hạn như ở Anh, người ta biết rõ mỏ than tập trung ở vùng núi Pen-nin, ở miền Nam Uên-xơ và ở vùng đất thấp Trung Xcôt-len. Gần mỏ than có nhiều mỏ sắt lớn, rõ ràng có điều kiện tốt để xây dựng công nghiệp luyện kim nhưng chỉ tiếc là quặng sắt ở đây rất kém, chỉ chứa khoảng 30% sắt, mỏ lại gần cạn. Còn Pháp có Lo-ren là khu vực mỏ sắt lớn nhất và Pháp cũng đứng đầu Tây Âu về trữ lượng quặng sắt.

Ở Hoa-kỳ, những mỏ sắt súc tích đều nằm ở phía Bắc đồng bằng, sát biên giới Ca-na-đa. Tại châu Mỹ la-tinh, tiếng rằng giàu tài nguyên nhưng sắt thì chỉ có ở Cu-ba và Bra-xin mà thôi. Nói chung tất cả đã được xác định. Còn ở nước Nga thì vùng Cuốc-xơ vẫn là một cái dấu hỏi lớn.

- Dấu hỏi là thế nào? - Éc Lây-xơ hỏi lại - trong một tương lai không xa, Cuốc-xơ sẽ trở thành một trong những trung tâm công nghiệp quan trọng của nước Nga.

Pê-te cười:

- Ông nói thế nào đấy chứ! Ở Cuốc-xơ chúng tôi thấy núi rừng vẫn im hơi lặng tiếng.

- Im hơi lặng tiếng là thế nào? - Éc Lây-xơ ngắt lời Pê-te - Nếu như bản tường trình của tôi đệ lên Nga hoàng được tiếp nhận thì chính phủ Nga sẽ cho thăm dò và khai thác quặng sắt ở đó.

- Không đời nào! - Pê-te đáp - Bản tường trình đó, số phận nó như thế nào, tôi đã biết rồi. Nhiều cận thần và các viên chức cấp cao trong chính phủ các ông quen thân với các công ty nước ngoài. Họ cho rằng việc nước Nga bỏ tiền ra mua sắt thép của nước ngoài còn dễ dàng thuận tiện hơn là việc bỏ tiền ra để thăm dò, khai thác rồi luyện sắt thép ở ngay trên đất nước Nga này.

Éc Lây-xơ thờ dãi. Ông thật không ngờ Pê-te lại nắm trúng vấn đề đến thế!

Pê-te nói:

- Tóm lại thì chỗ tài liệu quý của ông đành xếp lại một chỗ, mặc cho bụi thời gian phủ lên trên từng lớp, từng lớp dày... Trong khi đó thì các nhà khoa học chúng tôi đang nghiên cứu dờ tới nước Nga thì mất một “mắt xích” sắt trong sợi dây xích sắt truyền đi khắp thế giới.

Éc Lây-xơ lặng yên không nói gì.

- Xin nói thật với ông! - Pê-te tiếp tục - Chỗ tài liệu của ông về vùng Cuốc-xơ có thể bị bỏ quên. Nếu ông có thể đóng góp vào công cuộc

ngiên cứu khoáng sản trên thế giới, vì sự nghiệp khoa học, chúng tôi tha thiết đề nghị ông trao chúng tôi cặp tài liệu đó. Ít ra, các nhà khoa học Đức sẽ ghi công ông ở đây.

Éc Lây-xtơ cười:

- Tôi có cần được ghi công đâu!

- Tôi biết! Chúng tôi rất biết các ông làm việc vì một sự nghiệp khoa học chung của nhân loại - Pê-te nói - Chúng tôi, cũng thế thôi! Tài nguyên của nước Nga nếu nó nằm trên bản đồ thì đối với chúng tôi, trước sau nó vẫn nằm trên giấy, chứ người Đức chúng tôi làm sao mò vào mà khai thác được.

Éc Lây-xtơ đáp:

- Tôi chưa thể trả lời ông ngay về vấn đề này được.

Pê-te nói:

- Tôi biết ông đã bỏ nhiều công sức vào đây. Chúng tôi sẽ đền bù lại thích đáng.

- Gần cả cuộc đời tôi... - Éc Lây-xtơ cười - đền bù thế nào được. Hiện giờ tôi sống không được dỗi dằn gì nhưng rất mong ông đừng xúc phạm đến tôi.

- Hay là thế này vậy...

Pê-te chưa nói hết câu thì Éc Lây-xtơ đã giơ tay nói:

- Vấn đề sẽ như thế này. Tôi vẫn tiếp tục tường trình lên Nga hoàng. Hai lần không xong thì ba, bốn lần...

Pê-te nói:

- Và nếu như, nhà vua vẫn khăng khăng không chịu đoái hoài tới...

Éc Lây-xtơ nói:

- Nếu quả đúng như vậy thì chỉ khi nào tôi sắp nhắm mắt...

Éc Lây-xơ đột nhiên ngừng lời. Câu chuyện của họ kết thúc một cách nặng nề.

*

Sau khi nhận được những tài liệu quý giá của Pê-te đưa từ Nga về Béc-lanh, Hen-ken, giám đốc công ty luyện kim Đôn-vai-xơ giao luôn “cặp tài liệu” của Éc Lây-xơ cho một số chuyên viên địa chất kiêm tình báo công nghiệp Đức.

Không đầy mấy hôm sau, Hen-ken đã nhận được một tấm bản đồ, chỉ cần nhìn qua màu sắc trên đó cũng dễ dàng nhận ra một mỏ quặng vô cùng lớn, chỗ nào là quặng ma-nhê-tit, chỗ nào là quặng ê-ma-tit, chỗ nào là li-mê-nit.

Hen-ken cầm lấy tập sẽ gửi ngân hàng đề sẵn tên người lĩnh: Pê-te. Hẳn ghi thêm hai con số không bào số tiền đã biên sẵn trên đó, để thưởng công cho Pê-te.

... Tấm bản đồ địa chất vùng Cuốc-xơ có một không hai của giáo sư Éc Lây-xơ lọt vào tay Pê-te không khó khăn lắm bằng những thủ đoạn gián điệp. Như thường lệ, một hôm Éc Lây-xơ mở tủ tìm tấm bản đồ thì nó không còn ở đấy nữa. Giáo sư hét lên một tiếng đau đớn và kinh hoàng. Những người xung quanh nghe thấy tiếng kêu phá cửa vào thì thấy Éc Lây-xơ đã tắt thở. Nỗi đau đớn không cùng cộng với những thất vọng triền miên hàng bao nhiêu năm nay đã dẫn ông đến cái chết.

Mấy hôm sau, Pê-te đã ung dung bước vào biệt thự của Hen-ken với tấm bản đồ trong tay.

Hen-ken ngồi vào bàn rót rượu ra cốc, uống một hơi. Cốc rượu có làm cho hắn hơn choáng váng nhưng lại gây một cảm giác ngây ngất dễ chịu khiến hắn trở nên mơ mộng. Hắn đi ngược lại lịch sử và nhớ tới đảo Xi-xin ở Nam Ý trước đây, có một thời là nơi duy nhất cung cấp lưu huỳnh cho thế giới. Nước nào cần đến thứ nguyên liệu hóa học này đều phải trao đổi, buôn bán với chính phủ Ý, chúng phủ Anh đã đưa cả một hạm đội vào vùng biển nước Ý, kéo cờ lên, nòng súng hướng thẳng vào bờ để buộc Ý

phải cung cấp lưu huỳnh cho Anh. Năm 1856, Bồ Đào Nha lại phát hiện ra mỏ pi-rít lưu huỳnh khá lớn, hạm đội cướp biển của Anh lại hung hãn kéo tới...

Ngày nay, những cái trò cướp biển trắng trợn này khó có thể thực hiện được. Giờ chỉ còn có cách bỏ vốn đầu tư vào nước Nga, kiểu như một số công ty tư bản Âu châu và Mỹ đã đầu tư kinh doanh vào các mỏ đồng của Chi-lê và mỏ dầu ở I-rắc. Hen-ken hy vọng làm được điều đó.

Hen-ken thú vị nhất là - qua lời Pê-te ngoài Éc Lây-xơ ra, ít người biết thật tường tận về vùng quặng sắt vô cùng giàu có ở Cuốc-xơ này. Do đó Hen-ken tin rằng nếu hãn đầu tư, hãn sẽ thu về được những món lãi kếch xù.

Hen-ken sung sướng mỉm cười đi đi lại lại trong phòng.

Cô thư ký riêng Vê-ra đã biết tính ông chủ: mỗi khi ông mỉm cười đi bách bộ trong phòng là lúc ông đang có niềm vui trong lòng, chớ có quấy rầy! Vê-ra nhẹ nhàng cầm quyển séc đã ký sẵn ra, xé lấy một tờ trao cho một người tên là Pê-te vừa ở Nga về. Nghe người kia tự giới thiệu là tùy viên kinh tế đại sứ quán Đức ở Pê-téc-bua nước Nga, Vê-ra chỉ mỉm cười âm ừ vì cô biết ông chủ Hen-ken của cô có hàng trăm loại “tùy viên kinh tế”, “tùy viên văn hóa”, “tùy viên quân sự” hoặc thương mại ở khắp các nước trên thế giới.

Mấy hôm sau tại cuộc chiêu đãi của viên sứ quán Nga ở Đức, trong số các quan khách tới dự, người ta thấy có mặt cả Hen-ken.

Tin Cách mạng tháng Mười Nga bùng nổ đối với Hen-ken như sét đánh ngang tai. Chưa bao giờ Hen-ken lại theo dõi tỉ mỉ một cuộc cách mạng ở nước ngoài đến thế! Chiến hạm rạng Đông nổ súng ra sao? Cung điện Mùa đông bị Hồng quân công nông chiếm lĩnh như thế nào?

Những tin tức chiến thắng dồn dập của nhân dân Nga làm cho Hen-ken tức tối điên đầu lên tưởng chừng như chính hãn đang bị cướp đoạt tài sản riêng vậy. Hễ mỗi lần nghe tin chính quyền Xô viết được thành lập ở bất cứ tỉnh nào, là hãn như đứt từng khúc ruột.

“Cặp tài liệu Éc Lây-xtơ” vẫn nằm kỹ trong két sắt!

Cuốc-xcơ thuộc về tay chính quyền công nông như vậy là “Cặp tài liệu Éc Lây-xtơ” đáng giá hàng triệu rúp hóa ra một mớ giấy lộn à?

Mà rất có thể thành giấy lộn lắm chứ! Chính quyền Xô viết đâu có cho phép bọn tư bản nước ngoài muốn tự do hoành hành trên đất nước Nga được!

Hen-ken ủ rũ cả người. Khi bỏ tiền ra mua “cặp tài liệu Éc Lây-xtơ”, Hen-ken vẫn được bạn bè khen là người có tầm nhìn xa. Nhưng giờ thì... hẳn họ sẽ cười vào mũi mình là ngu ngốc.

Hen-ken đánh diêm hút thuốc. Hẳn rít một hơi dài tưởng chừng điếu thuốc lá trong chốc lát sẽ cháy hết vì chấmlửa đỏ đang chạy dần vào phía trong điếu thuốc. Đầu óc Hen-ken rất lung. Bỗng hẳn khẽ “à” một tiếng rồi đứng dậy. Hẳn lẩm bẫm nói một mình:

- Thế mà mãi mình không nghĩ ra! Việc trước tiên là phải tìm Pê-te cái đã! Tất nhiên chỉ có hẳn mới hiểu được tình hình nước Nga thôi!

*

Tại trụ sở Bộ địa chất, mặc dầu hai cánh cửa nặng nề vẫn còn đóng im im nhưng đã thấy xuất hiện một số người đứng chực sẵn ở đấy. Ông già có, thanh niên có... cứ xem cách ăn mặc của họ, người ta cũng dễ dàng nhận ra đó là những người ở xa tới. Một ông cụ râu ria xồm xoàm đầu chụp một chiếc mũ lông to tướng, khác chiếc áo dài bộ đội cũ kỹ đã bạc màu; lưng đeo một cái túi vải. Thình thoảng ong lại ngược mắt nhìn vào tấm biển đồng đóng trên tường. Máy anh thanh niên thì ăn mặc như kiểu người chăn cừu, cũng đeo túi, chống gậy, lưng anh nào cũng đeo một túi đá, chân đi giày loại to.

Cánh cửa vừa hé mở, ông cụ đã bước vào hỏi anh thường trực:

- Này đồng chí! Đây là cơ quan tìm quặng của chính quyền Xô-viết do đồng chí Lê-nin lãnh đạo phải không?

Anh thường trực đáp:

- Vâng! Đây là Bộ địa chất! Bây giờ thì ở khắp nước Nga này chỉ có một chính quyền Xô-viết thôi!

Ông cụ lại hỏi:

- Thế đồng chí Lê-nin có ở đây không?

Anh thường trực lắc đầu:

- Đồng chí Lê-nin ở điện Cơ-rem-lanh chứ! Đây là Bộ địa chất cơ mà! Cháu đã bảo cụ rồi!

Ông cụ già tỏ ra sốt ruột:

- Này đồng chí, lão muốn gặp một đồng chí thượng cấp cao nhất ở đây.

Anh thường trực hỏi lại:

- Thế cụ hỏi về việc gì cơ chứ?

- Việc quan trọng lắm! Phải gặp đồng chí thượng cấp về tìm quặng mới được.

Vừa lúc đó, đồng chí Vụ trưởng Vụ kỹ thuật Bộ địa chất đi qua. Đồng chí ấy bèn nói với anh thường trực:

- Đồng chí I-va-nốp, bác cho mời cụ vào đây!

Ông cụ vừa nghe thấy vậy vội đi thẳng vào phòng đồng chí Vụ trưởng, không cần phải chờ I-va-nốp nữa. Câu đầu tiên ông cụ hỏi là:

- Đúng đồng chí là thượng cấp ở đây à?

Đồng chí Vụ trưởng cười:

- Có việc gì thế cụ? Cụ cứ cho biết đi!

Ông cụ bèn mở túi ra lấy một cái bọc, cởi bỏ mấy lần giẻ ở ngoài và đưa ra một tảng đá có chứa nhiều hạt óng ánh màu vàng:

- Thứ này lão nhặt được ở trên núi khi đi kiếm củi. Có phải là vàng không, đồng chí?

Đồng chí Vụ trưởng cầm lấy tảng đá xem xét kỹ, lấy chiếc kính lúp ra soi rồi nói:

- Không phải là vàng cụ ạ nhưng nó cũng thuộc vào loại kim loại quý đấy.

- Ủ, có thể chứ! - Ông lão gật gù - Trước khi đồng chí Lê-nin lên nắm quyền nhà nước, đã có một bọn đến vùng lão đi săn để tìm loại đá này. Họ đã tìm gặp lão, đưa một mẫu đá ra tựa tựa như thế này và bảo: Nếu chỉ đường cho họ tìm ra được thứ đá này thì họ sẽ thưởng cho rất nhiều tiền. Lão nghĩ bụng: “Đời nào mình lại trao thứ “vàng” này cho bọn giàu sang để chúng trở nên mỗi ngày một giàu có, đê đầu cười cổ bà con nhân dân lao động Nga à? Lão chờ cho đến bây giờ, chính quyền về tay giai cấp công nhân rồi, lão mới đem nộp cho Nhà nước.

- Rất cảm ơn cụ! - đồng chí Vụ trưởng hỏi - Thế cụ có biết quả núi có nhiều thứ đá này nằm ở đâu không?

- Ở quê lão, trên núi cao ấy! - ông lão đáp - Nhưng cả làng giờ chỉ có độc một mình lão là biết được nơi đó thôi. Bao giờ các đồng chí đi, lão sẽ chỉ đường. Nhưng phải mau mau lên, kéo lão chết mất thì không còn ai chỉ đường nữa.

Đồng chí Vụ trưởng cười, hỏi:

- Thế năm nay cụ bao nhiêu tuổi?

Ông cụ đáp:

- Lão đã sáu mươi năm.

Đồng chí Vụ trưởng cười:

- Thế thì cụ còn sống lâu, ít nhất cũng là bốn chục năm nữa. Thời đại sung sướng bây giờ, ai mà chẳng trẻ ra.

Sau đó, đồng chí Vụ trưởng cất kỹ tảng quặng lên một cái giá, đánh số cẩn thận và ghi chép tên tuổi, địa chỉ của ông lão vào một quyển sổ dày. Ông lão vừa ra thì mấy thanh niên khác ủa vào.

Một anh lấy trong túi ra một chai nước đặc sệt, màu đen đặt lên bàn và bảo:

- Báo cáo với đồng chí thượng cấp, trong lúc đi chặn cừu tôi thấy ở một khe núi vùng tôi lừa đàn cừu đi qua, có chảy ra một thứ nước người có mùi xăng, sờ tay thấy dính dính, châm lửa thì cháy, ngọn lửa có khói màu đen.

Đồng chí Vụ trưởng cầm cái chai nước lên giơ ra phía ánh sáng để soi thử thấy có màu lam.

Anh thanh niên nói:

- Tôi rỏ xuống nước thì nó nổi lên trên. Liệu có phải là ét-săng không, đồng chí?

- Một loại dầu mỏ! - Đồng chí Vụ trưởng gật gù nói - Chúng ta đang rất cần đến những loại này. Có dầu mỏ thì máy bay, ô tô, tàu bè và nhiều máy móc khác mới có nhiên liệu chạy máy chứ! Ngoài ra, từ dầu mỏ, người ta còn chế ra các loại sản phẩm khác nữa: nào là nhựa, thuốc nhuộm, nước hoa, thuốc chữa bệnh... tất cả tới hơn bảy trăm loại sản phẩm. Thế đồng chí lấy được thứ dầu mỏ này ở đâu?

Anh thanh niên chặn cừu, hơi đỏ mặt lúng túng đáp:

- Giờ có cho tôi quay lại vùng núi đó tôi mới nhớ được chứ tôi cũng chẳng biết ghi chép gì cả.

Đồng chí Vụ trưởng nhìn anh mỉm cười và dặn anh một số điều cần thiết khi tìm thấy quặng.

Buổi sáng hôm nay, đồng chí Vụ trưởng gần như dành ra để tiếp khách từ nhiều nơi trên nước Nga về đây: người thì đem tặng một tảng quặng, người đem biểu một mẫu đá đẹp, loại hoa cương, thoi thì đủ cả bê-xít, mica, pi-rít...

Trong cuộc đời địa chất của mình, hôm nay có lẽ là lần đầu tiên, đồng chí cảm thấy sung sướng khi nghĩ tới những người dân Xô-viết, một khi đã là người chủ của đất nước này, hẳn họ phải là những người giúp đỡ rất

nhieu cho các nhà địa chất Liên Xô trong việc thăm dò tìm quặng, làm giàu cho Tổ quốc...

Chỉ cần nhìn chiếc ô tô loại mới, rất sang, bóng loáng đỗ ở trước cửa trụ sở Bộ địa chất, một người dân bình thường ở Mát-xcơ-va dù không cần nhìn vào biển số xe cũng biết ngay đó là xe của một đại sứ quán nước ngoài. Xe không cắm cờ nước nào. Xe vừa đỗ, một người tóc đã lốm đốm bạc cấp cấp bước xuống xe, đi thẳng vào phòng làm việc của đồng chí Vụ trưởng vụ kỹ thuật. Đã được báo trước nên sáng nay, đồng chí Vụ trưởng ăn mặc chỉnh tề hơn mọi khi và đã chờ sẵn người khách lạ trong phòng:

Pê-te - viên kỹ sư người Đức tóc lốm đốm bạc chính là Pê-te - bước vào sau khi bắt tay ông Vụ trưởng người Nga, hấn đặt cái cặp xuống bàn và nói luôn:

- Thưa ông Vụ trưởng, trong cuộc họp báo chí nước ngoài hôm nọ chúng tôi mới được rõ công cuộc công nghiệp hóa của chính quyền Xô-viết quả là vô cùng vĩ đại! Tôi tin rằng rồi đây các ông sẽ có những bước nhảy vọt khá lớn trên con đường công nghiệp hóa.

Đồng chí Vụ trưởng chỉ ậm ừ, trả lời qua loa vì chưa rõ mục đích của chuyên viên Đức này. Chờ cho Pê-te nói dông dài một hồi nữa, đồng chí Vụ trưởng mới nhẹ nhàng hỏi:

- Thưa ông, hôm nay ông đến đây hẳn phải có việc gì chứ ạ?

- Thưa ông Vụ trưởng, đúng là như vậy - Pê-te đáp - Thông thường nói đến công nghiệp là bao giờ người ta cũng nghĩ đến sắt thép đứng lên hàng đầu.

- Quả là đúng thế! - Vừa trả lời, đồng chí Vụ trưởng vừa dự đoán: "Rất có thể đây là một tên tư bản Đức muốn làm mối cho một công ty sắt thép hoặc luyện kim nào đó để hy vọng bán sắt thép cho Liên Xô chẳng? Nếu quả đúng như vậy, mình sẽ dứt khoát từ chối. Liên Xô ngày nay đâu có phải là nước Nga trước đây của Nga hoàng! Đời thưở nào trong nước có nhiều quặng sắt mà lại phải đi mua sắt thép của nước ngoài với cái giá cắt cổ.

Pê-te lại hỏi:

- Thế các ông có muốn có sắt ngay không?

Đồng chí Vụ trưởng nói:

- Thế công ty các ông định bán à?

Pê-te cười:

- Tôi biết rằng ngày nay không đời nào các ông chịu mua thép của Công ty luyện kim Đôn-vai-xơ ở Đức theo giá cũ.

- Đúng vậy! Đồng chí vụ trưởng nói - Chúng tôi sẽ thăm dò, tìm quặng, khai thác lấy quặng và dĩ nhiên công nghiệp luyện kim của chúng tôi rồi đây sẽ cung cấp khá đầy đủ sắt thép cho chúng tôi dùng. Hẳn ông cũng biết rằng: tài nguyên ở nước Nga chúng tôi vô cùng dồi dào.

- Thưa ông vụ trưởng, tôi rất biết điều này... - Pê-te cười - Nước Nga của ông vốn rất nhiều quặng nhưng trên một quốc gia rộng lớn nhất thế giới nằm dài suốt từ châu Âu sang châu Á, tìm được nơi có quặng để khai thác trong một thời gian ngắn không phải chuyện dễ dàng. Mà trong khi đó nền công nghiệp các ông lại đang cần sắt thép nói riêng và kim loại nói chung càng sớm càng tốt.

Đồng chí vụ trưởng nghĩ thầm trong bụng: “Tên này quả là tinh ranh thật!”

Pê-te tiếp tục nói:

- Tôi biết đích xác hiện nay nước Nga có một vùng vô cùng giàu có về quặng sắt. Có thể nói trữ lượng của mỏ sắt này nhiều đến nỗi có gộp tất cả trữ lượng toàn bộ mỏ sắt trên thế giới lại mới bằng nó. Tôi xin đảm bảo: nếu cho đặt một mũi khoan đầu tiên ở vùng này, chỉ khoan không đầy vài trăm mét đã tìm thấy ngay một vỉa sắt dày.

“Phải chăng, đây chính là nơi giáo sư Éc Lây-xơ đã bỏ hết cả cuộc đời mình để dày công nghiên cứu? Phải chăng đây chính là vùng Cuốc-xơ mà nhiều nhà khoa học Nga đã để ý từ lâu?”

Trong khi Pê-te uống nước, thì đồng chí vụ trưởng suy nghĩ rất nhanh. Ông nhớ lại trước đây, ngay sau khi cách mạng tháng Mười thành công, hồi chưa được cử làm vụ trưởng ở Bộ địa chất, ông đã hết sức chú ý đến vấn đề này. Chính ông đã đi tìm Éc Lây-xtơ nhưng rồi sau một thời gian ông được biết là Éc Lây-xtơ đã chết và cặp tài liệu vô cùng quý giá đó hình như bị thủ tiêu hay thất tán gì đó. Hay là... hay là...

Đồng chí vụ trưởng nói:

- Vùng Cuốc-xcơ trên Tổ quốc chúng tôi. Thưa ông, tất nhiên là chúng tôi đã biết rồi.

Pê-te cười:

- Nơi này, ngoài giáo sư Éc Lây-xtơ ra thì không một ai có thể biết nổi. Nhưng rất tiếc là ông ta hiện nay không còn nữa.

Không thấy ông vụ trưởng nói gì, Pê-te lại “tấn công” luôn:

- Có lẽ tôi cũng chẳng cần phải giấu giếm ông mà cứ nói thật để các ông biết: quả đúng là vùng Cuốc-xcơ. Và cho dù ngay ngày mai, các ông có cấp tốc cử ngay hàng đoàn địa chất lên vùng đó thăm dò tìm kiếm sơ bộ thì ít ra cũng phải mất hàng năm, trong khi các ông cần có quặng sắt ngay. Đây là nếu chọn được những đoàn địa chất lâu năm có kinh nghiệm già dặn và mọi việc đều tiến hành thuận lợi cả đấy. Đằng này, tôi sẽ cung cấp toàn bộ tài liệu quý giá của cả vùng này. Và như trên tôi đã nói: tôi đảm bảo khi cho đặt mũi khoan đầu tiên để bắt đầu tiến hành thăm dò tỉ mỉ, nhất định sẽ đụng phải một vỉa quặng dày.

Đồng chí vụ trưởng hỏi:

- Như vậy hẳn ông có toàn bộ tư liệu quý giá đó trong tay?

Pê-te gật đầu:

- Vâng! Tất nhiên là như vậy.

Đồng chí vụ trưởng nói:

- Thế ông định bán chỗ “tài liệu... Nga” đó là bao nhiêu?

Pê-te cười:

- Thưa ông vụ trưởng, nếu như cặp tài liệu này còn nằm trong tay giáo sư Êc Lây-xtơ thì mới gọi là “tài liệu... Nga” được chứ, đằng này nó lại nằm trong tay người Đức chúng tôi.

- Tài liệu viết bằng tiếng Nga, do một giáo sư Nga viết... thế mà ông bảo chúng tôi không có quyền gọi là ‘tài liệu... Nga’ được hay sao? Chúng tôi rất hiểu ý đồ của các ông nhưng tiếc là thời thế ngày nay đã khác xưa, chính quyền ở đất nước này đã nằm vào tay giai cấp công nhân.

Pê-te nói lấp đi:

- Tôi xin phép trở lại vấn đề, vâng, gọi là “tài liệu Nga” cũng được. Chúng tôi sẽ trao lại cho các ông dùng, và dĩ nhiên các ông cũng trao cho chúng tôi năm triệu rúp.

Đồng chí vụ trưởng hỏi luôn:

- Ông thử suy nghĩ lại xem: cái giá như vậy liệu có quá cao không. Đáng ra “tài liệu Nga” là phải thuộc quyền sở hữu của người Nga... nhưng thôi.

- Tôi sẽ bớt đi một triệu! - Pê-te nói - Thưa ông vụ trưởng, nhất định ở cương vị cao cấp của ông, hẳn ông rất am hiểu về nghề nghiệp của mình. Bây giờ thử tính phác qua toàn bộ chi phí cho việc tìm kiếm sơ bộ khắp một vùng rộng lớn này trong một thời gian dài, nhất định con số sẽ cao hơn bốn triệu rúp rất nhiều. Đằng này các ông chỉ còn việc căn cứ trên bản đồ rồi cho đặt tháp khoan luôn. Chúng tôi lúc đầu sẽ chỉ lấy ba triệu rúp khi giao toàn bộ tài liệu, còn khi nào mũi khoan đầu tiên bắt đầu hoạt động và khoan trúng vỉa quặng sắt dày rồi, lúc đó tôi sẽ xin lĩnh nốt một triệu rúp cũng vẫn chưa muộn. Kể buôn bán với nhau như vậy, dù sao chúng tôi cũng tỏ ra là biết điều đấy chứ!

Ông vụ trưởng khẽ mỉm cười:

- Thế có bao giờ ông nghĩ rằng: chúng tôi vẫn có thể lấy được quặng ở Cuốc-xơ mà không cần tài liệu tạm gọi là “của các ông” không?

Pê-te cười:

- Chúng tôi biết chứ! Nhưng thời gian kéo dài và tốn kém rất nhiều. Tôi tin chắc các ông sẽ là những người khôn ngoan, nhìn vấn đề này một cách kinh tế hơn.

Ông vụ trưởng gặp tập hồ sơ trước mặt lại, bảo:

- Thôi vấn đề này, ta hãy tạm dừng ở đây. Khi nào cần chúng tôi sẽ cử người đến gặp ông.

Khách ra về mà chủ nhân vẫn còn đi đi lại lại suy nghĩ mãi về câu chuyện vừa xảy ra.

*

Tất cả những đoàn viên trong đoàn địa chất này đều cảm thấy Tổ quốc mình đang cần than và quặng sắt. Càng tìm được nhiều quặng sắt mới có thể cung cấp đủ cho những khi công nghiệp gang thép quan trọng để nấu được thành gang, thành thép, mới có máy móc, để dùng hàng ngày, mới công nghiệp hóa được Liên Xô gấp rút chứ!

Cứ nhìn nhịp độ làm việc khẩn trương của họ là đủ rõ.

Tại một điểm ở vùng Cuốc-xơ, mới ngày nào đoàn xe xích sắt chở tháp khoan, ống khoan, dầu mỡ lên một mỏm núi, mà chỉ ít lâu sau, tháp khoan đã dựng lên sừng sừng ở miền Si-gơ-rốp và người ta nghe rõ cả tiếng máy khoan hoạt động.

Đội trưởng đội máy khoan 14 - Đồng chí Xê-đê-rô-vít - nguyên là một tay thợ khoan lành nghề. Chỉ cần ngồi lắng nghe tiếng máy khoan, Xê-đê-rô-vít có thể biết rõ hiện mũi khoan đang xuyên qua cái gì? Có thể là một lớp đất đá hay than, quặng. Nhìn ống khoan quay đều, và mấy chiếc kim đồng hồ trên cỗ máy xinh xịch chỉ hơi nhúc nhích, Xê-đê-rô-vít khẽ đưa mắt nhìn lớp thợ trẻ, hầu hết là đoàn viên thanh niên cộng sản. Người nào người nấy còn trẻ măng, hăm hở học hỏi. Ngay trong cái lều bạt căng cạnh đó, vào giờ nghỉ, đối ca kíp, không một người nào chịu rời khỏi cuốn sổ tay chuyên môn của mình tí nào. Cách đây không xa, một số cán bộ kỹ thuật

đang làm việc khẩn trương trong một ngôi nhà gỗ mới dựng sơ sài ở lưng chừng núi: Trước tấm bản đồ trải rộng, họ đang bàn bạc và tính toán những nơi sẽ đặt tiếp những mũi khoan sâu xuống lòng đất. Khoan sâu một mét xuống lòng đất, tốn khá tiền cho nên việc quyết định đặt những tháp khoan không phải chuyện giản đơn.

Mọi người đang say sưa làm việc bỗng nghe thấy tiếng vỗ tay hoan hô rầm rĩ vang dội cả một khu rừng, đúng phía tổ khoan của Xê-đê-rô-vít. Người thì đoán là anh em thợ khoan vừa săn, bẫy được một con thú gì. Người thì cho là trong đội có một chàng trai trẻ nào đó nhận được thư của người yêu. Nhưng cũng có người nói:

- Biết đâu mũi khoan của họ chẳng đã chạm phải một vỉa quặng nào đó chẳng?

Ý kiến thứ ba này ít có người tán đồng vì có mấy khi vừa đặt một mũi khoan đầu tiên ở vùng Cuốc-xơ này mà chưa chi đã “trúng số độc đắc” như vậy. Tuy nhiên đội kỹ thuật cũng cử luôn một cán bộ tới, lúc này Xê-đê-rô-vít cứ đứng ngây người cạnh tháp khoan, anh không chịu rời lấy nửa bước mặc dầu xuất ăn của anh để trong lều đã nguội.

Từ lúc nghe tiếng khoan “có cái gì khang khác đây” ở độ sâu một trăm sáu mươi mét là anh cứ đứng ở đấy. Theo thói quen nghề nghiệp anh biết là mũi khoan đã chạm phải một vỉa quặng sắt nhưng anh chưa dám nói ra. Dù sao cũng phải lấy mẫu lên đưa về phòng kỹ thuật cho chắc chắn cái đã.

Trong thâm tâm Xê-đê-rô-vít, anh không muốn gieo vào lòng lớp trẻ địa chất này những thành công, thắng lợi quá sớm hoặc quá dễ dàng.

Nhưng rồi cuối cùng thì mẫu quặng cũng được lấy ra và không còn nghi ngờ gì nữa: đúng ma-nê-tít, thứ quặng hình thành từng khối, có màu đen sẫm, rất cứng, ngoài mặt có ánh kim loại.

Xê-đê-rô-vít cầm tảng quặng khá nặng đưa cho mọi người xem, anh lấy một chiếc kim để lại gần, tảng quặng hút lấy rất mạnh như nam châm vậy.

Anh chậm rãi nói với mọi người:

- Đúng ma-nhê-tít, loại quặng này luyện sắt tốt nhất. Nó chứa tới 72,4 phần trăm sắt. Đặc điểm chính của nó là có từ tính rất mạnh.

Lúc này hầu hết các cán bộ kỹ thuật đã rời căn nhà gỗ để sang tổ khoan.

Đồng chí kỹ sư cho bọc cẩn thận tảng quặng lại rồi viết ra ngoài ký hiệu Fe₃O₄ của nó. Xê-đê-rô-vít vẫn không rời máy khoan, thỉnh thoảng anh lại gật gù nói với mọi người:

- Có thể là một vỉa quặng khá dày!

- Và dài hàng chục ki-lô-mét nữa! - Đồng chí kỹ sư bổ sung luôn. Trong một tương lai không xa, tổ quốc Liên Xô chúng ta sẽ có đủ sắt thép để công nghiệp hóa.

Mặc dầu công việc rất bận nhưng đồng chí vụ trưởng vụ kỹ thuật Bộ địa chất vẫn thường xuyên theo dõi tình hình thăm dò sắt ở vùng Cuốc-xơ. Nhìn những tháp khoan trên bản đồ và đọc báo cáo thăm dò khảo sát thường xuyên từ Cuốc-xơ gửi về Bộ, đồng chí chợt nhớ tới câu nói của Pê-te gần như ăn khớp với kết quả thăm dò hiện nay đã cho biết: trữ lượng sắt của mỏ này tương đương với tất cả những mỏ sắt ở các nơi khác trên thế giới cộng lại.

Đồng chí vụ trưởng khẽ thở dài, bùi ngùi nhớ tới Éc Lây-xơ “Hừ, giá như giáo sư Éc Lây-xơ còn sống đến ngày nay để chứng kiến Tổ quốc Nga với vô vàn tài nguyên phong phú đang chuyển mình tiến nhanh trên con đường công nghiệp hóa nhỉ? Theo con số dự đoán của các nhà địa chất thì khoảng hai mươi vạn tấn quặng sắt nằm dự trữ ở đây. Hẳn khi còn sống Éc Lây-xơ không bao giờ dám mơ tưởng tới con số đó ./..

THỨ “ĐÁ KHÔNG QUẶNG”

Mấy hôm nay kỹ sư Mi-khai-lốp nhúc đầu về một vấn đề không đầu vào đầu cả. Đó là cái đồng đá lù lù ở phía sau nhà máy cứ mỗi ngày một cao dần lên. Giá nó là một loại quặng gì đó đáng phải quan tâm đến thì đi một nhẽ, đằng này nó chỉ là một loại bã bỏ đi: một loại đá còn lại sau khi đã chế biến quặng rồi.

Mới đầu ô-tô còn đổ loại bã này vào một cái hố sâu trước đây đã lấy đất lên để đắp nền xây nhà máy. Cái hố sâu hoắm và rộng là thế mà chẳng mấy chốc đã bị lấp kín, chẳng những vậy cứ cao dần thành một quả đồi.

Trong một nhà máy, có một cái đồng bã lù lù như vậy, dù ở phía sau nom cũng đã chướng mắt, ấy là chưa kể thứ đá này lăn đây ra đường cái ảnh hưởng tới việc đi lại suốt một đoạn đường khá dài.

Giám đốc Mi-khai-lốp không phải là không thể huy động đội xe vận tải và toàn thể anh chị em công nhân nhà máy dọn sạch cái đồng này trong độ một vài lần vệ sinh công nghiệp được. Nhưng cái khó khăn chủ yếu là làm sao phải tìm cho ra cái bãi “tha ma” vĩnh viễn để chứa loại của thải này mà không phải chuyển đi chuyển lại vì việc thiết kế quy hoạch cả vùng này chưa thật hoàn chỉnh.

Kỹ sư Mi-khai-lốp đang loay hoay về cái đồng đá thì chợt nhận được điện trên khu báo sắp có một đoàn khách du lịch Anh tới để thăm nhà máy. Quái sao lại có những nhà du lịch lên tận Xi-bia để tham quan vào lúc này nhỉ?

Mi-khai-lốp nhớ lại trong suốt thời gian về phụ trách nhà máy kim loại màu này và đóng khung trong cái năm 1929, từ đầu năm đến giờ, ông chưa hề thấy khách du lịch nước ngoài tới thăm đây cả. Nhưng dù sao, họ đề nghị đến mà trên khu đã có điện thì vẫn cứ phải tiếp họ cẩn thận chứ sao.

Vừa lúc đó chiếc ô tô du lịch xịch đỗ ngay trước cổng. Một đoàn du lịch bước vào, thoáng nhìn cũng dễ nhận ra ngay họ là người Anh. Hầu hết là đàn ông, đa số đã đứng tuổi, người nào, người nấy cao lêu đêu và gầy, mặt xương xương. Mi-khai-lốp để ý tới một người hơi lạ: tóc bù xù, râu xồm xoàm, tóc mai mọc dài xuống má như dính liền với bộ râu nên nom mặt và đầu người đó toàn tóc và râu. Cả bộ mặt chỉ để hở có mắt, mũi và ngay cả mồm cũng bị râu che gần hết. Người này mặc blu-dông da, đặc biệt là đi một đôi giày đế đúc cao su khá to. Trong khi đoàn du lịch vào thăm nhà máy, dưới sự hướng dẫn của kỹ sư E-rin-xki trưởng phòng kỹ thuật thì Mi-khai-lốp cũng lững thững đi gần đó. Qua câu chuyện giữa mọi người, ông được biết trong đoàn này có một nhà địa chất đã từng đi nhiều nơi trên thế giới.

Khách du lịch đi tới khu vực nào cũng hỏi tỉ mỉ và không ngớt lời khen.

Một đoàn viên có lẽ nhiều tuổi nhất trong đoàn nói với kỹ sư hướng dẫn:

- Chúng tôi thật không ngờ, người Nga các ông tiến nhanh như vậy, y như người khổng lồ với đôi hài vạn dặm trong chuyện thần thoại vậy. Ai lại mới có hơn chục năm trời mà bao nhiêu là biến đổi. Xi-bia hoang vu, nơi này trước đây bọn Nga hoàng thường dùng để đầy những nhà yêu nước. Ấy vậy mà giờ đây: biến đổi, biến đổi hết. Chỗ nào cũng nhà máy mọc lên như nấm.

Người mặc blu-dông da, râu xồm nói tiếp:

- Xi-bia băng tuyết mênh mông giá lạnh, thế mà ở đây lại thấy xuất hiện một nhà máy kim loại màu như thế này thì... quả là có làm cho chúng tôi sững sốt thật! Tôi tin rằng không còn bao lâu nữa, nước Nga Xô-viết sẽ có một nền công nghiệp tiên tiến và đồ sộ không thua kém gì Anh, Pháp, Đức,...

Kỹ sư hướng dẫn, theo phép xã giao thông thường cũng phải có đôi lời đáp lại:

- Chúng tôi sung sướng được đón các vị khách từ nước Anh xa xôi tới thăm đất nước Liên Xô chúng tôi mà lại quá bộ lên tận vùng Xi-bia rét mướt, hoang vắng này...

Có lẽ xem ra vì thấy ông kỹ sư Nga này cứ nhắc đi nhắc lại mãi tới “vùng Xi-bia rét mướt, hoang vắng, xa xôi hẻo lánh” này, nên ông khách nhiều tuổi nhất vội chỉ vào người mặc blu-dông da và nói:

- Xin giới thiệu với ông, ông Oăn-xít-tơn, trước đây đã từng tham gia vào đoàn thám hiểm Anh cắm cờ trên châu Nam Cực. Có lẽ vì rất mê tiếng gió bão trên băng tuyết hoang vu nên ông ta mới yêu cầu cùng chúng tôi được đến thăm vùng Xi-bia này.

Sáng hôm nay mãi gần đến trưa đoàn du lịch Anh mới về khách sạn Hữu Nghị để nghỉ trưa, chiều sẽ tiếp tục tới thăm nhà máy.

Trưa nay, Mi-khai-lốp đi làm về. Nhìn cánh cổng đóng im ỉm, ông biết ngay là vợ chưa về, như vậy có nghĩa là bữa ăn trưa nay chưa được sửa soạn một tý gì.

Mi-khai-lốp bước qua vườn hoa đang mở khóa cửa thì Ta-chi-a-na về. Chưa chi Ta-chi-a-na đã khẽ bảo chồng:

- Nay, ông có biết tại sao trưa nay tôi về muộn không? Có một chuyện hơi lạ.

Ta-chi-a-na là trưởng ban quản trị của khách sạn Hữu Nghị. Câu chuyện của bà thường chỉ là chuyện cung cấp thịt, trứng, sữa, bơ, bột mỳ, rượu... tóm lại là xoay quanh vấn đề lương thực thực phẩm.

Mi-khai-lốp đang lắc lắc cho lọt chìa khóa vào ổ. Ta-chi-a-na bảo chồng:

- Nay, ông nó: không phải chuyện mắm muối như mọi khi đâu nhớ!

Rồi chờ cho chồng mở xong khóa bước vào nhà, Ta-chi-a-na mới bước vào theo, khẽ kéo chồng ngồi xuống ghế, nói:

- Ở khách sạn em có một đoàn khách du lịch Anh, sáng nay không hiểu họ đi thăm đâu về mà có một người đi thẳng về phòng mình, đóng cửa lại cởi giầy ra gói cất đi.

- Nhưng ai nom thấy? - Mi-khai-lốp vội hỏi vợ - Liệu có đích xác không? Hay chỉ là họ cất giầy bình thường thôi!

- Bình thường là thế nào? - Ta-chi-a-na nói - Thì đúng là có La-rít-sa lúc ấy đang cúi húi lau tú đứng khuất sau cái mắc áo, cô ấy bất ngờ nom thấy mà! Sau đó, La-rít-sa phải chuồn ra bằng cửa sổ.

- Thế thì tôi phải đến gặp cô ta ngay mới được! - Mi-khai-lốp đang định với lấy cái mũ trên mắc áo thì bà vợ đã ngăn lại - Thì để cơm nước xong cái đã! Việc gì mà ông phải vội vã thế?

- Bà chưa biết đấy thôi! - Mi-khai-lốp nói - Sáng nay, đoàn du lịch này đến thăm nhà máy tôi mà! Liệu La-rít-sa có nhớ mặt người ấy không?

- Dĩ nhiên là nhớ chứ! - Ta-chi-a-na nói - Cô ấy bảo là người này gầy cao, mặc áo blu-dông da, đi đôi giầy to bè bè đế cao su có rãnh mà mặt mũi, râu tóc xồm xoàm...

- Râu tóc xồm xoàm à? - Mi-khai-lốp lăm bằm nhắc lại - Đúng cái lão đã từng đi thám hiểm châu Nam Cực rồi.

Thế là trưa nay, Mi-khai-lốp không ngủ, cơm nước xong, ông đi thẳng tới khách sạn cùng vợ, sau đó lại đến gặp đồng chí kỹ sư phụ trách phòng kỹ thuật. Nghe xong chuyện, E-rin-xki nói:

- Tôi đảm bảo với đồng chí hoàn toàn không để lộ một tí bí mật gì về nhà máy cả: từ kỹ thuật cho đến những con số nữa.

Mi-khai-lốp nói:

- Thế là rất tốt nhưng dù sao chúng ta cũng phải cẩn thận vì còn chiều nay nữa. Chắc đồng chí cũng thừa hiểu rằng không phải ngẫu nhiên mà các vị khách du lịch này lại lần mò lên tận miền Xi-bia xa xôi này của chúng ta.

- Vâng! Tôi sẽ chú ý hơn! - Kỹ sư E-rin-xki cười - Mà chiều nay thì cũng chẳng còn gì mà tham quan nữa, trừ cái đồng bã quặng.

- Ủ, mình có đề phòng trước cũng có hơn chứ! - Mi-khai-lốp giơ tay xem đồng hồ - Đến giờ đi làm rồi. Ta cùng đi chứ?

- Vâng, đồng chí chờ tôi thay quần áo một tý nhé!

Trong khi E-rin-xki vào trong phòng thay quần áo thì Mi-khai-lốp nhìn lên tường, nom thấy một tờ bằng khen của Ủy ban an ninh quốc gia tặng ông cụ thân sinh ra E-rin-xki đã hoạt động trong thời kỳ cách mạng tháng Mười, góp phần vào việc trấn áp bọn cu-lắc và bọn phản cách mạng hoạt động lén lút ở vùng này. Tự nhiên Mi-khai-lốp thấy yên tâm.

*

Oóc-lốp đang quay xe và cho xe cứ lùi dần, lùi mãi. Rõ ràng cái đồng đá to lù lù nằm sờ sờ ngay sau xe mà cậu phụ lái cứ vừa vẩy tay ra hiệu vừa nói:

- Tí nữa! Thêm tí nữa!

Oóc-lốp cho xe lùi mỗi lúc một khó vì bánh xe cứ lăn tuột trên những cục đá, nghiêng bên nọ, lệch bên kia mãi.

- Thôi được rồi!

Vừa nghe vậy, anh lái xe Oóc-lốp vội hãm xe lại, bấm cái nút thế là cả thùng xe to thế dốc ngược lên làm cho bao nhiêu đá đều đổ dồn xuống âm ầm. Đổ xong xe, Oóc-lốp lăm lăm nói với cậu phụ lái:

- Bao giờ tổng đi cho thoát được những của tội của nợ này!

- Chỉ trừ phi đóng cửa nhà máy lại! - Có tiếng nói trong trẻo của một cô gái.

Oóc-lốp quay lại, Ta-ni-a. Cô kế toán cầm ở tay một cuốn sổ séc, chùng như vừa ở văn phòng ra định đi tìm đồng chí giám đốc để xin chữ ký.

Thấy anh lái xe nhìn mình trừng trừng, Ta-ni-a nói:

- Đúng như thế đấy anh Oóc-lốp ạ! Quặng từ các mỏ chuyển về, sau khi chế biến thành kim loại rồi, tất nhiên sẽ còn lại loại “đá không quặng” này. Nghĩa là nhà máy còn hoạt động thì còn loại đá này.

Oóc-lốp không nói gì, như có ý bảo cô kế toán trẻ là làm gì anh chẳng biết điều đó. Cậu phụ lái bèn nói với Oóc-lốp:

- Kể thứ đá này, nếu dùng được vào việc gì, chẳng hạn như đem rải đường, hoặc xây tường được thì ngàn này cũng đủ làm được khối chuyện.

- Đẳng này nó lại vô dụng cơ chứ! - Oóc-lốp nói - Thế mới gọi là bã mà! Chẳng thế mà cô Ta-ni-a đây này lại gọi nó là “thứ đá không quặng” phải không cô em?

Biết Oóc-lốp trêu mình, Ta-ni-a đang định tìm câu trả lời thì vừa lúc đó đoàn khách du lịch đi tới. Có lẽ đi tham quan một vòng gần hết nhà máy, qua dãy nhà kho chẳng nhẽ lại không qua đây nên đoàn người trước khi về nhà khách cũng lướt qua chỗ này một tí. Hầu như chẳng một ai để ý tới cái đồng đá to lù lù vô tích sự này cả. Duy có Oăn-xít-tơn là quay sang hỏi E-rin-xki:

- Thưa ông, thứ này là cái gì vậy?

E-rin-xki đáp:

- Đây là thứ đá còn lại sau khi đã chế biến quặng.

Oăn-xít-tơn ngạc nhiên hỏi:

- Quái! Thế mà lại gọi là đá được nhỉ?

E-rin-xki cười:

- Có lẽ vì nó rắn như đá mà màu nó lại xam xám.

Ông trưởng đoàn tham quan cúi xuống hỏi:

- Liệu tôi có thể nhặt một cục đá này để làm kỉ niệm được không nhỉ?

- Nếu chỉ để làm kỷ niệm, lát nữa quay về phòng khách, đồng chí giám đốc chúng tôi sẽ biếu các ông những mẫu đá đẹp và quý hơn nhiều.

Nghe thấy E-rin-xki nói như vậy, Oóc-lốp đứng ngoài, quay ra khẽ nói vui với Ta-ni-a:

- Nếu ông ta có xin hàng chuyển ô tô thì chúng mình cũng chẳng tiếc ông ta làm gì thứ của nợ này phải không?

Anh phụ lái nói chen vào:

- Này anh Oóc-lốp, thế ngộ nhờ đúng như lời tôi nói nghĩa là thứ đá này có thể đem rải đường được hoặc xây dựng nhà cửa, tường vững chắc?

Oóc-lốp ngắt lời luôn:

- Thì bọn Anh cũng chẳng thèm mua làm gì, vì rằng “của một đồng, công một nén”. Tiền đá chẳng đáng là bao, ai lại điên mà đi mua đá từ nước Nga rồi vận chuyển về tận nước Anh mà dựng nhà cửa, trừ phi đó là một thứ đá có tính chất lịch sử.

Sau khi đoàn khách du lịch vừa đi khỏi, cả Oóc-lốp lẫn cậu phụ lái và Ta-ni-a đều cố moi trong đầu để tìm xem liệu thứ đá này có “tính chất lịch sử”, dù chỉ là một chút ít ỏi thôi nhưng vô ích. Cuối cùng thì vẫn chỉ thấy ở nó một “thứ đá không quặng”, đúng như lời Ta-ni-a nói.

Sau khi tiễn đoàn du lịch lên ô tô xong, E-rin-xki quay về phòng giám đốc gặp Mi-khai-lốp kể lại việc trưởng đoàn Anh định nhật xin một tảng đá bả.

Mi-khai-lốp hỏi:

- Đồng chí có thấy gì trong vấn đề này không?

- Theo tôi thì có hai khả năng: trước hết rất có thể là tên này đã đánh hơi thấy một vấn đề gì đấy trong thứ “đá không quặng” của chúng ta; thứ hai: cũng có thể là chuyện bình thường: lão ta muốn sưu tầm những vật lưu niệm. Trong cái túi của hắn: quả là có một số mẫu đá có ghi số, viết chữ đánh dấu hắn hoi. Chính hắn có đưa cho tôi xem một tảng than đá sưu tầm được ở Đức trên có hình một chiếc lá nom rất đẹp.

Mi-khai-lốp gật gù:

- Tôi đồng ý với nhận xét của đồng chí nhưng tôi tin là khả năng thứ nhất có nhiều hơn. Trong tình hình nhà máy hiện nay, công việc rất nhiều, nhất là việc hoàn thành gấp rút kế hoạch năm nay, nhưng đồng chí vẫn nên cử ra một vài cán bộ kỹ thuật về Viện đề nghị phân tích thành phần của loại đá này xem sao.

E-rin-xki gật đầu:

- Vâng, tôi sẽ cử người tiến hành ngay.

*

Hình như vết bút chì mới đánh dấu vào tấm bản đồ treo trên tường có làm cho Mi-khai-lốp thấy hài lòng hơn vì dù sao, rồi đây cái quả “núi đá” kia cũng sẽ bị quăng văng ra đấy. Kể ra thì ngay từ ngày mai cũng đã có thể tiến hành được rồi, nhưng Mi-khai-lốp vốn tính cẩn thận. Ông vẫn muốn nán chờ việc gửi kết quả phân tích thật tỉ mỉ thành phần của loại đá này.

Mi-khai-lốp giở cặp hồ sơ ra định ký vào một tập công văn chợt nghe thấy tiếng còi ô-tô, ông nhìn ra, một chiếc ô-tô du lịch kiểu mới đã nhẹ nhàng đi thẳng vào sân nhà máy và đỗ ngay trước cửa phòng giám đốc.

Từ trên xe bước xuống một người dong dỏng cao, đeo kính trắng, đầu đội mũ phớt tay cặp cặp. Vừa gặp Mi-khai-lốp, khách đã cúi đầu chìa tay ra bắt rất lịch sự rồi mở cặp đưa một lá thư của giám đốc công ty thép dát Oe-ling-tơn.

- Thưa ngài giám đốc, tôi là phái viên được ngài giám đốc công ty chúng tôi ủy nhiệm tới trao đổi trực tiếp với ngài về việc hỏi mua một số kim loại màu.

- Rất hoan nghênh. Mi-khai-lốp mở hộp thuốc lào ra mời khách, rồi xem xét kỹ bản hợp đồng. Thật ra, số lượng quặng không nhiều lắm.

Việc ký kết xong xuôi. Trong lúc uống cà phê vui vẻ khách như chợt nhớ ra điều gì, khẽ kêu:

- Trời! Tí nữa thì quên... Điên thật!

Khách mở cặp lấy ra một phong thư khác đưa cho ông giám đốc:

- Thư của nam tước Oét-min-ham gửi ông... Tôi tin là sức khỏe nam tước dạo này không được tốt. Xin lỗi ông có biết nam tước không nhỉ?

Mi-khai-lớp mở thư ra, thật thà đáp:

- Quả là không ạ!

- Thật đáng tiếc! - Khách khẽ nhún vai - Một tay chơi nổi tiếng ở Lơ-đơn - hay nói chính xác hơn - ở ngoại ô kinh đô, nam tước có một biệt thự rất rộng. Mỗi con đường trong khu vực đó đều mang tên một địa danh nước ngoài và xây bằng thứ đá của nơi đó. Ví dụ: đường Phu-gi, có nghĩa là con đường đó lát bằng thứ đá lấy từ quả núi lửa nổi tiếng ở Nhật, đường Các-pát, đường Hi-ma-lay-a và giờ là đường Xi-bia...

Mi-khai-lớp gấp thư lại:

- Nam tước muốn mua thứ “đá không quặng” của chúng tôi à? Để lát đường, cần gì phải mua tới một số lượng lớn như thế - Mi-khai-lớp nhìn khách rồi đứng dậy vui vẻ nói:

- Lát nữa tôi sẽ biên thư trả lời cho nam tước Oét-min-ham biết: thứ đá không quặng này đâu có phải là tiêu biểu cho đá Xi-bia. Sẽ có thứ khác đẹp hơn, quý hơn...

Khách hơi thoáng lúng túng:

- Nhưng nếu như nam tước chỉ muốn mua một loại đá này thì sao ạ?

Mi-khai-lớp vui vẻ nói:

- Nếu hòn đá biết nói, tôi tin rằng họ hàng nhà đá ở Xi-bia không bao giờ chọn loại “đá không quặng” này làm đại diện cho mình ở nước ngoài... Và cấp trên vừa điện cho chúng tôi biết: chính loại “đá không quặng” này cũng “đã nói” như vậy và không chịu rời xa Tổ quốc Xô viết của mình.

Thấy khách tiu nghỉu, Mi-khai-lớp dừng lời. Chính ra ông định nói thêm “Chỉ có nhà máy Xô-viết chúng tôi mới có quyền sử dụng loại quặng chứa kim loại hiếm và rất quý này”.

*

Tối nay vừa ở khách sạn về, Ta-chi-a-na gặp ngay chồng, hồi hả nói:

- Nay, mình này, em nghe nói các kỹ sư trên Viện mới phát hiện ra trong thứ đá gì ấy của nhà máy có vàng phải không mình?

Mi-khai-lốp cười:

- Chắc bà nó cho vàng là quý nhất à?

Ta-chi-a-na lại hỏi:

- Thế thì có ngọc à?

Mi-khai-lốp lắc đầu đáp:

- Thế bà nó cho rằng cứ phải là vàng hay ngọc mới là quý à? Không phải thế đâu! Chỉ có dưới chế độ tư bản thì vàng mới là quý nhất, chứ đối với chúng ta thì vàng đâu phải là quý nhất.

Ta-chi-a-na cười, nói đùa với chồng:

- À xin lỗi, xin lỗi. Em quên mất là mình có một đức ông chồng là một nhà kim loại học.

- Trong số những kim loại hiện nay trên trái đất thiếu gì những loại quý hơn vàng. Trước hết là những viên ngọc bê-rin và kim loại của nó chứa bê-ri-li. Các kim loại màu ở nhà máy chúng ta đây chỉ cần bỏ vào một tí bê-ri-li là trở nên cứng, bền, chắc và đàn hồi. Zi-ri-cô-ni cũng vậy, muốn chế tạo tên lửa, máy bay đều phải dùng tới hai loại kim loại hiếm này. Zi-ri-cô-ni lấy ra từ một thứ đá quý. Rồi li-ti, giéc-ma-ni, in-đi, dê-len, te-lua, ru-bi-đi, xê-ri, lan-tan...

- Thôi thôi! Ta-chi-a-na đưa hai tay lên bịt tai lại - Không khéo em đến vỡ đầu vì cái mớ ấy lên vì mình mất.

Mi-khai-lốp ngừng kể và cười, Ta-chi-a-na hỏi:

- Thế trong đá thải của nhà máy, tìm thấy loại gì quý đấy hả anh?

- Rê-ni! - Và Mi-khai-lốp hỏi vợ - Thế bà nó có biết tại sao lại có cái tên rê-ni không? Đó là vì những người đầu tiên báo tin đã tìm ra nguyên tố này và trình bày những mẫu hợp chất đầu tiên của nó vào ngày mùng 5 tháng 9 năm 1925 tại hội nghị các nhà hóa học Đức ở Niu-béc-gơ là bà I-da Nốt-đắc và chồng là Oan-te Nốt-đắc. Họ muốn tỏ lòng yêu quý dòng sông Ranh của mình, vì phát minh này mà cả hai ông bà đều được thưởng huy chương Li-bi-khốp-xki.

Không thấy vợ nói gì, Mi-khai-lốp càng say sưa thao thao bất tuyệt:

- Nguyên tố số 75 này mặc dầu đã được Men-đê-lê-ép tiên đoán ra từ năm 1871 với cái tên ban đầu là bi-man-gan vì nó có tính chất giống man-gan. Ấy vậy mà cách đây bốn năm ông bà I-da và Oan-te Nốt-đắc và O.béc mới là những người đầu tiên đã tìm ra được rê-ni vào tháng sáu và họ là những người đầu tiên đã tách ra được rê-ni ở trạng thái tự do, đã nghĩ ra được phương pháp điều chế rê-ni trong công nghiệp. Họ đã nêu lên giá trị thực tiễn và xác định được những tính chất lý hóa quan trọng nhất của nó.

Ta-chi-a-na sốt ruột hỏi chồng:

- Thế rê-ni được dùng để làm gì?

- Muốn biết công dụng của nó thì trước hết phải xác định được rõ những tính chất rất quan trọng của nó - Mi-khai-lốp vẫn say sưa nói như một ông giáo trên lớp - Trước hết nó có nhiệt độ nóng chảy cao mà lại bền. Điện trở của rê-ni lớn và đặc biệt rê-ni khá bền đối với ô-xy và ni-tơ.

Chính vì vậy mà rê-ni được dùng để chế tạo dây tóc các bóng đèn điện tử và những pin nhiệt điện có thể đo được nhiệt độ tới 2.000 độ. Người ta còn dùng hợp kim của rê-ni với đồng làm chất xúc tác trong các quá trình hydro hóa. Rồi kim la bàn, đầu bút máy và nói chung tất cả những bộ phận nào đòi hỏi ít hư mòn và có độ chống gỉ cao đều dùng loại hợp kim này mà thành phần rê-ni trong đó không cao quá vài phần trăm.

- Thế ra bọn gián điệp kỹ thuật Anh lấu cá thật! - Ta-chi-a-na nói - Chưa chi nó đã định kiếm lời ở món hàng này.

- Bây giờ chắc chắn rê-ni đã nằm trong tay các nhà khoa học Liên Xô
- Mi-khai-lốp mở màn nhìn ra xa nói với vợ - việc các cán bộ kỹ thuật ở trên Viện phân tích lấy ra được rê-ni trong “thứ đá không quặng” này đã làm cho tôi chớm nảy ra một ý nghĩ: thiết lập đồ án nhà máy sản xuất rê-nát ka-li từ các chất bã tạo thành khi chế biến quặng thành kim loại màu... Công suất hàng năm của nó biết đâu lại chẳng thu được tới hàng trăm ki-lô-gam rê-ni.

Mặc dầu không biết gì về rê-ni nhưng Ta-chi-a-na cũng gật gù nói với chồng:

- Ủ, dễ cũng được tới hàng trăm ki-lô-gam thật đấy!

Biết vợ đã buồn ngủ, Mi-khai-lốp cũng không muốn nói rõ thêm cho vợ biết: nam tước Oét-min-ham chẳng qua là một tên gián điệp kỹ thuật đã lọt vào nhà máy trong vai khách du lịch Anh với cái tên Oăn-xít-tơn.

BÍ MẬT TÀU NGẦM ÉC-SƠ-PLÔ-RA

Trung tá hải quân Anh Mắc Hin-đớc-len nổi tiếng là một người mê tàu ngầm. Những ai đến thăm Mắc Hin-đớc-len tại nhà riêng ở số 3 phố Quận công Bớc-min-ham đều phải công nhận viên sĩ quan hải quân này từ bao năm nay đã thành lập được một “viện bảo tàng tàu ngầm” khá phong phú. Trước hết là mô hình tàu ngầm đầu tiên trên thế giới của nhà bác học Hà-lan Văng Đơ-rép-ben đóng xong từ năm 1620. Tàu đóng bằng gỗ, ngoài bọc da tấm dẫu để nước khỏi thấm vào trong. Muốn lặn thì mở cho nước tràn đầy mấy cái bao da ở tàu. Ngược lại muốn nổi lên, người ta bơm tống nước ở bao da ra ngoài.

Theo lời Mắc Hin-đớc-len thì đích thân ông trong một chuyến đi biển đã từng được quan sát kỹ chiếc tàu ngầm đầu tiên trên thế giới này hiện còn để ở Viện bảo tàng hàng hải Hà-lan tại thủ đô Am-xtéc-đam. Thời đó tàu ngầm làm gì đã được đặt động cơ mà nó mới chỉ được lắp mười hai mái chèo cho mười hai thủy thủ bơi tay. Cộng thêm tám hành khách nữa là tàu có thể chở được hai mươi người. Tàu có thể lặn sâu xuống nước độ bốn, năm mét và lặn lâu được vài ba giờ.

Ngay khi ra đời, “chiếc tàu lặn” này đã gây tiếng vang trong dư luận Hà-lan và các nước ở Âu châu. Người thì đồn là tàu có thể lặn sâu xuống biển và bơi nhẹ nhàng như cá. Kẻ thì phao tin là tàu có thể “xuất quỷ, nhập thần” tung hoành trên mặt biển. Tin đồn tới tai vua Giắc-cơ I. Anh hoàng bèn cùng với một số tùy tùng sang Hà-lan để dự ngày hạ thủy đầu tiên chiếc tàu lặn này. Được nom thấy tận mắt thứ “tàu tiêu khiển” này. Giắc-cơ I tỏ ra rất thú vị. Trong số những quan khách tới dự ngày hôm đó, một số sĩ quan hải quân và một số nhà quân sự khác thì lại tìm thấy ở loại “tàu tiêu khiển” này một tầm quan trọng đặc biệt trong tương lai. Với tài “xuất quỷ nhập thần” này, nếu tàu lặn được trang bị tương đối tốt, nó có thể dễ dàng bất ngờ tấn công vào đủ các tàu đi trên mặt biển, xong rồi... lặn xuống biển

trốn thoát. Và nếu như loại tàu lặn này có chở một số thủy thủ bơi lặn giỏi thì họ có thể dễ dàng bắt cóc những nhân vật quan trọng đi trên tàu biển hoặc có thể dùng bom đánh đắm tàu đối phương. Ngoài ra tàu lặn còn có thể chở được vàng bạc châu báu hoặc đồ vật hàng hóa quý giá mà bọn cướp biển chịu không hoành hành được. Ấy là không kể, gặp thời tiết xấu như bão táp, trong khi các tàu biển khác bị sóng gió đánh đắm thì loại tàu lặn vẫn có thể ung dung ngụp sâu xuống biển, đi lại được an toàn. Lúc đó, nhìn chiếc tàu lặn nhỏ xíu, gọn gàng, các nhà quân sự đã nghĩ ngay tới nhiệm vụ trinh sát của nó.

Giờ đây có ai đến thăm Mác Hin-đóc-len hẳn sẽ vô cùng thú vị khi được ngắm thấy mô hình chiếc tàu ngầm khá ngô nghê cổ lỗ của Văng Đơ-rép-ben đặt trong tủ kính.

Mô hình chiếc tàu ngầm thứ hai là của nhà phát minh Nga Ê-phim Nhi-cô-nốp mang tên “tàu thủy bí mật” ra đời năm 1721 dưới thời Nga hoàng Pi-e đệ nhất...

Song, có lẽ điều Mác Hin-đóc-len tự hào nhất là ông đã từng tấn công và đánh đắm chiếc chủ lực hạm Tiếc-pít-đơ của Đức trong đại chiến thế giới lần thứ hai:

- Người ta ví vịnh An-đen Phoóc ở phía Bắc Na-uy như một cái bao tay. Dãy núi cao dựng đứng bao quanh lấy An-đen Phoóc như một chiến lũy thiên nhiên tạo cho vịnh này trở thành một quân cảng khá tốt. Ngay từ khi phát xít Đức chiếm đóng Na-uy, chúng bèn tức tốc điều chủ lực hạm Tiếc-pít-đơ vào vịnh An-đen Phoóc biến nó thành một pháo đài nổi không lồ chuyên đi cướp bóc những tàu chở hàng của phe đồng minh. Vịnh này được bảo vệ khá cẩn mật. Ngay đến máy bay cũng khó tấn công bất ngờ vào tuần dương hạm và hạm tàu khác đậu trong vịnh vì có sẵn hàng dãy núi cao bao quanh. Cửa ngõ vào vịnh, ngoài chướng ngại vật bố trí ngầm dưới nước còn có cả một mạng lưới phòng ngầm. Khi tuần dương hạm về đậu tại quân cảng này thì hàng đoàn khu trục hạm thường xuyên tuần tiễu xung quanh sẵn sàng nhắm đạn vào bất cứ một chiếc tàu lạ nào dám bén mảng lại

gần. Ấy là chưa kể bản thân chủ lực hạm này cũng có lưới bảo vệ. Hồi đó tôi còn là một trung úy chỉ huy một chiếc tàu ngầm. Trong tàu còn có hai thiếu úy và một thủy thủ. Cả đội tàu ngầm chúng tôi được bí mật đưa tới một vùng biển có địa hình tương tự như vịnh An-đen Phoóc để tập cách đánh chiếc Tiếc-pít-dơ trong hai năm liền rông rã, loại tàu ngầm tí hon chúng tôi dùng hồi đó chỉ rộng có hai mét, dài mười ba mét. Loại này chỉ có thể hoạt động được ở vùng biển tương đối nông. Vì máy chạy bằng điện ắc-quy nên năng lượng dự trữ rất ít. Vì vậy chúng tôi phải nhờ tới loại tàu ngầm lớn kéo đi. Đêm hôm đó, thời tiết xấu, bầu trời đen kịt như chực đổ mưa. Chúng tôi lên đường. Nói cho đúng hơn thì một đội tàu ngầm lớn bí mật kéo đội tàu ngầm tí hon chúng tôi đi khá lặng lẽ. Chỉ còn cách vịnh An-đen Phoóc độ bốn mươi lăm hải lý thì đội “tàu ngầm mẹ” thả chúng tôi ra rồi quay về. Lúc đó chúng tôi mới cho mở máy tiến dần vào vịnh. Bọn Đức bảo vệ quân cảng này khá chu đáo. Tàu chúng tôi chạy chỗ nào cũng vướng phải chướng ngại vật. Nhìn những cái cọc chống tàu ngầm đã khiếp, nhưng nếu sơ ý đụng phải lưới chống ngầm lại càng nguy hiểm hơn. Đó là những sợi dây cáp bện khá to, lại đan thành những mắt lưới vuông mỗi bó dài khoảng gần bốn mét. Lưới móc vào phao nổi có sẵn thiết bị đặc biệt và có neo bắt chặt lấy. Lưới bố trí dày đặc đến nỗi có một số tàu ngầm khác không thể nào vượt qua nổi. Ngay đến chiếc tàu ngầm của tôi cũng suýt đâm phải lưới chống ngầm.

Các bạn thử tưởng tượng xem - Mặc giơ tay ra hiệu cho mọi người chú ý - Nếu sơ ý đâm vào lưới ấy à, các phao sẽ chìm xuống rồi lại bật nổi lên ngay và phát sáng rực cả một vùng biển. Hàng chục chiếc khu trục hạm tuần tra cạnh đó sẵn sàng nổ súng hoặc phóng ngư lôi về phía có tàu ngầm và tiêu diệt ngay tức khắc.

Ngoài loại lưới tín hiệu phát sáng kể trên còn có một loại lưới nổ rất nguy hiểm. Đó là những viên đạn nổ loại lớn mắc vào lưới, chỉ cần tàu ngầm đụng phải là đạn nổ liền tiêu diệt tàu ngầm không cần phải nhờ tới loại khu trục hạm hay tuần dương hạm khác.

Cuối cùng chỉ còn có tàu ngầm tí hon của tôi và của trung úy Kiếc-xơ là vượt qua được chặng đường hiểm nguy này, tiến lại gần được chiếc Tiếc-pít-dơ. Qua kính tiềm vọng, tôi nhìn rõ chiếc chủ lực hạm đồ sộ này để có lượng giãn nước tới 45.000 tấn. Đúng như bọn Đức thường tuyên truyền huênh hoang trên, báo chí và đài phát thanh của chúng. Hẳn bọn Đức chủ quan tin vào quân cảng của chúng là bất khả xâm phạm, nên bọn sĩ quan và thủy thủ trên tàu vẫn nhởn nhơ: đưa uống rượu, đưa ca hát om sòm, tiếng cười đùa, la hét vang cả mặt biển.

Biết trung úy Kiếc-xơ cũng vừa cho tàu nổi lên, tôi hướng thẳng tàu vào tuần dương hạm và cứ thế tới tấp phóng ngư lôi. Tàu ngầm của Kiếc-xơ cũng phối hợp nhíp nhàng như vậy. Chỉ có hai chiếc mà chúng tôi dám vây lấy “pháo đài nổi” này phóng ngư lôi loạn xạ tưởng chừng như nó đang bị một đoàn tàu khá đông bao vây vậy. Bị tấn công bất ngờ, lúc đầu bọn Đức tỏ ra rất hoang mang, nhưng sau trấn tĩnh lại, đoán chừng số tàu đối phương tấn công không đông lắm, chúng bèn cho nổ tất cả các loại súng trên tàu. Lưới lửa dày đặc đến nỗi các sĩ quan và thủy thủ trên hai chiếc tàu ngầm cảm thấy không thể nào chịu nổi đòn trừng phạt sấm sét này. Biết chắc không thể trốn thoát được, họ bàn nên tự đánh đắm tàu và ra hàng. Riêng tôi, còn giữ danh dự của hải quân Anh nên sau khi tàu tự đánh đắm, tôi cố bơi lọt được vào bờ trốn lên núi. Sau đó tôi được thăng cấp từ trung úy vọt lên thiếu tá không phải qua cấp đại úy.

Với giọng nói say sưa, thiếu tá thuyền trưởng Mặc thường kể lại chiến công đó cho các thủy thủ trên khu trục hạm nghe như vậy.

Từ ngày được thăng lên trung tá, điều về làm việc tại bộ tham mưu hải quân Anh, Mặc không hết lời đề cao các loại tàu ngầm: Bất cứ nước nào muốn làm chủ trên mặt biển nếu chỉ trông chờ vào hạm tàu trên mặt nước thì không được, phải có tàu ngầm.

Mặc cũng không hề giấu giếm gì việc tàu ngầm Đức trong đại chiến thế giới lần thứ nhất đã đánh đắm tới sáu ngàn tàu buôn của đồng minh, cắt đứt đường tiếp tế, bao vây chặt chẽ và đẩy nước Anh vào một tình trạng

thiếu nguyên liệu chiến lược và lương thực hết sức trầm trọng. Trong đại chiến thế giới lần thứ hai sự kiện đau xót này lại lặp lại một lần nữa, mãi tới năm 1943 nhờ Hồng quân Liên xô đánh mạnh ở phía đông, gây thiệt hại khá lớn cho quân Đức, trong đó có tàu ngầm, nên nước Anh mới thoát khỏi cảnh bị phong tỏa nghiêm ngặt.

Cũng trong chiến tranh thế giới lần thứ hai, trong số 4.770 tàu chở hàng của Mỹ, Anh và một số nước trung lập khác bị đánh đắm thì gần nửa là do chiến công của tàu ngầm Đức.

Trong khi Mắc nêu chiến công lẫy lừng của một chiếc tàu ngầm Xô-viết thuộc hạm đội Ban-tích ngày 30 tháng 1 năm 1945 đã dùng thủy lôi nhấn chìm chiếc tàu Vin-hem Gút-xtáp của Đức xuống biển mang theo 8.700 sĩ quan và lính phát xít trong đó có 3.700 tên khá thành thạo về tàu ngầm đủ sức sử dụng ngay, chín mươi chiếc, Mắc cũng không quên nhắc đến loại tàu ngầm “bỏ túi “ của Đức trong đó có biên đội “Chó biển” đã từng tung hoành dọc ngang ở Bắc Hải, đánh đắm hàng chục chiếc tàu khác.

Có lẽ vì quá say sưa và đánh giá cao về tàu ngầm nên một số bạn bè quen biết ở bộ tham mưu hải quân Anh thường gọi Mắc Hin-đốc-len bằng biệt hiệu “trung tá tàu ngầm”.

Không hiểu vì có chủ bụng sẵn hay không nhưng trong nhiều dịp, Mắc Hin-đốc-len thường đưa con trai đầu lòng của mình xuống thăm các loại tàu ngầm. Và chỉ ít lâu sau Giôn Hin-đốc-len cũng trở nên say mê tàu ngầm như bố. Ngay khi còn học ở trường đại học, Giôn Hin-đốc-len thường trao đổi với bố về một nhận xét mà theo Mắc, nhận xét này khá tinh tế và có tính chất khái quát:

- Trong chiến đấu trên mặt biển, số dĩ số tàu ngầm bị tiêu diệt nhiều vì ba lý do: trước hết tàu ngầm không thể lặn nhanh được sau khi phóng ngư lôi. Lý do thứ hai là tàu ngầm thường vẫn phải nổi lên mặt nước mới có thể nạp điện cho ắc-quy được. Thứ ba là khi lặn, tàu ngầm “chạy” khá chậm, do đó dễ bị đối phương phát hiện và tiêu diệt dễ dàng.

- Nhận xét của con rất phù hợp với ý nghĩ của ba... Viên trung tá Anh hỏi con - nhưng để rồi con sẽ đi đến kết luận gì?

- Con sẽ đi sâu nghiên cứu để giải quyết vấn đề nâng cao tốc độ và tăng cự ly lặn của tàu ngầm - Giôn Hin-đốc-len nói-Như vậy sẽ có hai hướng thường được các công trình sư rất chú ý: một là hoàn thiện hình dáng vỏ tàu, hai là tăng công suất của động cơ điện và dung lượng của ắc-quy. Con sẽ đi vào hướng thứ hai.

- Rất tốt! - Mặc nắm chặt tay con nói - Con đúng là con yêu của ba. Cùng một chí hướng với ba.

Kỹ sư Giôn Hin-đốc-len chăm chú nhìn sơ đồ ống sơ-noóc-ken. Đây đây là ống dẫn không khí trong sạch, đây là nắp đậy, đây là đầu ống có nắp hơi, ăng-ten, phao bơi, đây là “lưỡi trai” để đưa ống thoát hơi ra ngoài, đây là nắp hơi.

Hình như càng nghiên cứu kỹ sơ đồ loại ống hơi đặc biệt này, Giôn Hin-đốc-len càng thấy phục nhà phát minh Nga N.A.Gu-dim, thuyền trưởng tàu ngầm A-cu-la. Chỉ tiếc ông ta chết sớm trong một tai nạn tàu ngầm từ năm 1915, chứ nếu không thì hẳn Gu-dim còn có thể có những sáng chế đặc biệt nữa.

Trước đây, tàu ngầm Đức hề chạy được một thời gian lại phải nổi lên mặt nước để nạp điện cho ắc-quy nên thường bị ra-đa trên máy bay phát hiện và bị đánh đắm. Nhưng kể từ ngày được trang bị loại ống thông hơi đặc biệt “sơ-noóc-ken” này rồi thì tàu ngầm Đức đã có thể nạp điện cho ắc-quy không phải nổi lên mặt nước nữa, do đó thời gian tàu bơi ngầm tăng lên khá nhiều.

Được trang bị “sơ-noóc-ken” rõ ràng tàu ngầm đã tiến được một bước nhưng theo Giôn thì về cơ bản “sơ-noóc-ken” vẫn chưa giải quyết được vấn đề hợp nhất động cơ của tàu ngầm. Dù sao tàu vẫn dùng những bộ ắc-quy cồng kềnh, lặn ở độ sâu lớn, tàu vẫn phải dùng động cơ điện để chạy. Thêm vào đó, “sơ-noóc-ken” cũng có làm ảnh hưởng đến tốc độ của tàu. Ấy là không kể khi tàu chạy, ống “sơ-noóc-ken” để lại trên mặt biển những vệt

nước, khác nào “lạy ông tôi ở bụi này”, báo tin cho tàu đối phương biết mình đang ở đây.

Giôn đã từng nghiên cứu tỉ mỉ từ loại tàu ngầm đóng từ năm 1863 chạy bằng máy không khí nén, chuyển sang loại tàu 1880 dùng máy chạy xăng.

Năm 1906, nhà máy kim khí Pê-téc-bua, theo đề án của nhà bác học Nga, Đơ-gie-vi-ét-xky đã đóng xong chiếc tàu ngầm thí nghiệm Pốt-tơ-rơ-tô-vui. Tàu có đặt hai động cơ ét-xăng lắp trên cùng một trục chân vịt dùng để chạy khi nổi cũng như khi lặn. Dĩ nhiên máy chạy xăng có nhiều ưu điểm hơn máy hơi nước như hiệu suất cao, trọng lượng nhẹ và có thể mở máy nhanh hơn nhưng loại máy chạy xăng này cũng lộ rõ khá nhiều nhược điểm. Trước hết là tàu thường vẫn phải nổi lên để lấy không khí vì có không khí thì máy chạy xăng mới có thể trộn với hơi xăng để biến thành một hỗn hợp nổ. Tàu ngầm thường nhỏ, lượng không khí dự trữ chẳng nhiều nhận gì. Trong lúc máy chạy lại xả hơi các-bon-níc, đầu độc bầu không khí trong tàu. Ấy là không kể công suất của máy bị hạn chế và hơi xăng dễ bắt lửa, bốc cháy, nổ gây tai nạn trong tàu.

Chỉ riêng việc tàu ngầm phải nổi lên luôn cũng đã là điều nguy hiểm vì nó dễ biến thành mục tiêu của đối phương. Đó là chưa kể tàu ngầm dùng loại động cơ xăng khi chạy sẽ thải khói đen phun ra biển, để lại những vết dầu loang trên mặt nước nên tàu dễ bị lộ, đối phương dễ dàng phát hiện thấy... Đơ-gie-vi-ét-xky cho đặt máy điện năm 1884. Thật ra thì loại máy điện này do nhà bác học Nga B.S.I-a-cô-bi phát minh ra từ năm 1838, ông đặt trên tàu thủy cho chạy thử trên sông Nê-va ở Pê-téc-bua nhưng vì nó cồng kềnh, năng lượng lại quá ít, chỉ đủ chạy trong vài giờ, công suất quá bé so với máy hơi nước. Nhưng cải tiến dần, sau này động cơ điện cũng có thể đạt tới năm nghìn mã lực. Khi dùng để quay chân vịt, máy điện đóng vai trò của động cơ điện nhưng khi dùng để sinh ra điện thì nó lại trở thành máy phát điện. Mà trên tàu ngầm thì hầu như máy móc, khí tài nào cũng dùng đến điện cả: từ máy vô tuyến điện, ra-đa trong đó có cả loại ra-đa thám thủy tới điện thoại, loa phóng thanh, các loại đèn, quạt máy, máy

thông gió... nhất nhất đều cần đến điện. Nhưng khi tàu ngầm nổi lên mặt nước, máy điện sẽ biến thành máy phát điện để nạp điện cho ắc-quy và khi tàu lặn xuống lại đến lượt ắc-quy cung cấp điện cho các loại máy móc, động cơ, khí tài, thiết bị... trên tàu.

Giôn Hin-đốc-len gần như nằm bò trên bản thiết kế một loại động cơ hợp nhất dùng cho tàu ngầm. Anh đánh dấu chỉ vào một số chi tiết máy rồi ngồi thẳng người lên quan sát kỹ. Đó chẳng qua cùng chỉ là máy đi-ê-den Giôn nhớ lại trước đây khi kỹ sư Đức Ru-đôn-phơ Đi-ê-den phát minh ra loại máy đi-ê-den chạy bằng dầu ma-dút thì người ta đã nghĩ ngay tới việc cho tàu ngầm chạy bằng loại động cơ này. Cũng năm 1906, chiếc tàu ngầm đầu tiên trên thế giới chạy bằng động cơ đi-ê-den của Nga ra đời tại xưởng Ban-tích. Chiếc Mi-nô-ga này dài tới hơn ba chục mét, đặc biệt có két nước đặt ở phần cuối làm cho tàu lặn được sâu nhưng thiếu sót của nó là cả máy điện công suất 70 mã lực lẫn máy đi-ê-den công suất 120 mã lực đều quay một trục chân vịt.

Sau đó năm năm, chiếc A-cu-la của Bút-nốp ra đời nhờ đặt ba máy đi-ê-den và một máy điện mà tàu có thể chạy xa một nghìn hải lý và hoạt động một mình được hai tuần lễ liền.

Dùng dầu ma-dút để chạy máy đi-ê-den trên tàu ngầm rõ ràng là rẻ tiền, lại an toàn nhưng phải cái chỉ dùng được khi tàu chạy trên mặt nước, khi lặn tàu phải dùng động cơ điện.

Nhưng ở loại động cơ hợp nhất này thì máy đi-ê-den lại dùng một loại chất đốt đặc biệt vô cùng dồi dào lấy từ nước biển để chạy máy khi lặn. Chỉ khi tàu ngầm nổi lên mặt nước, “máy điện tích” mới có thể phân tích nước biển để rút lấy ô-xy và hy-đrô chứa các loại két riêng biệt khi nào tàu lặn xuống nước mới cho chạy vào động cơ. Lúc ấy hy-đrô sẽ cháy trong ô-xy, sinh ra hơi nước làm quay chân vịt.

Dùng loại động cơ này vẫn có khuyết điểm là mỗi khi lấy “chất đốt” tàu vẫn cứ phải nổi lên mặt nước. Như vậy vẫn cứ dễ dàng bị tàu đối phương phát hiện và tiêu diệt.

Vậy nên giải quyết vấn đề động cơ như thế nào đây?

Đã nhiều lần Giôn mơ ước nước Anh có được loại tàu ngầm đạt được tới tốc độ 60 hải lý/giờ, nó có thể đi một vòng trái đất liền một mạch, không phải dừng lại nơi nào để lấy chất đốt. Muốn cho tàu lặn lâu và sâu, ngoài vỏ cần bền chắc ắt phải có đủ không khí cho thủy thủ trên tàu: tốt nhất là dùng một phương pháp hóa học nào đó để “rút” lấy ô-xy từ ngay trong nước biển. Tất cả máy móc trên tàu, ngay cả động cơ chính cũng phải gọn nhẹ, dành đủ chỗ cho thủy thủ sống thoải mái; người thủy thủ mới có thể chịu được những chuyến đi vòng quanh thế giới, không phải đổ bộ lên đất liền.

Khói thuốc lá vẫn bốc lên từ cái gạt tàn. Giôn nhấp một hợp cà phê rồi ra bàn làm việc.

Vừa lúc đó có tiếng chuông điện thoại. Nghe tiếng chuông réo giật từng hồi. Giôn biết ngay hẳn có việc cần kíp. Anh vội đặt bút xuống bước lại gần máy nói, cầm lấy ống nghe.

- Có phải Giôn đấy không?

Nghe tiếng nói quen thuộc, Giôn đã nhận ra ngay.

- Ba đấy ả?

- Đúng ! - Tiếng Mác Hin-đốc-len vang lên trong ống nói - Ba vừa nhận được tin cấp báo bọn Đức vừa cho đánh đắm toàn bộ một loại tàu ngầm mới chế tạo xong chưa kịp dùng. Theo tin đầu cho biết thì đây là những phát minh mới nhất của một nhà bác học Đức. Trước sức tấn công như vũ bão của Hồng quân Liên Xô, bọn phát xít không muốn để rơi những phát minh này vào tay đồng minh. Vậy con có thể thu xếp đi ngay cùng với một số chuyên viên quân sự, công trình sư hiện đã có mặt ở đây.

- Con sẽ thu xếp đi ngay... - Giôn, nên nhớ rằng: không cứ gì riêng nước Anh, mà tất cả các nước Mỹ, Pháp, Ý, Tây Ban Nha... đều cố gắng tranh thủ để tận dụng toàn bộ kinh nghiệm đóng tàu ngầm của Đức, nhất là loại “tàu ngầm bỏ túi”.

- Vâng! Con sẽ đi ngay!

Có lẽ bọn phát xít Đức đã dùng một loại chất nổ mạnh để phá hoại số tàu ngầm mới này nên khi Giôn Hin-đốc-len và đoàn chuyên viên quân sự Anh tới bờ biển thì một số thợ lặn vừa ở dưới nước lên cho biết hoàn toàn không còn một chiếc tàu ngầm nào còn nguyên vẹn cả.

Ngay từ lúc đầu tới đây, nhìn mảnh vỡ tàu và một số di tích đồ vật khác nổi lềnh bềnh trên mặt nước, Mac Hin-đốc-len đã nhận ra ngay đó là, những mảnh tàu ngầm bị phá hoại.

Trung tá Mắc nói với số thợ lặn đứng gần đó:

- Các anh cho thu nhặt tất cả những di tích gì còn lại ở đám tàu này, từ mảnh vỏ tàu, vách ngăn, sườn tàu, nếu lấy được cái gì còn nguyên vẹn thì càng tốt.

Hình như càng nhìn những mảnh đồ vật trôi lềnh bềnh trên mặt biển, kỹ sư Giôn càng thấy chúng trở nên hấp dẫn. Nhất định phải có phát minh gì mới mẻ đây, nên bọn Đức mới dám làm như vậy. Trước khi hành động, hẳn chúng đã thừa biết bản thông cáo của quân đội đồng minh đe dọa sẽ nghiêm trị bọn phá hoại, nhất là phá hủy vũ khí và phương tiện chiến tranh.

Cầm hai mảnh vỏ tàu trong tay, Giôn biết ngay đây là một loại tàu ngầm hiện đại có hai vỏ. Những lá thép hàn điện bao lấy khung tàu tạo thành lớp vỏ trong dày khoảng từ mười đến hai mươi mi-li-mét. Có như vậy mới chống đỡ nổi với sức ép của nước biển. Người ta đã tính ra trung bình hể tàu lặn sâu xuống mười mét thì mỗi một xăng-ti-mét vuông vỏ tàu phải chịu thêm sức ép một ki-lô-gam. Chính nhờ vỏ trong bằng thép tốt này mà tăng cường được cho thân tàu thêm vững chắc.

Một kỹ sư ngồi cạnh Giôn vừa đo chiều dày vừa nói:

- So với mũi và đuôi tàu thì vỏ ở giữa tàu có dày hơn.

Căn cứ vào những mảnh vỏ trong tàu của nhiều chiếc ghép lại, một kỹ sư khác đã có thể vẽ nên đúng hình vỏ trong của tàu. Đó là một điều xì gà

khổng lồ, phía giữa to và tròn, hai đầu thon dần lại. Lòng tàu dài tới tám mươi mét, rộng tám mét.

- Vỏ trong là lớp vỏ kín nước hoàn toàn - Viên kỹ sư ngồi cạnh Giôn vẫn tiếp tục đo mảnh vỏ ngoài và thông báo - So với lớp vỏ trong; những lá thép tạo nên vỏ ngoài mỏng hơn.

Chùng như để chứng tỏ mình cũng không đến nỗi kém cỏi lắm về chuyên môn, người thư ký nói chen vào.

Công dụng chủ yếu của vỏ ngoài chẳng qua là để chứa nước làm tăng trọng lượng cho tàu khi lặn xuống mà thôi. So với vỏ trong, vỏ ngoài mỏng hơn kể cũng dễ hiểu vì nó không phải chịu sức ép của nước lớn như vỏ trong.

Tàu ngầm dùng loại vỏ kép thế này nhất định sẽ ổn định hơn, dễ điều khiển, cơ động. Mà dù vỏ ngoài có mỏng đấy nó vẫn có thể bảo vệ phần nào được cho vỏ trong khỏi bị trúng đạn, mảnh bom hoặc ngư lôi.

Nhận ra một cái nắp rất chắc nước không thấm vào trong, đẩy lên một chỗ hình tròn làm cửa lên xuống cho thủy thủ khi tàu nổi, viên kỹ sư này còn tìm ra khoang đặc biệt để thủy thủ trốn ra ngoài khi gặp tai nạn bất thường.

Dần dần tất cả bảy khoang trong tàu đều được dựng xong. Căn cứ vào bản vẽ từng khoang, Giôn dễ dàng nhận ra khoang thứ nhất có chứa máy phóng ngư lôi và một số ngư lôi. Khoang thứ hai có hai tầng: buồng sĩ quan nằm trên, phía dưới là buồng ắc-quy. Khoang thứ ba là đài chỉ huy trung ương để chỉ huy, tàu xem ra cũng không có gì đặc sắc cả nghĩa là cùng tập trung hầu hết các khí tài, máy móc điều khiển và chỉ huy chiến đấu. Khoang cuối cùng là khoang ngư lôi cũng vậy, ngoài máy phóng ngư lôi và một số ngư lôi dự trữ ra, còn có buồng sử dụng vòng lái dự bị lái hướng tàu bằng tay.

Hầu như chiếc tàu ngầm nào cũng bị phá ở khoang thứ năm và khoang thứ sáu. Hai khoang này thông thường chỉ có thể là nơi đặt máy đi-ê-den và máy điện.

- Có lẽ tất cả những bí mật ở loại tàu ngầm này là nằm ở đây - Giôn nói với mọi người - không bao giờ mà ngẫu nhiên, bọn Đức lại cho đặt chất nổ vào đây. Do đó chúng ta phải tập trung vào chỗ này cố tìm cho ra bất cứ một dấu vết gì có thể giúp ta mở ra được tấm màn bí mật.

Viên kỹ sư ngồi ở góc bên phải nói:

- Biết đâu điều bí mật đó lại không nằm ở ngay đài chỉ huy: chẳng hạn như bọn Đức mới phát minh ra được một loại kính tiềm vọng thật đặc biệt nào đó, hoặc bộ máy đo độ sâu hay có thể là một loại vũ khí bí mật nào đó trang bị cho tàu ngầm.

- Tôi tin không phải như vậy! - Giôn lắc đầu nói - Vì nếu đúng thế, chúng chỉ việc tháo ra dễ dàng, quăng xuống biển là xong. Nhưng dù sao thì vẫn cứ phải kiểm tra lại toàn bộ những chỗ nghi ngờ.

Sau đó, Giôn lên xe ô-tô ra bờ biển. Gặp đội trưởng đội thợ lặn, Giôn nói luôn:

- Nhờ các anh chú ý cho khoang thứ năm và khoang thứ sáu.

Người đội trưởng đáp:

- Chúng tôi đã chú ý tới tất cả các khoang.

Giôn vẫn mềm dẻo nói:

- Thế là tốt rồi nhưng dù sao đối với hai khoang này cũng nên để ý hơn cho một chút.

Người đội trưởng nói:

- Cái khó đối với chúng tôi là loại tàu ngầm mới này mới nguyên, không ở tình trạng đang sử dụng, do đó suy xét khó, chúng tôi hể cứ vớ được bất cứ cái gì đều chuyển lên luôn.

- Được! Như thế là rất tốt. Tôi sẵn sàng ngồi chờ ở đây.

Nghe Giôn nói vậy, người đội trưởng bèn ra hiệu cho một người thợ lặn đứng cạnh đang sửa soạn xuống nước:

- Chú ý khoang năm và sáu nhé!

Một giờ đồng hồ sau, Giôn nhận được một số mảnh bao chất dẻo đặt giữa hai lớp vỏ tàu ngầm phía dưới. Còn trong khoang năm và sáu chỉ tìm thấy vết tích của hai loại kết to nhỏ khác nhau không rõ là đựng gì, hình như có cả máy bơm.

Giôn đang loay hoay với những mảnh bao chất dẻo thì một kỹ sư lại gần đưa một bản báo cáo tường tận của một số kỹ sư khác điều tra kỹ tất cả những gì còn lại trong đài chỉ huy: từ kính tiềm vọng, la bàn, máy tính đường, máy đo sâu cùng với toàn bộ các phương tiện thông tin, quan sát. Rồi chuyển sang vũ khí trên tàu vẫn không phát hiện thấy điều gì đặc biệt cả.

Giôn đi tới kết luận:

- Toàn bộ bí mật của loại tàu ngầm mới này của bọn Đức là nằm ở động cơ chính dùng trên tàu.

Ngay tối hôm đó, Giôn về báo cáo mọi việc thật tường tận với Mắc Hin-đốc-len. Mắc Hin-đốc-len nói:

- Bố đã liên lạc từ mấy tuần nay với cơ quan tình báo Anh. Theo họ cho biết thì nhà phát minh và những người có liên quan đến loại tàu ngầm mới này chưa thể đi xa khỏi đây được. Liệu con có thể giúp đỡ họ một phần trong việc này không? Họ cần một người am hiểu về chuyên môn, nếu được một công trình sư chuyên nghiên cứu về động cơ tàu ngầm thì rất tốt.

Giôn mỉm cười:

- Bố muốn con trở thành một tình báo... công nghiệp, ít ra cũng là trong trường hợp này!

- Đúng thế! Vấn đề này rất quan trọng! Chiến tranh công nghiệp còn dai dẳng khủng khiếp hơn chiến tranh quân sự rất nhiều. - Mắc châm thuốc hút - Trong khi con vùi đầu vào nghiên cứu ròng rã mấy năm trời không tìm ra được một loại động cơ gì mới mà giờ đây bằng một biện pháp khác, ta lấy được tất cả bí mật của loại động cơ đó, trong một thời gian ngắn thì vẫn cứ tốt chứ sao?

Không hiểu có phải vì để động viên con trai hay không, Mặc nói:

- Chắc con chưa biết đấy thôi chứ luật pháp một số nước đã quy định cho phép tình báo công nghiệp “có quyền ăn cắp” phát minh của nước khác đem về cải tiến đi độ ba mươi năm phần trăm thì tình báo viên công nghiệp đó sẽ được công nhận bằng phát minh.

Nghe đến đây, đôi mắt Giôn sáng hẳn lên.

- Với số vốn tiếng Đức khá thạo của con, với những cuốn tiểu thuyết tình báo con đọc rất say sưa từ hồi nhỏ cộng với một số kiến thức tình báo sẽ được học, ba tin con sẽ thành công trong việc này!

Để cho Giôn yên lòng, Mặc nói thêm:

- Hiện nay cơ quan tình báo ta ở đây đã tung một mạng lưới khá dày để trong một thời gian ngắn nhất có thể vây bắt được nhà phát minh Đức này! Con cứ yên trí là: lúc nào bên cạnh con cũng có người theo sát bên cạnh để bảo vệ khi cần thiết. Theo cơ quan tình báo Anh thì vai trò quan trọng của con chính là ở giai đoạn: sau khi đã bắt cóc được nhà phát minh.

*

Việc tìm nhà bác học Đức trong cái biển người hỗn độn ở đây quả là còn khó hơn việc “mò kim đáy biển”. Từ ngày đóng vai một thợ máy Đức thất nghiệp hết lang thang ở bến tàu lại lảng vảng gần quán rượu. Giôn vẫn không sao tìm ra được một tí manh mối gì về nhà bác học Đức cả. Suốt hai tuần nay nhập vào dòng người Đức hồi cư về quê hương đi về phía tây. Giôn vẫn lững thững kéo lê đôi chân mệt mỏi. Tới một bãi cỏ ven đường, thấy một số người dừng lại để nghỉ. Giôn cũng kiếm một gốc cây trái chiếc chần cũ ra định nằm xuống thì chợt thấy một người vạm vỡ xách một cái túi nặng lững thững đi. Trên bãi cỏ lúc này, những người nghỉ chân bên đường đã đặt xuống cạnh họ những gói, những bọc, va-li chồng chất cạnh những chiếc xe nô trẻ em chứa đầy đồ đạc linh tinh. Cả một đồng ngồn ngang gần như che kín mít cả lớp cỏ xanh.

Anh trông vạm vỡ kia chắc cũng muốn nghỉ chân. Kiếm mãi chưa được một chỗ nào đủ để đặt cái bao nặng xuống nên anh ta đành cứ vác đi. Dù phải len lỏi giữa đồng đồ đạc lổm chổm, trên, vai vác nặng xem ra anh ta vẫn bước đi thoăn thoắt không hề động chạm vào một tí gì. Anh lách rất khéo nom thật chẳng khác gì một con rắn đang nhẹ nhàng trườn đi giữa những khe đá ngoằn ngoèo. Đúng dáng đi của một thủy thủ tàu ngầm. Cuối cùng rồi anh ta cũng tìm được một chỗ để có thể đặt cái bọc to tướng ấy xuống. Công việc đầu tiên của anh ta là lau mồ hôi trán rồi cởi cúc áo ngực phía trên để lộ ra một bộ ngực vạm vỡ xăm hình một con tàu nhà khói, chên chếch về phía tim là khuôn mặt một cô gái lồng trong một ngôi sao. Hãn anh chàng khát nước lắm đây! Cứ nhìn anh ta giương mắt chòng chọc vào một cái cà-mèn nước treo trên mấy cái chạc cây đang đùn thì đủ rõ.

Giôn bèn lấy bi-đông của mình ra, mở nút uống cố tình uống ừng ực từng ngụm. Quả nhiên anh ta bước lại gần Giôn, Giôn chìa bi-đông nước ra:

- Hãn đằng ấy đang cần thứ này? - Giôn hỏi.

- Đúng! - anh chàng nọ đáp, giọng sặc mùi rượu, chẳng hiểu anh ta kiếm được rượu ở đâu ra lúc này. Chẳng khách khí gì, anh ta đỡ lấy bi-đông uống luôn một hơi rồi quẳng bi-đông xuống bãi có nói - Nước của đằng ấy còn ít quá, chỉ tổ làm cho tớ khát thêm.

- Thì ta lại đùn nữa! Tôi có cà-mèn đây! - Giôn chìa cà-mèn ra đưa cho anh ta. Anh ta lừng thững đi xuống suối.

- Đây, uống xong đằng ấy sẽ đi đâu?

- Cũng chưa định! Mấy lị cuộc đời tớ lang thang quen rồi!

Giôn vội hỏi:

- Trong chiến tranh đằng ấy làm nghề gì?

Anh chàng vạm vỡ khẽ rí tai Giôn:

- Tớ làm thủy thủ.

- Xin bắt tay ông bạn đồng nghiệp! - Giôn bắt tay người kia xong, chỉ vào ngực mình, bảo - chỉ nói riêng với cậu tớ là thủy thủ tàu ngầm “Chó biển”

- Trời! - Anh chàng vạm vỡ kia reo lên - Từ đầu chiến tranh tớ đã từng ngồi trong một chiếc tàu ngầm len lỏi được vào một căn cứ hải quân Anh bảo vệ rất nghiêm ngặt là Sca-pa-phlao và tổng cổ chiếc thiết giáp hạm Roay-an-ốc của Anh xuống biển. Năm 1944 tớ lại “tham gia” vào việc đánh đắm chiếc hàng không mẫu hạm Anh Ác-cơ Roay-an ở eo biển Gi-bran-ta. Tớ đã từng dọc ngang một thời suốt từ Địa Trung Hải qua eo biển Đác-đa-nen rồi Bốt-x-pho tới Hắc Hải.

Giôn reo lên:

- Bắt tay người bạn chiến đấu tới hai lần. Xin chào một vị anh hùng. Còn tớ đây, tớ đã từng thoát chết nhiều lần. Có gì đâu: bị bọn tàu Anh đuổi thì chỉ việc phụt một ít dầu qua nắp van và dùng ống phóng lôi “phóng” ít mảnh ván ra ngoài cho chúng nổi lên mặt nước, rồi nằm bẹp dí một chỗ, tắt máy đi. Thế là nhìn đồng gỗ lỏng chổng lẩn với dầu, bọn Anh yên chí là tàu bị đắm. Rồi chờ lúc nó sơ ý nhất thì bất ngờ nổi lên phóng cho nó một quả ngư lôi rồi chuồn thẳng. Dĩ nhiên là nó chết thôi!

Chàng thủy thủ chờ mãi không thấy cà-mèn nước sôi, bèn vừa đẩy củi vừa sốt ruột lau bàu chửi thề:

- Bếp với nước chết tiệt! Khát cháy cả cổ.

Giôn mỉm cười nói:

- Cậu nên nhớ là muốn đun một gam nước nguyên chất lên một độ thì cần có một ca-lo. Đẳng ấy thật chẳng hiểu gì cả.

Chàng thủy thủ nọ đáp:

- Về cái khoản ca-lo, tớ còn giỏi hơn cậu. Hồi tớ vừa được chuyển lên một chiếc tàu ngầm mới tinh... à thôi. Này, cậu có biết một ki-lô pe-ô-xýt hy-dro nếu đem phân hóa thành nước và ô-xy tự do nó sẽ nhả ra bao nhiêu ca-lo không?

Giôn lắc đầu:

- Cái ấy thì quả thật tớ chịu.

- Đấy tớ biết ngay mà! - Tên thủy thủ Đức giơ tay lên nói - Nó sẽ nhả ra 552 ki-lô ca-lo. Hỗn hợp này có áp suất cao tới ba mươi át-mốt-phe, người ta sẽ đưa nó vào các cánh quạt làm quay tua-bin không?

- Một loại tàu ngầm mới? - Giôn khẽ lẩm bẩm - thế nó chạy bằng thứ mà đằng ấy vừa nói à?

- Đúng thế! - Tên thủy thủ Đức chép miệng - Tiếc là hàng loạt tàu mới chưa được dùng đã phải đem phá...

- Thế mới biết đầu óc con người ta thật là kỳ diệu! - Giôn sững sốt hỏi - Này thế cái ông bác học phát minh ra loại tàu ngầm mới này, người thế nào? Có phải ông ta trán hói, đôi mắt xanh biếc lộ đầy vẻ thông minh, đi đâu cũng ôm theo hàng tập sách dày cộp, mắt đeo kính cận?

Tên thủy thủ Đức cười:

- Hoàn toàn khác hẳn! Ông ta rất bình thường, người hơi gầy như đằng ấy, trán không hói. - ông ta không đeo kính cận... à mà có ảnh của ông ta đây!

- Nói tới đây tên này lấy trong bọc ra một tấm ảnh cũ đã ố vàng, một vài chỗ bị loang lỗ có lẽ vì nước biển. Hắn chỉ vào một người gầy gầy hơi dong dong cao đang quay người nói chuyện với một số sĩ quan và thủy thủ - trong đó có tên này - ở trên một chiếc tàu ngầm loại mới đóng xong:

- Ông ta đấy! Nhà bác học Van-te Hen-mút đã từng được tặng thưởng huân chương về việc phát minh ra chiếc tàu ngầm Mê-tê-o-rơ.

Vừa lúc đó cà-mèn nước sôi. Câu chuyện giữa hai người như đứt không ra. Mặc dù Giôn cố nài mời tên thủy thủ này, về nhà mình chơi nhưng hắn vẫn cương quyết từ chối.

- Này! Thế đằng ấy liệu có biết giờ ông Van-te ở đâu không?

Tên thủy thủ Đức cười:

- Đến ngay tớ, chính tớ cũng không biết là hiện nay mình ở đâu? Trên đất Anh hay đất Đức? Pháp hay Mỹ? Huống chi là ông Van-te?

Mặc dầu biết là không thể khai thác được chút gì thêm ở tên này nữa, nhưng sau đó Giôn cũng lại một trạm điện thoại gần đây gọi dây nói cho cơ quan tình báo Anh tới bắt tên này đi.

*

Van-te Hen-mút lững thững đi, trên vai chỉ khoác độc một cái túi nhỏ. Sau khi đã đốt sạch mọi giấy tờ và tài liệu có dính dáng tới việc thiết kế loại tàu ngầm mới, hắn hóa trang thành một người thợ định tìm đường về quê ở vùng Rua.

Thật ra thì lúc đầu Van-te cũng không định về quê mình. Hắn định chạy về phía Tây nhưng từ lúc lạc mất vợ con trong một trận ném bom dữ dội của không quân Xô-viết, hắn mới có ý nghĩ trở về quê hương để hy vọng gặp được vợ con và dù sao ở đó cũng dễ kiếm việc làm hơn. Và nếu như không tìm thấy vợ con, hắn sẽ lại đi Hăm-buốc tìm về quê vợ.

Van-te bị cuốn vào dòng người phần lớn là các cụ già, trẻ em mồ côi... lẫn vào đám này Van-te nhận ra được một số binh lính cải trang trà trộn trong đó. Chỉ nhìn đôi mắt sợ sệt, lấm la lấm lét của chúng, nhất là vóc người và dáng đi sẽ dễ dàng nhận ra được bọn này ngay. Gặp nhau chúng thường thì thào to nhỏ, tụ tập thành từng toán rủ nhau đi đêm tránh đường cái.

Kinh nghiệm đã cho biết: trong lúc này tốt nhất là không nên dính líu đến bọn lính tráng dễ gây ra rắc rối, nguy hiểm.

Van-te xem lại chiếc băng trắng đeo trên tay, rõ ràng có cái dấu hiệu mong muốn hòa bình đó rồi mà hắn vẫn sợ. Hắn cảm thấy hình như lúc nào, ngay trong đám đông này cũng có kẻ rình mò dòm ngó hắn.

Tự nhiên Van-te nghĩ thấy tiếc những ngày qua. Không phải cái ngày cho hạ thủy những chiếc tàu ngầm loại mới, có các vị tướng hải quân tới dự. Van-te tiếc những ngày hắn còn là kỹ sư chế tạo động cơ. Đối với Van-

te thì làm sao đây tìm cho được những loại động cơ tốt nhất. Vẫn là động cơ nổ chạy xăng hay ma-dút, nếu dùng cho máy kéo bánh xích thì nó là một món hàng hòa bình; song vẫn động cơ đó, nếu đem lắp vào xe tăng, tất nhiên nó sẽ trở thành những con “cọp” hung hãn.

Đối với loại tua-bin hơi khí chạy bằng pe-ô-xýt hy-đrô của Van-te cũng thế. Van-te thường tự an ủi mình, nếu chẳng may sa vào tay quân đồng minh hẳn tin là hẳn vô tội.

Trời đã về chiều. Đường phố vẫn đông người. Họ đã nghỉ lại bên đường và giờ thức ăn ra ăn, người nào phận nấy, chẳng ai chịu san sẻ cho nhau lấy một mẫu bánh vụn. Ngay cả Van-te cũng vậy: Trong chiếc túi của hắn giờ chỉ còn độc một mẫu bánh mì, đáng ra hắn đã nuốt hết từ sáng, nhưng vì sợ buổi chiều không có chút gì nhấm nháp nên hắn đành để lại. Mẫu bánh chắc đã khô cứng, rắn như đá.

Vấn đề bây giờ là phải tìm cho được một nơi vắng vẻ để nghỉ chân, nếu được ở gần một suối nước thì càng thích, nhá loại bánh mì này, nếu không có nước thì nuốt làm sao được!

Mặc dòng người dừng lại, Van-te vẫn rảo bước đi, dẫn lên phía trước độ mấy trăm thước, Van-te phát hiện ra một ngôi nhà gần như che khuất trong rừng cây. Giá như không nom thấy lá cờ trắng làm bằng tấm vải trải giường treo trước cửa thì chưa chắc Van-te đã nhận ra ngôi nhà hai tầng này.

Một ngôi nhà hoang! Như vậy càng tốt!

Tuy nghĩ thế, nhưng theo thói quen hàng ngày, nhìn thấy cái nút trắng trên tường, Van-te cũng lại gần bấm chuông. Không thấy chuông reo, Van-te cứ từ từ bước vào. Hắn sờ vào tận túi áo trong lần ra bao diêm quẹt lấy một que. Ngọn lửa bùng sáng đủ để hắn nhìn thấy trong nhà đồ đạc ngổn ngang, giường tủ bị phá tan, dưới đất còn la liệt mấy chiếc quần ào cũ nằm lẫn với những mảnh bát đĩa vỡ.

Ăn xong, Van-te rất khát nhưng trong đêm tối hắn không dám mò mẫm đi đâu cả. Hắn giấu kỹ bao diêm vào túi áo trong. Bao diêm tính lại

giờ chỉ còn có mười hai que. Hẳn quý như vàng. Đi đường lang thang, có bao diêm trong người dù sao cũng yên chí hơn: có lửa để đun nước, có lửa để sưởi, có lửa để nướng thịt nếu như may mắn vớ được một con gà hoặc cừu nhà ai bị lạc.

Mặc dù yên chí là không bị quấy rầy và mưa gió cũng không sợ, mà không hiểu sao đêm hôm đó Van-te vẫn thao thức không ngủ được. Hình như thỉnh thoảng hẳn lại nghe thấy phòng bên có tiếng lục cục. Hay là có người nào cũng trần trọc như mình?

Mãi gần sáng, Van-te mới chợp mắt được một tý. Hẳn vừa thiếp đi thì chợt có tiếng vỏ đồ hộp rơi loảng xoảng làm hẳn giật mình tỉnh dậy. Van-te vừa nhồm lên đã thấy một bóng người bước nhanh lại gần hẳn và nói:

- Đẳng ấy cho xin tý lửa!

Van-te rất sợ nhưng rồi hẳn định thần lại. Tay hẳn đã đưa lên ngực định lần tay vào túi áo trong rồi lại bỏ xuống. Hẳn cảm thấy tiếc từng khúc ruột một. Nếu cho chỉ còn mười một que!

Hình như đã đọc được ý nghĩ của Van-te, người lạ mặt, miệng ngậm thuốc lá, mắt vẫn nhìn trừng trừng vào tận mặt Van-te và nói:

- Thôi bỏ diêm ra đi, tớ biết rồi!

Van-te đành phải lấy bao diêm ra, đánh một que chìa cho người lạ mặt châm thuốc. Xem ra người này vẫn không chú ý lắm vào đầu que diêm mà cứ nhìn chăm chăm vào mặt Van-te.

Van-te rất hoảng. Như vậy, rõ ràng đêm qua người lạ mặt nấy cùng ngủ ở đây và hẳn biết rõ là mình có có diêm. Có lẽ bây giờ tốt nhất là chuồn khỏi đây.

Châm xong thuốc, người lạ mặt chìa cho Van-te một điếu và nói:

- Đẳng ấy có hút không? Lấy một điếu!

Mặc dầu rất thèm thuốc, nhưng Van-te xua tay:

- Cảm ơn, tôi không hút thuốc.

Van-te định bước đi thì người lạ đó ngăn lại nói:

- Làm gì mà vội thế? Đẳng ấy định đi đâu bây giờ?

- Đi về phía này! - Van-te chỉ về phía đông người đang kéo nhau đi về phía Tây.

- Thế thì việc gì phải vội thế? - Người lạ mặt như cố níu Van-te lại - Dù sao cũng phải điếm tâm một chút gì chứ!

Nói tới đây, người lạ mặt gỡ cái gói của mình ra lấy con dao cắt một khoanh bánh mì trắng, một lát phó-mát Hà Lan rồi còn cẩn thận rắc lên đó tí muối hạt tiêu chừa ra cho Van-te và bảo:

- Ăn đi! Đừng khách sáo nữa!

- Tôi... - Van-te đang định từ chối nhưng người đó đã nói - Đẳng ấy có đi suốt ngày hôm nay cũng chẳng gặp một hàng quán nào đâu. Tớ vừa ở phía ấy về mà!

Van-te đỡ lấy miếng bánh, miệng cảm ơn rồi rít. Nhưng dù người lạ nói thế nào thì nói, Van-te cũng không ngồi lại ăn mà chỉ gói miếng bánh lại, đem đi.

Van-te bước rõ nhanh. Cái chính là rời khỏi đây đã. Sau đó kiếm lấy một chỗ vắng ở dọc đường để ngồi ăn, chắc cũng chẳng khó khăn gì.

Mặt trời lúc này đã lên cao. Chợt Van-te nghe thấy tiếng ì ầm như máy bay. Đoàn người dừng lại, tỏ vẻ lo lắng. Nhưng rồi chỉ một lát sau, họ đã nhận ra đó là một đoàn xe quân sự Liên Xô đang tiến về phía Đông.

Nhìn những người lính Nga to lớn, nét mặt nghiêm nghị, lúc đầu ai cũng sợ nhưng xem ra họ chẳng tỏ vẻ gì là độc ác cả. Thoạt tiên Van-te cùng với mọi người còn tránh không bước đi trên đường cái nhưng rồi sau chẳng thấy có chuyện gì họ lại đi rất ung dung.

Lúc này Van-te mới lấy bánh ra ăn. Bánh ăn kèm với phó mát Hà-lan quả là ngon thật! Chỉ phải cái thằng cha ấy cho hơi nhiều muối nên hơi mặn.

Khác với lời của người lạ mặt gặp sáng nay, ngay cạnh đường cái có một quán giải khát nhỏ. Van-te vội bước vào.

Hình như trước đây quán này cũng bán đủ cả rượu, cà phê, bia... nhưng giờ chỉ còn có rượu.

Van-te rất khát. Mới nghe thấy tiếng giải khát, hẳn lại càng có vẻ khát hơn. Van-te lấy trong túi ra một nắm tiền nói:

- Cho tôi một cốc rượu. Mấy mác thế này?

Lão chủ quán hững hờ rót rượu ra cốc rồi thờ ơ nhìn mấy đồng mác, bảo:

- Ông có thứ gì đáng tiền để đổi không, chứ mớ giấy lộn này mai kia chúng tôi biết dùng làm gì?

Van-te lúng túng nói:

- Tôi... Tôi chẳng có thứ gì đáng tiền để đổi cả.

Lão chủ quán vào không rời tay khỏi cốc rượu nói:

- Một chiếc khăn len chẳng hạn.

Van le lắc đầu. Chủ quán nhìn xuống chân hẳn, bảo:

- Xem ra đôi giày của ông còn có thể dùng được.

Van-te hốt hoảng nói:

- Nhưng rồi sau đó tôi sẽ đi bằng gì?

- Đó là chuyện của ông! Lão chủ quán nói - Muốn uống rượu mà lại không muốn mất thứ gì à?

Van-te chưa biết xoay xử thế nào thì thấy một người đàn bà trong đám người Đức hỗn độn lại gần lão chủ quán, cởi chiếc khăn trùm đầu mình ra, đặt lên bàn nói:

- Thôi, ông cứ rót rượu cho ông ta đi!

Mãi lúc này, người chủ quán mới khẽ đẩy cốc rượu lại gần Van-te và bảo:

- Nào, mời ông uống đi!

Van-te đỡ lấy cốc rượu nhưng không dám uống ngay, mặc dầu hẳn rất khát. Hẳn nhìn người đàn bà. Rõ ràng mình chưa hề gặp người này lần nào mà sao bà ta lại tốt với mình như vậy nhỉ?

Ngược lại người đàn bà cũng nhìn Van-te. Ngay cả lúc Van-te đưa cốc rượu lên uống, người đàn bà vẫn không rời mắt khỏi Van-te.

Chà! thứ rượu chua xoàng quá! Thế mà lão chủ quán bắt đổi một chiếc khăn. Thật tồi tệ.

Uống xong. Van-te đặt chiếc cốc xuống bàn và hỏi người đàn bà:

- Thưa bà, bà là ai mà sao lại có lòng tốt đối với tôi như vậy?

Như không để ý đến câu hỏi, người đàn bà vuốt lại mái tóc hỏi:

- Ông định đi đâu bây giờ và sống bằng gì?

Van-te-đáp:

- Cứ biết đi về phía Tây rồi ra sao thì ra.

Người đàn bà cười rồi gật gù bảo:

- Dọc đường ông sống bằng gì?

Van-te chìa hai bàn tay ra, nói:

- Tôi là thợ máy, đi đến đâu cũng chẳng sợ chết đói, miễn là còn hai bàn tay lành lặn.

- Ông là thợ máy à?

- Đúng!

Người đàn bà cười:

- Ông lại nói dối tôi rồi mặc dầu ông xếp tôi vào loại người chưa quen nhưng có lòng tốt.

Van-te cứ thanh minh;

- Không, thưa bà, đúng là thợ máy mà!

Phía xa xa bụi đang bốc lên mù mịt. Máy chiếc xe díp cắm cờ Anh lao bạt mạng.

- Ông là Van-te Hen-mút - Người đàn bà nhìn thẳng vào mặt Van-te và nói - Lúc này đi về phía Tây thời tiết chưa được tốt đâu, nếu chưa có một hướng đi rõ rệt.

Mặt Van-te tái xanh lại.

Hai chiếc xe díp đỗ ở cửa, mấy tên xà vào hàng rượu. Chúng thét gọi chủ quán lấy rượu ra uống.

- Van-te định đứng dậy đi thì người đàn bà đã ngăn lại: Chắc bà nhầm!

- Không đi được đâu, ông bạn!

Người đàn bà khê đưa mắt ra hiệu cho mấy tên lính Anh. Chúng xúm lại nói với Van-te gần như ra lệnh:

- Lên xe, đi!

Van-te đành ngoan ngoãn lên xe. Dọc đường hẳn thấy hối hận về việc dừng lại uống rượu ở đây và nhất là đêm qua đã trót ngủ trong ngôi nhà đổ bên đường.

Chiếc xe díp cắm cờ Anh lao đi rất nhanh. Hình như tên lái xe cũng không cần để ý xem trước mũi xe hoặc hai bên đường có chuyện gì xảy ra nữa. Chiếc xe đang đi, bỗng tên lính nom thấy một cô gái Đức xách một cái túi đựng bánh mì, hẳn vội gác chân ra ngoài thành xe lái ngoặt về phía cô gái rồi đưa hai ngón tay lên miệng gửi một cái hôn gió. Chẳng may vừa lúc đó một chú bé chạy qua, thế là chiếc bánh xe trước bên trái cán luôn phải chú bé. Mặc cho chú bé Đức nằm sóng soài ra cạnh đường thối máu loang lổ, tên lính vẫn thản nhiên phóng xe đi. Lòng Van-te thấy quặn đau. Nhà bác học không muốn nhìn vào xác chú bé nữa. Van-te khê nhắm mắt lại, mặc cho gió hai bên tai thổi ù ù.

Bỗng chiếc xe hãm kít lại, người Van-te nhao nhào về phía trước, trán đập vào thành ghế trước. Van-te ngược mắt lên thấy một tấm biển mới sơn “công ty len dạ Giéch Hai-đơn”. Có điều hơi lạ là trong số khách hàng giao

dịch với công ty này có khá nhiều sĩ quan Anh, Mỹ, Pháp. Điều làm Van-te lạ hơn nữa là thấy ở những buồng trong thỉnh thoảng lại có tiếng kêu rú lên như có người bị tra tấn.

Chốc chốc lại có một chiếc ô tô bật kín tối. Từ trên xe người ta đẩy xuống, hay nói cho đúng hơn, người ta quăng xuống những con người bị đánh đập đã thâm tím cả mình mẩy.

Một tên lính trên xe khẽ hất hàm chỉ về phía văn phòng mang biển số 12; Van-te bước theo. Ngay khi bước chân vào, Van-te đã cảm thấy đây đúng là một cơ quan tình báo Anh núp dưới danh nghĩa một công ty nào đó để dễ bề hoạt động.

Van-te bước vào phòng. Mình như người to béo mặt đỏ gay miệng ngậm điếu xì gà La-Ha-ba-na ngồi sau bàn đã được báo trước. Hắn nhìn Van-te trừng trừng, thỉnh thoảng hắt lại đưa mắt nhìn vào một vật gì, để sẵn trong chiếc ngăn kéo hé mở. Mặc cho Van-te lúng túng quay đi quay lại chưa biết đứng ngồi chỗ nào thì người to béo kia vẫn nhìn chăm chặp vào Van-te và đồng dục chào:

- Chào ông Van-te!

Van-te bình tĩnh đáp lại:

- Xin tôi, chắc ngài nhầm. Tôi là Hốp-dơ-xen làm nghề thợ máy!

Người to béo nọ khẽ mỉm cười, miệng vẫn không rời điếu xì-gà luôn ngọ nguậy trên môi:

- Nhầm làm sao được! Trong cái nghề của tôi, việc tối kỵ nhất là lầm lẫn khi nhận dạng người khác. Tôi quả quyết là tôi không nhầm, không bao giờ nhầm cả! Nếu như không dũng cảm dám nhận mình là mình thì chúng ta dù có nói chuyện với nhau mấy đi nữa cũng vô ích.

Người to béo nọ khẽ đẩy ngăn kéo vào nhưng Van-te đã kịp nom thấy có mấy tấm ảnh mình đặt trong đó.

- Ông hãy ngồi tạm xuống ghế đã! - Người Anh to béo chìa chiếc ghế trước mặt, nói - Tôi chỉ sợ ông sẽ hối hận về việc ông chưa chân thật trong

buổi gặp gỡ lần đầu này. Ông nên nhớ cho, số phận của ông hiện nay chẳng qua cũng chỉ là số phận chung của hàng triệu người Đức thất trận mà thôi! Ông thấy thế nào, ông Van-te?”.

Van-te vội xua xua tay nói:

- Dạ, thưa ngài tôi là Hốp-dơ-xen, làm nghề thợ máy ạ!

Người to béo nọ lấy một mảnh giấy và rút chiếc bút máy vừa chìa ra cho Van-te bảo:

- Ông hãy khai lên, tuổi, nghề nghiệp mình vào đây rồi ký tên vào.

Van-te cố viết rành rọt từng chữ: Hốp-dơ-xen, ba mươi bảy tuổi...

Chợt có tiếng chuông. Một tên lính bước vào. Người to béo khẽ hất hàm về phía Van-te:

- Cho về phòng giam.

Van-te theo bước chân người lính đi men theo một cái hành lang hẹp nhấp nháp bần, hai bên tường thấy dinh dính như mỡ hôi. Chợt tên lính dừng lại trước một căn phòng tối om. Có tiếng ổ khóa lên lách cách rồi tiếng cọt két mở cửa. Tên lính khẽ ẩng lưng Van-te vào. Phút đầu, Van-te không nom thấy gì. Mãi sau sờ soạng rồi định thần lại nhìn kỹ, Van-te mới nhận ra một cái ổ rơm, cạnh đó là một chiếc bàn nhỏ có một chai nước và một cái cốc vỡ.

Van-te ngồi bệt xuống ổ rơm; chờ cho tới khi tiếng bước chân của tên lính xa dần, hẳn mới định thần cố nhớ lại. Chẳng lẽ cơ quan tình báo Anh đã nhận thóp ra được Van-te. Rất vô lý! Van-te đã hủy bỏ toàn bộ giấy tờ về mình và những phát minh của mình. Van-te đã nhuộm tóc, nhờ một bác sĩ chuyên khoa nắn lại mũi, dùng hóa chất bôi lên mặt để hóa trang và ngay cả hai bàn tay nữa, giờ đã bắt đầu có chai...

Chợt có tiếng lách cách mở khóa. Van-te ngồi lại cho ngay ngắn. Hóa ra có tiếng chân người bước vào buồng bên cạnh. Sau đó có tiếng kéo ghế, tiếng gót giày nện trên sàn nhà giam và tiếng hỏi dồn dập:

- Mà có khai không?

- Mà có nhận không?

Cứ sau mỗi câu hỏi, kèm theo lại có tiếng roi quật đen đét, tiếng người rên, mới đầu còn rên khẽ, sau rồi rít lên từng hồi.

Chỉ nghe thấy tiếng roi da, Van-te đã cảm thấy nổi gai ốc khắp người rồi!

Sau một trận mưa roi da vụt liên tiếp đến nỗi người bị đòn không kịp kêu lên nữa, có tiếng một người quát giọng ồm ồm:

- Tính mạng bọn Đức chúng mày, mày có biết rằng hiện nay chúng tao nắm cả vận mệnh nước Đức chúng mày trong tay không?

Nghe tới đây, tự nhiên Van-te liên hệ tới mình. Nếu chúng cũng đánh hăn như vậy và cũng xỉ vả những câu như vậy thì sao? Mà quả là tính mệnh người Đức lúc này nằm trong tay đồng minh thật. Bất giác Van-te thở dài. Đêm hôm đó, Van-te gần như thức trắng.

*

Vì quá quen thuộc với “công ty len dạ Giéch Hai - đơn” này nên hai bố con Mặc và Giôn Hin-đốc-len đi thẳng ô tô vào trong, bước vào luôn phòng 12 mà không phải trình một thứ giấy tờ gì cả.

Đại tá Mặc Hin-đốc-len mới được thăng cấp được hai tuần nay, giờ một ngón tay thân mật chào người to béo:

- Chào Rô-bóc! Thế nào, mọi việc đều tốt lành cả chứ?

Rô-bóc cười, rung rung cả vai:

- Thừa đại tá, trước sau rồi sẽ đi đến tốt lành thôi!

Viên đại tá Anh hơi nhú lông mày lại:

- Như vậy có nghĩa là hiện giờ chưa tốt lành chứ gì?

- Hăn vẫn chưa nhận hăn là Van-te! - Rô-bóc nói - Còn chúng tôi. Chúng tôi nhận được ra hăn đích xác trăm phần trăm.

Rô-bóc lấy một tập hồ sơ ra trong đó ảnh Van-te chụp từ năm còn là sinh viên rồi ảnh Van-te đang làm việc trong phòng thí nghiệm. Rô-bóc chỉ vào vành tai trong bên trái của Van-te trong ảnh và nói:

- Dấu vết không trộn lẫn Van-te với người khác là ở chỗ này và vết lằn tay. Tôi đảm bảo với đại tá, vết tay của người này thường không mấy khi lẫn với vết tay người khác, từ lúc sinh ra đến khi chết, dù da tay có bị bong, ngón tay có bị bỏng rộp lên thì vết tay vẫn không thay đổi gì cả. Hơn nửa cơ quan tình báo của ta vừa tóm được tại bàn giấy một trung tâm nghiên cứu quân sự và dân sự ở gần Noóc-han-den, một số sơ đồ bản mẫu tàu ngầm “sơ-noóc-ken” kèm theo một lô phát minh khác của tên bác học Đức này.

Mắc Hin-đốc-len khẽ hỏi:

- Thế ngài Rô-bóc định xử lý thế nào trong trường hợp này?

Rô-bóc cười:

- Cũng như trăm nghìn trường hợp khác mà chúng tôi đã tiến hành thành công đấy thôi!

Giôn Hin-đốc-len vội hỏi giọng lộ đầy vẻ lo lắng:

- Nghĩa là ngài cũng tra tấn ông ta như những người khác:

- Đó chẳng qua là tại hãn ta thôi! - Rô-bóc khẽ nhún vai - Biết làm thế nào được!

Giôn gằn như kêu lên:

- Nước Anh chúng ta đang cần đến bộ óc của Van-te mà ngài cho làm như vậy thì... không khéo hỏng hết mất.

Mắc Hin-đốc-len gật gù:

- Phải dùng một biện pháp khác mềm dẻo hơn vì nếu có đánh lão ta, cuối cùng lão ta vẫn có thể nhận mình đúng là nhà bác học Van-te nhưng nếu lão không chịu đưa phát minh của lão ra thì ta cũng đến chịu, mà nước Anh lúc này lại rất cần đến phát minh của lão.

- Điều này giá ngài đại tá cho chúng tôi biết sớm thì hơn! - Rô-bốt đứng dậy nói - có lẽ sau đây chúng tôi sẽ trao Van-te cho tòa án quân sự để các ngài tùy cơ xử lý. Giờ chúng ta hãy đến thăm lão một tí.

Khi ba người tới phòng giam Van-te thì đã thấy Van-te nằm sóng soài dưới sàn xi măng, trán bị rách, mép bên phải đang rỉ ra một dòng máu đỏ. Cạnh đó là một tên to lớn mồ hôi mồ kê nhễ nhại đang thở phì phò có lẽ vì hãn đã quá dốc sức trong việc tra tấn vừa rồi.

Mắc Hin-đốc-len hơi choáng người đi. Một ý nghĩ lướt qua rất nhanh trong đầu viên đại tá Anh: “Không khéo hỏng hết mất”.

Tên to lớn thấy Rô-bốt tới thì vội vàng đứng dậy. Hãn lấy tay lau mồ hôi trán rồi sờ sờ vào đầu một cái roi da như sửa soạn cho một trận tra tấn mới.

- Tôi đã dặn anh thế nào, “điều hâu”? Phải nhẹ tay một chút chứ! - Rô-bốt càu nhàu - Nếu lão làm sao anh đừng trách!

Tên “điều hâu” vội xách một xô nước đổ ào vào đầu, vào mặt Van-te. Van-te hơi hé mắt nhìn rồi lại nhắm nghiền lại thiếp đi.

Mắc Hin-đốc-len khinh bỉ nói với tên “điều hâu”:

- Anh nên nhớ là cái đầu của lão ta còn có ích hơn cái đầu của anh ít ra là mười lần.

Tên “điều hâu” không nói không rằng lại lấy luôn một xô nước nữa đổ ào lên khắp người Van-te...

...Van-te tỉnh dậy đã thấy mình nằm trên một chiếc giường đệm trắng tinh thoang thoảng mùi nước hoa. Hãn không tin là chuyện có thật. Cứ ngỡ nằm mê, Van-te sờ tay xuống đệm xem liệu có phải là cái ổ rơm trong nhà giam không thì thật quả đúng là một tấm đệm mát. Van-te khê đưa mắt nhìn ra xung quanh: căn phòng nhỏ nhắn này không phải là phòng giam, cũng không phải phòng bệnh mà có lẽ là một phòng ngủ nhỏ nhắn trong một ngôi biệt thự nào đó nên thỉnh thoảng có tiếng đàn dương cầm vọng sang.

Bên ngoài là một vườn hoa xinh xắn. Cạnh giường Van-te nằm có một chiếc bàn nhỏ phủ khăn trắng, trên có một bình hoa nhỏ tím tím.

Kể từ ngày Van-te sống cuộc đời lang thang, đóng vai một người thợ máy trong chuyến đi về phía Tây, hôm nay là lần đầu tiên Van-te được nằm trong một căn phòng đầy đủ tiện nghi như thế này.

Vừa lúc đó có tiếng bước chân nhẹ đi vào. Van-te vội nhắm mắt hờ hờ đủ để nhìn thấy bóng một cô gái Anh mặc áo blu trắng lại gần giường Van-te và khẽ đặt tay lên đầu hắn, Van-te mở mắt ra.

- Ông đã thấy dễ chịu hơn chưa? - Nghe người con gái Anh hỏi với một giọng Đức lơ lơ, Van-te gật đầu.

Mãi lúc này Van-te mới biết mình phải băng ở trán, mình mấy vẫn còn đau ê ẩm. Đối với Van-te, hắn không còn mơ ước gì hơn là được nằm mãi trên cái giường trong căn buồng này, còn hơn là đi lang thang nay đây mai đó.

Cô gái Anh - Van-te đoán chừng là một cô y tá - khẽ kéo tấm chăn lên ngực Van-te rồi quay ra. Chỉ một lát sau, cô ta đã quay lại trên tay có cái khay đặt một cốc sữa, một chiếc bánh mì trắng và một hộp, sô-cô-la có đa sinh tố dành riêng cho sĩ quan trong quân đội Anh.

Sau khi ăn điểm tâm xong, Van-te lại nằm xuống. Mới được một lát, có tiếng ô tô đi vào sân: một chiếc ca-đi-ắc khá mới.

Một viên đại tá hải quân Anh hối hả đi vào, theo sau là một người khác mà Van-te cảm thấy hình như mình đã gặp anh ta ở đâu một lần rồi.

- Chào anh thợ máy Hốp-dơ-xen! - Viên đại tá khẽ cúi đầu chào rất lịch sự nhưng lão ta có đôi mắt xanh đặc biệt, hình như hể nhìn thẳng vào mắt người khác là có thể đọc suốt được cả những ý nghĩ trong đầu người ta vậy.

Van-te định nhồm dậy đáp lễ nhưng Mắc Hin-đốc-len đã giơ tay ngăn hắn lại và bảo:

- Xin lỗi chúng ta làm quen với nhau hơi muộn nên mới có sự hiểu lầm và xảy ra chuyện đáng tiếc như thế này! Nhưng phương ngôn đã có câu “chậm còn hơn không”.

Không thấy Van-te nói gì. Mặc Hin-đốc-len lại nói tiếp:

- Kể ra nói làm quen cũng không đúng hẳn vì cho tới nay, ông vẫn chưa giới thiệu ông là ai. Tôi là đại tá hải quân Anh Mác Hin-đốc-len. Còn đây là công trình sư Giôn Hin-đốc-len một người bạn đồng nghiệp của ông.

- Van-te vẫn ngồi yên.

- Nước Đức không còn nữa: điều này ai cũng biết! - Mặc chậm rãi nói - ông chỉ có hai con đường: một là chạy sang phía Đông Béc-lanh, hai là chạy về phía Tây. Không có con đường thứ ba hay nói một cách khác, con đường thứ ba chính là chặng đường ông vừa sống chuỗi ngày qua. Ông là một nhà tri thức, những ngày qua đã đủ để ông sáng suốt chọn lấy một con đường. Đây là biệt thự riêng của tôi, ông có thể toàn quyền sử dụng; chúng tôi đang dùng mọi biện pháp để có thể tìm ra được gia đình ông rồi đưa về đây, nếu ông sẵn sàng phục vụ nước Anh.

- Dù sao ông cũng nên suy nghĩ kỹ, ông Van-te ạ! - Giôn nói - Người ta khó có thể ép buộc những suy nghĩ trong đầu óc một người khác. Trong tình hình bê bối hiện nay làm sao ông có thể tìm đâu ra được một phòng thí nghiệm đầy đủ tiện nghi như Viện nghiên cứu khoa học hải quân Anh.

Trong khi Giôn nói thì Mặc lấy trong xác-cốt da ra một tập ảnh màu rất đẹp về nước Anh từ công viên Hai-đơ-pác tới trường đại học Kem-brít-giơ và Ốc-pho, tòa thị chính, chiếc cầu bắc qua dòng sông Thê-m-giơ.

- Có lẽ ông cũng cần nghỉ! - Mặc đứng dậy làm như vô tình để quên tập ảnh trên chiếc bàn con - chúng tôi xin phép ra về.

Giôn lấy trong túi ra một tấm danh thiếp nhỏ nói với Van-te:

- Đây là số điện thoại riêng của tôi, bất cứ lúc nào cảm thấy cần, ông cứ gọi ngay cho.

Hai người đi khỏi, Van-te nằm suy nghĩ. Lúc này hẳn càng thấy rõ lý do bọn Anh cho sẵn lòng mình từ bấy lâu nay. Những câu nói của hai người Anh vừa rồi không khỏi làm cho Van-te nghĩ ngợi mung lung. Trước hết nước “Đại Đức” không còn nữa! Những người như Van-te lúc này rõ ràng chỉ có thể đứng trước hai con đường. Tự nhiên Van-te thấy rất nhớ vợ con. Không biết giờ Li-na và các con ở đâu? Sống như thế nào? Nghề nghiệp trong tay không có! Liệu có biết đường tìm về Hăm-bua không? Nếu như bọn Anh đưa được gia đình mình về đây thì... liệu có thể kết luận là tạm ổn được không? Lúc đó ta có nên thay một cái tên khác. Có lẽ không cần vì chính bọn Anh lại có trách nhiệm bảo vệ mình.

Van-te với tay cầm lấy tập ảnh. Hắn xem bức ảnh chụp một cỗ xe ngựa cổ kính đang chạy trên đường phố ở khu U-ét-en, vừa lật sang trang kia thì thấy có một tờ giấy gấp tư. Van-te giở ra xem thì thấy đó là “giấy truy tố Van-te có dính líu tới vụ phá hoại tàu ngầm ngày mồng 8 tháng 5 năm 1945. Trong lệnh truy tố của tòa án quân sự đồng minh, Van-te thấy có nhắc tới ngày phát xít Đức ký giấy đầu hàng là mồng 7 tháng 5 năm 1945 và cố tình nhấn mạnh vào tính chất nghiêm trọng của vụ phá hoại vũ khí sau ngày Đức ký đầu hàng.

“Nếu như loại tàu ngầm này hoạt động rồi, rất có thể bọn đồng minh sẽ bắt mình và ghép mình vào bọn tội phạm chiến tranh cũng nên!”.

Trưa hôm đó, cô gái Anh dọn lên chiếc bàn ăn phòng bên cả một bữa ăn thịnh soạn, nhưng Van-te ăn vẫn không thấy ngon miệng mặc dầu hẳn hiểu rằng lúc này không phải ai cũng dễ dàng có được một hộp thịt, bơ và phó mát.

Chỉ nhìn những dòng người Đức tấp nập đi lại trên đường phố, tay xách nách mang cũng đủ thấy sốt ruột rồi, Van-te đang lững thững đi đi lại lại trong vườn, sau khi được cô y tá cởi bỏ tấm băng trên trán ra. Chợt có tiếng bánh ô tô lăn lạo xạo trong vườn rải sỏi. Giôn từ trên xe mở cửa bước xuống:

- Thế nào, ông đã khỏe ra chưa, ông Van-te?

Van-te mỉm cười đáp:

- Cảm ơn ông, tôi thấy trong mình có dễ chịu hơn.

- Sáng nay tôi đến để báo tin cho ông biết về một người bạn của ông! - Giôn cùng với Van-te lững thững bước vào nhà. Giôn lấy trong ví ra một tấm ảnh chụp một người đội mũ phớt tay quần băng treo lên cổ, cạnh đó còn hai người khác nữa, có lẽ là người Mỹ.

- Phôn Brao, hẳn ông có quen chứ? - Giôn vừa hỏi vừa nhìn thẳng vào mặt Van-te.

Van-te dè dặt đáp:

- Tôi có biết nhưng không quen vì chúng tôi ở hai lĩnh vực khác nhau, nơi làm việc cũng khác nhau.

- Hẳn ông còn nhớ những trận bom bay tàn phá Luân Đôn khủng khiếp làm hàng ngàn người chết trong một đêm chứ? Đây là ông vua bom bay V1, V2.

Giôn lấy thuốc ra mời Van-te và nói tiếp:

- Đáng nhẽ là tội phạm chiến tranh bị truy tố trước tòa án Nuy-răm-be thì giờ đây Phôn Brao lại là thượng khách của nước Mỹ, sống sung sướng như một ông hoàng. Người Mỹ xảo quyệt họ đã sớm nhìn thấy ở Phôn Brao khả năng sẽ chế tạo ra được những tên lửa khổng lồ có thể đưa hẳn một con tàu vũ trụ lên vũ trụ sau này. Người Anh chúng tôi cũng vậy. Chúng tôi rất tin ở ông có thể tạo nên một bước ngoặt lớn trong việc chế tạo tàu ngầm.

Van-te đánh diêm châm thuốc hút

- Sao ông ít nói như vậy? - Giôn nói - Tôi cứ tưởng mấy ngày sống ở đây cùng đủ làm ông suy nghĩ. Giờ tôi đi vào vấn đề ngay nhé! Cơ quan tình báo nước Anh chúng tôi biết tin ông chính là nhà bác học Đức Van-te đã chế tạo ra được một loại động cơ hợp nhất khá hoàn thiện dùng trong tàu ngầm. Đó là máy tua-bin hơi khí chạy bằng pe-ô-xýt hy-đrô. Loại này có công suất tới 5.000 mã lực. Trong vụ phá hoại vừa qua, rất tiếc là bọn phá hoại các ông làm việc chưa được chu đáo lắm nên không may đã để lọt vào

tay chúng tôi một máy tua-bin hơi khí chạy bằng pe-ô-xýt hy-đrô gần như nguyên vẹn.

Nhìn nước da trên mặt Van-te đang tái dần, Giôn càng nói rành rọt hơn:

- Có thể nói là chúng tôi có toàn bộ tài liệu trong tay về loại tua-bin này!

Rồi Giôn lấy luôn một cuộn giấy mở ra chỉ lướt qua rõ nhanh từng phần trên sơ đồ thiết bị tua-bin hơi khí chạy bằng pe-ô-xýt hy-đrô:

- Đây là bao chất dẻo chứa pe-ô-xýt hy-đrô. Còn đây là két nhiên liệu, chỗ này là máy bơm. Đây là buồng phân hóa có chất xúc tác, phía dưới là buồng đốt.. Tua-bin ở phía này, cạnh đây là bộ giảm tốc.

Giờ lại đến lượt Van-te nhìn chăm chăm vào nét mặt Giôn “Chẳng lẽ bọn tình báo công nghiệp Anh lại nắm tường tận được thế cơ à? Hay là vụ phá hoại có sơ hở thật? Chẳng lẽ bản sơ đồ thiết bị tua-bin của mình trước đây đã bị ăn cắp”?

Giôn vẫn tiếp tục nói:

- Buồng ngưng hơi hỗn hợp nằm ở phía dưới này, bên phải là máy nén khí...

“Có thể nói là bọn tình báo Anh nắm khá tường tận. Nếu như mình không nói ra, thì rồi trước sau, bọn chúng cũng nắm được mà số phận mình, không hiểu liệu có còn được như thế này không?”

Sau khi cuộn lại rất nhanh bản sơ đồ thiết bị đó, Giôn mới khẽ bảo:

- Có lẽ không gì tốt bằng được chính nhà phát minh đứng ra trông nom việc chế tạo loại tàu ngầm với động cơ mới này. Đó chính là mong muốn của người Anh chúng tôi.

Vẫn thấy Van-te ngồi yên, Giôn lại càng ra sức trình bày về tính ưu việt của loại động cơ hợp nhất này. Về nguyên lý, Van-te nghe Giôn nói tuy không có gì là sai sót nhưng có lẽ điều làm cho Van-te suy nghĩ là tại sao

cái anh chàng công trình sư Anh này lại nói quá nhiều về một phát minh ngay trước mặt nhà phát minh đó? Phải chàng vì bọn Anh cho đến giờ vẫn chưa thật nắm vững được vấn đề nhưng dù sao thì... bống ngoài cửa Mặc xuất hiện, mặt mũi hớn hở như một người vừa bắt được vàng.

- Xin có lời mừng nhà bác học Van-te! - Mặc lấy trong túi ra một tấm ảnh chụp Li-na đang đẩy một cái xe nô trong chất đồ đạc quần áo, theo sau là mấy đứa con quần áo rách rưới đang nhếch nhác đi giữa đoàn người Đức trở về quê quán ở Hăm-bua.

Tim Van-te đập khá mạnh, khi hắn cầm lấy tấm ảnh xem kỹ:

- Hiện giờ.. hiện giờ... vợ và các con...

Không chờ Van-te nói hết câu, Mặc tươi cười nói luôn:

- Hiện giờ gia đình ông đã được trợ cấp chu đáo và chỉ trong phạm vi bốn mươi tám tiếng đồng hồ, gia đình ông sẽ đoàn tụ đông đủ ở đây, nếu ông muốn phục vụ nước Anh?

Van-te lơ đãng đưa mắt nhìn ra ngoài rồi đáp giọng hơi run run vì xúc động:

- Tôi chính là người các ông muốn tìm: nhà bác học Đức Van-te Hen-mút.

Hai bố con Mác Hin-đốc-len đứng dậy lần lượt bắt tay Van-te rõ chặt.

Tối hôm đó trong biệt thự riêng của bố con Mác Hin-đốc-len, ba người đã ngồi dự tiệc và thức gần thâu đêm tới sáng.

Về đời sống vật chất, Van-te và gia đình hầu không có gì phải phàn nàn cả. Nhưng hình như càng được sống sung túc, Van-te càng cảm thấy bộ óc mình đã bán đứt cho người Anh hay ít ra trước mắt cũng là bán đứt bản thiết kế tua-bin hơi khí chạy bằng pe-ô-xýt hy-đrô.

Sáng hôm nay, lần đầu tiên Van-te đụng tới danh thiếp của Giôn để gọi điện mời viên công trình sư Anh tới.

Giôn vừa tới nơi, Van-te đã giở một tấm bản đồ bờ biển ra chỉ vào một chỗ có đánh dấu bằng một vết chì nhỏ nếu không tinh ý ắt không nhận ra được:

- Nhờ ông báo cho đại tá Mặc biết tại nơi này có một chiếc tàu ngầm loại mới của chúng tôi bị đánh đắm mới hỏng một vài khoang, chỉ việc sửa chữa lại chút ít là có thể dùng ngay được! Tôi đảm bảo máy tua-bin hơi khí còn nguyên vẹn.

Van-te định vạch trần chuyện Giôn cho biết trước đây có lấy được một máy tua-bin hơi khí gần như nguyên vẹn trong vụ phá hoại một số tàu ngầm mới là vô lý nhưng rồi Van-te lại thôi. Cũng như bản thiết kế do Giôn trình bày vội vã hôm nọ chẳng qua là một số tin tức chấp vá chứ bản thân Giôn cũng chưa hề được nom thấy tận mắt một máy tua-bin hơi khí hoàn toàn nguyên vẹn...

Dưới sự chỉ huy của một đại úy đội trưởng đội vớt tàu, bạn thân của Giôn, việc trục chiếc tàu ngầm đắm được tiến hành rất khẩn trương. Và quả đúng như nhận định của Van-te chiếc tàu chỉ bị hư hỏng nhẹ. Khoang thứ nhất bị thủng, máy phóng ngư lôi bị hỏng, khoang thứ tư bị hỏng chút ít phía trên: chỗ phòng ở của sĩ quan và thủy thủ, phía dưới là buồng ắc-quy vẫn còn nguyên. Còn tất cả năm khoang khác hầu như không bị hư hại gì nhất là khoang thứ ba, nơi tập trung hầu hết các khí tài, máy móc điều khiển và chỉ huy chiến đấu, đài trung ương để chỉ huy tàu, buồng riêng của hiệu trưởng viên vô tuyến, trắc thủ ra-đa và ra-đa thám thủy gần như còn nguyên vẹn.

Không đầy một tuần lễ sau, chiếc tàu ngầm này lại bắt đầu hoạt động được như thường. Hôm đầu bước lên tàu, khoác bộ quần áo làm việc của công trình sư, Van-te không tránh khỏi xúc động. Hắn đã dẫn Giôn tới bên máy tua-bin và chỉ vào từng bộ phận một, nói:

- Giữa hai lớp vỏ tàu ngầm có đặt những bao bằng chất dẻo dùng làm kho chứa pe-ô-xýt hy-đrô. Nhờ sức ép của nước mà pe-ô-xýt hy-đrô vào được bơm. Ngoài ra dẫn vào bơm còn có các chất đốt lỏng và nước...

- Theo lệnh của bố tôi, chiếc tàu ngầm này sẽ cho chạy thử trong một thời gian.

- Không sao cả!

- Mặc dầu Van-te đáp như vậy và cho tàu chạy thử nhưng buổi tối về nhà, trong đầu óc Van-te thấy nảy ra khá nhiều vấn đề. Trước hết có thể là Mắc còn có chút nghi ngờ Van-te; sau nữa rất có thể Mắc có những yêu cầu cao hơn đối với loại tàu ngầm này.

Riêng về điểm này thì Van-te biết rất rõ: so với những loại động cơ khác đã dùng cho tàu ngầm thì loại máy tua-bin hơi khí chạy bằng pe-ô-xýt hy-đrô này đã đánh dấu một bước tiến nhưng rõ ràng nó còn lộ rõ khá nhiều nhược điểm.

Trước hết thiết bị năng lượng của nó khá phức tạp và giá thành lại cao vì ngoài tua-bin hơi khí ra, tàu vẫn phải đặt một máy đi-ê-den điện thông thường. Sau nữa, loại tàu này cự ly hoạt động không được dài do pe-ô-xýt hy-đrô dự trữ chỉ đủ cho tàu chạy được sáu giờ, dù tốc độ tàu có cao. Như vậy rõ ràng vấn đề cơ bản của động cơ hợp nhất ở đây vẫn chưa giải quyết được.

Trước đây đã có lúc Van-te mơ ước chế tạo ra được một loại tàu ngầm mới chạy rất nhanh, lặn được sâu, hoạt động được xa, có được một loại động cơ duy nhất dùng cho tàu cả lúc nổi lẫn lúc lặn. Dĩ nhiên lúc đó tàu phải có một loại vỏ bền chắc thật đặc biệt mới có thể chịu được sức ép của nước mỗi khi lặn sâu xuống nước. Tàu muốn đi xa, lại không phải nổi lên mặt nước ắt phải có máy móc để cung cấp đủ dưỡng khí nước ngọt cho thủy thủ và sĩ quan trên tàu. Muốn có tốc độ nhanh ngay hình dáng vỏ tàu cũng phải cải tiến thích hợp để có sức cản càng nhỏ càng tốt. Có lẽ loại động cơ mạnh lúc đó phải là động cơ nguyên tử mới đủ gọn nhẹ, dùng ít chất đốt, lâu mòn và có công suất mạnh...

Muốn vậy phải chờ đợi ít ra là sáu, bảy chục năm nữa...

Van-te thật không ngờ trong việc đóng loại tàu ngầm mới này, chính Van-te lại là người nóng ruột nhất. Có lẽ vì thời gian cho chiếc tàu ngầm

mới trục lên chạy thử khá dài.

Nhưng rồi quả đúng như Van-te nhận xét, cứ sau mỗi lần chạy thử, hai bố con Mắc Hin-đốc-len đều vẫn có thể chê trách chỗ này một tí, chỗ kia một tẹo. Thì ra bọn Anh vẫn muốn rút được nhiều kinh nghiệm ở loại tàu ngầm mới này của Đức.

Một hôm, Mắc Hin-đốc-len cho mời cả Van-te lẫn Giôn lại và chìa ra một tờ giấy có dấu của bộ hải quân Anh:

- Lệnh của bộ hải quân giao cho hai ông đóng một chiếc tàu ngầm loại mới cho nước Anh. Tên của nó có thể là: Éc-sơ-plô-ra, dĩ nhiên vẫn dùng loại tua-bin hơi khí chạy bằng pe-ô-xýt hy-đrô nhưng điều quan trọng là phải cải tiến sao đây để tàu có thể chạy nhanh mỗi giờ được 25 hải lý và máy còn có buồng đốt để chạy với chất lỏng.

Van-te suy nghĩ trong óc: “Như vậy công suất máy đi-ê-den phải đạt ít ra là 6.000 mã lực”.

Giôn Hin-đốc-len chợt nhớ ngay tới chiếc tàu ngầm En-đri-a của Anh dùng sơ-noóc-ken trước đây đã lặn được 2.500 hải lý dưới Đại Tây Dương mà cũng chỉ đạt tốc độ có bấy, tám hải lý một giờ.

- Kể từ giờ phút này, ông Van-te được chính thức bổ nhiệm làm tổng công trình sư với người giúp việc trực tiếp là công trình sư Giôn Hin-đốc-len.

Việc thiết kế và đóng chiếc tàu ngầm Éc-sơ-plô-ra này, dĩ nhiên phải tiến hành bí mật tại một địa điểm gọi tắt là “Công trường E”. Ngay chiều nay, ông Van-te có thể thu xếp lên đường được.

Sau đó, qua câu chuyện trao đổi với Mắc Hin-đốc-len, Van-te biết rõ tại “Công trường E”, Van-te sẽ được sống đầy đủ như một ông hoàng. Gia đình Van-te cũng sẽ được đưa tới đó.

Tại “Công trường E”, sau chiếc Éc-sơ-plô-ra lại tới chiếc Éc-sơ-ca-li-be ra đời dưới sự trông nom trực tiếp của tổng công trình sư Van-te. Van-te nhìn chiếc tàu ngầm loại mới đang nổi dần lên mặt nước, rẽ sóng lao vút đi

rồi bỗng chốc chỉ mấy giây sau tàu lặn xuống, không để lại một dấu vết gì trên mặt biển cả. Van-te không khỏi bồi hồi sung sướng nghĩ đến công trình mới nhất của mình.

Sau đây, Van-te sẽ về dự tiệc với cha con Mắc Hin-đốc-len để ăn mừng sự ra đời của Éc-sơ-ca-li-be. Buổi sáng nhân lúc vui chuyện với Mắc Hin-đốc-len, Van-te có nói tới chuyện rất nhớ quê hương của hẳn ở vùng Rua. Mắc Hin-đốc-len không nói gì.

Tối nay, lúc bữa tiệc sắp tàn, Mắc Hin-đốc-len có thân mật vỗ vai Van-te và nói:

- Sau đây, ông sẽ được về thăm quê hương của ông.

Van-te hỏi lại:

- Ngay sau đây, thật chứ, ngài đại tá?

- Đúng thế! - Mắc Hin-đốc-len nói - không những ông mà cả gia đình ông nữa!

Bữa tiệc vừa chấm dứt, Van-te và vợ con được mời sang phòng bên uống cà phê. Bỗng điện trong phòng tắt ngấm. Trên bức tường trắng dùng thay màn ảnh, hình ảnh vùng Rua đang dần dần hiện lên. Bắt đầu từ con sông Rua, rồi cả một chuỗi thành phố than. Rồi Đoóc-mun thành phố kéo dài đến tận sông Ranh: Bô-sum, Bu-e, Ét-xen, Mui-len... Tòa Nhà lồng kính của công ty Dê-mác sừng sừng hiện lên giữa đám bụi than bay mù mịt ở Đui-dơ-bua.

Ổng kính từ trên máy bay chiếu xuống con kênh Đoóc-num-en-cơ... Hàng trăm chiếc tàu chở đầy than, sắt, than cốc, thép, máy móc, phân hóa học, hóa chất, quặng sắt, gỗ, xi măng...

Bất giác Van-te thở dài và cúi đầu xuống, tay vẫn đỡ lấy trán.

Sáng nay, Van-te cùng với đứa con lớn, đi câu. Thức ăn đã được chuẩn bị sẵn khá đầy đủ: nào bở, nào gan, nào patê, gà quay, sữa tươi, dưa chuột... Chiếc mô tô đồ xịch trên bờ biển. Trời nổi sóng, cá câu không được mấy. Lúc hai bố con trái miếng vải lên một phiến đá để ăn trưa thì có một người

thất nghiệp lại gần, chìa tay ra xin ăn. Ăn xong, người đó lại nhìn trừng trừng vào bộ quần áo đắt tiền của hai bố con nhà bác học và nói:

- Ông thật là người sung sướng!

- Sung sướng à? - Van-te chua chát hỏi lại.

“Bộ óc trong đầu này đâu có còn là của tôi nữa. Dù tôi có ăn uống sung sướng đấy nhưng tôi lại mất thứ quý giá nhất đời tôi: “Chất xám đã bị mua bán và cướp đoạt.” Van-te định nói với người kia, sau nghĩ thế nào lại thôi. Có tiếng nổ máy mô tô. Chỉ một lát sau, bãi biển lại vắng ngắt, không một bóng người./..

- [1] Cực đông (East-End).
- [2] Mô-líp-đen
- [3] Sương mù sánh đặc như súp nấu đậu
- [4] Chất này ở trong mỏ than đá gặp lửa sẽ gây ra nổ
- [5] Nay là Lê-nin-grát

Table of Contents

LỜI GIỚI THIỆU

NGƯỜI CHẾ TẠO ĐỒ SÚ

NHỮNG CHUYẾN RA ĐI CỦA PHÔ-LÊ

CON ĐƯỜNG “GIA VỊ”

MỘT BẢN THIẾT KẾ

VÙNG TRỜI MA

THỨ “ĐÁ KHÔNG QUẶNG”

BÍ MẬT TÀU NGẦM ÉC-SƠ-PLÔ-RA